

làng văn

83
7.1991



Thư-mục 1991
G VẤN PHÁT-HÀNH
 kèm Thư-mục Làng Văn 1991)



ẢO-THUẬT

Biên-khảo, Vũ Thành
 9MK—12GK

ẢO-THUẬT KHÓ MÀ DỄ

Biên-khảo, Bình Sơn
 8MK—11GK

BĂNG NHI

Truyện dài, Quỳnh Dao, Ngô Quân dịch
 10MK—13GK

BẦY CON TRAI

Truyện dài, Chàng Nguyễn
 5MK—7GK

**BẤT CHIẾN TỰ NHIÊN
 THÀNH**

Hồi-ký, Nixon, Phạm Ích Tổng dịch
 17MK—22GK

**CÁC THỂ VÕ DÀNH CHO
 PHÁI NỮ**

Kiến-thức phổ-thông, Lạc Hà & Phan Chấn Thanh
 6MK—8.50GK

**CẨM-NANG CHO NGƯỜI SỬ-
 DỤNG XE HƠI**

Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn Việt
 10MK—13GK

CẨM-NANG TRỊ-LIỆU

Kiến-thức phổ-thông, V.N. Hoàng
 8MK—11GK

**CÁNH CHIM TRONG GIÔNG
 BÃO**

Truyện dài, Liêu Quốc Nhĩ
 6.50MK—9GK

CHỌN BẠN TRĂM NĂM

Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn Tử Quang
 6MK—8.50GK

**CHÚA CHỐM BA MƯƠI SÁU
 TÁN VÀNG**

Truyện dài dã-sử, Hoài Khanh
 7MK—10GK

CHUYỆN QUÊ NAM

Truyện ngắn, Hồ Trường An
 10MK—12GK

CÔI ĐÊM

Truyện dài, Nguyễn Ngọc Ngạn
 18MK—20GK (giá tái-bản)

CÔI KÝ-ỨC TRẮNG XANH

Tạp-bút, Hồ Trường An
 10MK—12GK

**CON RẮN LỬA HUYỀN-DIỆU
 TRONG NỀN TRIẾT-HỌC
 ĐÔNG-PHƯƠNG**

Triết-học, Thịnh Quang
 14MK—18.50GK

CƠN MƯA ĐẦU MÙA

Truyện ngắn, Diệu Tần
 10MK—12GK

**DU-HÀNH TRONG LÒNG
 ĐỊA-CẦU**

Truyện dài giả-tưởng, Jules Verne, Lê Quang Nghĩa dịch
 6.50MK—9GK

ĐẠI VIỆT SỬ-KÝ TOÀN-THU

Kiến-thức phổ-thông, Ngô Sĩ Liên, Nhượng Tống dịch
 14MK—18.50GK

EM HÁT EM VUI

Tập nhạc thiếu-nhi, Nguyễn Hữu Nghĩa & Phan Ni Tấn sáng-tác, sưu-tập
 6MK—8GK

GIÁ TỰ-DO

Truyện dài, Nguyễn Ang Ca
 15MK—19.50GK

**GIẢNG-LUẬN VỀ CA-DAO VÀ
 DÂN-CA**

Biên-khảo, Huy Phong & Nguyễn Thùy
 10MK—13GK

GIÔNG ĐỜI XUA VÀ NAY

Truyện ngắn, Tuyết Minh
 10MK—12GK

HẢI-ĐẢO THẦN-TIÊN

Truyện dài, Đặng Trần Huân dịch
 7MK—10GK

**HƯỚNG-DẪN TÂM-SINH-LÝ
 TUỔI TRƯỞNG-THÀNH**

Kiến-thức phổ-thông, Duy Nhiều và Phạm Đình
 7MK—10GK

**KỸ-THUẬT NHIẾP-ẢNH
 TỪNG ĐIỂM MỘT**

Kiến-thức phổ-thông, Michael Langford, Đặng Phương Kiệt dịch
 10MK—13GK

MÙA XUÂN CHIẾN-THẮNG

Truyện ngắn, Hoàng Minh Thụy
 7MK—10GK

**NGHỆ-THUẬT CẨM HOA
 NHẬT-BẢN**

Kiến-thức phổ-thông, Minh Hùng
 8MK—11GK

NGƯỜI YÊU NƯỚC MỸ

Tạp-bút, Khải Sơn
 12MK—15.50GK

NHỚ ƠN MẸ

Sách Công-giáo, Trương Văn Thục
 5MK—7GK

làng văn



P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont., M6M 5B9, Canada Second Class Mail Reg. No 8040
Tel. (416) 249-4195 Fax. (416) 240-0342 ISSN 0832-1922 — LDN 310578

Published 12 times a year

Volume 8 — No 83 — July 1991

Tin văn.....	2
Tin Việt-nam.....	4
Trong làng.....	9
Ngoài ngõ.....	9
Tin tị-nạn.....	12
Những vấn-đề hôm nay, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	14
Thơ Tuệ Nga, Nguyễn Nghĩa.....	18
Nước loạn canh tàn khóc bể dâu, Thái Văn Kiểm.....	19
Thơ Tô Giang.....	23
Thơ Phạm Quang Ngọc.....	24
Thơ Vạn Giã.....	26
Nổi dài đối-thoại về thơ dịch của Võ Phiến, Lê Phụng.....	28
Đối-thoại về thơ dịch, Võ Phiến.....	31
Ngũ ngôn tổng-biệt (Tổng-biệt hành, chuyển thể), Cung Vũ.....	32
Thơ Ngọc Khôi, Thanh Lê (Tổng-biệt hành, chuyển thể).....	34
Nói chuyện Bonsai, Nguyễn Nhật Tân.....	36
Thơ Kha Huyền.....	41
Thầy giáo Nhu, Minh Đạo.....	42
Thơ Nguyễn Hải Hà.....	45
Bức thư nhờ nhà báo chuyển, Vũ Nam.....	48
Chuyện nhà chuyện người, Hoàng Du Thụy.....	50
Giọt thủy-ngân buồn, Đông Nghi.....	54
Thơ Triều Hoa Đại.....	57
Vùng mây xám, nhạc Nguyễn Thái Dũng.....	60
Xóm cũ:	
Muối Bạc-liêu nặng tình biển cả, Nguyễn Văn Ba.....	61
Mắm miền Nam, Tô Kiều Phương.....	66
Thơ Trần Văn Lệ.....	62
Thơ Hoài Việt.....	68
Xóm măng: Phục hận, Nguyễn Ngự Bình.....	69
Ngõ cụt, Trương Ái Minh.....	73
Thơ Nguyễn Thị Thôi.....	74
Xóm hạc: thơ Hoàng Vũ, Kinh Tân, Thúy Sơn.....	75
Huyền-thuật và các đạo-sĩ Tây-tạng, Nguyễn Phong.....	76
Thơ Hoàng Xuân Sơn.....	79
Thơ Nguyễn Văn Ngọc.....	80
Chân Quang, Tự Tĩnh.....	82
Thơ Nam Thanh.....	84
Chính-khách, Nguyễn Ngọc Ngạn.....	86
Thơ Hà Huyền Chi.....	88
Thơ Kim Quốc Khanh.....	90
Thơ Trần Trung Tá.....	95
Al Capone III, Lê Xuân Nhị.....	97
Thơ Vĩ Khanh.....	103
Thơ Dương Hoài Ninh.....	104
Độc-giả thác-mắc.....	108
Đầu làng cuối xóm.....	110

Ảnh bìa: Hoa mạn tháng tư, Cung Vũ

Chủ-nhiệm: Nguyễn H.
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà—Bút Chì—Cao Tiêu—Cung Vũ
Diệu Tần—Dương Thượng Ngã—Đan Quế
Đào Trường Phúc—Đào Huy Đán—Đỗ Khánh Hoa
Hà Huyền Chi—Hoàng Du Thụy—Lăng Nhân
Lâm Hảo Dũng—Lê Văn Lân—Luân Hoán
Mai Kim Ngọc—Mỡ Làng Văn—Ngô Nguyên Dũng
Nguyễn Phong—Nguyễn Nghĩa—Nguyễn Đức Bạt Ngạn
Nguyễn Văn Ngọc—Nguyễn Ngọc Ngạn
Phạm Quang Ngọc—Phạm Thăng—Tự Tĩnh
Thái Văn Kiểm—Trần Mộng Tú
Trương Sơn Lê Xuân Nhị—Tuệ Nga
Trần Thiện Hiệp—Trần Văn Tích—Võ Đình

Cộng-tác:

Bắc Phong—Bảo Chấn—Cao Bình Minh—Cao Xuân Lý
Dương Hoài Ninh—Đặng Thị Quế Phương—Đoàn Tam
Đỗ Quý Toàn—Đông Nghi—Hàn Song Tương
Huỳnh Liễu Ngạn—Hoài Châu—Hoàng Xuân Sơn
Kha Huyền—Lưu Nguyễn—Ngọc Hân—Ngọc Khôi
Như Chi—Nguyễn Đức Lập—Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Tất Nhiên—Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Việt—Nguyễn Tấn Hưng
Nguyễn Trung Tâm—Nguyễn Thị Vinh
Nguyễn Hữu Nhật—Phạm Hoàng Hộ—Phan Ní Tấn
Quý Hương—Phùng Nhân—Thái Tú Hạp
Thế Uyên—Trần Quang Hải—Trần Văn Lệ
Trịnh Gia Mỹ—Vân Nương—Võ Phiến

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Trình-bày: Cung Vũ

Góp tranh:

Babui—Nguyễn Khai—Nguyễn Đồng
Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý—Thái Tuấn
Vệ—Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-ảnh:

Lê Quang Xuân—Trương Trọng Trác

. Đại-diện tại Âu-châu: Bạch Thái Hà
Đức: Ngô Việt Dũng—Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Pháp: Bạch Thái Hảo—Anh: Hoài Châu
. Đại-diện tại Á-châu: Đỗ Thông-Minh
. Đại-diện tại Úc-châu: Ngọc Hân

GIÁ BÁO BÁN LẺ:

Gia-nã-đại & Hoa-kỳ: \$4 — Pháp: 30 quan
Anh: 2 bảng — Đức: 8 đức mã — Hòa lan: 8 gulden
Úc: 8 úc kim — Nhật: 500 yen

GIÁ BÁO DÀI HẠN VÀ QUẢNG-CÁO:

Xem trang 119



TT BUSH QUYẾT-ĐỊNH TÁI- LẬP QUI-CHẾ “TỐI HUỆ QUỐC” DÀNH CHO TRUNG-CỘNG

Hôm 26.5, TT Hoa-kỳ George Bush công-bố quyết-định của ông về việc tái ban-hành qui-chế tối huệ quốc (*Most Favour Nation*) dành cho Trung Cộng. Theo tối-huệ điều-khoản, các quốc-gia được hưởng qui-chế này sẽ được đặc-huởng tình-trạng mậu-dịch vô-điều-kiện.

Bình-luận tin này, tờ *South China Morning Post* xuất-bản tại Hương-cảng cho rằng, việc Hoa-kỳ ban-hành qui-chế tối-huệ-quốc cho Trung-Cộng sẽ gây thiệt-hại trầm-trọng cho nền ngoại-thương của Hương-cảng. Hiện nay, thành-phố cảng này nắm giữ 70% hàng-hóa xuất-cảng của Trung Cộng.

Trong khi đó, giải-thích lý-do tái-lập quan-hệ tối-huệ-quốc với Trung Cộng, TT Bush nhấn mạnh rằng các nước viễn-đông đang tiến tới dân-chủ-hóa, nên việc bãi-bỏ qui-chế tối-huệ sẽ làm cho toàn vùng sụp-đổ.

Tuy-nhiên, lời giải-thích của TT Bush không phù-hợp với chủ-trương của một số lớn các đại-biểu Quốc-hội Mỹ, muốn cho phong-trào đàn-áp nhân-quyền tại Hoa-lục bị tê-liệt bằng cách trừng-phạt kinh-tế. Mặt khác, Trung Cộng đang chạy đua chế-tạo vũ-khí “hi-tech”, dựa vào tối-huệ điều-khoản này, Bắc-kinh sẽ được tự-do hơn trong việc mua sắm các dụng-cụ kỹ-thuật tối-tân của Hoa-kỳ để dùng vào chương-trình phát-triển vũ-trang của họ. Các đại-biểu đối-lập và ngay cả một số đại-biểu của đảng cầm quyền cũng đang vận-động bác-bỏ quyết-định này.

Quốc-hội Hoa-kỳ có quyền bỏ

phiếu bác-bỏ (*reject*) quyết-định của TT Bush trong vòng 60 ngày, hạn chót là ngày 2.8.91 sắp tới. Trong trường-hợp Quốc-hội bác-bỏ, TT Bush có thể sử-dụng quyền phủ-quyết của tổng-thống (*veto*), và khi ấy, Quốc-hội phải bỏ phiếu lại và hội đủ đa-số tuyệt-đối 2/3 mới thắng được tổng-thống.

Trong lúc tòa Bạch-ốc và điện Capitol đang giằng-co về vụ Trung Cộng, Ngoại-trưởng Hoa-kỳ James Baker đã lên tiếng cảnh-cáo Bắc-kinh về việc Hoa-lục bán hỏa-tiễn liên lục-địa cho Syria và Pakistan.

GIANG TRẠCH DÂN SANG LIÊN-SÔ GẶP GORBACHEV

Sau chuyến công-du dọn đường của Tổng-trưởng Quốc-phòng Liên-sô tại Trung Cộng hôm 8.5 vừa qua, Thủ-tướng Lý Bằng của Trung Cộng tuyên-bố: “Tình hữu-nghị Trung-Sô đang trên đà phát-triển tốt-đẹp.”

Ngày 16.5, Giang Trạch-dân đã lên đường sang Liên-sô. Trạch-dân là tổng bí-thư Ủy ban Trung-ương Đảng CS Trung-quốc, kiêm chủ-tịch Quân-ủy trung-ương.

Tại điện Cẩm-linh, trước mặt Gorbachev và Trung-ương Đảng Cộng-sản Liên-sô, Giang Trạch-dân đọc một bài diễn-văn dài, nêu ra bốn vấn-đề lớn:

1.—Kiên-trì không thay-đổi con đường xây-dựng chủ-nghĩa xã-hội mang màu-sắc Trung-quốc.

2.—Đề-cao những thành-tựu vĩ-đại của Trung-quốc trong xây-dựng và cải-cách.

3.—Thập-niên 90 là những năm then-chốt xây-dựng hiện-đại-hóa

xã-hội chủ-nghĩa Trung-quốc.

4.—Trung-quốc ủng-hộ một môi-trường hòa-bình thế-giới.

Trong phần đáp từ, Tổng-thống Liên-sô Gorbachev tuyên-bố: nhờ đường-lối tư-duy mới, mối đe-dọa về vũ-khí nguyên-tử hiện nay không còn nữa; tiến-trình thiết-lập một trật-tự thế-giới mới cần sự tham-gia của tất cả các nước.

GIANG THANH TỰ TỬ CHẾT

Tân Hoa-xã tiết-lộ, Giang Thanh, 77 tuổi, quả-phụ của Mao Trạch-đông, cố chủ-tịch Trung Cộng đã tự tử chết trong tù.

Giang Thanh và ba người nữa trong nhóm bốn người (tứ nhân bang) đã bị Đặng Tiểu Bình xử tử chung thân về tội phản cách-mạng. Bà vốn là người cứng-rắn, bướng-bỉnh ngoại hạng, nên chuyện Giang Thanh tự tử làm nhiều người ngạc-nhiên. Dư-luận giới goại-giao Bắc-kinh xầm xì rằng Đặng Tiểu Bình đã đạo-diễn vụ tự tử này, và mãi 6 tuần sau mới cho công-bố nội-vụ.

TÂN-GIA-BA, MÃ-LAI VÀ NAM-DƯƠNG LẬP “TAM GIÁC PHÁT TRIỂN”

Trong khi đề-nghị của Mã-lai về việc lập khối kinh-tế Đông-Á bị Hoa-kỳ phản-đối, Nhật-bản và Đại-hàn lưỡng-lự; Tân-gia-ba đưa ra sáng-kiến mới, thành-lập khu “Tam-giác phát-triển” giữa ba nước Mã-lai, Tân-gia-ba và Nam-dương.

Tam-giác này bao gồm tiểu-bang Johor của Mã-lai, trọn vùng Tân-gia-ba và đảo Batam trong quần-đảo Riau của Nam-dương. Tam-giác này mô-phỏng theo cách tổ-chức đặc-khu Thâm-trấn ở miền Nam Trung Cộng, dùng đất và nhân-lực Trung Cộng, và vốn-liếng của Hương-cảng để hợp-tác phát-triển kinh-tế. Tân-gia-ba là nước chủ-động trong Tam-giác phát-triển, là người bỏ vốn để khai-thác tài-nguyên thiên-nhiên cũng như nhân-lực của hai nước bạn.

Tân-gia-ba đã cho thành-lập Công-viên kỹ-nghệ trong vùng

Tam-giác phát-triển. Công-viên này rộng 500 mẫu, cung-cấp công việc cho 100.000 nhân-viên, được ba đại công-ty hợp-tác xây-dựng, gồm Tổ-hợp Salim (Nam-dương) và hai công-ty quốc-doanh của Tân-gia-ba, là Juron và Singapore Technologie. Các đại công-ty của Nhật-bản như Sumotomo, Toyota, Thomcon đã xây-dựng các cơ-xưởng lắp-ráp của họ tại công-viên kỹ-nghệ này.

LIÊN-SÔ VÀ NHÓM G-7

G-7 tức *Group of 7* (một nhóm gồm 7 thành-viên), tức bảy cường-quốc kỹ-nghệ: Hoa-kỳ, Gia-nã-đại, Anh, Pháp, Đức, Ý và Nhật. Mới đây, TT Gorbachev của Liên-sô ngỏ ý xin nhóm G-7 cho vay 250 tỉ mỹ-kim để giúp Liên-sô "đổi mới." Lãnh-tụ các nước Gia-nã-đại, Pháp và Đức đã lên tiếng tán-đồng, đồng-thời muốn mời TT Gorbachev tham-dự Hội-nghị G-7 1991 với tư-cách quan-sát-viên danh-dự. Sau đó, Thủ-tướng John Major của Anh-quốc, chủ-tịch nhóm G-7 đã chính-thức mời TT Gorbachev tham-dự Hội-nghị.

HỘI-NGHỊ 6 NƯỚC LY-KHAI LIÊN-SÔ

Tổng thống của 6 nước cộng hoà ly-khai khỏi Liên-bang Sô-viết đã họp hội-nghị thượng-đỉnh tại Kishinev, thủ-đô Kishinev của Moldavia. Sáu nước này là Moldavia, Lithuania, Latvia, Estonia, Armenia và Georgia.

Sau khóa họp, 6 nước ly-khai đã đưa ra bản thông-cáo chung, có đoạn viết: "*Dựa vào nguyện-vọng của nhân-dân các nước cộng-hòa trong việc chống chế-độ thực-dân để tái-dựng nền độc-lập của quốc-gia. Sự kiện đã cho thấy, các quốc-gia của chúng ta đã bị xâm-lăng và sát-nhập vào Liên-bang Sô-viết một cách bất-hợp-pháp.*"

Hội-nghị 6 nước ly-khai đã gửi kháng-thư lên ông Tổng Thư-ký Liên-hiệp-quốc, phản-đối vụ Liên-sô can-thiệp vào nội-tình nước Georgia.

Sáu nước ly-khai này có 21 triệu dân, đã tẩy-chay cuộc trung-cầu dân ý về tương-lai chính-trị của Liên-sô hôm 17.3 vừa qua.

TT Gorbachev đã họp với tổng-thống của 9 nước còn lại để duyệt-xét tình-hình trong Liên-bang. Hội-nghị này có chiều hướng ngấm chấp-thuận, và sẽ công-khai-hóa dần dần tình-trạng độc-lập của 6 nước ly-khai.

LIÊN-SÔ CẮT ĐỨT NGOẠI THƯƠNG VỚI ĐÀI LOAN

Trong năm 1990, Liên-sô đã trao-đổi thương-nghiệp với Đài-loan, trị giá 517 triệu mỹ-kim. Trong năm nay, Đài-loan đã cử một phái-đoàn thương-nghiệp do Thứ-trưởng Kinh-tế cầm đầu, sang Mạc-tu-khoa để bàn thảo việc gia-tăng trao-đổi từ 517 lên 800 triệu mỹ-kim. Phái-đoàn đã cầm chiếu-khán nhập-cảnh, nhưng vào giờ chót, Mạc-tu-khoa tuyên-bố huỷ-bỏ hội-nghị, cắt đứt ngoại-thương với Đài-loan, theo yêu-cầu của Giang Trạch-dân, Tổng Bí-thư của Trung Cộng.

Trước đây, Trung Cộng cũng đã gây áp-lực với Ba-lan, Tiệp-khắc và Bảo-gia-lợi, yêu-cầu họ đóng cửa vào mặt phái-đoàn Đài-loan, nhưng không kết-quả.

Đài-loan (tức Cộng-hòa Trung-hoa) vốn là hội-viên nguyên-dự của Liên-hiệp-quốc, nhưng đã bị tổ-chức này trục-xuất, mời Trung Cộng vào thế chỗ. Hiện nay Đài-loan chỉ được 27 quốc-gia công-nhận.

BỆNH LIỆT-KHÁNG LAN TRÀN TẠI THÁI LAN

Thái-lan, nơi mà bệnh giang-mai (tiêm-la) lan-tràn mạnh nhất, mới đây lại báo-động về sự hoành-hành của bệnh liệt-kháng (AIDS—*Acquired Immune Deficiency Syndrome*).

Ông Meechai Veeravidhaya, bộ-trưởng phủ Thủ-tướng cho biết, tính tới tháng 5.91, có 300.000 người Thái bị bệnh. Tờ *Vọng-các*

bưu-báo nói rõ thêm, trong số 300.000 người mắc bệnh, có hơn 100.000 cô gái giang-hồ chuyên bán dâm cho du-khách ngoại-quốc.

SAU KHI ÔNG GANDHI RA ĐI...

Sau khi thủ-lãnh Rajiv Gandhi của đảng Đại-nghị, cựu thủ-tướng Ấn-độ, ứng-cử-viên nhiều hi-vọng nhất trong cuộc chạy đua nắm ghế thủ-tướng, bị ám-sát chết, đảng này đã đề-nghị phụ-nhân của ông, vốn là phụ-nữ Ý-đại-lợi chánh gốc, lên nắm quyền chủ-tịch để ra tranh chức thủ-tướng Ấn, nhưng bà đã từ-chối.

Cuối cùng, đảng Đại-nghị đã bầu thi-sĩ Narasimha Rao, cựu Ngoại-trưởng trong nội-các Gandhi trước kia, lên nắm chủ-tịch Đảng. Ông Rao là một nhà trí-thức, từng làm thống-đốc tiểu-bang Andhra Pradesh, và hiện có nhiều triển-vọng sẽ là một lãnh-tụ giỏi chần-dắt 850 triệu dân của ông.

NỮ THỦ TƯỚNG ĐẦU TIÊN CỦA PHÁP

Đàn ông Pháp nổi tiếng là nịnh đầm, nhưng kể từ ngày lập quốc đến nay, lần đầu tiên quốc gia này có một nữ thủ-tướng. Đó là bà Edith Cresson, 57 tuổi, thuộc đảng Xã-hội, một chính-khách cương-nghị nhưng khả-ái.

Năm 1981, sau khi đắc-cử tổng-thống, ông Mitterrand đã cử bà Cresson làm bộ-trưởng bộ Nông-nghiệp, sau đó chuyển sang bộ Ngoại-thương và Du-lịch, sang Ngoại-thương và Công-nghiệp, rồi bộ Phụ-trách các vấn-đề Âu-châu. Ở nhiệm-vụ nào bà cũng thành-công.

Ký-giả Alain Duhamel, một nhà báo lỗi-lạc trong lãnh-vực chính-trị tại Pháp nhận-xét về bà Cresson rằng: "*Bà Cresson là một sự kết-hợp hòa-hài giữa uy-lực chính-trị và những nét đặc-trưng của phụ-nữ, bà rất dứt khoát, trắng ra trắng, đen ra đen và rất ghét sự lập-lờ, đứng giữa.*"

NAM, BẮC HÀN CÙNG XIN GIA-NHẬP LHQ

Cả Nam lẫn Bắc Hàn đều đã nộp đơn xin gia-nhập Liên-hiệp-quốc, và có thể đều được chấp-thuận.

Sự nộp đơn của hai nước Hàn-quốc này chứng-tỏ họ không vượt thắng nổi sự khó-khăn trong việc thống-nhất đất nước.

Hiện nay Bắc Hàn vẫn tiếp-tục cải gián-điệp xách-động sinh-viên Nam Hàn chống-đối bất cứ chính-phủ dân-cử nào tại miền Nam, nếu người cầm đầu chính-phủ đó không phải là cán-bộ của Bắc Hàn. Tình-trạng hỗn-loạn chính-trị tại Nam Hàn đã kéo dài 15 năm nay, giống hệt như các phong-trào sinh-viên VNCH thời trước 1975.

HỘI-ĐỒNG DÂN-TỘC CAO-MIÊN NHÓM HỌP

Hội-đồng Dân-tộc Tối-cao Cao-miên, gồm 12 thành-viên, đã nhóm họp tại Gia-các-ta, thủ-đô Nam-dương hôm 2.6 vừa qua. Cùng tham-dự khóa họp còn có Ngoại-trưởng Nam dương và Ngoại-trưởng Pháp (đồng Chủ-tịch Hội-nghị Quốc-tế Paris về vấn-đề Cao-miên), và đại-diện đặc-biệt của ông Tổng Thư-ký Liên-hiệp-quốc.

Khóa họp nói trên đã bầu Thái-tử Sihanouk làm chủ-tịch và Hunsen (thủ-tướng chính-phủ Nam-vang) làm phó chủ-tịch của Hội-đồng Dân-tộc Tối-cao Cao-miên.

Mặt khác, Hội-đồng vẫn chưa thoả-thuận về văn-kiến căn-bản về giải-pháp chính-trị cho Cao-miên.

YELTSIN ĐẮC-CỬ TỔNG-THỐNG NGÀ

Boris Yeltsin, người đã tuyên-bố ly-khai đảng Cộng-sản, đã đánh bại 5 ứng-cử-viên khác, đắc-cử tổng-thống Cộng-hòa Nga hôm 12.6 vừa qua với đa-số 60% tổng-số phiếu bầu.

Tuyên-bố sau khi nghe kết-quả cuộc bầu, TT Yeltsin tái cam-kết tận-dụng nỗ-lực trong nhiệm-kỳ 5

năm để xây-dựng thể-chế dân-chủ và nền kinh-tế thị-trường cho nước Nga.

Ngày 20.6, TT Yeltsin công-du Hoa-kỳ và hội-đàm cùng TT George Bush.

Nước Cộng-hòa Nga (Russia)

nằm trong Liên-bang Sô-viết (U.S.S.R.), thủ-đô cũng nằm ngay Mạc-tư-khoa; rộng 17.075.400 cây số vuông (6.592.800 dặm vuông, tức hơn 3/4 lãnh-thổ Liên-sô); dân-số 147,5 triệu dân (hơn phân nửa tổng dân-số Liên-sô).

Tin Việt Nam



VC CHỊU SỬA HIẾN PHÁP

Trong cuộc họp báo quốc-tế tại Hà-nội hồi tháng 5.91 vừa qua, Trần Trọng Tân, trưởng ban Tư-tướng / Văn hoá Trung ương Đảng loan báo rằng "việc thực hiện dân chủ của nhân-dân có tiến-bộ" và "Quốc-hội sẽ đưa ra toàn dân góp ý về bản Hiến-pháp sửa-đổi" và sẽ thông-quá vào cuối năm nay.

Điều đáng nói, việc tối quan-trọng của một nước là sửa-đổi Hiến-pháp. Công-tác này thuộc phần vụ của Quốc-hội, lại không do Quốc-hội công-bố, mà do cán-bộ chỉ-đạo tư-tướng của Đảng. Phải chăng đó là điều mà Trần Trọng Tân muốn nói: sự "tiến-bộ" của việc "thực-hiện dân-chủ"?

QUẢ BOM THÀNH HỒ: PHIM "YÊU TIẾNG HÁT VIỆT-NAM"

Tin đang làm dân-chúng thành Hồ để ý là vụ lộn-xộn quanh cuốn phim *Yêu tiếng hát Việt-nam*, do hãng Chun Sing Film (Hương-cảng) thực-hiện.

Nguyên trước đây hãng Chun Sing Film phối-hợp với cơ-quan Liên-Hiệp Các Xí-Nghiep Điện-Ảnh và Băng Từ (CSVN), có giấy

phép của Sở Văn-hóa và Thông-tin Thành-phố, Ủy-ban Nhân-dân Thành-phố và bộ Văn-hóa Thông-tin tại Hà-nội để thực-hiện một cuốn phim nhan-đề *Tình-yêu và thử-thách*, vai chính do hai tài-tử danh-tiếng Hương-cảng là Lưu Đức Hòa (trước ở Chợ-lớn) và Chung Sở Hồng thủ-diễn, dưới sự biên-đạo (đạo-diễn) của Huỳnh Thái Lan.

Hợp-đồng ký giữa hãng phim và Liên-Hiệp Các Xí-Nghiep Điện-Ảnh và Băng Từ ghi rõ: "*Việc quay phim này phải phù-hợp với tình-cảnh chung của nhân-dân hai nước, nhằm góp phần thắt-chặt tình hữu-nghị giữa Hương-cảng và Việt-nam trong khuynh-hướng đổi mới hiện nay.*"

Chung Sing Film trả cho Liên-Hiệp Các Xí-Nghiep Điện-Ảnh và Băng Từ tổng-cộng 80.000 mỹ-kim để quay 80 phút phim, thu hình tại 7 địa-điểm tại thành Hồ. CSVN đã cho tập-hợp hải lực không quân lại diễn-hành cho hãng Chun Sing quay, cung-cấp cả cờ Việt-Nam Cộng-Hòa, quần áo tù-nhân trong khám Chí-hòa. Quay trong 15 ngày thì xong, hãng này mang về Hương-cảng cắt-xén, sử-dụng 56 phút trong một cuốn phim mang

tựa khác là *Yêu tiếng hát Việt-nam* thay vì *Tình-yêu và thử-thách*.

Về nội-dung, cuốn *Yêu tiếng hát Việt-nam* đưa ra câu chuyện một nhà báo ngoại-quốc (Lưu Đức Hòa) tới thành Hồ để dự một cuộc họp báo quốc-tế do CSVN triệu-tập để tuyên-truyền chính-sách “mở cửa”. Trái với những lời đường mật rao hàng, chỉ cần hỏi khó một câu, nhà báo ngây-thơ nọ đã bị công-an thành Hồ tổng cổ ra ngoài như xua đuổi một thằng ăn cắp. Chưa hết, anh nhà báo còn bị công-an theo-dõi và bắt giam vì tình-nghi thuộc thành-phần gián-điệp, phản-động. Anh nhà báo bị nhốt vào khám Chí-hòa, hưởng đủ mùi tù y hệt như hàng trăm ngàn tù-nhân chính-trị khác trong nước. Cuối cùng anh bị đẩy lên rừng đi lao-động cải-tạo, sau may nhờ được một cô gái Việt-nam phải lòng, giúp anh bằng 2000 cây số đường bộ trốn sang Trung-hoa.

Cuốn phim ra giữa thành Hồ như một trái bom “phản-kháng”, có điều không phải phản-kháng quốc-doanh, mà là phản-kháng... hợp-doanh. Bộ mặt phi-nhân, giả-trá, lừa-dối của CSVN bị phơi-bày toàn-bộ qua những thước phim nhựa, nói lên thực-chất của chiêu-

bài “cởi trói”, “đổi mới”, “mở cửa” của CSVN. Dĩ-nhiên là Nhà nước nhanh tay bung-bít, che giấu; nhưng bằng cách này hay cách khác, những thước phim chân-thật cũng đã lọt vào mắt, đồn vào tai nhiều người.

Cán-bộ Phạm Công Cảnh, giám-đốc Liên-Hiệp Các Xí-Nghiệp Điện-Ảnh và Băng Từ bị bắt ngay hôm 8.5.91 tại nhà riêng ở đường Hồ Xuân Hương, bị cách-chức giám-đốc và bị ném vào khám Chí-hòa hưởng mùi tù, giống như cảnh diễn-viên Lưu Đức Hòa vừa diễn trên phim. Các báo trong nước được lệnh viết bài kết án cán-bộ Phạm Công Cảnh, ghép cho ông ta đủ mọi loại tội mà loài người có thể mắc phải. Cho tới nay, chưa thấy các “nhà văn” người Mỹ gốc Việt “lên tiếng” bênh-vực và phong thánh Phạm Công Cảnh, như đã từng phong thánh những Dương Thu Hương, Trần Văn Thủy trước đây.

VIỆT-NAM BỊ LẠNH

Do ảnh-hưởng sự thay-đổi của áp-suất khí-quyển, từ hàng trăm giếng dầu vẫn tiếp-tục cháy ở Kuwait, từ 7.5 vừa qua, một đợt rét đã bao trùm Bắc-phần và vùng Bắc

Trung-phần, đồng-thời mưa giông dữ-dội.

Ở vịnh Bắc-phần, gió mạnh cấp 7, nhiệt-độ giảm 8-9 độ dưới mức bình-thường.

Tại Hà-nam-ninh, gió giật cấp 10 và 11, mưa đá tàn-phá 20 cây số từ xã Mỹ-hạ tới xã An-lao, đường kính hòn băng đá to tới 1cm. Trận mưa đá làm hư 1500 mẫu lúa và 100 mẫu hoa màu.

Các nơi khác đều có mưa dầm, có nơi lượng mưa lên tới 132mm nước (ngoại-thành Hà-nội, khu Đặng Thái Thân).

GIÁ CẢ TRONG NƯỚC NGÀY 15.6.91

● Hà-nội:

- Vàng: 3,7 triệu đ/lượng
- Mỹ-kim: 8.450đ/1 mỹ-kim
- Gạo thường: 2.300đ/ kí
- Gạo trắng: 2.700đ/ kí

● Thành Hồ:

- Vàng: 3,8 triệu đ/lượng
- Mỹ-kim: 8.600đ/1 mỹ-kim
- Gạo xấu: 2.000đ/ kí
- Gạo trắng: 2.500đ/ kí

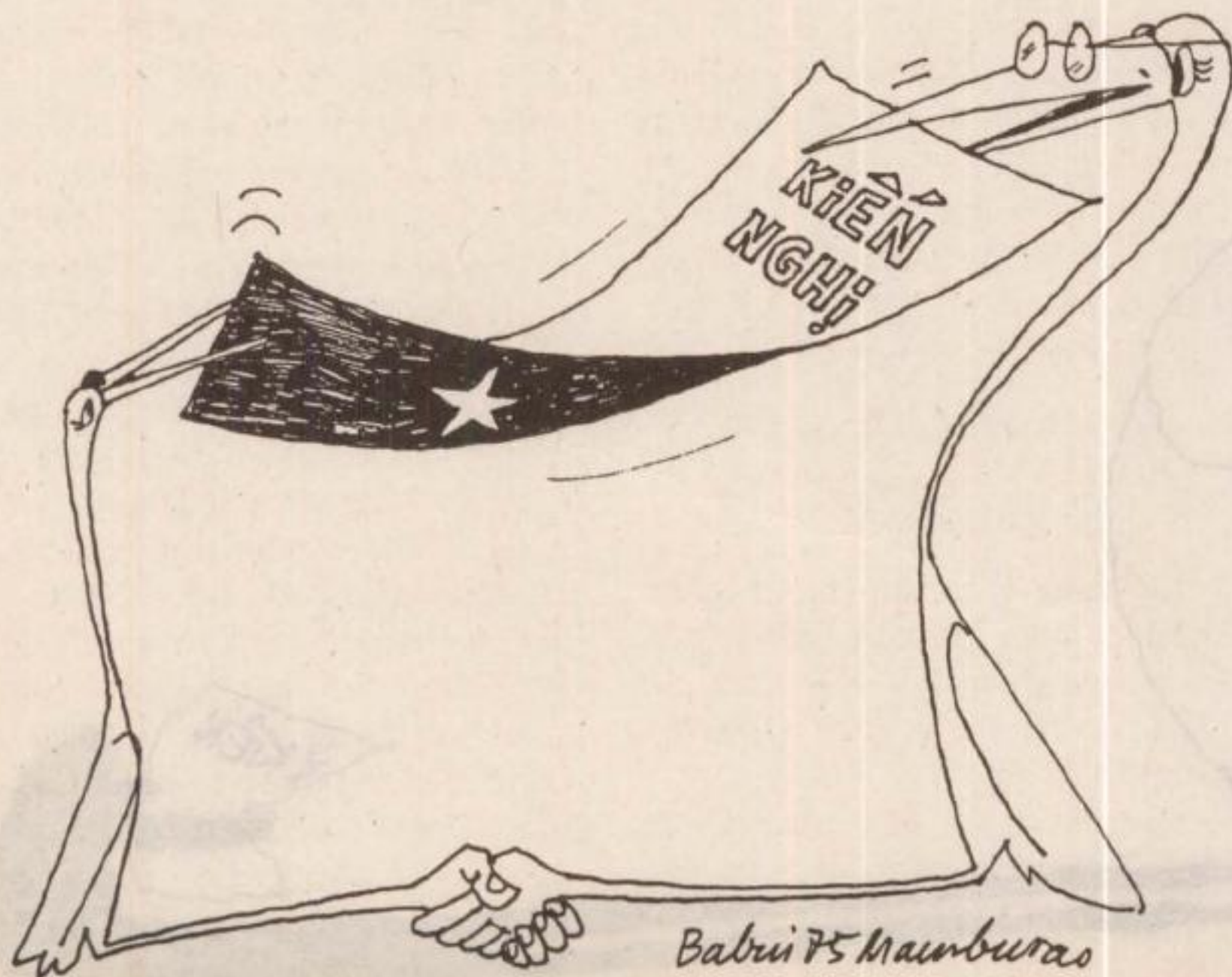
Lương công-chức trung-bình (giáo-viên, thư-ký biên-chế): 35.000đ/tháng, đủ mua 17,5 kí gạo xấu).

NGUYỄN VĂN LINH VÀ ĐỖ MƯỜI RA SÁCH, XÁC-ĐỊNH HƯỚNG ĐI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Theo tin báo *Nhân dân* ngày 16.5, nhà xuất-bản Sự Thật, Hà-nội, vừa in xong cuốn *Đổi mới công-tác quần-chúng* của Nguyễn Văn Linh, và *Xây dựng nhà nước của nhân dân* của Đỗ Mười.

Trong cuốn *Đổi mới công-tác...*, giải-thích về mối quan-hệ giữa đảng Cộng-sản và nhân-dân, Nguyễn Văn Linh viết rằng “sự-nghiệp cách-mạng là của nhân-dân” còn Đảng “là người lãnh-đạo”.

Trong cuốn *Xây-dựng nhà nước...*, Đỗ Mười viết rõ ràng, mục-đích của việc xây-dựng nhà nước là để bảo-đảm và tăng-cường sự lãnh-đạo của Đảng.



Hai cuốn sách mới nhất này xác-
định sự ngoan-cổ theo-đuổi lối
mòn của Mác, Lenin, Stalin, Hồ,
của CSVN. Thực-tế này hoàn-toàn
tách-rời chiêu-bài đổi mới và cải-
cách dân-chủ mà Hà-nội đã rêu-
rao, và được một số nhà trí-thức
Việt-nam ở hải-ngoại nhắm mắt tin
theo, hô-hào “hòa-hợp hòa-giải”
với bạo-quyền.

TÙ VỤ UNESCO TÔN-VINH “CHÁU NGOAN BÁC HỒ” TỚI SỰ THAY ĐỔI CỦA CHÍNH-GIỚI HẢI-NGOẠI

Mới ba năm trước đây, cơ-quan
tối-cao của UNESCO là Đại-hội-
đồng đã quyết-định tôn Hồ Chí
Minh lên hàng vĩ-nhân của thế-
giới, và kêu-gọi các nước tổ-chức
trọng-thể sinh-nhật 100 của Hồ
quốc-tộc. Quyết-định này đã bị
cộng-đồng Việt-nam ở hải-ngoại
cực-lực phản-đối liên-tục. Kết cục,
vụ tôn-vinh xẹp dần, và cái sinh-
nhật trọng-thể 100 năm chỉ tổ-chức
lèo-tèo trong một tiểu-sảnh ở
Thụy-sĩ.

Mới đây, UNESCO lại tuyên-
dương cháu ngoan bác Hồ là
Dương Thu Hương, cán-bộ văn-
nghệ của Đảng, một trong những
con rối được chú-ý nhất do Nguyễn

Văn Linh và Nguyễn Đình Thi đưa
ra trong chiến-dịch tuyên-truyền
đổi mới dân chủ.

Sau khi có tin “Dương Thu
Hương bị bắt”, không cần điều-tra
hay kiểm-chứng, dù là sơ-sài,
UNESCO đã chọn bà làm “biểu-
tượng tranh-đấu cho tự-do”, mặc
dù trước sau DTH vẫn khẳng-
khăng xác-định là mục-tiêu tranh-
đấu của bà là tranh-đấu để củng-cố
đảng Cộng-sản và bảo-vệ xã-hội
chủ-nghĩa.

Mặt khác, 400 nhà trí-thức Pháp,
với hầu hết từng hậu-thuần Mặt
Trận Giải-Phóng Miền Nam và CS
Hà-nội để bức tử miền Nam Việt-
nam, đã ký văn-thư ca-ngợi Dương
Thu Hương. Bà Mitterrand, phu-
nhân của tổng-thống Pháp trong
chuyến công-du VN cũng đòi gặp
Dương Thu Hương, nhưng Hà-nội
không đáp-ứng.

Một số “hãng tin” Việt-nam tại
hải-ngoại đã liên-tiếp đưa tin với
chiều hướng ca-tụng người nữ cán-
bộ văn nghệ này là “nhà văn can
đảm.” Một bản tin từ Hoa-thịnh-
đốn còn thêu-dệt nhiều huyền-thoại
li-kì về họ Dương, ồn-ào không
kém thời 1945 lúc Hồ Chí Minh từ
chiến-khu về, tự viết báo ca-tụng
mình.

Một nhóm người khác ở Nam
Cali tự xưng là “nhà văn”, còn lưu-
hành một bản lên tiếng để xin chữ
ký ủng-hộ DTH (một cách hợp-
thức-hóa tính-cách “đổi-lập” cho
bà), nại lý-do “Dương Thu Hương
là một người cầm bút” và đòi cho
“ngôi bút được lên tiếng.” Những
người này quên rằng, chính Hà-nội
đã cho in và phát-hành 8 tác-phẩm
của DTH, trong đó có cuốn in tới
200.000 cuốn, và cho tới bây giờ,
chưa hề ra lệnh thu-hồi bất cứ một
cuốn nào.

Theo tin CBA, trong số các bản
lên tiếng ủng-hộ Dương Thu
Hương, có một bản soạn-thảo từ
Pháp, mang chữ ký của Bùi Văn
Bảo (nhà xuất-bản Quê Hương,
Toronto) ký chung với các cán-bộ
cao-cấp CS và thành-phần thân
Cộng, như Đại-tá VC Bùi Tín
(nguyên phó tổng biên-tập báo
Nhân-dân), Đặng Văn Kỳ (giám-
đốc nghiên-cứu củ CSVN), Đỗ
Mạnh Tri (báo VC *Tin nhà*), Hoàng
Xuân Hân, Nguyễn Ngọc Giao, v.v.

Bản lên tiếng xuất-xứ từ Hoa-kỳ,
có Nhật Tiến, Đỗ Hữu Tài, Nguyễn
Quỳnh, Thế Uyên,...

Giới theo-dõi thời-cuộc đặt ra
một câu hỏi lớn: cán-bộ CS nỗ-lực
trình-diễn đúng theo chỉ-thị của



Trung-ương đã đành, còn các nhân-sĩ VN ở hải-ngoại đã được Hà-nội hứa hẹn điều gì khiến mà lằng-xằng đổi chỗ, đổi ý nhanh như vậy?

TẮM BIỂN PHẢI TRẢ TIỀN

Ngày 9.5.91, Ủy ban nhân-dân tỉnh Thừa thiên - Huế ban-hành quyết-định số 368, theo đó người dân muốn vào bãi tắm biển phải mua vé, người lớn 500đ, trẻ em 200đ một lượt vào.

VC TIẾP-TỤC ĐẨY DÂN ĐI KINH-TẾ MỚI

Báo *Nhân-dân* ngày 14.5 tiết-lộ, chỉ nội trong ba tháng đầu năm 1991, đã có 829 đồng-bào thuộc các huyện Vũ-thư, Quỳnh-phụ, Hưng-hà và Thái-thụy, thuộc tỉnh Thái-bình, đã bị đưa tới các vùng kinh-tế mới ở Bảo-lộc (Lâm-đồng), Cẩm-phả và Hải-ninh (Quảng-ninh). Trong ba tháng kế, tỉnh Thái-bình sẽ dời thêm 200 gia-đình nữa tới các vùng này.

HOÀNG VĂN HOAN CHẾT GIÀ TẠI HOA LỤC

Hoàng Văn Hoan, 86 tuổi, nguyên ủy viên bộ Chính-trị trung-ương Đảng CSVN, nguyên phó chủ-tịch Quốc-hội VC, đào-thoát sang Trung Cộng năm 1979, đã chết tại Bắc-kinh hôm 18.5 vừa qua.

ĐỖ NHUẬN CHẾT

Nhạc sĩ VC Đỗ Nhuận, tác giả bài *Hồn tử sĩ* mà cộng đồng VN hải-ngoại thường dùng làm nhạc phong cho "phút mặc-niệm" sau bài quốc-ca, đã qua đời tại Hà-nội, thọ 69 tuổi.

Đỗ Nhuận quê ở Cẩm-bình, Hải-hung, sống cùng thời và là đồng-chí của Lưu Hữu Phước (tác-giả bài *Tiếng gọi thanh niên*, sau trở thành quốc ca VNCH).

Ngoài bài *Hồn tử sĩ*, các bài nổi tiếng và có giá-trị của Đỗ Nhuận có *Hận Sơn-la*, *Côn-đảo*, *Du-kích-ca*, *Nhớ chiến-khu*, *Du-kích sông*

Thao, v.v.

RÁP EDEN CHÁY

Rạp chiếu bóng Eden trong thương-xá Eden ở quận 1 Sài-gòn đã phát cháy dữ-dội lúc 11 giờ 30 sáng 26.5 vừa qua. Các đội chữa cháy của Hàng-không và các quận 3,4,6, 8 đã huy-động tối-đa mọi phương-tiện và nhân-lực, nhưng phải mất tới gần 4 giờ đồng hồ mới dập tắt được ngọn lửa, lúc đó đã cháy lan rụi cả vũ-trường Queen Bee.

CSVN chưa công-bố nguyên-nhân của vụ cháy.

TỚI PHIÊN VÕ NGUYỄN GIÁP IN SÁCH CA TỤNG HỒ

Ban Khoa-học Xã-hội thành Hồ vừa xuất-bản cuốn *Thế-giới còn đổi thay nhưng tư-tưởng Hồ Chí Minh sống mãi* của Võ Nguyên Giáp.

Qua 10 bài viết trong cuốn sách mỏng 150 trang, Giáp ca-tụng Hồ là anh-hùng giải-phóng, nhà văn-hóa lớn; và kể lại những kỷ-niệm sống chung với Bác từ lúc còn ở hang Pác-bó.

Cuốn sách của Võ Nguyên Giáp chứng-tỏ tư-tưởng cán-bộ và đảng-viên CSVN đã rúng-động tới tận cùng, khiến Đảng phải ôm cứng lấy hình-ảnh và huyền-thoại Hồ Chí Minh để mong cứu vãn.

CÁC TỔ CHỨC "NGOẠI CHÍNH-PHỦ" VIỆN TRỢ CHO CSVN

Theo tin từ *Sài-gòn giải-phóng* ngày 23.5, các tổ-chức ngoại chính-phủ (*non-government*) của các nước Âu Mỹ đã viện-trợ cho CSVN 25 triệu mỹ-kim cho các dự-án phát-triển.

VC SỬA CHỮA VĂN BẢN "NGỤC TRUNG NHẬT KÝ"

Sau khi GS Lê Hữu Mục và *Làng Văn* tố-cáo tội đạo văn của Hồ Chí Minh, vạch ra những chỗ sơ-hở khiến "Bác" lòi đuôi ăn cắp, CSVN đã cho thu-hồi toàn bộ ấn-bản

Ngục trung nhật-ký, cho dịch lại, xóa bỏ, lấp-liếm các khuyết-điểm rồi cho in lại dưới tên *Nhật ký trong tù*.

Ngày 28.5, báo VC *Nhân-dân* loan báo, tập *Nhật ký trong tù* với "bản dịch" mới của Nguyễn Sĩ Lâm, dày 204 trang khổ lớn 16x22 phân, do nhà xuất-bản Khoa-học Xã-hội ấn-hành, đã được phổ-biến tới tay các cơ-quan và dân-chúng trong nước.

LỄ PHẬT ĐẢN

Lần đầu-tiên trong 16 năm nay, kể từ ngày chiếm được miền Nam VN, VC đã cho đăng tin về lễ Phật-đản, rộng 2 cột trên trang nhất tờ *Sài-gòn giải-phóng*.

Tờ báo cho biết có 6000 Phật-tử tới dự lễ, với sự chủ-trì của các hoà-thượng Trí Tịnh và Thiện Hào. dịp này sư Trí Tịnh hô-hào Phật-tử cũng như Việt kiều ở nước ngoài hãy đóng-góp thiết-thực vào công-cuộc xây-dựng và bảo-vệ đạo pháp, dân-tộc và chủ-nghĩa xã-hội.

Không thấy nhà sư và báo *Sài-gòn giải-phóng* nhắc tới các tu-sĩ đang bị giam-cầm như Trí Siêu, Tuệ Sỹ v.v.

ĐẠI HỘI ĐẢNG CSVN LẦN THỨ 7

Hội-nghị lần thứ 12 của Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng CSVN nhóm từ 18.5 tới 29.5 tại Hà-nội đã đúc-kết xong các văn-kiện trình Đại-hội Đảng kỳ 7, và quyết-định khai-mạc đại-hội này hôm 24.6, kéo dài tới 27.6.91 thì kết-thúc.

Hội-nghị Ban Chấp-hành Trung-ương có tính-cách chỉ-đạo cho Đại-hội Đảng, bao giờ cũng nhóm lâu hơn (kỳ này họp tới 12 ngày), bàn kỹ hơn, và mọi quyết-định của hội-nghị này (gọi là *dự-thảo văn-kiện*) sẽ được "hợp-thức hóa" bằng bản chung-quyết của Đại-hội Đảng. Mọi sự sửa-đổi, nếu có, chỉ là cách hành văn, hay những chi-tiết nhỏ-nhất không đáng kể.

Theo tin từ *Nhân-dân* ngày 30.5, trong hội-nghị, Ban Chấp-hành

Trung-ương Đảng “khăng-định quyết-tâm không gì lay-chuyển nổi là tiếp-tục đẩy mạnh sự-nghiệp đổi mới theo con đường xã-hội chủ-nghĩa.”

Hội-ngị “đã thảo-luận, tiếp-thụ ý-kiến, chỉnh-lý các văn-bản và nhất trí thông quá các văn-kiện” kể sau để đưa ra trước Đại-hội Đảng kỳ 7:

- “Dự-thảo Cương-linh xây-dựng đất nước trong thời-kỳ quá độ lên chủ-nghĩa xã-hội.

- “Dự-thảo Chiến-lược ổn-định là phát-triển kinh-tế xã-hội đến năm 2000.

- “Bảo-cáo chính-trị của Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng (khóa VI).

- “Bảo-cáo xây-dựng Đảng và sửa đổi Điều-lệ Đảng.

- “Dự-thảo Điều-lệ Đảng (sửa đổi)”

LẠI TRANH-CHẤP TẠI HOÀNG-SA

Năm 1975 nhân vụ binh biến tại miền Nam VN, Trung Cộng mang hải-quân tấn-chiếm toàn bộ các hải-đảo của Bắc Việt lẫn VNCH tại quần-đảo Hoàng-sa. Mãi vui với chiến-thắng miền Nam, và vì nợ-nần Trung Cộng quá nhiều, CS Bắc Việt chỉ phản-đối lấy lệ rồi bỏ qua.

Năm 1979 nhân vụ xung-đột biên-giới Hoa Việt, không còn ràng-buộc với Trung Cộng nữa, VC đã đem quân ra Hoàng-sa chiếm lại một số đảo. Năm 1989, Trung Cộng đem quân tới đánh VC. Trận hải-chiến giằng dai tới mấy tuần, cuối cùng các tàu chiến Trung Cộng rút lui sau khi chiếm được vài đảo nhỏ.

Cuối năm 1990, nhân lúc VC yếu thế vì bị Nga bỏ rơi, Mỹ bao-vây kinh-tế, phải chạy sang cầu-khẩn Trung Cộng, nhà cầm quyền Bắc-kinh lại ra lệnh chiếm lại phần đất Hoàng-sa của Việt-nam, đồng-thời cấm cớ xác-nhận chủ-quyền trên các đảo của Mã-lai, Đài-loan và Phi-luật-tân khiến các nước này phải kháng-cáo trước Liên-hiệp-quốc.

Đầu tháng 6 vừa qua, trong chuyến công-du tại Nam-dương, Dương Thượng Côn, Chủ-tịch Nhà nước (thủ-tướng) và Quan Quý Chiêu, Ngoại-trưởng Trung Cộng một lần nữa lại tuyên-bố “Hoàng-sa nằm trong bản-đồ Trung-quốc.”

CẦU VIỆN BẤT THÀNH, ĐỖ MƯỜI, NGUYỄN VĂN LINH TRỞ VỀ TAY KHÔNG

Ngay trong lúc Đỗ Mười còn ở Mạc-tư-khoa và bị Liên-sô khước-từ tái-viện-trợ cho CSVN, Tổng bí-thư Nguyễn Văn Linh đã bay sang để góp sức vận-động hầu cứu-vãn nguy-cơ sụp-đổ của chế-độ. Chuyến công-du bất-ngờ của Nguyễn Văn Linh, khiến cả hai nước cùng lúng-túng. Liên-sô lúng-túng trong việc tiếp-đón, vì mọi chương-trình chiêu-đãi đã đầy cứng; ra chào mừng Nguyễn Văn Linh tại phi-trường Mạc-tư-khoa, chỉ có viên tổng thư-ký bộ Ngoại-giao Liên-sô, với một bài diễn-văn nhạt-nhèo. Về phía CSVN, vì không được chuẩn-bị trước, chỉ có phụ-tá Lê Xuân Tùng, và thứ-trưởng Ngoại-giao Vũ Khoan tháp-tùng Nguyễn Văn Linh.

Trong khi châu-chực chờ-đợi Gorbachev thu-xếp để tiếp-kiến, Nguyễn Văn Linh đã xin tới thăm và đặt vòng hoa tại lăng Lenin, nơi mà nhân-dân Liên-sô thường-xuyên tổ-chức biểu-tình đòi phá đi. Viên tổng bí-thư của CSVN còn đi thăm công-trường chiến-sĩ cùng viện bảo-tàng quân-sự Liên-sô.

Tại viện bảo-tàng các lực-lượng vũ-trang Liên-sô, Nguyễn Văn Linh kính-cẩn và nắn-nót ghi vào sổ lưu-niệm của Viện rằng, nhờ Cách-mạng tháng 10 của Liên-sô mới có Cách-mạng tháng 8 của Việt-nam.

Mặc dù hết sức quí-lụy như vậy, chuyến công-du cầu-viện của Nguyễn Văn Linh cũng thất-bại não-nề. Gorbachev không ban phát cho Nguyễn Văn Linh một thứ gì, ngoài một số sáo-từ cũ mòn không ăn được.

NHẠC HẢI-NGOẠI VÀ “VĂN HỌC PHẢN ĐỘNG”

Qua báo-chí, đài phát-thanh, các bài diễn-văn chính-trị, CSVN đã lộ rõ sự lúng-túng trước làn sóng xâm-nhập của nhạc và “văn-học phản-động” từ hải-ngoại tuôn về nước qua nhiều ngả.

Các bài hát kêu-gọi thanh-niên vùng lên xóa-bỏ chế-độ, xây-dựng dân-chủ, và sách báo chống Cộng được đồng-bào tự-động gửi về nước trong phong-trào *Chuyển lửa về quê nhà* đã lan rộng đến nỗi Hà-nội phải ra lệnh mở chiến-dịch chống-trả trên các báo.

HẢI TẶC VIỆT CỘNG

Thấy hải-tặc Thái-lan ăn nên làm ra nhờ cướp thuyền vượt biên Việt-nam, một số đơn-vị công-an biên-phòng của VC đã tổ-chức giả-dạng hải-tặc Thái, ra khơi cướp của, giết-hại chính đồng-bào ruột-thịt của mình. Các toán cướp này đi trên các thuyền đánh cá tịch-thu được của ngư-phủ và hải-tặc Thái, trang-bị súng M-16, M-79, B-40 và AK-47.

Đầu tháng 6 vừa qua, trong chiến-dịch chống hải-tặc, lực-lượng hỗn-hợp Thái-lan đã phát-giác và đuổi đánh một số tàu cướp biển ngoài hải-phận quốc-tế. Họ rất ngạc-nhiên thấy các tàu này xả hết tốc-lực đâm sầm vào hải-phận Việt-nam không hề sợ-sệt. Lực-lượng hải-quân Thái không đuổi kịp, phải gọi phi-cơ đuổi theo, dùng phi-tiễn bắn chặn không cho vào bờ Việt-nam. Cuối cùng, hải-quân Thái bắt gọn 3 tàu cướp và các tên hải-tặc toàn là công-an VC, tịch-thu một số nữ-trang, mỹ-kim, quần áo phụ-nữ, và nhiều tang-vật khác.

Tính tới ngày 15.6, lực-lượng hỗn-hợp Thái-lan đã bắt được 14 tàu hải-tặc và 118 ngư-phủ kiêm hải-tặc Thái, giải-thoát 4 bé gái Việt-nam. Về phía hải-tặc Việt-nam, Thái bắt được 8 chiếc tàu và 92 công-an biên-phòng kiêm hải-tặc, giải-thoát được 2 cô gái 18 và 27 tuổi.



Trong Làng

BS TRẦN VĂN TÍCH NÓI CHUYỆN TẠI MONTREAL

Bác-sĩ Trần Văn Tích, một trong các cây bút biên-khảo góp mặt thường-xuyên trên *Làng Văn* sẽ nói chuyện tại Montréal vào lúc 1 giờ 30 chiều Chủ-nhật 7.7.1991 tại Đại-học Concordia, phòng H-927 (lầu 9), số 1455 Maisonneuve Ouest (gần trạm xe điện hầm Guy). Đề-tài buổi nói chuyện là *Văn-hóa Việt-nam, ảnh-hưởng của Nho-giáo, Lão-giáo và Phật-giáo*.

Chương-trình hội-thảo do Hội Y-sĩ Việt-nam tại Gia-nã-đại, Cơ-sở Khuyến-học và Trung-tâm Văn Bút VN tại Québec cùng góp sức tổ-chức, vào cửa tự-do.

THI-SĨ XUÂN TƯỚC ĐƯỢC MỸ TẶNG DANH HIỆU "THI-SĨ VÀNG"

Thi-sĩ bằng vàng, quý như vàng, *The Golden Poet* chứ không phải thi-sĩ màu vàng, hay da vàng. Đó là danh-hiệu do tổ-chức Thế-giới Thi-ca của Mỹ tặng cho ông Phạm Văn Tước, bút hiệu Xuân Tước, tác-giả bài thơ *Thank you, America*.

Bài thơ này đã đăng trên nhật-báo *The Denver Post*, xuất-bản tại Denver, Colorado, Hoa-kỳ số ra ngày 21.11.1981, gần mười năm trước đây, được phổ nhạc và hăng Hollywood Artists Record Center ở California thu băng qua giọng hát của nữ ca-sĩ Stephanie Allen; đã phát-thanh trên đài VoA ba lần, vào các ngày lễ trọng-đại của Mỹ

như Quốc-khánh, ngày kỷ-niệm 200 năm lập-quốc.

"TRÙM" NGUYỄN TẤN HUNG RA MẮT SÁCH TẠI FLORIDA

Ông "trùm" Nguyễn Tấn Hưng cho biết đã ra mắt sách và nói chuyện với độc-giả vào chiều thứ bảy 22.6 tại Địa-Đàng Con Công, số 6129 Westwood Blvd., Orlando, thuộc tiểu-bang Florida, Hoa-kỳ.

Ba cuốn sách được trình làng là *Một đời để học* (Làng Văn), *Một thuở làm "Trùm"* (Văn Nghệ) và *Một chuyến ra khơi* (Làng Văn).

Buổi sinh-hoạt còn có sự đóng-góp của các nhà văn Lê Nhật Thăng, Duy Lam và thi-sĩ Hà Huyền Chi. Ban tổ-chức gồm có Hội Văn-nghệ-sĩ VNTD Florida, Chi-hội Mũ Đỏ Florida, báo *Việt-nam*, Hội Ái hữu cựu SVSQ Võ bị. Chương-trình ca-nhạc do nữ nhạc-sĩ Linh Phương phụ-trách.

HỌA SĨ LÊ ĐỨC VIÊM TRIỂN-LÃM TẠI ĐỨC

Họa-sĩ Lê Đức Viêm đã bày 7 bức tranh và 5 bức tượng của ông trong cuộc triển-lãm tập-thể cùng 8 họa-sĩ Đan mạch tại Frederiksberg, Đan-mạch, kéo dài từ 7.5 tới 17.5 vừa qua.



Họa sĩ Lê Đức Viêm

Họa-sĩ Lê Đức Viêm sinh năm 1946, định-cư tại Đan-mạch từ 1977.

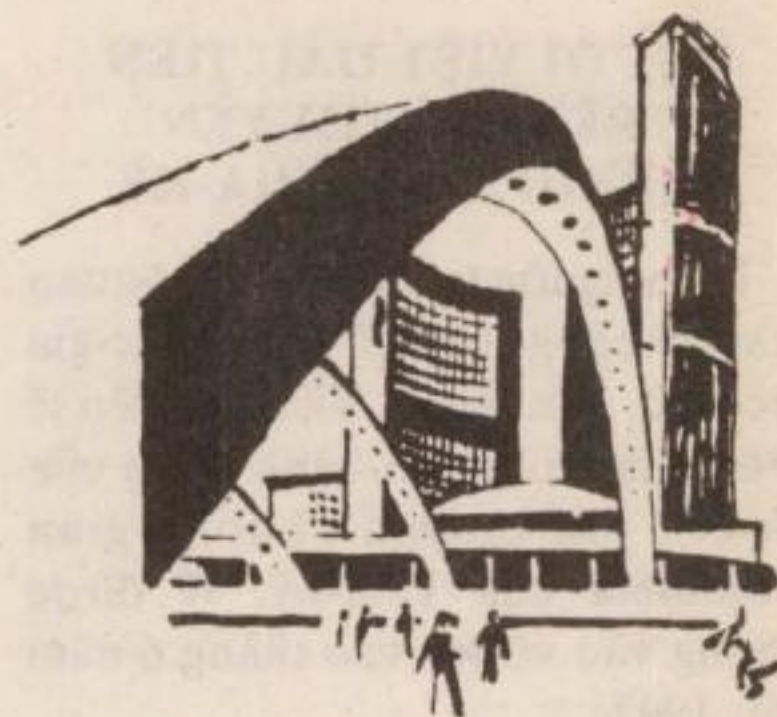
TRÌNH DIỄN NHẠC CỔ TRUYỀN TẠI TORONTO

Nhân dịp kỷ-niệm một năm tròn kể từ ngày khai-giảng lớp nhạc cổ-

truyền, Hội Thi Ca Kịch Nhạc đã tổ-chức tiếp-tân và trình-diễn tại Câu-lạc-bộ Thanh-niên và Phụ-nữ VN (trong Trung-tâm Bách Việt, góc Queen và Dufferin, Toronto) hôm Chủ-nhật 9.6 vừa qua.

Hội Thi Ca Kịch Nhạc vẫn tiếp-tục tổ-chức các lớp đàn cổ, gồm tranh, bầu, nhị, nguyệt, kìm và sáo ta. Các lớp mở cửa mỗi tuần một ngày, từ 11 giờ sáng tới 2 giờ chiều mỗi Chủ-nhật, tại Trung-tâm Bách Việt, 1205 Queen St. W., Toronto, hoàn-toàn miễn-phí.

Ngoài Ngõ



TRẠI HÈ THANH THIẾU NIÊN

Câu-lạc-bộ Thanh-niên và Phụ-nữ VN/Toronto sẽ tổ-chức trại hè từ ngày 2.8 tới 4.8.91 tại đất trại Hướng-đạo ở Obasa-Teeka.

Trại hè này mở rộng cho tất cả thanh thiếu-niên Việt-nam, tuổi từ 6 tới 18. Sinh-hoạt trại gồm thể-thao (bóng tròn, bóng chuyền, bơi-lội,...), trò chơi, trò chơi lớn, hài kịch, ca hát, lửa trại, v.v.

Trại-phí: 10 gia-kim mỗi trại-sinh (nếu nhiều người trong gia-đình cùng đi, mỗi người kế tiếp chỉ phải đóng 5 gia-kim). Có thể ghi-danh qua điện-thoại, các số: 731-6303 (ông Hưng); 324-8677 (Dr. Nguyễn); 241-4346 (bà Chu); 288-1737 (ông Đức); hoặc đến Câu-lạc-bộ Thanh-niên và Phụ-nữ, 1205 Queen St. West, Toronto (tầng hầm), ĐT: 536-1234.

TRẠI TRƯỞNG TÙNG NGUYỄN I HƯỚNG-ĐẠO VIỆT-NAM

Toán Huấn-luyện Hướng-đạo Việt-nam tại Gia-nã-đại sẽ tổ-chức khóa huấn-luyện huynh-trưởng Hướng-đạo Việt-nam cao cấp, bằng Rừng ngành Thiếu. Ngày mở trại là 25.8, và ngày bế trại là 22.9.1991. Địa-điểm trại là Trung-tâm Huấn-luyện Woodland Trail, ở vùng York, tỉnh-bang Ontario, Gia nã đại. Trại phí: 120 gia kim; di-chuyển tự-túc. Tổng-số trại-sinh tối-đa 32 trưởng từ cấp Bạch-mã trở lên.

Các trưởng muốn dự trại xin liên-lạc: Lê Phục Hưng, ĐT: 416-324-8677.

NGƯỜI VIỆT ĐẦU TIÊN TRÊN PHI THUYỀN KHÔNG GIAN HOA-KỲ

Theo nguồn tin NASA, Cơ-quan Hàng-không và Vũ-trụ Quốc-gia Hoa-kỳ, một người Việt đầu-tiên sẽ tham-gia trong phi-hành-đoàn của chiếc phi-thuyền không-gian Columbia của Hoa-kỳ, sẽ được phóng vào vũ-trụ vào tháng 6 năm tới, 1992.

Người Việt này là ông Trịnh Hữu Dinh, tức Eugene Trịnh, 40 tuổi, sinh-quán Sài-gòn, lớn lên tại Paris và tốt-nghiệp Đại-học Columbia, trình luận-án tiến-sĩ Vật-lý tại Đại-học Yale, Hoa-kỳ. Ông Dinh tham-gia với tư-cách chuyên-gia về hàng-hóa trong chương-trình Phòng thí-nghiệm không-gian, nhằm nghiên-cứu về vật-chất, chất lỏng và tiến-trình sinh-học trong không-gian.

Ông Dinh từng được huấn-luyện làm phi công dự khuyết cho chuyến bay năm 1985, nhưng không đi được vì không ai trong phi-hành-đoàn ở lại. Năm nay, ông đã được chọn vào phi-hành-đoàn chính-thức.

Nếu chương-trình này không có gì thay-đổi, ông Trịnh Hữu Dinh sẽ là người Á-châu đầu-tiên trên phi-thuyền không-gian của Mỹ, và là

người Việt-nam thứ hai bay vào vũ-trụ. Người Việt-nam đầu-tiên là Trung-tá VC Phạm Tuấn, ngồi trong phi-thuyền Liên-hợp 37 của Liên-sô năm 1980 trong chương-trình Intercosmos. Có điều, Phạm Tuấn bay với tư-cách tham-dự cho có mặt, còn Trịnh Hữu Dinh là chuyên-gia, có nhiệm-vụ rõ-rệt.

THÀNH-LẬP MẶT TRẬN DÂN TỘC DÂN CHỦ VIỆT-NAM

Tại Santa Ana (Cali, Hoa-kỳ) hôm 25.5.1991, tám tổ-chức đấu-tranh Việt-nam tại hải-ngoại vừa đoàn-kết lại thành-lập một tổ-chức chung, mệnh danh Mặt Trận Dân-Tộc Dân-Chủ Việt-Nam.

Tám tổ-chức này gồm:

- Việt-Nam Quốc-Dân Đảng
- Việt-Nam Dân Xã Đảng
- Liên-Minh Dân-Chủ Việt-Nam
- Cơ-sở Dân-Quyền
- Lực-Lượng Việt-Nam Tự-Do
- Liên-Minh Toàn Dân VN
- Tổ-chức Phục Việt (không phải đảng Phục Việt)
- Mặt Trận Việt-Nam Tự-Do.

Cơ-quan lãnh-đạo Mặt Trận là Hội-đồng chỉ-đạo, gồm 22 thành-viên. Cơ-quan điều-hành Mặt Trận là Ủy ban điều-hợp trung-ương, đứng đầu là tổng thư-ký (hiện do ông Nguyễn Văn Kim), bao gồm nhiều khối chuyên-môn.

Sự ra đời của Mặt Trận Dân-Tộc Dân-Chủ Việt-Nam là kết-quả của hai năm sát cánh phối-hợp công-tác của các đoàn-thể đấu-tranh tại hải-ngoại, thể-hiện ý-chí đoàn-kết dân-tộc, thống-nhất sách-lược để tập-trung toàn lực trong công-cuộc đấu-tranh cho dân-chủ Việt-nam.

Nguyên trong hai năm trước đây, nhóm này gồm tất cả 9 đoàn-thể tất cả. Tuy-nhiên, trong vài tháng trở lại đây, một trong số 9 thành-viên nguyên dự của tổ-chức là nhóm Phục Hưng đã mời Nguyễn Gia Kiểng (cánh Thông Luận) sang du-thuyết về chủ-trương hòa-hợp hòa-giải với CSVN. Sau chuyến đi của Nguyễn Gia Kiểng, Phục Hưng xin

rút tên ra khỏi nhóm 9 đoàn-thể. Các đoàn-thể còn lại đã đứng ra thành-lập Mặt Trận như trên.

Nếu 8 đoàn-thể này thực-sự thống-nhất được về mặt lãnh-đạo chỉ-huy, sẽ là tổ-chức mạnh nhất trong các tổ-chức quần-chúng đấu-tranh.

THAY ĐỔI NHÂN SỰ TẠI TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN QGTNGPVN

Theo tin tờ *Diễn-đàn chủ-nhật* phát-hành tại Nam California, ông Nguyễn Xuân Nghĩa, bí-danh Nguyễn Đồng Sơn đã ra khỏi Mặt Trận Quốc-Gia Thống-Nhất Giải-Phóng Việt-Nam.

Ông Nguyễn Xuân Nghĩa vẫn được coi là nhân-vật chủ chốt trong Mặt Trận Quốc-Gia Thống-Nhất Giải-Phóng Việt-Nam, và là nguyên-nhân gây ra sự rạn nứt của tổ-chức này năm 1985.

Theo lời ông Nghĩa tuyên-bố với báo *Diễn-đàn chủ-nhật*, ông đã từ-chức Vụ trưởng vụ Kế-hoạch và ra khỏi ban chấp hành từ 1.5.1991; chính-thức ra khỏi Mặt Trận ngày 6.6 vừa qua.

Nói về nguyên-nhân ra khỏi Mặt Trận, ông Nghĩa nói rằng tổ-chức này cần bố-trí lại nhân-sự phù-hợp với tình-hình mới để thuận-tiện đạt tới những mục-tiêu đấu-tranh do anh em đặt ra.

Làng Văn chưa nhận được bản tin chính-thức, nhưng qua các sự phối-kiểm, tin ông Nguyễn Xuân Nghĩa ra khỏi Mặt Trận Quốc-Gia Thống-Nhất Giải-Phóng Việt-Nam đã được xác-nhận.

Nguồn tin thân-cận Mặt Trận không xác-định nguyên-nhân chính khiến ông Nghĩa xin ra khỏi tổ-chức. Theo dư-luận bên ngoài, việc ông Nghĩa "ra đi" gồm nhiều nguyên-nhân khác nhau.

Thứ nhất, vụ thay vợ đổi chồng của ông Nghĩa và ca-sĩ Quỳnh Giao ảnh-hưởng xấu tới thanh-danh của một cán-bộ lãnh-đạo.

Thứ hai, sau vụ Mặt Trận Quốc-Gia Thống-Nhất Giải-Phóng Việt-Nam bị thuê vụ Hoa kỳ bố ráp, ông

Nghĩa bỏ tổ-chức chạy lấy thân.

Thứ ba, vì một số đoàn-thể và báo-chí hải-ngoại nghi-ky ông Nghĩa, vì ông cùng huyết-thống với Nguyễn Văn Linh. Mới đây, trên các báo xuất-bản tại Cali, ông Nghĩa còn úp-mở ca-tụng nhóm Thông Luận và chủ-trương hòa-giải với CS, đồng-thời lên án vụ bạo-hành ông Nguyễn Gia Kiểng tại Hòa-lan. Số báo *Kháng-chiến* mới nhất lại dành nhiều trang tường-thuật long-trọng về vụ ra mắt của cánh Phục Hưng, một nhóm vừa mới đứng ra tổ-chức mời Nguyễn Gia Kiểng sang Mỹ du-thuyết về đường lối "hoà-hợp hòa-giải."

Thứ tư, một cách nặng-nề hơn nữa, có báo còn nghi-ngờ ông Nghĩa làm gián-điệp cho chú, trà-trộn vào Mặt Trận Quốc-Gia Thống-Nhất Giải-Phóng Việt-Nam để tìm cách lũng-đoạn, tạo hiềm-khích giữa tổ-chức này và các đoàn-thể chính-trị này hải-ngoại. Cũng theo chiều hướng này, có dư-luận cho rằng ông Nghĩa có trách-nhiệm trong cái chết của tướng Hoàng Cơ Minh và 86 chiến-sĩ can-trương tại vùng biên-thùy Đông-dương; đồng-thời cũng chính ông Nghĩa cung-cấp tài-liệu để sở thuế đánh úp Mặt Trận, khi các em của tướng Minh không đồng ý hòa-giải với CSVN.

Tuy-nhiên giả-thuyết thứ tư này khó đứng vững, vì cho tới nay, Mặt Trận Quốc-Gia Thống-Nhất Giải-Phóng Việt-Nam vẫn kiên-quyết xác-định là tướng Hoàng Cơ Minh vẫn còn sống. Mặt khác, cũng chưa có chứng-cớ nào nào giúp xác-nhận rằng xu-hướng hoà-giải là chủ-trương của ai, giữa ông Nghĩa và các em của tướng Minh.

Về thân-thể, ông Nguyễn Xuân Nghĩa là cháu gọi Nguyễn Văn Linh bằng chú, nhưng ông Nghĩa vẫn khẳng-quyết là đường lối của hai chú cháu *hoàn-toàn dứt-khoát và đối nghịch* (mặc dù có lúc ông Nghĩa đã tham-gia Ủy ban cải-tạo công-thương-nghiệp, giúp ông chú lột sạch "bọn tư-sản mại bản" miền

Nam cho tới đồng xu cuối cùng).

Ông Nghĩa sinh năm 1944, tốt-nghiệp trường Cao-đẳng Thương-mại Paris, trước 30.4.1975 làm phụ-tá tổng-trưởng Kinh-tế, sau 30.4, làm phụ-tá chủ-tịch Ủy ban cải-tạo công-thương-nghiệp của VC.

Sau khi được chính-thức xuất-ngoại đi Pháp, ông sang Mỹ tham-gia Mặt Trận Quốc-Gia Thống-Nhất Giải-Phóng Việt-Nam và nhanh-chóng trở thành một trong những lãnh-tụ của tổ-chức này.

CỤU THỦ TƯỚNG NGUYỄN VĂN LỘC TỪ TRẦN TẠI PHÁP

LS Nguyễn Văn Lộc, 69 tuổi, vị thủ-tướng đầu-tiên của chính-phủ đệ nhị Cộng-hòa đã qua đời ngày 31.5.91 tại thị-xã Chatou, (Pháp) vì xuất-huyết não.

LS Nguyễn Văn Lộc sinh ngày 24.8.1922 tại Long-hồ, Vĩnh-long, tốt-nghiệp cử-nhân Luật và cử-nhân Hành-chánh tài-chánh tại Montpellier (Pháp), Cao-học Hình-phạm tại Paris (1964).

Về nghề-nghiệp chuyên-môn, ông làm luật sư toà Thượng thẩm Sài-gòn từ 1955 tới 1975.

Về chính-trị, LS Nguyễn Văn Lộc là chủ-tịch Ủy ban Chính-trị Hội-đồng Quân-dân, rồi chủ-tịch Hội-đồng này từ 1966 tới 1967; thủ-tướng VNCH từ tháng 11.67 tới 10.68.

Về giáo-dục, ông dạy tại trường Quốc-gia Hành-chánh từ 1965-1967; Đại-học Hòa-hảo (1970-1971); sáng-lập-viên, viện-trưởng Đại-học Cao Đài (1971-1975).

Về văn-chương, ông sáng-tác thơ văn dưới bút-hiệu Sơn Khanh, tác-giả các cuốn:

- *Tiếng lòng* (tập thơ, 1942)
- *Giai-cấp xã-hội* (truyện dài, 1948)
- *Bại binh* (truyện dài, 1948)
- *Hồn-độn* (truyện dài, 1949)
- *Bóng ngày xanh* (tập thơ, 1961)
- *Nước đục* (truyện dài, 1971)

Năm 1960, ông được mời vào ban giám-khảo giải Truyện ngắn

của báo *Tiếng chuông*, Sài-gòn.

Sau ngày 30.4.1975, LS Nguyễn Văn Lộc bị VC bắt giam tại Sài-gòn từ 22.8.75, bị đày đi lao-cải tại Thủ-đức, rồi Hà Nam Ninh.

Sau 5 năm tù, ông được thả, rồi bắt lại ngay, giam thêm một năm nữa, tới tháng 10.81 mới được thả lần thứ hai.

Sau 13 lần vượt biên thất-bại, cuối cùng ông ra tới hải-phận quốc-tế tháng 5.1983, được tàu Pháp vớt đưa vào Tân-gia-ba, tạm-cư tại Hoa-kỳ.

Tháng 8.1990, ông cùng gia-đình sang Pháp, định-cư tại Chatou và mất tại đây (theo tài-liệu của *Bao-La cư-sĩ*)

BIỂU-TÌNH PHẢN-ĐỐI

Một cuộc biểu-tình lớn được cộng đồng VN triệu-tập tại Ottawa, lúc 12 giờ trưa ngày 23.6 tại 755 Somerset, nhằm phản-đối sự tái-lập tòa đại-sứ VC tại Gia-nã-đại. Tin chi-tiết sẽ loan vào số tới.

MỘT LỐI THOÁT CHO CÁC THUYỀN-NHÂN GỐC TỪ CHÍNH-TRỊ CSVN

Tin từ Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại cho biết, ông Robert Funseth, phụ-tá cao-cấp Thứ-trưởng Ngoại-giao Hoa-kỳ, trước khi về hưu đã gọi điện-thoại cho nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, chủ-tịch Văn Bút VNHN để báo tin, và cho biết, khi về hưu, ông sẽ rộng-rãi thì giờ hơn và mong sẽ trợ giúp các thuyền-nhân VN từng bị CS giam-cầm trong các trại tù chính-trị.

Được biết, với cương-vị mới, cố-vấn bộ Ngoại-giao, ông Funseth sẽ tích-cực vận-động để nhận định-cư các người tằm-trú (asylum seekers) bị Cao ủy Tị nạn bác đơn tái cứu-xét sau khi bị loại lúc thẩm-vấn thanh-lọc, ưu-tiên cho quý vị bị tù từ ba năm trở lên.

Quý đồng-bào lâm hoàn-cảnh khó-khăn như trên, xin liên-lạc Trung Tâm Văn Bút VNHN để nhờ can-thiệp. Có thể viết thư về tòa-soạn Làng Văn, nhờ chuyển.

tin tị-nạn



THỦ TƯỚNG GIA NÃ ĐẠI THĂM TRẠI TỊ NẠN HƯƠNG CẢNG

Thủ-tướng Brian Mulroney và phu-nhân đã tới thăm trại tị-nạn Việt-nam tại Hương-cảng hôm 25.5 vừa qua. Nhân dịp này, ông đã sinh-hoạt với 200 đồng-bào trại, tuyển-chọn trong số những người biết nói tiếng Anh. Họa-sĩ Nguyễn Đại Giang đã tặng vợ chồng ông thủ-tướng một bức sơn dầu vẽ cấp-tốc chân-dung hai người. Ông bà Mulroney rất thích và bức tranh này đã được hàng trăm tờ báo Hương-cảng và Gia-nã-đại đăng lại.

Phát-biểu trong buổi sinh-hoạt, Thủ-tướng Mulroney tuyên-bố sẽ đưa vấn-đề thuyền-nhân Việt-nam ra thảo-luận trước Hội-nghị 7 cường-quốc kỹ-nghệ, sẽ họp tại Luân-đôn vào tháng 7 tới, nhằm giải-quyết tình-trạng ứ-động hiện-tại. Ông nói: "Phương-thức hữu-hiệu nhất để giải-quyết vấn-nạn thuyền-nhân tại Hương-cảng là mọi quốc-gia kỹ-nghệ tiên-tiến trên thế-giới tiếp-nhận con số tương-tự như Gia-nã-đại. Được vậy, gánh nặng này sẽ nhẹ hẳn đi ngay tức-khắc."

Quốc-gia Gia-nã-đại, với dân-số chưa tới 27 triệu người, đã nhận tất cả 146.987 thuyền-nhân Việt-nam (hơn 5/1000 dân số), trong đó có 23.000 thuyền-nhân từ Hương-cảng. Trong khi đó, đối với các thuyền-nhân Việt-nam tại Hương-

cảng, Hoa-kỳ với 253 triệu dân, chỉ nhận có 53.000 người; Anh-quốc với 58 triệu dân, chỉ nhận có 13.000 người; còn Pháp, Đức, mỗi nước chỉ nhận 2.000 người.

HƯƠNG CẢNG KHÔNG CÒN KIỂM SOÁT NỔI BỜ BIỂN

Trước số lượng thuyền tị-nạn dồn tới như hiện nay, cảnh-sát và thủy cảnh Hương-cảng không còn kiểm-soát nổi bờ biển của họ, nhiều thuyền tị-nạn Việt-nam đã cập bến ngay nơi phố chợ đông-đức.

Ngày 15.5 trước đây, 100 thuyền-nhân lên bờ tại Kennedy Town, túa ra chợ mua thức ăn, nước uống, nhìn ngấm phố-phường, mãi mấy giờ sau cảnh-sát mới được báo tin, tới nơi đi lùng kiểm từng người gom về thuyền dẫn tới trạm tiếp-nhận.

Đầu tháng 6 sau đó, 4 thuyền khác lại đổ 164 thuyền-nhân vào nhiều vị-trí khác nhau mà các tàu

tuần của thủy cảnh không phát-giác.

Chỉ riêng ngày 7.6, có tới 284 thuyền-nhân tới Hương-cảng trên 9 chiếc thuyền buồm, nâng tổng-số cập bến trong năm 1991 lên tới 10.000 người, tăng 300% so với năm ngoái.

Hiện nay Hương Cảng có 60.000 thuyền-nhân, trong đó chỉ có 6.304 người được hưởng qui chế tị nạn.

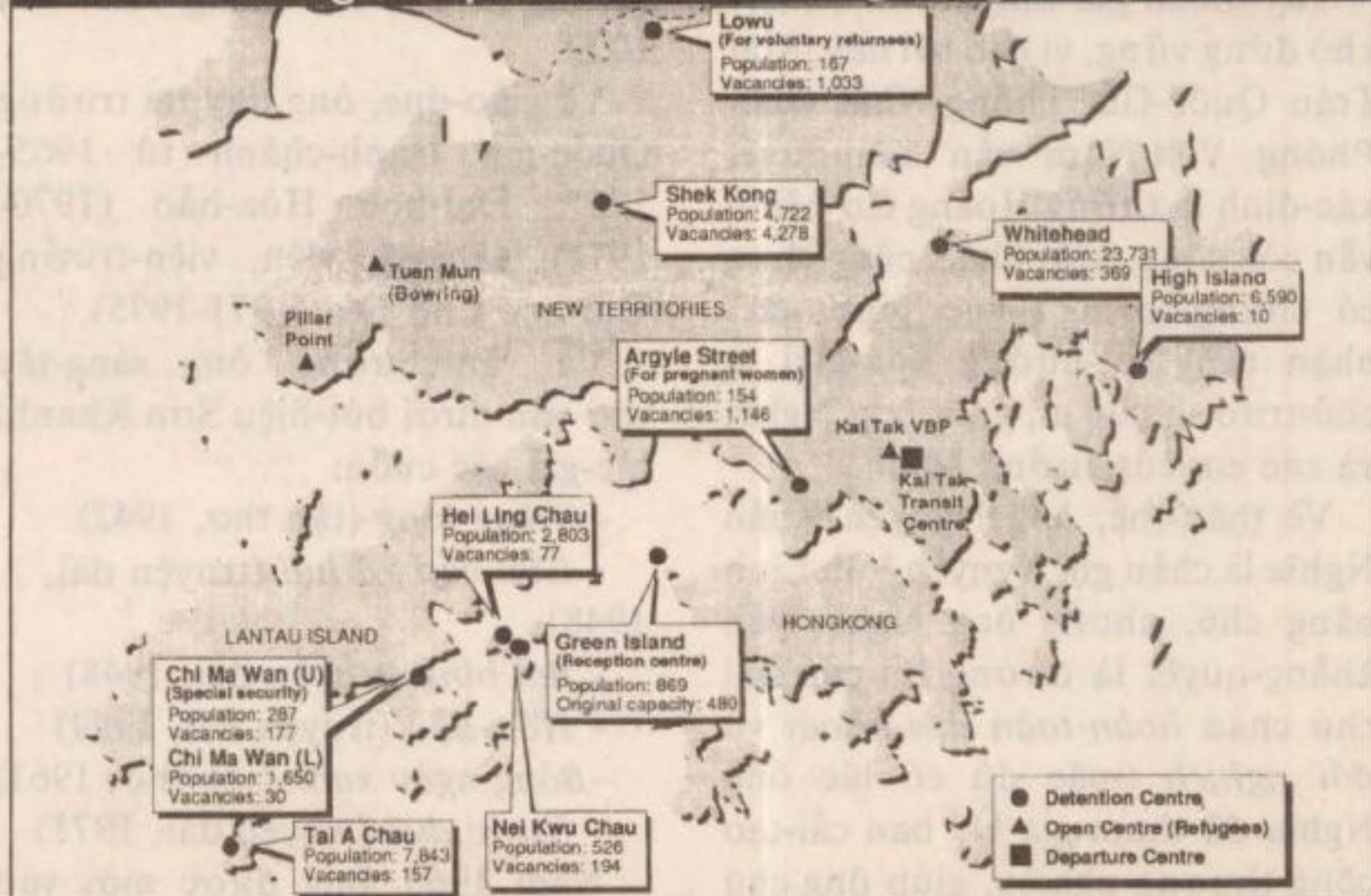
17 THUYỀN-NHÂN CAN TỘI SÁT-NHÂN

Tổng cộng 17 thuyền-nhân Việt-nam tại trại Bạch đầu đã bị giải ra trước tòa thượng-thẩm Hương-cảng hôm 21.5 về tội mưu-sát một bạn đồng-cảnh trong trại tù tị-nạn.

Danh-sách các bị can gồm Nguyễn Minh Trí, 28 tuổi; Phạm Văn Phú, 19; anh em song sinh Lê Quang Chiến và Lê Quang Thắng, 16; Nguyễn Thanh Hải, 18; Nguyễn



The tight squeeze in the Hongkong camps



Tình-trạng chen-chúc tại các trại tù tị-nạn ở Hương-cảng

Mạnh Hùng, 18; Lê Quang Linh, 25; Vũ Văn Tuấn, 34; Tống Đình Phi, 20; Nguyễn Quang Huy, 27; Nguyễn Duy Châu, 30; Nguyễn Thắng Tùng, 26; Nguyễn Duy Tuyền, 27; Lê Minh Tuấn, 21; Phạm Văn Bách, 42; Nguyễn Quốc An, 25 và Nguyễn Việt Hùng, 29.

Tất cả đều tuyên-bố vô-tội trước cái chết của thuyền-nhân Nguyễn Chí Dũng, 20 tuổi. Anh Dũng chết vì 88 nhát dao, 10 vết chém và 20 vết xây xát trên đầu, cổ, ngực, bụng và tay chân. Hai vết thương trí mạng là hai vết dao đâm thủng tim và hai buồng phổi của nạn-nhân.

Vụ thảm-sát diễn ra lúc 5 giờ sáng ngày 10.12.1989, trong lúc nạn-nhân đang ngủ chung trong một ngăn buồng, cùng với người chủ và cô em gái, khoảng 20 thanh-niên mang mặt nạ, tay cầm vũ-khí, gậy-gộc xông vào gian nhà lòi nạn-nhân ra đâm chém, đánh-đập cho tới chết, trước sự chứng-kiến của 500 người khác.

Các nhân-chứng khai rằng, chính Nguyễn Minh Trí, phó đại-diện phòng đã mở cửa trước cho nhóm bịt mặt xông vào, sau đó chính tay anh ta cũng cầm cây sắt xông vào đập túi-bụi vào người nạn-nhân.

Trong lúc bị đánh, nạn-nhân đã nhận ra -một số hung-thủ và gọi lớn tên của họ ra. Sau khi bị nhận-diện, các hung-thủ này đã cởi bỏ mặt nạ, nhưng vẫn không buông tha nạn-nhân.

Nội-vụ đang được bồi-thẩm-đoàn 9 người và thẩm-phán Barnes tiếp-tục xét-xử.

2.360 NGƯỜI TỊ NẠN VƯỢT TRẠI HƯƠNG-CANG

Tờ *South China Morning Post* hôm 13.6 tiết-lộ, 2.360 thuyền-nhân Việt-nam đã vượt trại, đào-thoát vào thành-phố Hương-cảng kể từ ngày chính-sách thanh-lọc được ban-hành.

Nhân-viên trừng-giáo và canh-sát Hương-cảng ráo-riết truy-lùng, bắt lại được 3/4 tổng-số người trốn, và 1/4 còn lại đã thoát.

Trong số 587 người trốn thoát, có 100 đồng-bào ở trại trại Lộ-vũ, nơi giam những người tự-nguyện hồi hương đang chờ chuyển bay.

HOA-KỲ CHẤP-THUẬN KẾ-HOẠCH "HỒI HƯƠNG KHÔNG TỰ NGUYỆN"

Do kết-quả hai ngày họp 3 và 4.6 tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, Anh-quốc, Hương-cảng và Hoa-kỳ đã thỏa-thuận chấp-nhận kế-hoạch hồi-hương không tự-nguyện người tị-nạn Việt-nam tại Hương-cảng.

Sự thay-đổi thái-độ của Hoa-kỳ do ảnh-hưởng của bản báo-cáo của 6 tổ-chức ngoại chính-phủ (*Non-Governmental Organizations*) vừa thăm Việt-nam trong tuần-lễ từ 14 tới 21.5 vừa qua. Sáu tổ-chức này gồm Trung-tâm Tác-vụ Đông-dương (IRAC, thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, của GS Lê Xuân Khoa), Episcopal Migration Ministries (Nữu-ước), Immigration and Refugee Program (Nữu-ước), Lutheran Immigration and Refugee Service (Nữu-ước), Interchurch Committee for Refugees (Toronto, Gia-nã-đại) và Australian Council for Oversea Aid (Canberra, Úc).

Sáu tổ-chức này sang Việt-nam quan-sát tình-trạng của các thuyền-nhân tự-nguyện hồi-hương và báo-cáo với chính-phủ Hoa-kỳ rằng

không có dấu-hiệu nào chứng-tỏ CSVN ngược-đãi, bạo-hành hay kỳ-thị các thuyền-nhân trở về.

Theo tinh-thần bản thông-cáo chung giữa Anh, Mỹ và Hương-cảng, các thuyền-nhân không-tự-nguyện trở về sẽ được đưa vào các trung-tâm tiếp-cư nằm trong lãnh-thổ Việt-nam và do Cao-ủy Liên-hiệp-quốc điều-hành. Ba trung-tâm lớn nhất được nhắc tới là Phú-quốc, Côn-đảo và Cát Bà.

Trong khi đó, tờ *South China Morning Post* cho biết, Liên-hiệp-quốc không thể trả tiền cấp dưỡng cho các thuyền-nhân tự nguyện hồi hương như đã quảng-cá khi phát mẫu đơn xin trở về nguyên-quán cho người tị-nạn.

QUỸ GÓP TEM GỬI SÁCH BÁO SANG CÁC TRẠI TỊ NẠN

Làng Văn cầu cứu, quỹ góp tem gửi sách báo cho đồng bào tị-nạn bị thiếu-hụt trăm-trọng. Khả-năng đóng-góp của tòa-soạn hàng tháng chỉ đáp ứng được một phần nhỏ nhu-cầu. Kính mong quý hội-đoàn, thân-hữu và độc-giả tiếp sức giúp-đỡ thường-xuyên. Xin đa tạ.

ÔB Nguyễn Trọng Biều, St.

Hubert 50GK

V.G., Montréal..... 20GK



Những Vấn-Đề Hôm Nay

Nguyễn Hữu Nghĩa

VỤ BÙI TÍN VÀ DUYNG THU HƯƠNG

Bạn đọc dù ở trong hay ngoài nước, nếu không theo sát tình-hình chính-trị Việt-nam, có thể vẫn còn xa lạ với các tên này.

Bùi Tín, 64 tuổi đời, 45 tuổi đảng, bút-hiệu Thành Tín, cựu đại-tá Quân-đội Nhân-dân VC, phó tổng biên-tập tờ *Nhân-dân* kiêm tổng biên-tập tuần-báo *Nhân-dân Chủ-nhật*, cả hai đều là cơ-quan ngôn-luận của đảng CSVN. Sau khi được Hà-nội đưa sang Pháp công-tác (không nói là công-tác gì), từ Paris, Bùi Tín dâng kiến-nghị về xin Đảng sửa-đổi, sau đó bị Hà-nội cách-chức, trở thành một loại lãnh-tụ đối-lập.

Dương Thu Hương, 44 tuổi, cán-bộ văn-nghệ Đảng, tốt-nghiệp trường Lý-luận nghiệp-vụ, công-tác tại vùng Bình Trị Thiên trong chiến dịch *Tiếng hát át tiếng bom* khi quân xâm-lăng Bắc Việt chưa chiếm được miền Nam. Họ Dương được kết nạp vào Hội Nhà Văn, viết tiểu-thuyết tuyên-truyền cách-mạng, được Đảng in 8 tác-phẩm, nhưng chỉ bắt đầu nổi tiếng khi Nguyễn Văn Linh noi theo dấu Liên-sô, phát-động phong-trào văn-nghệ cởi trói năm 1987.

Cả Bùi Tín lẫn Dương Thu Hương đều là cán-bộ trung-kiên của Đảng. Cả hai cùng đảm-nhận công-tác trình-diễn dân-chủ, qua nhiều giai-đoạn và hình-thức khác

nhau. Họ Bùi đóng vai chính-khách đối-lập. Dương Thu Hương thoát đầu làm chim mồi văn-nghệ cởi trói, đóng vai Yevgeny Yevtushenko giúp Hà-nội tô màu cải-cách kiểu Mạc-tư-khoa, một mặt để tạo ảo-tưởng tâm-lý thoải-mái trong quần-chúng (tránh nổi dậy), một mặt tỏ ra tiến-bộ, ngoan-ngoãn để Liên-sô tiếp-tục viện-trợ.

Cuối năm 1990, biết chắc rằng Liên-sô không còn khả-năng chi-viện nữa, Hà-nội tỏ ý từng-phục Trung Cộng để tránh một cuộc chinh-phạt thứ hai mà ai cũng biết nếu xảy ra, chắc-chắn Hà-nội không đỡ nổi vì đã mất nguồn tiếp-liệu từ Mạc-tư-khoa. Hà-nội còn nuôi hy-vọng được Trung Cộng viện-trợ như thời chiến-tranh xâm-lăng miền Nam.

Phong-trào chỉ-trích Đảng và Nhà nước lập tức bị đình-chỉ. Những con chim mồi lập tức im tiếng hót. Hà-nội dứt-khoát từ bỏ con đường “đổi mới”, trở lại với chủ-trương giáo-điều bảo-thủ kiểu Bắc-kinh. Tiếp tới thời-gian chuẩn-bị Đại-hội Đảng lần thứ VII, các phe nhóm chính-trị trong Đảng ráo-riết cất-tĩa vây-cánh của nhau để tranh-thủ quyền-lực trong lúc sắp-xếp lại bộ máy độc-tôn.

Những người từng góp sức công-kích Đảng mạnh nhất bị chỉnh-huấn (Trần Độ), cách chức (Nguyễn Ngọc). Trong vòng ba tháng cuối năm 1990, Đảng khai-trừ gần 80 ngàn đảng-viên. Trong

số người bị khai-trừ trong giai-đoạn đó không có Dương Thu Hương.

Họ Dương chỉ bị khai-trừ và bị bắt khi Đảng đạo-diễn màn kịch thứ ba: dân-chủ có đối-lập kiểu Mỹ, với mục-đích trình-diễn cho chính-phủ và công-chúng Hoa-kỳ xem. Hiện nay là giai-đoạn “bắt”, người ta chờ xem, sau Đại-hội Đảng sẽ thả và họ Dương trở thành lãnh-tụ đối-lập trong nước, hợp-tác cùng Bùi Tín, lãnh-tụ đối-lập tại hải-ngoại, thành-lập khối đối-lập Nhà nước. (1)

Tin Dương Thu Hương bị bắt không khiến ai ngạc-nhiên hay xúc-động, ngoài các con buôn văn-nghệ mừng-rỡ vì nghĩ rằng sẽ được dịp hốt bạc độc-giả tò-mò (tha-hồ in và bán, chẳng những không phải trả tác-quyền mà còn tự khoác cho mình nghĩa-vụ này nọ đối với đất nước!).

Không ngạc-nhiên, vì người ta đã tiên-đoán và chờ-đợi nó từ lâu, kể từ khi Hà-nội mới thay phong, chuyển cảnh, đổi tuồng “cải-cách” sang tuồng “dân-chủ đa nguyên.”

Cứ theo lẽ thường mà xét, đáng lẽ CSVN phải ra lệnh bắt họ Dương ngay sau buổi nói chuyện tại Câu-lạc-bộ Khoa-học Kỹ-thuật, ngày 9.2.90. Dưới một chế-độ mà chỉ cần lên tiếng phê-bình một viên công-an phượng, người dân đã chuốc lấy tai-vạ vào thân, không thể có chuyện một người đứng lên tấn-công toàn bộ chính-sách của Đảng, mà mãi tới 14 tháng sau mới bị bắt. Không bắt ngay, không phải vì bạo-quyền CS Hà-nội ngày nay dân-chủ hơn, mà do sự sắp-xếp chính-trị có thứ lớp, được chuẩn-bị chu-đáo, đạo-diễn khéo-léo. Dương Thu Hương không bị bắt trong lúc lên tiếng chỉ-trích Đảng mạnh nhất, vì lúc đó chiến-dịch trình-diễn “đổi mới” kiểu Mạc-tư-khoa chưa chấm-dứt.

Cái đuôi của chiến-dịch này còn kéo dài tới giữa năm 1990, cho tới khi nó hoàn-toàn phá-sản. Đảng chỉ lừa được một vài nhóm Việt-kiểu *nhẹ dạ và cả tin* (chữ của

DTH) tại hải-ngoại chứ không che mắt nổi khối quyền-lực ở điện Cẩm-linh, những người có thẩm-quyền quyết-định tiếp-tục hay chấm-dứt viện-trợ cho CSVN.

Sau khi Liên-sô đã thắng-thần tuyên-bố giảm dần và sẽ ngưng hẳn viện-trợ cho Việt-nam. Hà-nội hiểu ngay rằng việc trình-diễn *perestroika* không còn cần-thiết nữa. Vở hài-kịch công-kích Nhà nước đang diễn dở-dang đã phải xếp.

Như đã nói ở trên, sau khi bị Liên-sô bỏ rơi, Trung-ương lúng-túng tìm đường cứu Đảng. Có lúc Nguyễn Văn Linh đã phải bí-mật sang Trung-quốc bệ-kiến Giang Trạch-dân, và sau đó trở về đã đổi ngay sang thái-độ cứng-rắn với dân. Nhưng rồi mặc cho Hà-nội cố-gắng chứng-tỏ đã trở lại với giáo-điều cổ-điển, Bắc-kinh vẫn chưa quên bài học 1979, vẫn chỉ tặng cho CSVN những bài diễn-văn hoa-mỹ, nồng-ấm nhưng không có phong bao giấy đỏ kèm theo.

Túi tiền phương Bắc cứ thất cúg lại, trong khi CSVN lâm nguy đến nơi. Giữa trận đồ kinh-tế rối mù, Hà-nội chỉ còn một sinh-lộ duy-nhất là hướng hi-vọng về mối bang-giao Việt-Mỹ.

Hoa-kỳ ở tư-thế một nước lớn, tỏ ra độ-lượng, thay vì từ-chối

thắng, thì lại úp-mở yêu-cầu Việt-nam cải-cách sâu rộng, chấp-nhận một chế-độ đa-nguyên dân-chủ pháp-trị làm điều-kiện tiên-quyết. Thế là, chỉ trong vòng một tháng, cả nước Việt-nam rộn-rịp dọn màn thay phong, dựng vở soạn tuồng, tăng-cường đào kép để diễn một vở mới: tuồng dân-chủ đa-nguyên.

Muốn đa-nguyên trước hết phải có đối-lập chính-trị. Lập tức Bùi Tín, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Khắc Viện,... xuất-hiện một loạt. Một khuôn mặt văn-nghe *perestroika* cũng được điều ngay qua vai-trò mới, trở thành nhà đối-lập, là Dương Thu Hương. Đảng không quên gắn huy-chương chứng-nhận vai-trò "đối-lập" cho họ bằng cách lột chức, trục-xuất họ Bùi; và khai-trừ, bắt giam họ Dương.

Điều oái-oăm là trong khi đa-số đồng-bào trong nước tuy có biết tới nhưng ai cũng lơ-là vì không còn lạ gì những ngón bịp cổ-điển này, thì nhờ các bản tin của người Việt hải-ngoại (như Chữ Bá Anh, Đại Nam Thông Tấn), trong một sớm một chiều, danh-tiếng hai họ Bùi, Dương nổi như cồn tại hải-ngoại.

Nhà Bùi Tín ở Paris thì chính-khách cơ-hội ra vào tấp-nập, đủ mọi thành-phần, từ "hòa-hợp hòa-giải", Việt-kiểu đoàn-kết, cho tới

các nhóm đa-nguyên, liên-hiệp và cả một vài khuôn mặt còn hằn vết kháng-chiến chống Cộng. Tất cả cùng tụ-tập quanh họ Bùi, coi ông như một cái chìa khóa giúp họ mở cửa bước vào đường công-danh.

Phía Dương Thu Hương cũng ồn-ào không kém: UNESCO, tổ-chức quốc-tế vừa tôn-vinh Hồ Chí Minh vào hàng vĩ-nhân thế-giới cách đây chưa lâu, đã tiếp-tục biểu-dương Dương Thu Hương như một "biểu-tượng của tự-do"; 350 trí-thức Pháp, trong đó có nhiều người từng góp sức với cộng-sản quốc-tế bóp chết miền Nam Việt-Nam, lại ra kiến-nghị ủng-hộ người nữ cán-bộ chống Mỹ cứu nước này; chưa hết, 94 người ở hải-ngoại (trong đó chỉ có vài nhà văn nổi tiếng, hơn chục nhà văn không có tiếng và còn lại là những người không viết văn) đã ký tên chung trong một "bản lên tiếng", gián-tiếp xác-nhận tư-cách đối-lập của Dương Thu Hương. Con số 94 người này, nếu chỉ so với tổng-số người cầm bút, cũng đã quá ít; so với gần hai triệu đồng-bào tại hải-ngoại, quả thực càng không đáng kể.

Tỉ-lệ nhỏ-bé này chứng-tỏ rằng cộng-đồng người Việt tại hải-ngoại vốn đã trưởng-thành trong chính-trị, đã rút được những bài học quý-giá trên mặt trận chiến-tranh tâm-lý đối-kháng CSVN. Đồng-bào không phải ai cũng nhìn vấn-đề một cách hời-hợt, đặt bút ký một cách khinh-suất, hay tụ-tập quanh những khuôn mặt đối-lập cuội này để mưu-cầu lợi-lộc riêng-tư về sau. Hầu hết các tổ-chức và báo-chí đều tỏ ra dè-dặt.

Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, chủ-tịch Văn Bút VNHN, cảnh-giác rằng: "Đối với họ (BT, DTH), bác Hồ vẫn muôn đời vĩ-đại, chủ-nghĩa cộng-sản vẫn là lý-tưởng đúng-đắn của nhân-loại. Cái dĩ-vãng chống Mỹ diệt ngụy vẫn là những trang sử oai-hùng của dân-tộc. Đảng Cộng-sản vẫn là đảng duy-nhất lãnh-đạo nhân-dân như điều 4 hiến-pháp qui-định." (2)



Trong cột biếm văn, ký-giả Lão Hủ của báo *Nắng Mới* ở Montréal viết: "*Lão Hủ hay cái Hương bị bắt lâu rồi. Những văn bình-thân. Có gì phải ồn-ào lên đâu. Chúng nó dạy-dỗ con cái trong nhà thì có can chi tới chúng ta ở hải-ngoại.*" (4)

Nguyệt-san Hồn Việt (Cali) nêu rõ: "*Dù độ-lượng thế nào đi nữa, người ta chỉ có thể 'đồng-thuận', lấy con điểm đã hoàn-lương, hoặc kết bạn với kẻ cướp khi nó đã biết cải tà qui chính, nhưng chẳng ai ngu dại mà 'hòa-hợp hòa-giải' lúc chúng chỉ 'đổi mới' mấy bộ quần áo bên ngoài.*" (3)

Đối với trường-hợp Bùi Tín, Dương Thu Hương, con đường tham-chính của họ thăng-trầm tùy theo nhu-cầu trình-diễn đối-lập dân-chủ đa nguyên do Hà-nội định mức, để được Mỹ chấp-nhận bang-giao. Với một khối cầm quyền như thế, một nhóm đối-lập như thế, nhân-dân Việt-nam được lợi gì, ngoài vài bài diễn-văn chất-chứa nghe cho sướng tai mà tạm quên cơn đói! Và nếu thoả-mãn ngay với những điều-kiện đơn-giản như thế e rằng còn lâu lắm, dân ta mới thực-sự hết khổ!

HỘI-LUẬN VỀ TÁI-THIỆT VIỆT-NAM

Trong nửa năm trở lại đây, tại hải-ngoại dấy lên một loại sinh-hoạt mới, tạm đặt tên là phong-trào hội-luận về vấn-đề tái-thiết Việt-nam.

Cộng-đồng Việt-nam ở khắp nơi, từ đông sang tây, từ bắc bán cầu tới nam bán-cầu, từ phụ-lão tới thanh-niên sinh-viên, từ tổ-chức thân Cộng tới tổ-chức chống Cộng, từ đối-lập thật cho tới đối-lập giả,... tất cả đều hết sức bận-rộn với các đề-tài như xây-dựng "dân-chủ đa-nguyên" cho Việt-nam, bàn về thể-chế chính-trị tương-lai của Việt-nam, cải-tổ chế-độ kinh-tế, giáo-dục, xã-hội tại Việt-nam, đường lối ngoại-giao của Việt-nam trong tương-lai,...

Nhìn chung, sự quan-tâm như trên đây đích-đáng và cần-thiết, nhưng chưa đủ, chưa bao quát, và nhất là thiếu căn-bản. Đã đành rằng làm chính-trị phải biết nhìn xa trông rộng, biết sắp-đặt kế-hoạch lâu dài, nhưng đồng-thời cũng phải biết nhìn xuống chân mình và những bước khởi đầu ngay trước mắt. Từ Sài-gòn muốn lái xe đi Hà-nội, trước hết phải biết cái cầu Phan Thanh Giản nó nằm ở hướng nào. Muốn xây một cái nhà, trước nhất phải khởi-sự từ chân móng. Muốn kiến-thiết Việt-nam, phải loại bỏ chủ-nghĩa, chế-độ và chính-quyền cộng-sản. Đó là điều tất yếu.

Chúng ta có thể đồng ý với nhau một cách dễ-dàng rằng chế-độ cộng-sản Việt-nam sẽ sụp-đổ. Đó là điều hiển-nhiên. Nhưng bao lâu nữa mới sụp, sụp cách nào và bàn tay nào làm cho nó sụp, nhiều người hãy còn hời-hợt võ-đoán hay gạt hản qua một bên không bàn đến nữa.

Dĩ-nhiên là nếu chúng ta không cần làm gì cả, CSVN tự nó cũng sẽ tàn-lụi theo trào-lưu tiến-hóa của nhân-loại, trong mười năm, hai mươi năm, hay cùng lắm, năm mươi năm nữa. Ôi những con số đáng yêu, vô-tội, không hận-thù, không đổ máu. Tiếc là đời người quá ngắn, mà dân-tộc Việt-nam đã bị đọa-đày quá lâu. Trông ra ngoài thấy người ta đã tiến quá xa mà trên quê-hương mình đồng-bào còn thay trâu kéo cày trên những thửa ruộng sâu, ai là người đủ can-đảm khoanh tay ngồi chờ ông thần thời-gian dọn giùm gai-góc!

Có người bàn rằng, Liên-sô đã mở cửa, Đông Âu đã thay-đổi, rồi thì Việt-nam cũng phải đổi theo.

Quan-niệm này thật quá dễ-dãi. Nên nhớ rằng trong khi Liên-sô mở cửa, Trung Cộng vẫn tàn-sát sinh-viên ở Thiên an môn, Giang Trạch-dân khẳng-định tại Mạc-tur-khoa rằng Hoa-lục vẫn theo đường cũ; trong khi Đông-Âu thay-đổi, Bắc Hàn vẫn cài gián-điệp vào phong-trào sinh-viên, tạo hỗn-loạn chính-trị để chờ dịp nắm chính-

quyền tại Nam Hàn; và Hà-nội vẫn áp-dụng chính-sách chuyên-chế, khẳng-định chủ-trương độc-quyền độc-đảng, bắt giam hàng chục ngàn người tình-ngghi chống-đối, tiếp-tục đàn-áp và giam-giữ tu-sĩ, văn-nghe-sĩ...

Cơ bản cách-mạng nhân-bản tại Đông Âu thật dững-mãnh, nhưng khi thổi tới Việt-nam xa-xôi, đã trở thành một cơn gió mát. Cơn gió có tác-dụng xoa dịu nỗi thống-khổ, sự cuồng-nộ của những người đang bị áp-bức. Cơn gió tạo ảo-tưởng cho một số người lười-lĩnh, ngại khó ngại khổ, chỉ thích nằm chờ sung rụng, mong người khác đứng lên làm cách-mạng thay cho mình, hay mong cho bạo-quyền uống phải thuốc tiên, trở nên hiền-lành ngoan-ngoãn như đàn cừu, thần-nhiên chấp-nhận đa-nguyên, đa-đảng, tổ-chức bầu-cử tự-do để bàn giao chính-quyền một cách êm-thắm.

Tư-tưởng cầu-an, mơ-tưởng nông-cuồng ấy đã và đang làm phân-tán nỗ-lực chung của chúng ta. Biết bao nhiêu tổ-chức, biết bao nhiêu thanh-niên nam nữ đang phung-phí thì giờ và tiền bạc, bàn-tán mãi những chuyện viển-vông, xây-dựng những tòa lâu-đài trên cát và trong mơ. Biết bao mũi nhọn thay vì hướng về phía bạo-quyền, chúng ta hoặc đang hướng vào nhau, đâm sau lưng nhau, hoặc phóng vào khoảng không. Thay vì tiếp-tục vận-động quốc-tế bao-vây, cấm-vận, chấm-dứt viện-trợ để tạo thêm điều-kiện thuận-lợi cho một cuộc vùng dậy lấy lại chính-quyền, một vài tổ-chức (như IRAC của ông Lê Xuân Khoa) còn tỏ ý mong Hoa-kỳ thiết-lập bang-giao với Hà-nội, với ý-tưởng sai-lầm rằng đồng tiền tư-bản có thể mang lại ấm-no hạnh-phúc cho dân Việt, qua bàn tay trung-gian của guồng máy tham-ô của cộng-sản. Chính-sách kinh-tế thị-trường chỉ có thể áp-dụng thành-công và mang lại ấm-no hạnh-phúc cho dân-chúng khi không còn chính-quyền cộng-sản. Viện-trợ cho Việt-nam trong lúc

này chẳng khác nào trao bình máu cho Ma Dơi Dracula, nhờ truyền cho con bệnh.

Có hai điều rất đơn-giản và hiển-nhiên mà chúng ta phải ghi-nhận được qua quá-trình dân-chủ hóa của các nước Đông Âu: thứ nhất, cuộc cách-mạng nhân-bản tại Đông Âu *không phải là một cuộc cách-mạng không đổ máu*, mà chỉ đổ ít máu, nhờ sự quyết-tâm của toàn-thể dân-chúng; thứ hai, đồng tiền tư-bản chỉ được trao tới *sau khi* chủ-nghĩa, chế-độ và chính-quyền độc-tôn cộng-sản đã sụp-đổ.

Nếu chúng ta hèn yếu sợ chết, sợ khổ, thì đừng làm cách-mạng. Hãy cúi đầu theo đuôi nhóm Bùi Tín, Dương Thu Hương như đám cộng-sản Paris, như cánh Thông Luận, trở thành một thứ *đối-lập được sắp-xếp*, hủ-hê ngồi ghé vào giai-cấp thống-trị, ôm lấy huyền-tượng sẽ cải-tạo được cộng-sản.

Nếu chúng ta không thỏa-hiệp được với bạo-quyền, thì phải đứng lên dẹp bỏ bạo-quyền; và phải theo đúng tiến-trình hợp-lý là sát-trùng vết thương trước khi mổ, dọn sạch gai-góc trước khi xây. Đảng Cộng-sản Việt-nam như một bọn cướp đang chiếm-ngự, tàn-phá căn nhà của chúng ta, khiến chúng ta phải chạy lấy thân, nhờ sự bảo-bọc của hàng xóm. Việc đầu-tiên của chúng ta là phải hợp sức lại đánh đuổi bọn

cướp bằng sức mình, hoặc nương vào sức người (láng diềng, pháp-luật, cảnh-sát). Hãy khoan tranh-cãi rằng sẽ mua màn cửa màu gì, kê bàn ghế mới ở đâu, xây lại cái bếp ra sao, sửa sang cái bồn tắm như thế nào,... Những việc làm thừa-thãi như vậy chỉ làm chia trí, tản lực, phí thì giờ và hỏng cả việc chính.

Những cuộc hội-luận tái-thiết Việt-nam, như đã nói ở trên, chỉ bố-ích và cần-thiết, khi tiến-hành song-song với sự vận-động, tham-gia hay tích-cực hỗ-trợ cuộc cách-mạng tiêu-diệt chủ-nghĩa cộng-sản, giải-phóng con người Việt-nam.

Trong hoàn-cảnh căng-thẳng hiện-tại, chúng ta phải dồn nỗ-lực lật-đổ cộng-sản trước, xây-dựng đất nước sau. Sự suy-nghĩ về việc tái-thiết vẫn tốt và cần-thiết, trong mục-đích chuẩn-bị chu-đáo tương-lai; nhưng nó sẽ trở nên nguy-hiểm nếu chúng ta chỉ nói, chỉ bàn về việc tái-thiết mà bỏ quên các việc khác, khiến tư-tưởng bị chuyển-hướng, và nỗ-lực chung của Cộng-đồng bị vô-hiệu-hóa.

"HÒA-HỢP, HÒA-GIẢI DÂN-TỘC"

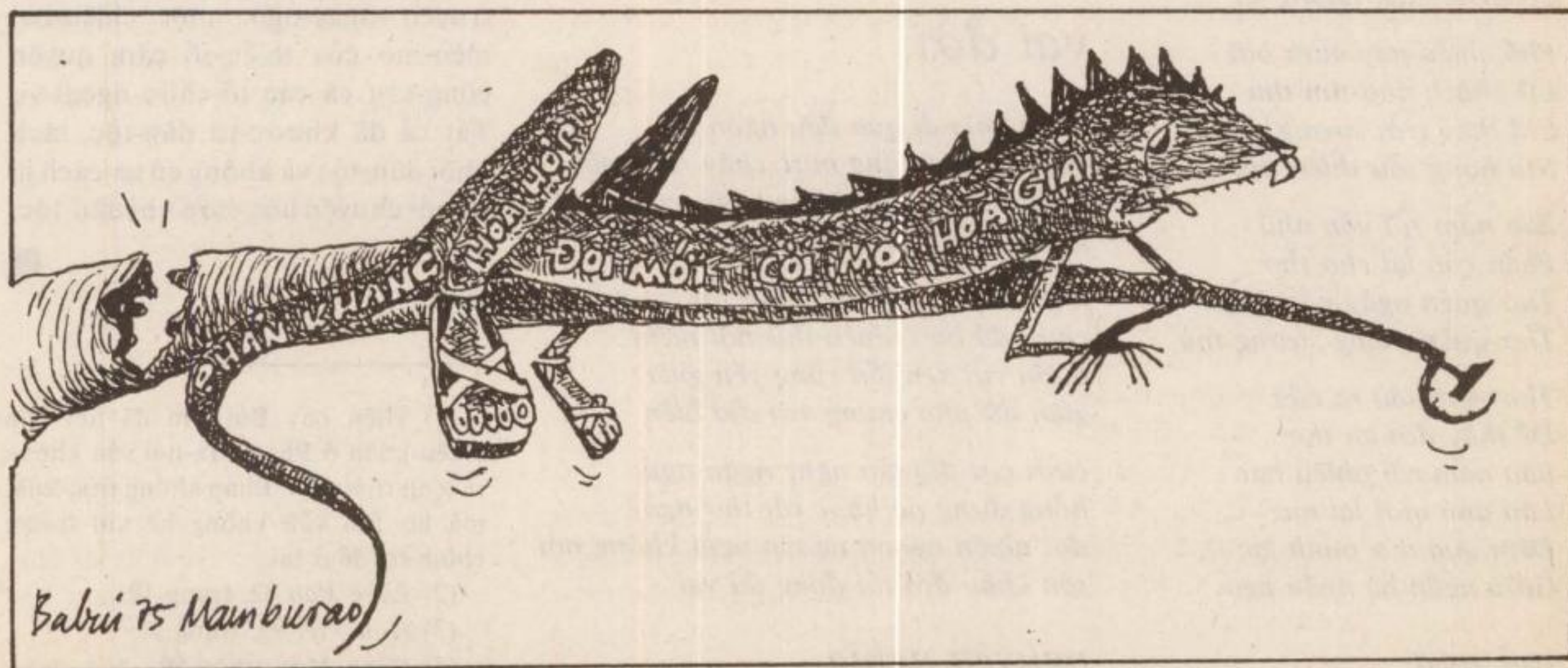
Liên-hiệp, đại-đoàn-kết, hoà-hợp hòa-giải dân-tộc là những

chiêu-bài rất cũ, luôn luôn được CSVN sử-dụng để đỡ đòn mỗi khi lâm vào thế-yếu; khi ở thế mạnh, CS không bao giờ nói tới "hòa-giải", mà lên giọng kẻ cả: "khoan-hồng nhân-đạo."

Vấn-đề hoà-giải hòa-hợp dân-tộc đã được nêu ra từ lúc CS Bắc Việt cho thành-lập Mặt Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam vào tháng 12.1960. Sáu chữ này còn được nhắc đi nhắc lại trong bản Hiệp-định Paris 1973 và các Nghị-định-thư kế-tiếp nói về việc ngưng bắn tại Việt-nam. Sau khi VC chiếm xong miền Nam, vấn-đề hòa-hợp hòa-giải cũng như Hiệp-định Paris bị dẫm nát dưới gót chân xâm-lược. Hàng trăm ngàn quân dân, công-chức miền Nam bị thủ-tiêu, tù-đày, tẩy não trong các nhà tù và trại lao-cải.

Trong những năm gần đây, khi bị cộng-đồng Việt-nam hải-ngoại làm khó dễ trên lãnh-vực ngoại-giao, ngoại-viện, chiêu-bài cũ-kỹ này mới được CS mang ra dùng lại, và trở thành phương-châm của nhóm Bùi Tín, Thông Luận.

Trên báo *Ngày Nay* (Texas) số ra ngày 15.6, ông Vương Hữu Bột cũng viết rằng vấn-đề hòa-hợp hòa-giải dân-tộc không có gì sai, chỉ có việc hô khẩu-hiệu hòa-hợp hòa-giải khiến chúng ta chống-báng nhau,



và ông đề-nghị người Việt hãy ngồi lại với nhau qua một nhóm từ khác.

Tôi không đồng ý với ông Bớt, vì lẽ vấn-đề *hòa-hợp hòa-giải dân-tộc* hoàn-toàn sai từ căn-bản.

Dân-chúng Việt-nam thì đông, nhưng dân-tộc Việt-nam chỉ có

một. Dân-tộc Việt-nam không hề xung-khắc, thì cần gì tới hòa-hợp, hòa-giải. Sự xung-khắc ở Việt-nam là sự xung-khắc giữa chủ-nghĩa cộng-sản và chủ-nghĩa quốc-gia dân-tộc. Cuộc xung-đột tại Việt-nam là cuộc xung-đột giữa khối

quyền-lực cộng-sản và dân-tộc Việt-nam. Đảng và Nhà nước Cộng-sản *không đại-diện cho một phần dân-tộc*, mà đại-diện cho thế-giới đại đồng, đàn-áp, khổng-chế dân-tộc Việt-nam.

Do đó, vấn-đề "hòa-hợp, hòa-giải", nếu có, chính ra phải đặt giữa khối cộng-sản quốc-tế (mà đảng CSVN là một phần) và dân-tộc Việt-nam. Trong trường-hợp này, dân-tộc Việt-nam là thành-phần bị đàn-áp, chứ không phải kẻ chủ-động đàn-áp. Cộng-sản chủ-động đàn-áp nên Cộng-sản phải chủ-động hòa-giải, bằng cách ngưng đàn-áp, giải-tán thể-lực thống-trị là đảng và chính-quyền cộng-sản, sự xung-đột sẽ chấm-dứt, hòa-bình tức-khắc tái-hiện, vấn-đề hòa-giải không cần phải nói tới nữa.

Riêng những con người Việt-nam trót lầm-lỡ làm tay sai cho Cộng-sản, nếu họ giác-ngộ và trở về, hòa-nhập vào đại-thể dân-tộc, tất-nhiên vấn-đề hòa-hợp cũng không cần phải đặt ra nữa.

Tóm lại, dân-tộc Việt-nam không vướng-mắc gì tới vấn-đề hòa-hợp hòa-giải. Dân-tộc ta là một khối, có chung một ngôn-ngữ, lịch-sử và truyền-thống văn-hóa, nên không có vấn-đề hòa-hợp hòa-giải dân-tộc, cũng như không cần phải giao-lưu văn-hóa... với nhau. Cuối cùng, hòa-hợp hòa-giải dân-tộc chỉ còn là một khẩu-hiệu tuyên-truyền ngậy-ngô, một chiêu-bài méo-mó của thiểu-số cầm quyền cộng-sản và các tổ-chức ngoại-vi. Tất cả đã khước-từ dân-tộc, tách khỏi dân-tộc và không có tư-cách gì để nói chuyện hòa-hợp với dân-tộc.

thơ quên

Bao năm rồi lưu lạc
Lòng vẫn nhớ quê xưa
Nhớ hàng cau luống cải
Bờ sông mát bóng dừa

Bao năm rồi viễn xứ
Quê hương chìm khói sương
Trời quê ai nắng ngọt
Sao nghe hồn tà dương

Bao năm rồi lữ thứ
Tình trăm trong khói thu
Quê hương chiều quan tái
Thoáng bóng đời phù du

Bao năm rồi bước mỗi
Viết chưa tròn ý thơ
Núi ngàn năm vẫn đó
Có nghe lòng hoang sơ

Phố chiều nay mưa bụi
Lữ khách nào tìm thu
Chỉ thấy trời sương trắng
Núi hong sầu thiên thu

Bao năm rồi vẫn nhủ
Phần còn lại cho thơ
Thơ quên ngày nắng lửa
Thơ quên tháng sương mù

Thơ ném sâu ra cửa
Để thấy đời lại thơ
Bao năm rồi phiêu bạc
Lâu quá mới lại mơ
Đêm qua mơ mình lạc
Giữa ngàn hà ngân ngơ.

tuệ nga

vai đời

chữ nghĩa đi qua đầu ngón tay
xuyên ngang ống mực chảy ra ngoài
đằm đằm lên giấy không ngăn nổi
là lúc hồn phơi trước mọi người

nhìn đây, tôi có một trái tim
chứa đủ bao nhiêu thứ nỗi niềm
buồn vui xen lẫn cùng yêu ghét
giận dữ pha chung với dịu hiền

cười cợt đôi lần nghe ngán ngủ
bỗng dưng oà khóc rất thơ ngây
đột nhiên ngoan ngoãn ngồi không nói
sân khấu đời tôi đóng đủ vai.

nguyên nghĩa



(1) Hiện nay Bùi Tín đã hết hạn chiếu-khán ở Pháp, Hà-nội vẫn không ra lệnh triệu-hồi, Pháp không trục-xuất mà họ Bùi vẫn không hề xin tị-nạn chính-trị để ở lại.

(2) *Làng Văn* 82, trang 12.

(3) *Hồn Việt* 93, trang 28.

(4) *Nắng Mới*, trang 59.

Nước Loạn Canh Tàn

Khóc Bể Dâu

Thái Văn Kiểm

Từ đầu năm 1988 tới đầu năm 1991, thẩm thoát ba năm đã trôi qua và được đánh dấu bởi việc hội Văn hoá Hải ngoại (Association Culturelle d'Outre Mer, ACOM), xuất bản bộ *Việt sử khảo luận* do ông Hoàng Cơ Thụy biên soạn.

Bộ sử này gồm cả thấy 8 quyển bao trùm từ thời thượng cổ tới thời hiện đại. Trong ba năm qua, nhờ những cố gắng vượt bực của soạn giả, mà 7 quyển đã ra đời, như thế là trung bình cứ sáu tháng thì biên soạn và ấn hành xong 1 quyển. Nay chỉ còn chờ quyển 8 nữa nói về thời kỳ độc lập sau Đệ nhị Thế chiến và những biến chuyển chính trị kế tiếp.

Theo tôi biết, cách thức làm việc và biên sử của họ Hoàng là tra cứu rất nhiều sử sách và tài liệu, rồi phân tích những sử liệu ấy, sắp xếp và biên soạn, trình bày mỗi giai đoạn, mỗi sự việc quan trọng thành một tổng lãm, gồm có nguyên nhân, diễn tiến, chung kết và hậu quả, kèm thêm hình ảnh và đồ bản, nhằm làm sáng tỏ vấn đề, khiến cho người đọc theo dõi sự việc như cùng “sống” với thời sự.

Đúng như đề danh của bộ sử, họ Hoàng không những dày công biên khảo mà còn luận bàn những sự kiện đã xảy ra trong mấy ngàn năm qua trên đất nước chúng ta. Như thế, bộ *Việt sử khảo luận* đã được quan niệm và thực hiện theo những ý niệm mới mẻ, khiến bộ sử thành ra linh động và hấp dẫn trong hai chiều: không gian (vũ) lẫn thời gian (trụ).

Ngoài ra, tôi nghĩ rằng, sau khi hoàn thành bộ sử, họ Hoàng cũng nên nghĩ tới việc soạn lập những mục lục Nhân danh, Địa danh và Sự việc theo thứ tự abc. Hơn nữa, tôi còn được biết nhiều nhân sĩ ngoại quốc đã gợi ý với Hoàng sử gia nên trù tính việc phiên dịch ra Pháp ngữ và Anh ngữ, với sự trợ giúp tài chánh của các cơ quan văn hoá quốc tế như UNESCO, Asia Foundation, Vietnam Heritage.. v.v...

Riêng về quyển 7 mới xuất bản, tôi đã đọc xong và xin phép Hoàng sử gia cho góp bàn thêm ý kiến, bổ túc vài điểm bên lề, hoặc bên trong lịch sử chính thống, có tác dụng “ôn cố tri tân”.

VUA HÀM NGHI

Vua Hàm Nghi bị tên Mường Trương Quang Ngọc phản bội, do sự bố trí của đại úy Boulanger, trưởng đồn Đồng Ca, nơi rừng sâu của huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình, giáp giới với Ai Lao. Năm 1942 tôi có thám hiểm động Phong Nha và đã từng lên Minh Cầm, Tân Ấp, Ban-na-phao, xuyên qua con đường dây sắt Téléphérique La Tronç chạy trên những núi đồi trùng điệp, đầy hang động thâm sâu và bí mật. Vùng này chạy dài ra tới Hương Sơn, Hà Tĩnh, nơi dãy núi Giăng Màn mà *Đại Nam nhất thống chí* gọi là Khai Trướng sơn. Vùng này về sau là nơi hoạt động, trú ẩn và luyện tập của du kích Cần Vương do Phan Đình Phùng và

Cao Thắng lãnh đạo.

Vào đêm mùng 1 tháng 11 năm 1888, lúc 10 giờ đêm, giữa núi rừng thâm u, Trương Quang Ngọc và Nguyễn Đình Tình dẫn 10 tên lính Mường bao vây túp lều tranh vách tre của vua Hàm Nghi trên bờ khe Tảo Bao (Bèo). Nghe phía ngoài có tiếng động thì lập tức hai người thân cận nhà vua vội chạy ra: đó là Thống chế Nguyễn Thủy và con trai ông, 45 tuổi, giữ chức Tham biện Nội các. Cả hai cha con bị tên Ngọc đâm chết liền tại chỗ. Còn lại Tôn Thất Thiệp, con út Tôn Thất Thuyết, sĩ quan cận vệ của nhà vua, cầm gươm nhảy ra, cũng bị một tên lính Mường phóng một ngọn giáo vào ngực chết.

Nhìn thấy thảm cảnh ba người thân cận của mình bị bọn phản tặc giết chết, vua Hàm Nghi, mặc dầu rất đau lòng, vẫn cố gắng bình tĩnh, bước ra khỏi lều, cầm gươm chỉ vào mặt Trương Quang Ngọc mà nói: “Mi giết ta đi còn hơn là mang ta ra nộp cho Tây!...”.

Vua Hàm Nghi nói chưa dứt lời thì một tên lính Mường khác nhảy vào giật lấy gươm và ôm choàng ngang lưng, vác vua lên đặt vào võng khiêng xuống thuyền. Thế là vua Hàm Nghi bị bắt lúc mới 17 tuổi. Ba ngày sau, 14 tháng 11 năm 1888, vua nước Nam được đưa về Thuận Bài bằng thuyền. Đồn này ở phía bắc sông Gianh, bên kia phá Quảng Khê.

Theo hồi ký của một đình thần triều Nguyễn thì: “Khi nhà vua từ dưới thuyền bước lên, quân đội Pháp do một thiếu tá chỉ huy, cử nhạc và bông súng chào mừng thì vua Hàm Nghi liền kéo khăn che mặt lại. Đến khi viên thiếu tá đọc lời chúc từ thì vua nói: ‘Tôi không dám nhận những lời chúc mừng của ông vì tôi chỉ là bề tôi của vua Hàm Nghi. Vua chúng tôi hiện ở trong rừng. Nếu tôi không bị ốm nặng thì tôi đã tẩu thoát được với nhà vua rồi’. Ý nhà vua không muốn tự nhận mình là Hàm Nghi, nhưng viên thiếu tá đã thừa biết đích thị ngài là vua đó rồi.

“Được tin vua Hàm Nghi tới Thuận Bài, các quan lại địa phương đến bái hạ thì nhà vua giả làm như không nhận biết ai cả. Nhưng đến lúc thấy trong đám người đó có ông Nguyễn Nhuận là thầy học cũ của mình thì vua Hàm Nghi lại cúi đầu vái chào một cách hồn nhiên. Từ phút ấy, bọn Pháp hiện diện mới tin là chúng đã nắm chắc trong tay ông vua bé nhỏ mà to gan, đã làm quân đội viễn chinh hao tổn không biết bao nhiêu xương máu trong gần bốn năm trời...”

Từ Thuận Bài, vua Hàm Nghi được đưa về cửa Thuận An, khi thì bằng võng, khi thì bằng ghe, khi thì bằng tàu thủy. Tàu đi mấy ngày thì đến cửa bể Thuận An, thuộc tỉnh Thừa Thiên. Tại đây, các quan lớn, cùng đi với Khâm sứ Rheinardt (Lê Na) từ Huế ra Cửa Thuận để đón vua. Lúc đầu vua cáo bệnh không tiếp. Sau vì quần thần năn nỉ và chẳng muốn phụ lòng những người thân cận đã hết lòng tận tụy với mình, nhà vua bằng lòng tiếp Khâm sứ Lê Na, nhưng cuộc tiếp xúc đã diễn ra trong bầu không khí lạnh nhạt. Khi Lê Na cho nhà vua biết Hoàng thái hậu Từ Dũ đang ốm và hỏi: “Nếu nhà vua muốn thăm ngài, tôi sẽ cho tàu về Huế đón ngài ra đây” thì vua Hàm Nghi đáp: “Tôi đây, thân đã tù, nước đã mất, còn dám nghĩ chi đến cha mẹ, anh em, chị em nữa”. Nói thế rồi nhà vua cáo từ, lánh vào phòng ngủ.

Thế là tàu nhỏ neo, rời cửa Thuận An ra biển Nam Hải, tiến về Nam kỳ, trước khi vua bị lưu đày biệt xứ nơi đất khách quê người và sẽ không bao giờ trở lại quê hương yêu quý.

Tới Alger ngày 13 tháng 1 năm 1889, vua Hàm Nghi lúc đầu không chịu học tiếng Pháp, nhưng về sau ngài nhận thấy bất tiện trong lúc giao dịch với người địa phương, bèn tích cực học chữ Pháp, văn chương và mỹ thuật Tây phương. Nhà vua đã trở thành một nhà hội họa có tài năng và quen thân với nhà điêu khắc Rodin, giáo sư trường Cao đẳng Mỹ thuật Pháp,

số 11 bến sông Seine, gọi là Quai Malaquais, quận VI với phương danh Saint-Germain des Prés, được Việt hoá thành ‘*Thánh Giác-Minh Đồng-quê Gió-cuốn*’.

Được biết chính phủ Pháp đã cho phép vua Hàm Nghi sang Pháp mấy lần để thăm ông bạn quý Auguste Rodin (1840-1917) chuyên dạy điêu khắc, tác gia bức tượng Le Penseur lưng danh thế giới. Và cũng là một sự may mắn hy hữu cho tôi, sau ngày thất thủ Sài gòn năm 1975, tôi được vào làm quản thủ thư viện trường Cao đẳng Mỹ thuật Pháp, trong 12 năm, từ 1976 cho tới cuối 1987 là năm hưu trí.

Người ta kể rằng lúc đến thăm trường, vua Hàm Nghi vẫn để tóc búi và trang phục Việt Nam, giữ vững truyền thống dân tộc. Đó là điểm son quý báu, sáng chói nền trời Âu Tây. Trong những lần thăm viếng đó, ngài ưa tới sân trong của trường để chiêm ngưỡng kiến trúc và hai cây dâu cổ thụ đã sống từ mấy trăm năm, do các giáo sĩ thuở xưa mang từ Á châu về trồng nơi này, vốn là đất họ đạo vùng thánh

Giác Minh. Cho tới nay, hai cây dâu này vẫn còn xanh tốt và được đặc biệt chăm sóc trong khuôn viên trung tâm trường Cao đẳng Mỹ thuật Paris.

Vua Hàm Nghi mất tại Alger ngày 13 tháng 2 năm 1943 nơi biệt thự El Biar, chung quanh có trồng thông. Gió biển Địa trung hải thổi vi vu quanh năm, như mang lại cho ngài hồn nước và hình ảnh quê hương xa thẳm. Hai công chúa Như Lý và Như Mai lật đật rời đất Pháp sang Alger, đưa xác ngài về mai táng nơi làng Thomac, thuộc quận Dordogne 24, kế cận Sarlat là nơi cư ngụ của nữ sĩ Văn Nương Lê Ngọc Chấn.

NGUYỄN VĂN TƯỜNG, TÔN THẤT THUYẾT

Từ khi vua Tự Đức mất, nước ta bước vào một thời kỳ rối loạn không thể tả. Các vua kế tiếp phải chịu áp lực của Bảo hộ Pháp, thêm vào đó là sự tranh quyền giữa các hệ phái hoàng tộc và các quan phụ chánh gồm ba vị là Trần Tiễn Thành, Nguyễn văn Tường và Tôn



Thất Thuyết, vì lẽ các vua phần nhiều còn nhỏ tuổi. Trong số các quan phụ chánh có ông Trần Tiễn Thành là bậc lương tể được trọng vọng nhất. Nhưng ông là cái gai mà hai ông kia phải nhổ đi để tiện hành xử mọi việc chốn triều đình. Các ông đã gởi kẻ tay chân là Hầu Chuyên tới ám sát ông Trần Tiễn Thành tại tư gia ở Gia Hội. Cháu ruột của ông là bà Trần thị Như Mân, vợ của học giả Đào Duy Anh. Còn một người cháu lớn nữa là luật sư Trần Tiễn Tránh, con rể bác sĩ Đặng Ngọc Trọng ở Tân Sơn Nhứt, Sài gòn.

Thế là hai ông phụ chánh còn lại mặc sức làm mưa làm gió. Các ông tung hoành, dùng bá đạo làm quốc kế, lập phế và thủ tiêu nhiều vua trong một thời gian ngắn. Sử ta gọi hành động man rợ đó là “lũ thỉ” nghĩa là giết cả bọn, thỉ bỏ cả lũ. Và trong thâm cung thời đen tối ấy, cũng đã có những âm mưu trà trộn con thơ mà sử gọi là “ly miêu hoán chúa”, nhằm đổi họ đổi dòng mà không ai hay biết! Thêm vào đó, nhưng tranh chấp giữa dòng cả bị loại với dòng thứ được truyền ngôi, đã gây nhiều loạn lạc và thanh toán kể từ đời vua Minh Mạng.

Cụ Phó bảng Cự, từng viết nhiều báo trong Nam, kể lại rằng: sinh tiền, vua Tự Đức ưa đi thăm dân, viếng làng xã. Có lần ngài theo sông Ô Lâu đi thuyền đến làng Vân Trình thuộc huyện Phong Điền. Ngài từ phá Tam Giang đi ngược lên, xảy gặp mưa to gió lớn, bèn ra lệnh ghé bến Vân Trình, thì thấy trên bờ sông một thiếu nữ kiều diễm đang núp mưa dưới một lùm tre. Vua rất lấy làm vừa ý, liền hạ lệnh tuyển vào cung, phong là Tài nơn, về sau được phong Tam giai phi. Bà này tên Yến, tức là bà Học phi trong sử sách. Sự việc này đã khiến dân làng Vân Trình đặt câu phong dao:

Trời xui có trận mưa đông,

Khiến con chim én vào trong đền vàng.

Về sau này, có sự cầu kết giữa Nguyễn văn Tường và bà Học phi

là người đã đưa chén thuốc (nấu theo toa của Nguyễn văn Tường và tự y thêm chất hồng hoàng vào) ép vua Kiến Phước uống rồi sáng hôm sau thì vua chết!

Riêng về cá nhân Nguyễn văn Tường, quê quán làng An Cự, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, vốn có lai lịch không rõ ràng và tự xưng là con riêng vua Thiệu Trị. Nhờ thời cơ đưa đẩy và học vấn vững vàng, Nguyễn văn Tường đã từng làm tri huyện Do Linh, Quảng Trị. Hồi đó, ông thường vượt sông Hiền Lương, lui tới nhà Bá hộ Lộc ở chợ Huyện. Ông này có cô con gái khá xinh mà ông huyện Tường có ý định cưới về làm hầu. Nhưng khi Nguyễn văn Tường được thăng liên tiếp trong ba năm từ án sát, bổ chánh đến tuần vũ, ông bỏ lơ luôn, không lai vãng đến nhà Bá hộ Lộc nữa. Về sau, có lần Nguyễn văn Tường đi kinh lý qua chợ Huyện, cô con gái ông Bá hộ đang ngồi giặt áo dưới sông, ngược mắt lên trông thấy ông Tường, bèn hát một câu mà dân Quảng Trị còn truyền lại như sau:

Hỡi người mặt trắng râu xanh,

Phải người chợ Huyện bạn mình đó không?

Quả thật ông Tường có tướng mạo khác thường: mặt trắng mà râu xanh, biểu trưng cho loại người phản trắc, lăm mưu nhiều mẹo, không thể tin được.

Về sau, khi lên làm Phụ chánh, bị thất thủ kinh đô (5.7.1885), Tường đã thừa lệnh bà Từ Dũ, mà cũng hợp với thâm ý của mình, giao phó vua Hàm Nghi cho Tôn Thất Thuyết đưa ra Tân Sở, còn mình thì trở lại, đi về phía Kim Long, tìm đức cha Caspar ở nhà thờ Kim Long, để xin ngài làm trung gian hoà giải với Pháp.

Trong những lúc đàm luận với Giám mục Caspar, có lần Tường tâm tình như sau: “Cả hai chúng tôi (Tường và Thuyết) thật là xứng hợp, một bên là dân sự, một bên là quân sự làm nên một món xà-lách lý tưởng. Tôi thì quá hiền lành, thật thà, tôi là dầu, còn ông ta (Tôn Thất

Thuyết) như là giấm thanh”. Sự thật thì Tường không hiền lành tí nào, trái lại đó là con người vừa tráo trở, vừa nham hiểm.

Bây giờ chúng ta hãy nói tới ông Tôn Thất Thuyết (1835-1913). Cũng như Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu, Tôn Thất Thuyết nêu cao tinh thần chống thực dân Pháp. Ông là con thứ hai của ông Tôn Thất Đính (làm quan triều Nguyễn đến chức vụ đề đốc Thừa Thiên phủ, viện hàm Quang Lộc Tự Khanh, từng tham gia kháng chiến tại Nam kỳ). Sau biến cố Ất Dậu, 4.5.7.1885, Tôn Thất Đính theo hộ giá vua Hàm Nghi ra Tân Sở, Quảng Trị. Giữa đường, Tôn Thất Đính bị quân Pháp bắt và đày sang đảo Tahiti ở Thái bình dương, cùng một chuyến tàu với Nguyễn văn Tường. Tàu này có ghé ngang Côn đảo, từ đó khởi hành đầu tháng 2 năm Mậu Tý 1888. Trên đường đi Tahiti, ông Phạm Thận Duật chết trên tàu, phải thủy táng. Còn ông Tường thì ở Tahiti được 5 tháng, bị bệnh ung thư cổ họng, chết một cách đau đớn, nhằm ngày 30.7.1888. Thi thể ông được tẩm liệm và do tàu Pháp chở về Việt Nam. Khi về tới cửa Thuận An thì vua Đồng Khánh cử một viên quan bộ Hình ra tận cửa Thuận, chờ quan tài Nguyễn văn Tường đưa lên đất liền thì quất roi phạt tượng trưng rồi mới cho thân nhân nhận về, đem mai táng ở quê quán An Cự, Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Riêng về ông Tôn Thất Đính cũng được Pháp cho phép cùng về trên chuyến tàu ấy với nhiệm vụ đưa thi hài Nguyễn văn Tường về tới Quảng Trị lo việc mai táng. Mãi về sau, đến lượt ông Tôn Thất Đính mất ở Huế, thì con cháu Nguyễn văn Tường từ Quảng Trị vào, tự động xin thọ tang cùng với con cháu Tôn Thất Thuyết.

Tôn Thất Thuyết xuất thân võ tướng, tánh tình nóng nảy, hét nạt ra lửa. Trong *Tự Đức thánh chế văn* (quyển IX-XV, 1973, Sài gòn), vua Tự Đức đã nhận xét Tôn Thất Thuyết “học vấn còn ít, song có trí

dũng, lại giỏi về việc binh". Năm 1875 tại Tuyên Quang, quân Cờ Vàng của Hoàng Sùng Anh hoạt động rất mạnh. Lúc này, Thuyết đảm nhiệm chức Tán Tương Quân Vụ tỉnh Sơn Tây. Ông dẫn quân đánh một trận tại làng Châu Thượng, phủ Vĩnh Tường và bắt sống Hoàng Sùng Anh tại trận.

Cũng theo *Tự Đức thánh chế văn*, năm 1881 nhà vua phong chức thượng thư bộ Binh cho Tôn Thất Thuyết. Vào tháng 3 năm Nhâm Ngọ (24.4.1882), thành Hà Nội bị quân Pháp tấn công và triệt hạ. Dũng tướng Hoàng Diệu, gốc Quảng Nam, đã dùng chiếc khăn xanh đang chít trên đầu mà tuấn tiết.

Cảm thông cái chết của Hoàng Diệu, dũng tướng Tôn Thất Thuyết đã cảm tác đôi câu như sau:

Nhất tử thành danh, tự cổ anh hùng phi sở nguyện,

Bình sinh trung nghĩa, đương niên đại cuộc khả vô tâm.

Dịch là:

Một chết nên danh, đâu phải chí anh hùng từ trước,

Suốt đời trung nghĩa, không then nhìn đại cuộc ngày nay.

Theo hồi ký của ông bạn Tôn Thất Tuấn, công chức Kho Bạc Huế thời Pháp thuộc, hậu duệ của Tôn Thất Thuyết thì: "Vào lúc gần 50 tuổi, ông Tôn Thất Thuyết có thân hình vạm vỡ, béo tốt khoẻ mạnh. Ông khác ở chỗ bụng dưới hơi to, tóc ngắn, không thể búi tóc như người đương thời. Ông nóng tính, ăn mặc giản dị, đơn sơ.

"Tôn Thất Thuyết rất mộ đạo Phật, có lẽ vì vậy mà không ưa người Công giáo, tránh gặp người Tây. Khi làm tổng trấn Thanh Hoá (ngày trước gọi là Thanh Hoa vì tránh tên bà vợ vua Minh Mạng là Hồ thị Hoa, quê quán Thủ Đức, Nam Việt), ông có lập một ngôi chùa lớn nơi đây, vốn là linh địa của Nguyễn triều. Lúc về Huế, ông cũng thường văn cảnh các chùa chiền, miếu vũ và thường lui tới chùa Phổ Quang. Mặc dầu bận nhiều việc triều đình, các ngày chạp

giỗ, Tôn Thất Thuyết vẫn về từ đường ở làng Vân Thê phía đông cố đô Huế, làng bà ngoại của chúng tôi. Địa danh này rút từ hai câu thơ xưa:

Học hải vô nhai cầu thị ngạn,

Thanh vân hữu lộ chí vi thê.

mà thầy tôi đã dịch như sau:

Biển học vô bờ, lấy chuyên cần làm bến,

Mây xanh có lối, dùng chí cả làm thang.

Từ buổi thiếu thời cho tới ngày lão lai tài tận, chúng tôi vẫn ghi lòng tạc dạ hai câu này như là một phương châm học vấn và lập nghiệp trên đường đời.

Trên đường phò vua cứu nước và khi biết rõ Nguyễn văn Tường đã tìm gặp giám mục Gaspar để xin đầu thú Pháp, Tôn Thất Thuyết trước mặt vua Hàm Nghi, đã sai một gia nhân về Huế đốt nhà riêng của Tường, trong kinh thành gần cửa Đông Ba (nguyên gọi là Đông Hoa, rồi vì kiêng cử tên Hoa mà phải đổi ra Đông Ba, vì lý do đã nói trên kia). Nhà của Quận Tường phát cháy dữ dội đêm 24 tháng 7 năm 1885, tức là 20 ngày sau khi thất thủ kinh đô.

Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi từ căn cứ Tân Sở ra tận miền núi Quảng Bình và Hà Tĩnh, tới Ấu Sơn, Hương Khê, rồi thảo chiếu Cần Vương đề ngày 11 tháng 8 âm lịch, chiêu mộ dũng binh, nghĩa sĩ, xong rồi mới đưa vua trở về thượng du Quảng Bình. Sau trận Trại Na, Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn mới từ biệt vua Hàm Nghi, ra Thanh Hoá rồi sang Trung quốc xin viện binh và vũ khí để tiếp tục kháng Pháp.

Trong thời kỳ Tôn Thất Thuyết dụng binh diệt tặc ngoài Bắc, ông có dâng tặng hai câu đối còn treo nơi đền Cổ Loa, từ năm Tự Đức thứ 27 (1863):

Tặc đảo Loa thành tùy diệt một,

Điện vô quy nổi dữ oai linh!

Nghĩa là:

Giặc đến thành Cổ Loa liền bị tiêu diệt ngay,

Điện không có nổi dữ oai linh!

Trước khi lên đường sang Tàu, Tôn Thất Thuyết đã trao việc phò vua giúp nước cho hai con là Tôn Thất Đạm (19 tuổi) và Tôn Thất Thiệp (15 tuổi), cùng với đề đốc Lê Trực, danh sĩ Nguyễn Phạm Tuấn và nhiều đình thần khác.

Tôn Thất Thuyết đơn thân độc mã sang Vân Nam, rồi từ Vân Nam đi Quảng Tây, cách Lạng Sơn 50 cây số. Ông gặp một viên quan nhà Thanh trước có theo quân Cờ Đen là Dương Cảnh Tùng. Ông này cho Thuyết biết, tình trạng Trung quốc cũng rối ren bi thảm không thua chi nước An Nam. Thuyết cũng gặp Lý Hàm Chương (anh ruột Lý Hồng Chương) làm tổng đốc tỉnh Quảng Đông. Ông này cho Thuyết biết đừng chờ mong chi nơi Trung quốc. Sau đó thì triều đình Mãn Thanh bác khước lời yêu cầu xin viện binh, vũ khí và lương thực, vì đã có sự vận động bí mật và cản trở của Pháp. Toàn quyền đại thần Lý Hồng Chương bèn tâu lên Tây thái hậu cho an trí Tôn Thất Thuyết tại La Đình, sau đưa về huyện Thiên Quan. Lúc này Thuyết rất ưu phiền, hối hận và tuyệt vọng vì biết mình đã tính sai nước cờ.

Trong thời gian lưu vong ở Trung quốc, Tôn Thất Thuyết có liên lạc với Nguyễn Thiệt Thuật ở trong nước và các phong trào Cần Vương, còn bên ngoài thì có Lưu Vĩnh Phúc lãnh tụ quân Cờ Đen giúp sức, chiêu mộ binh sĩ, trao đổi thổ sản, lấy vũ khí đạn dược, tiếp tế cho nghĩa quân hoạt động vùng biên giới Hoa Việt.

Tháng 3 năm 1895, Thuyết đã tổ chức mấy cuộc tấn công vào tỉnh Cao Bằng, nhưng vì là quân ô hợp, lại có sự tranh giành của bọn thổ phỉ Tàu nên chỉ không đưa đến kết quả mong muốn.

Khi nghe tin Pháp đã đặt xong nền đô hộ trên xứ sở mình, Thuyết đâm ra cuồng trí. Ông cất một chòi tranh trên ngọn đồi Long Châu, suốt ngày hết khóc lại cười, chửi mắng om sòm, rồi vác gươm chém chặt tứ tung, lại ưa chặt lia lịa vào một tảng đá, như để trút hết nỗi hận

vong quốc. Người Tàu trông thấy cảnh bi ai, bèn gọi ông là “Tả xet lữ” (Đả thạch lão) có nghĩa là “ông lão chém đá”, chém mãi cho tới năm 1913 mới rũ bỏ thân xác nơi núi cao rừng rậm xứ người, rên than thoi thóp như con chim bị đạn của thầy Tăng Tử:

*Điều chi tương tử, kỳ minh già ai,
Nhơn chi tương tử, kỳ ngôn già thiện.*

Con chim sắp chết, kêu lên tiếng bi ai, con người sắp chết, thốt ra lời hiên lành! Lời nói cuối của người anh hùng mặt lộ lúc lâm chung, may ra chỉ có trời đất nghe thấu cho chăng?

VUA THÀNH THÁI

Vua Thành Thái (1889-1907) tên Bửu Lâm, vua thứ chín triều Nguyễn, là con vua Dục Đức (Thoại quốc công Ưng Chân), lúc 10 tuổi đang bị giam với mẹ, được rước ra và tôn lên làm vua với những sự kiện hi hữu ít người biết.

Sau khi vua Đồng Khánh băng hà ngày 28 tháng 1 năm 1888, thọ 25 tuổi, làm vua được 3 năm, các quan Cơ Mật Viện sang sông Hương, tới toà Khâm giám viên Khâm sứ để hỏi ý kiến. Trong số các quan đại thần, có hai ông Phụ chánh là Nguyễn Trọng Hợp và Trương Quang Đản.

Lúc bấy giờ viên thông ngôn toà Khâm là Diệp văn Cương người miền Nam, được xem là nhân vật nòng cốt trong việc bang giao Việt Pháp.

Cuộc hội đàm Việt-Pháp này nhằm mục đích chọn người lên làm vua thay vua Đồng Khánh. Diệp văn Cương cố ý phiên dịch không đúng cho cả đôi bên, nhằm lái cuộc hội đàm vào việc lưỡng tôn cung là bà Từ Dũ (mẹ vua Tự Đức) và bà Học Phi (vợ vua Tự Đức và là mẹ nuôi vua Kiến Phúc) đã có ý chọn hoàng tử Bửu Lâm (con vua Dục Đức) nhưng còn phải tham khảo ý kiến của Bảo hộ Pháp. Viên Khâm sứ nghe nói như thế thì ngổ ý bằng lòng, nhưng Diệp văn Cương thì dịch một cách khẳng định rằng: “Theo ý tôi thì nên chọn hoàng tử

chim xanh vẫn hát

*ta vẫn hát giữa muôn trùng bão tố
dầu trời xa không động chút niềm đau
ta vẫn hát những lời chim hoà tở
mộng xuân về cho đông sẽ tàn mau*

*ta vẫn hát chẳng khàn hơi bể tiếng
vì tin yêu còn rạo rức trong lòng
và không khí trong lành tươi mát quá
và tim ta còn luân chuyển máu hồng*

*đừng đem lửa đốt lời ca, vô ích
vì lời ca xuất hiện ở trong tim
từ muôn thuở những bài ca kỳ tích
nghiễm nhiên thành lời hát của muôn chim*

*người biết đầy nhốt chim trong lồng sắt
có bao giờ chim ngưng hát được đâu
càng u uất lời chim càng thê thiết
càng ngân vang bao cung điệu sầu đau*

*ta vẫn hát và muôn chim vẫn hát
trong vô vàn âm điệu bản tình ca
ta vẫn hát dầu trời không bi thiết
thì muôn loài cũng hiểu thấu lời ta.*

tô giang



Bửu Lâm là hợp lý hơn cả”.

Sở dĩ có sự phiên dịch “ngắn gọn” như vậy vì Diệp văn Cương là chồng cô ruột của hoàng tử Bửu Lâm, Công nữ Thiên Niệm, chị vua Dục Đức.

Từ toà Khâm ra, các quan đến thẳng Dục Đức Đường, nơi cấm cố hai mẹ con, nhằm lúc bà mẹ là hoàng hậu Tự Minh đi vắng. Cậu bé Bửu Lâm tỏ vẻ sợ hãi, nói:

— Các ông đến đây muốn chi? Đến bắt tôi à? Các ông muốn mượn chi thì mượn, nhưng phải đợi ả tôi (mẹ tôi) về đã.

Khi bà Tự Minh về về, nghe chuyện rước con mình đang bị cấm cố, đem đi “mượn vua” thì bà oà lên khóc và ghen ngào nói:

— Lạy các quan! Xin các quan tha cho mẹ con tui! Tui không bao giờ quên cái chết thê thảm của chồng tui. Tui cũng không quên việc các vua Hiệp Hoà và Kiến Phúc đều bị uống thuốc độc mà

chết và vua Hàm Nghi bị tù đầy.

Các quan phải năn nỉ khuyên lơn mãi, bà Tự Minh mới chịu để cho người ta kiệu con mình đi. Và chỉ trong 3 giờ đồng hồ sau, hoàng tử Bửu Lâm đã trở thành vua Thành Thái.

Vua Thành Thái thông minh và hiểu học, ưa đọc sách. Ngài thích gần dân và ưa đi thăm dân cho hiểu rõ sự tình. Ngài hay giả dạng thường dân vi hành như vua Càn Long du Giang Nam thuở xưa. Ngài cũng không quên việc hốt cốt của cha mình đem chôn cất đàng hoàng, xây lăng mộ nơi An Lăng, gần An Cựu.

Một đình thần triều Nguyễn kể lại: một hôm vua Thành Thái đi dạo trên cầu Gia Hội thì gặp một người dân vác mấy cây tre. Lính hầu vội chạy lên dẹp để vua đi qua, nhưng nhà vua bảo: “Cứ để cho người ta đi”. Rồi ngài nói thêm: “Mình, dân không phải dân, vua không phải

vua, đẹp người ta mần chi!” Ý ngài nói mình chỉ là bù nhìn.

Có lần vua Thành Thái đi săn ở Cổ Bi, phía nguồn sông Bồ. Ngài vô làng thăm dân và cho trải chiếu ngồi xuống đất. Dân làng trông thấy lính tráng hộ vệ, biết là vua, bèn chạy tới xem. Lính tráng cản trở, ngài bảo: “Cứ để cho dân đến với ta”. Ngài hỏi dân: “Ưa xem cái chi?”. Dân trả lời: “Ưa xem vua bắn chim”. Thế là ngài xách súng, nhắm vào ngọn tre bắn rớt một con chim, rồi ngài nhắm về phía sông Bồ bắn chết mấy con cá lớn.

Một lần khác, ngài vi hành về phía Kim Long, Kẻ Vạn, Dương Xuân. Nơi này có chùa Thiên Mụ với cảnh trí thần tiên, với chuông ngân bầy dậm cho tới Thọ Xương Vĩ Dạ, lại có:

*Văn Thánh trông thông,
Võ Thánh trông bàng
Ngó xuống Xà Tắc:
Hai hàng mù u.*

Đi mỗi chun, ngài dừng lại nơi quán ven đường bán mía và nước chè xanh. Ngài ra câu đối: “*Kìa mấy cây mía*” rồi bảo các quan hầu cận đối lại, nhưng các quan ứ ở không đối được. Ngài bèn xuất khẩu đối liền khi thấy nơi mái hiên mấy chiếc vò đựng nước: “*Có vài cái vò*”.

Người ta cũng gán cho vua Thành Thái hai câu thơ còn truyền tụng:

Kim Long có gái mỹ miều,

*Trăm thương trăm nhớ trăm liều
trăm đi!*

Sự lãng mạn và trào lộng đó có thể bắt nguồn từ một tâm sự bất mãn và phức tạp bị dồn ép, một nỗi lòng uất hận của người lãnh đạo bị làm bù nhìn, bị truất hết quyền hành, bị bó tay trước thời cuộc, khóc hổ người cười ra nước mắt dưới áp lực của ngoại bang. Đó là tâm trạng của hầu hết các bậc sĩ phu Việt Nam trong thời nhiều nhượng và rối loạn đó. Một tâm trạng u hoài được thể hiện trong thi phẩm *Đại Nam quốc sự diễn ca*:

*Vận đời còn chứa hanh thông,
Nước non để hận anh hùng ngàn thu!*

Vua Thành Thái có óc duy tân nhưng chẳng làm được gì vì sự canh phòng và ngăn cản của chính phủ bảo hộ Pháp. Triều đình thì nhu nhược, cũng dựa thế ngoại bang mà chẳng còn kỷ cương, thể thống gì nữa!

Vua Thành Thái nhận thấy mình hữu danh vô thực, đâm ra chán nản và đến khi sự uất hận không thể dồn nén được nữa, đã phát hiện ra ngoài bằng những hành động, cử chỉ ngỗ nghịch, chương tãi gai mắt khiến nhà cầm quyền Pháp khó chịu, gán cho ngài bệnh loạn óc. Vì lẽ đó, sau khi khánh thành xong cầu Tràng Tiền (1907) mà dân ta gọi là cầu Thành Thái, nhà vua đã bị chính phủ bảo hộ Pháp ép phải thoái vị vào cuối năm Đinh Tị

(1907) và đưa đi an trí tại Ô Cáp. Mãi cho đến năm 1916 thì ngài bị đày sang đảo Réunion ở Ấn Độ cùng một chuyến tàu với vua con là vua Duy Tân, sau việc chống thực dân Pháp thất bại.

Trong thời gian trị vì, vua Thành Thái đã công du Bắc Việt, viếng Thăng Long và dự lễ khánh thành cầu Long Biên (Tây gọi là cầu Doumer) phía bắc Hà Nội. Nhân dịp này, vua Thành Thái có cảm tác bài thơ sau đây:

*Võ võ văn văn trước cấm bào,
Trăm vì thiên tử độc gian lao.
Tam bôi hồng tửu quần lê huyết,
Sổ trần thanh trà bách tánh cao.
Dân lụy lạc hà dư lụy lạc,
Ca thanh cao đã, khắp thanh cao.
Hưu đàm thử hội can qua tịnh,
Hoạ phúc tương lai phó nhĩ tào.*
được cụ cử Tu Trai Nguyễn Tạo dịch:

*Kẻ áo gấm hai hàng văn vũ,
Ta làm vua gian khổ biết đường nào.*

*Trà rượu kia là dân huyết dân cao,
Thấy xanh đỏ uống sao không khổ chí!*

*Dân rơi lụy ta đây cùng rơi lụy,
Tiếng hát vang, tiếng khóc cũng ầm vang.*

*Chớ rằng nay qua giúp tạm an,
Hoạ phúc đến mưu toan trao mấy gã.*

Lúc bị câu thúc ở Vũng Tàu, vua Thành Thái có cảm tác bài thơ sau:
*Sống thừa nào có biết hôm nay,
Nhìn thấy non sông đất nước này.
Sừng ngựa chưa quên câu chuyện cũ,*

*Ruột tầm đòi đoan mối sầu ‘tây’.
Xuân thành nghìn dặm mây mù mịt,*

*Bể Cáp bốn bề sóng vỗ vầy.
Tiếng súng ngày đêm nghe nhạc khúc,*

Dẫu cho sắt đá cũng chau mày.

Bị lưu đày nơi quê người mãi đến tháng 5 năm 1947, cựu hoàng Thành Thái mới được trở về nước, ở đường Pellerin Sài Gòn, rồi bảy năm sau, 1954, mới mất và được gia đình đưa về mai táng ở An Lăng gần An Cựu, Huế.

vô lượng

*Mây vẫn một đời mây
Sao hạc vàng cánh mới
Nắng chan chứa ngàn cây
Để ươm mầm sống mới
Ta sống cõi đời này
Trái tim sầu nhức nhối
Trên đầu mây vẫn bay
Dưới chân bờ cỏ lối
Ta gọi đóa hoa ngày
Nở bừng đêm dạ hội
Chim riu rít cuồng say
Rớt mật lòng ươm hởi*

*Rừng phong cánh lá vàng
Phải chăng mầm sinh diệt
Nhu trời đất mang mang
Có ta và cõi chết
Nên bướm gọi là chàng
Hoa là nàng mật thiết
Nở một nụ vòng vang
Xóa đi mầm hủy diệt
Yêu búp ngón tay măng
Một vòng ôm ghi siết
Bỏ quên bóng thiên đàng
Ơ hờ trong cõi Niết...*

phạm quang ngọc

Cô Nhu, Cô Uyển

Lăng Nhân

Sau năm 1930, vì sự phản bội của đảng viên mà nhiều yếu nhân trong Tổng bộ và Tỉnh bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng bị bắt, may hai người quan trọng nhất là Xứ Nhu và Nguyễn Thái Học thoát được.

Để xét xử vụ này, Pháp lập một toà án đặc biệt gọi là “Hội đồng Đề hình” đặt dưới quyền viên thanh tra chính trị Bride là người thạo việc và thạo tiếng Việt.

Sở Mật thám tra tấn những người bị bắt tàn nhẫn đến nỗi một số đảng viên Tỉnh bộ Thái Bình và Bắc Giang không những đã khai về đảng mình, còn khai luôn cả những việc mình biết về đảng khác nữa.

Do sự khai huyên thuyên này mà lộ ra chuyện đảng Thanh niên Cách mạng Đồng chí, nên tỉnh bộ Bắc giang là Trịnh Đình Chiêm tức Cả Chiêm cùng hai em là Nhu tức Thảo, Uyển tức Hưng, cũng đều là đảng viên, đều bị bắt.

Cuộc thẩm vấn kéo dài 4 tháng rồi mà chưa đem được nội vụ ra xử. Số viên chức bị bắt khá nhiều, nhất là trong ngạch giáo học. Đồng thời các báo tả phái bên Pháp thừa dịp công kích chính sách thực dân. Bên này, bọn chấp chính cũng nơm nớp lo sợ một cuộc bạo động có thể xảy ra nữa. Bởi vậy, toàn quyền Pasquier giục Bride kết thúc vụ án Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Bản tâm viên chủ tịch Hội đồng Đề hình là muốn chờ ngày một ngày hai, tóm được Học với Xứ Nhu, sẽ đem ra xử một thể. Nhưng

hai nhà lãnh tụ biệt tăm tích. Bride nghĩ chỉ còn có cách là xử khéo, chiêu hàng. Thế là hấn gọi những người bị cáo trọng yếu lên, hỏi ai có thể viết thư khuyên nhủ Học và Xứ Nhu ra đầu thú. Hễ hai người ra hàng thì nội vụ sẽ xong ngay. Hội đồng chỉ làm án họ rất nhẹ, gọi là chiếu lệ thôi. Các yếu nhân hiện diện như Phạm Tuấn Tài, Nhượng Tống, Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Thế Nghiệp, Hoàng Thúc Gi, Lê văn Phúc, Đào Khắc Hùng, Ngô Thúc Địch.v.v.. đều tìm cơ thoái thác. Rốt cuộc có Ngô văn Triện tức Trúc Khê, một nhà viết báo, nhận công việc ấy.

Nhưng biết Học với Xứ Nhu ở đâu mà đưa thư? Mà ai là người có thể đem thư cho họ? Nghĩ mãi không ra diệu kế, cáo già buồn bực đến mấy hôm liền. Bỗng một chiều thứ bảy, lão lẳng lặng đến phòng giấy ở tầng gác hai trong Hoả Lò. Một đèn một bóng, y lục một tập hồ sơ ra đọc. Đến hồ sơ ba anh em Trịnh Đình Chiêm, y đột nhiên mỉm cười, bấm chuông gọi giám thị lên, ra lệnh:

— Xuống trại giam đàn bà đưa hai tên chính trị phạm Trịnh thị Nhu, Trịnh thị Uyển lên đây.



Mấy phút sau, chị em họ Trịnh tới nơi. Bride đứng lên, niềm nở mời hai cô ngồi.

Chị em cùng sửng sốt, không hiểu duyên do thái độ nhã nhặn ấy.

Bride nói tiếng Việt:

— Tục ngữ nói “nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”, hai cô biết chứ?

— Thừa biết.

Bride nói tiếng Việt rất sôi, lại biết cả chữ Hán và thuộc tục ngữ vanh vách.

— Thế hai cô có thương Trịnh Đình Chiêm không?

— Sao chúng tôi lại không thương, anh ruột chúng tôi mà!

— À phải! Anh em một nhà tất phải thương nhau. Vậy hai cô muốn tôi tha về, lại miễn nghị cả cho Chiêm không?

— Ồ, thưa quan chánh Hội Đồng, đây là điều chúng tôi mong ước nhất.

— Tha cho tất cả anh em cô thì

không khó gì, chỉ một chữ ký là xong. Nhưng hai cô phải giúp tôi một việc, việc cũng không khó khăn gì mấy...

— Xin ông cho biết việc gì? Nếu có thể làm được, chị em tôi không dám từ nan.

— Hai cô sinh trưởng ở Bắc Giang, bình nhật hẳn quen biết hai cô Nguyễn thị Bắc và Nguyễn thị Giang. Tuy là hai bên theo đảng phái khác nhau, nhưng các cô đối với nhau chắc vẫn có cảm tình?

Bride trầm ngâm giây lát, rồi nói tiếp với giọng cố làm ra thành thực, ân cần:

— Phải, tôi biết lắm... Sau khi xét kỹ hồ sơ của ba anh em cô, tôi thấy không có lỗi gì quan trọng. Vả lại Hội đồng Đề hình lập ra cốt để dẹp Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ba anh em cô là đảng viên Thanh Niên chưa hoạt động gì mấy, chỉ vì đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng của tỉnh bộ Bắc Giang tố giác mà bị bắt lấy.

— Cảm ơn ông!

— Hãy khoan! Để tôi nói hết đã.

— Bride cười và tiếp — Nếu các cô giúp tôi thành việc này, chính tôi sẽ cảm ơn các cô thì có. Hiện thời yếu nhân Việt Nam Quốc Dân Đảng có những ai, tôi đã bắt được hết, chỉ trừ Học và Xứ Nhu còn đang trốn tránh. Tôi muốn thi hành một chính sách khoan hồng chứ không muốn nghiêm khắc làm gì. Không phải rằng nước Pháp nhát sợ mà khuất phục trước cuộc phiến động của thanh niên Việt Nam đâu.

Nước Pháp thừa sức diệt trừ bất cứ hành động nào chống lại, song nước Pháp nhân đạo, không muốn tàn nhẫn. Các cô nên hiểu thế.

Chị em cô Nhu cô Uyển đưa mắt nhìn nhau, Bride nói tiếp:

— Bởi vậy tôi muốn Nguyễn Thái Học và Xứ Nhu tự ra đầu thú đi thì hơn, để cho có đủ tổng bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng hầu kết liễu vụ án cho xong. Một khi họ ra thú rồi, tôi sẽ kêu án Học và Xứ Nhu rất nhẹ, gọi là chiếu lệ cho yên dư luận, còn những người kia thì Hội Đồng sẽ châm chước tha bổng hoặc cho hưởng án treo để cho ai nấy chóng được về đoàn tụ với gia đình. Nếu Học với Xứ Nhu còn lẩn lút thì vụ án dây dưa mãi. Hiện tôi đã tìm được người chịu viết thư khuyên Học và Xứ Nhu. Tôi chỉ cần có người đưa thư, làm sao đưa đến tay Học và Xứ Nhu. Xét ra, người gần gũi họ nhất, lại giữ trọng trách giao thông cho đảng hiện thời là chị em Thị Bắc, Thị Giang, nhất là thị Giang. Mà cả Giang lẫn Bắc đều thân với hai cô. Vì thế, tôi muốn trao bức thư cho hai cô, để hai cô tìm cách trao được tận tay Thị Bắc hay Thị Giang, tức là thư sẽ đến nơi Học và Xứ Nhu. Có lẽ hai cô nghi ngại tôi sẽ cho mật thám theo rình, dò tung tích Thị Bắc, Thị Giang mà bắt họ chăng? Không, không! Tôi để hai cô hành động tự do, không mảy may theo dõi. Tôi không cần biết tung tích của họ, mà hai cô cũng không khi nào chịu làm việc phản bội chị em. Vả lại, tôi truy

tầm bắt bớ chị em họ làm gì! Đấy, sự thế là thế, nếu hai cô ưng thuận thì ngay sáng mai tôi cho hai cô về trước; hôm nào hai cô đưa xong thư, tôi sẽ tha nốt Cả Chiêm về. Hai cô nghĩ sao?

Không ngần ngại chút nào, cô Uyển trả lời thay chị:

— Chúng tôi xin lĩnh ý. Có điều chúng tôi tin chắc hai chị em Bắc, Giang lúc này cũng phải trốn tránh, muốn gặp họ thật không phải dễ. Bởi vậy, chúng tôi xin phép ông cho chúng tôi suy nghĩ một đêm, mai sẽ trả lời nhất định.

— Được. Tôi cũng biết là việc khó khăn, song tôi tin tưởng nếu hai cô nhận lời giúp cho, thì khó cũng hoá dễ.

Bride nói đoạn, bấm chuông gọi viên giám thị Tây vào, rồi tươi cười đứng dậy chào hai chị em. Nhu, Uyển trở về trại giam. Cô Nhu hỏi cô Uyển:

— Tại sao em lại cả gan nhận lời? Ngộ đoàn thể mình dò biết, cho chị em mình là tay sai của Pháp, thì làm thế nào?

Cô Uyển trả lời:

— Chị thực thà lắm. Chúng ta đã dấn thân vào con đường cách mạng, đã phát thệ, dù gặp nguy hiểm đến tính mạng cũng phải hy sinh cho đảng. Em hỏi chị: bọn Pháp nó nhốt chị em mình một chỗ thế này, mình có thể nào vận động cách mạng và làm tròn chí hướng của mình được nữa không? Phải tìm cách thoát vòng lao lung mà ra, mới mong hoạt động đuổi được quân thù, lấy lại đất nước. Nay bỗng dưng chúng đề nghị tha mình ra thì đại gì không chụp lấy cơ hội? Quý hồ ra khỏi chốn này, mình xa chạy cao bay để theo đuổi nguyện vọng bình sinh của mình là hơn. Còn lá thư kia có đến tay Học và Nhu không, không quan hệ; khi được tha ra, ta đem trình với đảng rồi xé nó vút vào sọt rác cũng đã làm sao? Mình hoàn toàn hy sinh cho cách mạng, các đồng chí ta, sau khi xét rõ sự tình tất cũng phải vui vẻ tán thành hành động này, chị ạ!

— Thế em không nghĩ đến anh cả

đếm mùa

còn ta giữa cõi tạm này
nghêu ngao thiêu đốt những ngày phù du
lệ người giọt đọng thiên thu
lệ ta dập tắt lửa thù trần gian
đêm đen nền thấp hai hàng
soi quê hương đã cư tang mấy mùa.

vạn giả



à?

— Làm việc cách mạng phải hy sinh chứ! Em chắc anh cả cũng dư tình thần nhận lấy năm mươi năm tù nếu vì chị em mình đi mất mà lão Bride đâm khùng kết án anh ấy thẳng tay. Vả lại chị có thể tin được lời hứa của tụi Pháp không? Thôi, em đã có chương trình trong óc rồi. Đêm đã khuya, chị em mình hãy đi ngủ, sáng mai lên trả lời cho lão Bride nó mừng!

Sáng sớm hôm sau, ngày 26 tháng 5 năm 1929, mới 7 giờ rưỡi đã thấy viên giám thị Pháp xuống trại giam lĩnh hai cô Nhu, Uyên đưa lên Hội Đồng.

Vừa trông thấy hai cô, Bride cười hỏi:

— Thế nào, hai cô đã suy tính kỹ chưa?

Cướp lời chị, cô Uyên trả lời:

— Chúng tôi đã suy nghĩ kỹ và vui lòng giúp ông. Vậy ông giao thư, cho chúng tôi về Bắc Giang thăm nhà vài hôm để dò hỏi tung tích chị Bắc và chị Giang.

Bride vui vẻ ký giấy tha hai cô và hẹn đến sáng 28 phải đến Hội đồng Đề hình để lấy thư. Lại không quên rút ví lấy tờ giấy một trăm đồng đưa hai cô làm tiền lộ phí.

Ở nhà pha Hoả Lò ra, hai cô đáp ô-tô về thẳng Bắc Giang. Trong hai hôm ở nhà, thay vì đi tìm tung tích cô Bắc, cô Giang, các cô lại đi tìm đồng chí trọng yếu của tỉnh bộ Thanh Niên Phủ Lạng để báo cáo ý định và thủ đoạn mình dùng đối phó với bọn Pháp.

Trước hết các cô đến tìm Hồ Ngọc Lan tức Thắng, là tỉnh bộ chấp hành ủy viên của đảng Thanh Niên ở Bắc Giang nhưng không gặp. Hai cô lại lần xuống Bắc Ninh để tìm Nguyễn văn Ngọc tức Nam Hải là tỉnh bộ chấp hành ủy viên, cũng không gặp nốt.

Thấm thoát đã đến 8 giờ sáng ngày 28, cô Nhu cô Uyên phải y hẹn có mặt ở Hội đồng Đề hình Hà Nội. Trước mặt các bồi thẩm viên: Nicolas biện lý toà thượng thẩm Hà Nội, Delsalle đốc lý Hà Nội, Guet đại úy pháo binh Bắc kỳ, Arnoux

lục sự toà án và Hoàng Bửu Phương thông ngôn, chủ tịch Bride cho gọi bị cáo Trúc Khê Ngô văn Triện lên để viết thư cho Nguyễn Thái Học và Xứ Nhu.

Một lúc sau, Trúc Khê đệ lên Bride bức thư như sau:

Hà Nội ngày 28 Mai 1929,

Ông Song Khê và anh Nguyễn Thái Học,

Hồi 8 giờ sáng hôm nay (28.5.1929), ông Chánh Hội đồng Đề hình Bride cho gọi tôi lên buồng giấy và ủy cho tôi viết bức thư này gửi ra để ông và anh được biết cảm tưởng của ông ấy đối với chủ trương của đảng ta và riêng đối với ông và anh.

Ông nói rằng: "Một dân tộc bị bảo hộ mà nổi lên chống chính phủ bảo hộ, đó là quyền của dân tộc ấy. Trái lại, chính phủ bảo hộ phải đàn áp, đó cũng là quyền của chính phủ ấy. Tuy nhiên nước Pháp dân chủ vẫn tự hào là có sự mạng đi khai hoá diu dắt các thuộc địa yếu hèn, nên dầu có phải gặp trường hợp như trên kia, cũng chỉ đàn áp chiếu lệ, chứ bao giờ cũng lấy lượng khoan hồng làm đầu".

Đối với hành vi của đảng ta, ông không có gì là chê trách; đối với đảng viên, ông lại hết sức khoan dung. Chả có thể mà ông áp dụng ngay chế độ chính trị để đối đãi với các bị cáo: ăn cơm trắng, mỗi bữa hai món ăn xào nấu, được đi giày, mặc quần áo của nhà, được đọc sách xem báo.v.v.. kể ra cũng dễ chịu lắm.

Việc đàn áp đảng ta mới đây mà đã hơn bốn tháng tròn. Biết bao nhiều gia đình bị tan nát, cha xa con, vợ lìa chồng, tình trạng rất là thương thảm. Ý ông Bride không nữ nhìn thấy cảnh tượng ấy kéo dài, nghĩa là ý ông muốn kết liễu cuộc thảm vận cho mau chóng, nhưng hiềm vì nỗi ông Song Khê và anh cứ tại đào, thành ra nội vụ chưa thể nào thu xếp cho xong được. Ông Bride lấy danh dự mà tuyên bố rằng: nếu ông Song Khê và anh chịu ra đầu thú thì ông rấy lất làm mừng,

xóa bỏ mọi điều làm lỗi cho toàn đảng; rồi chỉ trong một thời gian ngắn ông sẽ đưa nội vụ ra xử phiên công khai. Ông cam đoan rằng sẽ cho toàn thể bị cáo được hưởng án treo và tha cho về. Chỉ riêng đối với lãnh tụ là ông Song Khê và anh thì ông Chánh sẽ kêu một cái án rất nhẹ, gọi là chiếu lệ cho xong.

Tôi xét ra ông Chánh án Bride là người rất thẳng thắn đứng mực, biết trọng lời hứa, ông đã nói sao tất phải thi hành như vậy chứ không bao giờ nuốt lời. Vậy ông Song Khê và anh cứ tin chắc như thế.

Tiếp được thư này, ông Song Khê và anh suy xét cho kỹ, nên ra mà đầu thú, để cứu vớt số đông anh em và trả lại cho gia đình họ sự tự do vui vẻ.

Kính chúc ông và anh được mạnh.

Nay kính thư,

Trúc Khê Ngô văn Triện.

Bức thư trên đây được đọc lại cho Bride nghe rồi viên thông ngôn Joseph Phương dịch sang tiếng Pháp cho toàn thể Hội đồng hiểu, vì chỉ có một mình Bride thạo tiếng Việt thôi.

Ra khỏi cổng toà Đề Hình, cô Nhu và cô Uyên tìm đến ban chấp hành đảng mình ở Hà Nội. Ban này quyết định giao hai nữ đồng chí cho tỉnh bộ Hải Phòng, để lo liệu cho đi Hương Cảng tránh nạn. Sáng 30.5, hai cô tới Hải Phòng, y hẹn 7 giờ rưỡi tối, đến đợi ở đầu Ngõ Nghe để gặp liên lạc của tỉnh bộ, thì thình lình một tiếng nổ phát ra, cô Uyên bị đạn trúng ngực chết ngay, rồi một tiếng nổ nữa, cô Nhu ngã quỵ.

Sau mới rõ là ban chấp hành tỉnh bộ Hải Phòng xét rằng Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội ở Hương Cảng đã giải tán để biến thành đảng cộng sản Đông Dương thì gửi hai cô Nhu, Uyên sang đó không được nữa, mà nếu để ở nhà, lỡ lại bị bắt mà các cô ấy không chịu nổi tra tấn, khai hết ra sẽ nguy hại vô cùng, nên quyết định một cách đơn giản là thủ tiêu cả hai người. ■

Nổi Dài

Đối-Thoại Về Thơ của Võ Phiến

Lê Phụng

LTS.—Xin tham-chiếu bài “Đối thoại về thơ dịch” của Võ Phiến, Làng Văn 78, trang 47—50.

Nhớ ngày còn học trường tiểu học Pháp Việt, các thầy đều dạy rằng thơ ngụ ngôn Lã Phụng Tiên của Nguyễn văn Vĩnh là một tập thơ dịch thơ La Fontaine. Sau đó, lên tới cấp bằng thành chung, các thầy Việt văn dạy rằng bản dịch *Chinh Phụ ngâm* của Đoàn Thị Điểm hằng được người mình ưa chuộng hơn là bản chính của Đặng Trần Côn; bản dịch *Tỳ Bà hành* của Cao Bá Nhạ* được nhiều người coi là hay hơn cả *Tự tình khúc* do chính ông làm ra. Nay, trên *Làng Văn* số 78, tháng 2.1991, trong bài “Đối thoại về thơ dịch” lại được thấy Võ Phiến viết: “Về giá trị, thơ dịch không phải là thơ”, và trong sinh hoạt văn học quốc tế, thơ dịch là thứ “có còn hơn không”. Người viết bài này không khỏi băn khoăn xét lại như sau.

Theo Võ Phiến, thơ gồm có ba phần: ý thơ là một, điệu thơ thể thơ là hai, và giọng thơ lời thơ là ba. Võ Phiến đưa ra ý kiến: “Ý thơ không phải là phần quan trọng của bài thơ, ý thơ là thứ phải vất đi mới nhìn thấy cái phần cốt tủy của thơ là điệu thơ thể thơ và lời thơ giọng thơ”. Dùng nhiều thí dụ, Võ Phiến đưa ra nhận xét là mỗi bài thơ làm ra nhằm gây một tác động xúc cảm nhất định đối với độc giả. Thể thơ điệu thơ lãnh vai trò truyền những

xúc cảm đó. Khi bài gốc viết theo thể này, gây ra xúc động này, bài dịch viết theo thể khác, gây ra xúc động khác, cho nên bài nọ không đại diện cho bài kia được. Từ đó Võ Phiến đưa ra phát hiện số một: “Thể điệu bài thơ là cái gì rất quan trọng và chúng ta không hi vọng tìm được những thể điệu tương ứng trong các ngôn ngữ khác nhau”.

Tiếp theo Võ Phiến đưa ra nhận xét thứ hai “Cái ý đối với bài thơ cũng như bộ xương đối với con người. Thơ cũng như người: đẹp vì thịt, không đẹp vì xương. Nếu bạn chọn cái đẹp, chọn sự sống, chọn tìm hiểu một phong cách..., bạn chọn thịt. Chọn lời thơ, giọng thơ, chọn câu chọn chữ, v.v..” Cũng lại bằng nhiều thí dụ, Võ Phiến đưa ra phát hiện thứ hai: “Tiếng nói nước

nào chẳng có tiếng hư tiếng thực, nghĩa nổi nghĩa ngầm, v.v.. Cái rắc rối là những hư thực nổi ngầm ấy nó không trùng hợp nhau... Dịch không nổi”.

Từ hai phát hiện đó, Võ Phiến viết: “Thơ dịch không phải là thơ, dịch thơ không phải là dịch”, và trong sinh hoạt văn học quốc tế, thơ dịch là thứ “có còn hơn không”.

Theo đối lập luận của Võ Phiến không phải chuyện dễ. Trong nhận xét thứ nhất, Võ Phiến coi ý thơ như vật cần phải vất đi, sang nhận xét thứ hai ý thơ lại được ví với bộ xương con người. Cốt tủy là phần chứa đựng trong xương. Thể điệu thơ, lời giọng thơ, không khí thơ là cốt tủy của bài thơ. Đúng rồi! Phải



bổ xương ra mới thấy được cốt tủy, nên phải vớt bỏ ý thơ đi mới thấy được cái quan trọng của thể thơ, lời thơ.v.v...

Tiếp theo, lời thơ, giọng thơ, phong cách của thơ, cái đẹp của thơ lại được Võ Phiến ví với thịt đắp ra ngoài xương. Từ cốt tủy ở trong xương, hoá ra thịt đắp ngoài xương là một biến hoá quá nhanh làm người đọc phải vất vả mà chưa chắc theo kịp người viết.

Ngoài ra chỉ có ba động vật có thịt không xương: con giun, con sứa và con bạch tuộc. Cái đẹp của thơ mang ví với cái đẹp của những vật có thịt không xương này cũng là một điểm người đọc khó hiểu nổi Võ Phiến.

Để trung ra bằng cớ là có thể có những bài thơ không có ý, Võ Phiến đã nói tới loại thơ Vô Đề. Rất mong là Võ Phiến cho người đọc rõ là có bài Vô Đề nào của ai là bài thơ không có ý.

Nhận xét của Võ Phiến về vai trò của thể thơ trong việc truyền cảm xúc của bài thơ cũng làm người đọc phải suy nghĩ không ít. Bài *Khóc Dương Khuê*, Nguyễn Khuyến viết theo thể song thất lục bát, bài tự dịch *Văn đồng niên Văn Đình tiến sĩ Dương thượng thư* viết theo thể thơ năm chữ, không hiểu mỗi bài đã gây xúc động khác nhau đối với Võ Phiến ra sao?

Người đọc cố đi tìm một bài thơ xưa còn truyền tụng tới nay mà người làm thơ đã vớt bỏ cái ý để giữ lấy thể thơ, giọng thơ. Cố mãi vẫn chẳng thấy. Ngược lại, chỉ gặp những bài thơ mà tác giả làm ra thất niêm thất luật để nhấn mạnh một ý thơ. Thí dụ rõ rệt là câu Xuân Hương bốn Chiều Hồ:

Anh đồ tỉnh anh đồ say
trong bài xương và câu:

Này ông tỉnh này ông say
trong bài họa. Mỗi câu chỉ có sáu chữ, chỉ vì tác giả bài xương cũng như bài họa cùng coi nhẹ thể thơ để tả anh đồ say, say tới "liú lười". Thêm một thí dụ khác, đó là câu mở đầu bài *Đèo Ba Dội*, cũng của Xuân Hương:

Một đèo một đèo lại một đèo,
chữ thứ hai vần bằng, chữ thứ sáu vần trắc, thể là thất niêm. Phải chăng Xuân Hương chưa biết làm thơ luật? Hay là Xuân Hương muốn nhấn mạnh đến cảnh đặc biệt của cái đèo thứ ba này, cái cảnh đặc biệt đã khiến nhiều đấng trượng phu, chữ nghĩa bề bề, phải mê mẩn, đến quên cả niêm lẫn luật thơ? Hai thí dụ này có chứng tỏ là, đôi lúc, có thể vượt ra ngoài luật thơ, tạm quên niêm thơ, để nhấn mạnh một ý thơ được không?

Dẫu vậy không thể còn nghi ngờ gì về hai phát hiện của Võ Phiến.

Hai phát hiện đó gợi trong trí nhớ người viết bài này một câu chuyện cổ được một bà sơ kể cho nghe từ ngày đi học vỡ lòng. Tìm trong Cựu ước thì chuyện đó là chuyện Tháp Ba-bên.

Theo thánh kinh Tin Lành, câu chuyện đó tóm lược như sau:

Truyện Sáng Thế # 11. Tháp Ba-bên.

Ban đầu, cả thiên hạ đều nói một giọng chung, một ngôn ngữ chung. Tới khi từ Đông phương dời đi, tới cánh đồng bằng vùng Si-nê-a, người thế gian dừng tại đó. Họ bàn nhau rằng: "Chúng ta đúc gạch rồi nung cho rắn". Từ đó gạch thể cho đá và chai thể cho hồ. Họ lại bàn nhau rằng: "Nào, chúng ta cùng xây một toà thành, dựng lên một ngọn tháp cao tới trời; để làm rạng danh bọn ta và để khỏi lo tản lạc khắp trên mặt đất".

Thượng đế ngó xuống xem toà thành với ngọn tháp mà loài người đang xây. Thượng đế phán: "Mới cho bọn chúng sống chung thành một sắc dân, nói chung một ngôn ngữ, và coi kia việc bọn chúng đang làm. E rồi bọn chúng muốn làm gì ắt cũng được. Thôi! Ta phải xuống xáo trộn ngôn ngữ của bọn chúng, để bọn chúng không hiểu nhau được nữa". Rồi Thượng đế phân tán loài người ra khắp mặt đất, khiến loài người bỏ dở việc xây cất toà thành. Bởi thế toà thành xây dở đó gọi tên là thành Ba-bên (nghĩa là xáo trộn), vì chính tại đó, Thượng

đế xáo trộn ngôn ngữ thế gian, và cũng tại đó Thượng đế phân tán loài người ra khắp trên mặt đất.

Thể là ngày nay không có sự tương ứng giữa hai tiếng nói, không có sự trùng hợp giữa những hư thực nổi ngầm giữa hai giọng nói, âu là "tội tổ tông". Tội tổ tông đó thấu tóm trong hai chữ *Traduttore, Traditore* của người nói tiếng Ý, ba chữ *Traduire c'est Trahir* của người nói tiếng Pháp, và là cái an ủi cho bọn học trò các trường Pháp Việt năm xưa, khi bị phê điểm kém về *Thème* hay *Version*.

Thơ cũng là tinh hoa của ngôn ngữ, nên hai phát hiện của Võ Phiến trích dẫn trên đây quả là "thuận đạo trời".

Kết luật của Võ Phiến dựng trên hai phát hiện này. Đúng theo luận lý, ắt phải hợp lòng người, đặc biệt là với lòng người Việt. Nhưng qua các tập tuyển thơ Việt, người ta thấy mấy điểm sau đây:

Từ năm Thành Thái thứ 14 (1902), bản *Chinh Phụ ngâm* của Đoàn Thị Điểm, truyện *Phan Trần* và *Cung Oán ngâm* được khắc in dưới tên chung là *Danh Gia Quốc Âm* (như ghi trong trang 96, quyển *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm* của Trần văn Giáp). Như thế, nghĩa là từ hàng trăm năm trước đây, bản dịch *Chinh Phụ ngâm* của Đoàn Thị Điểm đã được coi trọng như những áng thơ sáng tác cùng thời.

Cao Bá Nhạ* là một tên tử tù dưới triều Tự Đức, thơ dịch của ông hẳn đã có thời là của quốc cấm, nhưng vẫn còn người ưa chuộng, nếu không liệu linh cật dẫu, thời cũng phải thuộc lòng, nên bản dịch *Tỳ Bà hành* còn lưu truyền tới nay.

Trong thơ dịch của Nguyễn văn Vĩnh, chỉ có hai chữ "nhò xanh" cũng đủ gợi cho đông đảo người mình ngày nay chuyện ngụ ngôn *Con chó sói và giàn nhò*, mà chẳng mấy ai nhớ tới bài *Le Renard et Les Raisins* của La Fontaine. Hai chữ "nhò xanh" có thể coi gần như một điển ngữ. Hỏi mấy ai đã có vinh dự này của Nguyễn văn Vĩnh? Và như

vậy phải chăng thơ dịch của Nguyễn văn Vĩnh sống động trong tiếng nói Việt Nam?

Đó có phải là bằng cứ chứng tỏ người Việt mình sẵn sàng đón nhận thơ dịch không?

Vậy sao từ hai phát hiện vững chắc, hợp với đạo trời, kết luận về giá trị và vai trò của thơ dịch mà Võ Phiến đã suy diễn ra lại không hợp với lòng người Việt đón nhận thơ dịch? Phải chăng đó là một nghịch lý (paradoxe)? Đó là điều người viết bài này muốn hỏi Võ Phiến.

Cái nghịch lý đó phải chăng bắt nguồn từ điểm Võ Phiến giữ chỗ đứng của một người thành thạo về thể điệu, về lời giọng thơ của bản gốc, để đánh giá bản dịch theo những tiêu chuẩn thông thường dùng để đánh giá bản gốc?

Để bút ra khỏi cái nghịch lý trên đây chắc là phải định lại tiêu chuẩn đánh giá thơ dịch?

Thí dụ sau đây làm sáng tỏ câu chuyện hơn. Bốn câu thơ này của Đặng Trần Côn là bốn câu được nhiều người tán thưởng:

*Tương cố bất tương kiến,
Thanh thanh mặc thương tang,
Mạch thương tang mạch thương tang,*

Thiếp ý quân tâm thùy đoản tràng?

Đoàn Thị Điểm dịch là:

Cùng ngoảnh lại mà cùng chẳng thấy,

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu,

*Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*

Phát hiện thứ nhất của Võ Phiến quả không sai: Không có sự tương ứng giữa thể ngâm của bản gốc và thể song thất lục bát của bản dịch. Đếm số chữ trong mỗi câu là đủ thấy rõ. Nhịp thơ năm năm sáu bảy dịch thành bảy bảy sáu tám.

Phát hiện thứ hai của Võ Phiến cũng quả không sai: Không có sự trùng hợp giữa lời thơ giữa bản chính và bản dịch. Thật vậy, một chữ “cố” phải dùng hai chữ “ngoảnh lại” mới dịch nổi. Chữ “thấy” đầu câu thứ hai của bản dịch là do người dịch thêm vào, không có trong bản gốc; tương tự như ba chữ “ngắt một màu” trong câu thứ ba. Trong câu thứ tư bản gốc, “thiếp ý” đặt trước “quân tâm”, trong bản dịch thì “lòng chàng” đi trước “ý thiếp”, ngoài ra hai chữ “đoản tràng” trong bản gốc thu lại một chữ “sầu” trong bản dịch, một chữ “thùy” dịch thành hai chữ “ai”.

Kết luận theo Võ Phiến nghe cũng hợp lý. Thơ dịch không phải là thơ. Thuở chữ Hán còn thịnh, phải là cổ thi, phải là luật thi, phải là bài thi mới là thơ. Song thất lục

bát là thứ đồ nôm na, không phải là thơ. Dịch thơ đâu phải là dịch, dịch thơ là diễn ca, là viết vận văn, là làm văn vần. Không hiểu ngày nay Võ Phiến có nghĩ thế thật không?

Nhưng bảo rằng bản dịch *Chinh Phụ ngâm* của Đoàn Thị Điểm là của “có còn hơn không” thì xin chờ Võ Phiến cho biết tại sao.

Xét thêm một thí dụ nữa. Đọc *Khóc Dương Khuê*, thấy rõ là Nguyễn Khuyến giải bày nỗi thương xót Dương Khuê với “chú Đáo bên làng”, với “ông Từ xóm chợ”; đọc *Văn đồng niên Văn Đình tiến sĩ Dương thượng thư*, lại thấy Nguyễn Khuyến giải bày nỗi xót thương Dương Khuê với các bậc khoa bảng chức sắc. Không rõ Nguyễn Khuyến dịch bài chữ nôm ra bài chữ nho hay từ bài chữ nho sang bài chữ nôm; nhưng mỗi bài Nguyễn Khuyến đều dùng đúng giọng thơ thể thơ hợp với người nghe, người đọc thơ.

Như vậy phải chăng cần phải dùng những khuôn thước đánh giá thơ trong ngôn ngữ của bản dịch để đánh giá thơ dịch?

Để nối dài hơn câu chuyện về thơ dịch, điều người viết bài này muốn hỏi bạn đọc *Làng Văn* là ngày nay cần phải dịch thơ của ai, và dịch như thế nào để đáp ứng đúng mong mỏi của người mình với thơ dịch?

Người viết bài này mong được bạn đọc *Làng Văn* cũng như Võ Phiến mách bảo giúp cho những câu hỏi trên đây. Có thể vì vậy đối thoại về thơ dịch sẽ có kết quả hữu ích thực tế. ■

* Theo các tài-liệu lưu-trữ tại tòa-soạn, có hai bản dịch Tỳ-bà hành, một của Phan Huy Vịnh (*Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách, Quạnh hơi thu lau-lách đìu-hiu...*) và một không rõ tác-giả (*Bến Tầm-dương đêm chầy đưa khách, Gió kim phong hoa dịch chời bông...*) không thấy ghi bản do Cao Bá Nhạ dịch.

Trong tiểu-sử của Cao Bá Nhạ chỉ nhắc tới hai bài *Trần tình khúc* và *Tự tình khúc* bằng chữ Hán và nôm, không đề cập bản dịch *Tỳ bà hành*.

(Chú-thích của tòa-soạn).



Đối-Thoại về Dịch Thơ (II)

Võ Phiến

*Cùng một lúa bên trời lặn đân *
Chuyện thần thơ thơ thần qua ngày
Tha hương gặp bạn là may
Sá gì hay dở dở hay phiếm đàm.*
Gửi Nguyễn Hữu Nhật

— Tôi nghe nói bạn từng đối thoại về thơ dịch?

— Bạn nghe đúng.

— Tôi nghe nói bạn chê thơ dịch?

— Bạn nghe gần đúng.

— Tính tôi cẩn thận... Có phải bạn bảo rằng thơ không thể dịch được?

— Cái đó còn tùy. Có thứ thơ làm ra chỉ chờ dịch. Tha hồ dịch ra đủ mọi thứ tiếng trên hoàn cầu, nó không hề hấn.

— Ý bạn nói thật vàng không sợ lửa chứ gì? Thơ hay đến nơi đến chốn thì dịch ra tiếng gì cũng hay chứ gì?

— Đó không phải ý tôi. Bạn nên cẩn thận hơn.

— Kìa! Bạn vừa bảo có thứ thơ...

— Đây, tôi bảo có *thứ* thơ, tức *loại* thơ. Tôi không xếp hạng thơ cao thơ thấp, thơ hay thơ dở. Tôi chỉ phân biệt loại này khác loại nọ.

— Thế à? Thơ có loài à?

— Vâng, có.

— Thí dụ?

— Bạn muốn cái thí dụ về loại thơ dịch? Đây:

Nhất cao là núi Ba Vì

Thứ ba Tam Đảo, thứ nhì Độc Tôn.

Có thể kể luôn tới thứ một trăm, rồi dịch tuốt, không sao. Lại chẳng hạn:

*Một quan tiền tốt mang đi,
Nàng mua những gì mà tính chẳng ra?*

*Thoạt tiên mua ba tiền gà,
Tiền rưởi gạo nếp, với ba đồng trâu...*

Cứ thế dịch thẳng cho tới một quan. Dịch thẳng sang tiếng Zulu luôn. Tốt thôi.

— Loại thơ ấy dịch ra tiếng nước ngoài không sợ mất mát nhỉ.

— Sự mất mát lớn lao nhất là mất cái công dịch. Ngoài ra còn có gì để mất đâu. Nghĩa chữ thì dùng tự điển cẩn thận, mất thế quái nào được? Phàm thơ mà chỉ có ý thì khác gì lời nói thường, khác gì tản văn. Cứ thuê văn phòng phiên dịch có "lai-xen" tử tế, phẩm chất công việc càng bảo đảm. Đừng huyền thoại hoá cái thơ cái thần. Có thơ và thơ. Gặp cây đa nào cũng vãi thì hỏng...

— Ấy, bạn giận dữ sôi nổi quá, e tổn thọ. Xin phép bạn, tôi tạm tóm tắt: Thơ "Nhất cao" và thơ "Một quan" là cùng loại?...

— Thật ra, đó cùng thuộc về loại "gọi là thơ".

— Ý bạn muốn bảo: Cái "gọi là thơ" thì dịch được, cái "thật là thơ" thì không dịch được?

— Kể từ giờ phút này tôi có tri

kỷ? Bạn nói trúng phóc ý tôi.

— Ý bạn sẽ xét sau. Ý tôi lúc này là phản đối bạn đến cùng. Bạn thất kính đối với những uy tín lớn của dân tộc, như Đoàn thị Điểm, Nguyễn Khuyến.v.v.. Bạn láo nhé!

— Ồi trời!

— Vô ích. Ngổ nghịch như bạn, trời đất nào dung thứ? Kêu trời vô ích thôi. Bạn bảo thơ dịch không giá trị, vậy là bạn chê *Chinh phụ ngâm*, chê *Khóc Dương Khuê*.v.v..., bạn chê bai cả những viên ngọc quý trong kho tàng văn học Việt Nam. Những công trình vô giá ấy là gì nếu không phải chỉ là thơ dịch? Là cái gì? Hả? Bạn trả lời ngay cho.

— Chúng ta đang trôi về vấn đề dịch thơ.

— Vấn đề dịch thơ với vấn đề thơ dịch... Khéo vẽ! Khác gì nhau? Để cho có những bản thơ dịch tuyệt vời nọ, các cụ — cụ bà Đoàn và cụ ông Nguyễn — chẳng phải đã dịch thơ đấy à?

— Dịch thơ không phải là dịch.

— Gớm, cứ dăm da dăm dẳng mãi. Nói tử tế xem nào. Đã dịch lại không phải là dịch, thế là gì?

— Là làm gì, hồi sau sẽ phân giải. Bây giờ ta ôn tồn, nói chuyện với nhau như giữa hai người bạn... thật. Giữa bạn với nhau, tôi xin thấp giọng thú thực: Thoạt tiên tôi không hề biết bài *Khóc Dương Khuê* là thơ dịch đâu; và luôn trong nhiều năm, thật nhiều năm sau, tôi cũng không biết điều đó. Mà tôi ngờ rằng chính ông thầy đã dạy tôi bài thơ ấy từ ngày nhỏ, thầy tôi cũng không biết nữa. Thế rồi từ khi được biết nó là thơ dịch cho đến một thời gian dài sau đó, cũng không có lúc nào tôi thắc mắc tò mò thử đối chiếu hai bài xem sao, hay thử "thưởng thức" bài gốc bằng hán văn xem hơn kém thế nào. Về phần bạn... bạn là người cẩn thận, người đứng đắn, người biết quý mến kính trọng cổ nhân, bạn không sơ xuất như tôi, dĩ nhiên bạn đã...

— Ơ... ơ... cái dĩ nhiên hãy để nói sau. Mời bạn tiếp tục về trường hợp của bạn. Xin mời...

— Tôi ấy à? Như đã nói, trước

sau tôi vẫn thích các công trình nghệ thuật nọ như là những áng thơ-hay, không phải như là những bài thơ-dịch-hay. Tôi thích chúng như những nghệ phẩm độc lập, có cá tính, có nét đẹp riêng. Cá tính ấy, nét đẹp ấy có phải chính được thừa hưởng từ nguyên bản hán văn chăng? Tôi đểch biết. Tôi ngờ lắm. Mà nếu cái hay cái đẹp này không do từ cái hay cái đẹp kia thì sao gọi là bản dịch thành công được? Bạn là người kính trọng cổ nhân, hẳn bạn rành về chỗ tương quan giữa những nguyên bản và dịch bản của họ?

— Ơ... ơ... cái rành ấy để rồi nói sau. Xin mời bạn tiếp tục.

— Tôi hả? Nếu bạn ép tôi phải làm sự so sánh thì đành vậy. Nào, hãy bắt đầu bằng cái giản dị nhất: cái nghĩa. Và đừng quá tần mẩn, ta lướt qua thôi, bắt lác đác chỗ này một câu chỗ kia một câu cũng đủ:

Một bên nguyên là:

Hữu thời xuất kinh lộ

Không sơn văn lạc tuyến

Một bên dịch là:

Cũng có lúc chơi nơi dặm khách

Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo.

Bạn có tìm thấy cái róc rách lưng đèo rất đáng yêu ấy trong bản gốc chăng?

Này nữa:

Dư lão công diệp lão

Giải tổ qui điền viên.

So với:

Tôi già bác cũng già rồi

Biết thôi thôi thế thì thôi mới là.

Ồi chao, cái câu “Biết thôi”... nó bỏ câu gốc mà vượt lên chín tầng mây xanh. Làm một công việc như vậy mà chỉ gọi là “dịch” được sao? Kề nào gọi đó là dịch tức thị là một kẻ tàn nhẫn đấy, bạn ạ.

Thế rồi:

Công ký khí dư khứ

Dư diệp bất công liên.

mà hoá ra:

Bác chẳng ở đâu van chẳng ở

Tôi tuy thương lấy nhớ làm

thương

thì quả là một sự hoá kiếp chứ đâu phải là dịch thuật nữa? Giữa cái ý: Ông đã bỏ tôi mà đi thì tôi cũng

không thương tiếc ông, giữa ý ấy với những lời lẽ hoa mỹ đầy tình cảm đậm đà trong hai câu nôm, bạn bảo là dịch đấy hả?

Như vậy riêng về cái nghĩa thôi, ở nhiều chỗ bài dịch đã không theo bài gốc. Bạn bảo *Khóc Dương Khuê* là một viên ngọc quý; viên ngọc ấy phát ra cái lóng lánh của riêng nó, chứ không phải phát ra cái ánh sáng của bài gốc.

— Bạn vẫn cho rằng ý thơ không quan trọng.

— Khổ thế. Nó không quan trọng mà tôi lại chỉ lảm nhảm được về nó thôi. Tôi mon men thế nào được tới những chỗ tinh vi của lời thơ, của giọng thơ chữ hán!

Đọc:

Hữu tửu vị thùi mãi

Bất mãi phi vô tiền

Hữu thi vị thùi tả

Bất tả phi vô tiên

Trần Phồn thập bất hạ

Bá Nha cầm diệp nhiên

ngữ ngôn tổng-biệt*

*đưa người, không qua sông
sao sóng vỗ trong lòng
nắng chiều không đổi sắc
hoàng hôn đầy mắt trong
đưa người, đưa người ấy
xa nhà một đứng dừng...*

*ly-khách, con đường nhỏ
chí lớn còn tay không,
chưa hẹn ngày trở lại,
mẹ ơi, mẹ đừng mong!*

*người buồn chiều hôm trước
hạ về sen nở nổi
các chị như cánh sen
khuyên em dòng lệ sót.*

*biết người buồn sáng nay
trời chưa thu, tươi thay
em ngây-thơ mắt biếc
gói thương tròn khăn tay...*

*người đi, người đi thực
mẹ thà như lá bay
chị thà như hạt bụi
em thà hơi rượu cay*

tôi chỉ thấy được cái nghĩa mà thôi, tức cái phần nhạt nhẽo nhất. Những câu ngũ ngôn ngắn ngủi gọn gàng ấy có thể trong lỗ tai người Tàu nó cũng có một âm vang đẹp đẽ nào đó. Đẹp ra sao? Gây nên cái cảm xúc như thế nào? Tôi không lảm bảm; nhưng tôi dám quyết là nó không thể có cái duyên dáng cái ỡm ờ bay bướm của những chữ “không” chữ “ai” lặp đi lặp lại liên tiếp nơi mấy câu nôm:

Rượu ngon không có bạn hiền

*Không mua không phải không
tiền không mua*

Câu thơ nghĩ đến đo chẳng viết

Viết đưa ai ai biết mà đưa

Giường kia treo những hững hờ

*Đàn kia muốn gảy ngẩn ngơ tiếng
đàn.*

Nhưng bạn đừng ép tôi quá. Ép, tôi nói bừa sang cả giọng thơ Tàu, điệu thơ Tàu, không... tốt đâu.

— Ai mà ép bạn? Chỉ có bạn cao hứng tự ép mình đấy thôi. Tôi nghĩ

*mây đầu núi, gió trắng
chiều nao lạnh bóng thăm
ly khách ven trời, khóc
đời xô động, hờn cầm.*

cung vũ

(chuyển thể từ *Tổng biệt hành* của Thâm Tâm).

* Đáp lời nhà văn Võ Phiến trong bài *Đối-thoại về thơ dịch* (Làng Văn số 78, Xuân Tân Mùi), nhà thơ Nguyễn Hữu Nhật đã chuyển thể bài thơ *Tổng biệt hành* của Thâm Tâm từ thơ bảy chữ thành thơ lục bát. Kỳ này, tòa-soạn cũng đăng tiếp hai bài lục-bát khác do văn-hữu và độc-giả gửi tới. Riêng bài thơ trên đây ở một thể khác, ngũ ngôn. Người chuyển thể bài thơ không nhằm chứng minh một điều gì, ngoài việc tham gia một “trò chơi chữ nghĩa”.

Quý bạn đọc có thể xem lại nguyên-tác *Tổng biệt hành* trên *Làng Văn* số 80, trang 86.

phiêu lưu đến thế đủ rồi. BẠN mà cứ tự ép mãi thi ca Trung quốc thiệt hại nhiều đấy.

— Đồng ý. Chỉ nên loanh quanh ở nghĩa chữ, ý thơ thôi. May quá, lắm khi đổi thay vài chữ cũng làm cho giọng thơ khác thấy rõ. Vẫn cụ Tam Nguyên, trong bài *Di chúc* hán văn viết rằng:

Ta tại ngã học thiếu

Khô nhiên chiếm long thủ.

chẳng qua bảo mình học cạn mà đậu cao, lời dung dị khiêm nhường. Khi viết ra nôm thì giọng lại huênh hoang trào lộng:

Học chẳng có rằng hay chi cả

Cưỡi đầu người kẻ đã ba phen.

Lại khi dặn con về nghi thức tống táng, trong bản hán văn chỉ dặn rằng:

Vu công bát cửu nhân

Xuy tống liệt tả hữu

Thảo thảo táng ngã hoàn

Lỗi ngã dĩ bôi tửu.

Trong bản nôm ý ấy hoá ra là:

Lại thuê một lũ thợ kèn

*Vừa đi vừa thổi mỗi bên dăm
thằng*

*Việc tống táng lãnh nhăng qua
quít*

Tưới cho thầy rượu tí một be.

Cái ban vu công tám chín người (nhân) ấy bỗng thành ra một “lũ” thợ kèn, mà lối diễn xuất của những “thằng” thợ kèn lại đậm ra hài hước ngang xương. Cảnh tượng nọ tô đậm cái “lãnh nhăng” quá đáng của một cuộc tống táng.

Thành thử khi làm cái công việc mà bạn bảo là “dịch”, cụ Tam Nguyên đã xắn tay tách mép những câu thơ hán văn ra, dọn sửa cho nó một nụ cười hóm hỉnh tinh quái. Cụ trao cho nó một sắc diện mới, một sự linh động mới.

Việc cụ làm, bạn nghĩ là dịch, lắm người không dám nghĩ là dịch đấy.

— Tôi không biết đích là ai. Có

nhiều người dính dáng vào cuốn *Văn đàn bảo giám*. Cụ Trần Trung Viên sao lục, cụ Trần Tuấn Khải thì duyệt lại, sau này ông Hư Chu có hiệu chính, ngoài ra các ông Dương Bá Trạc và Tản Đà cùng đề tựa; không biết có bao nhiêu trong số các vị đồng ý với nhau về câu ghi chú cho rằng bài *Khóc Dương Khuê* là “phỏng theo bài *Điếu Dương Khuê văn*”? Chính họ nghĩ thế. Tôi dám vẽ vờ gì đâu? Chỉ “phỏng theo” thôi, bạn ạ.

— Hừm!

— Dù sao cái lối Nguyễn Khuyến tự “phỏng theo” mình còn gần nguyên bản hơn là lối Đoàn thị Điểm “dịch” Đặng Trần Côn.

Ông Hoàng xuân Hãn (*Chinh phụ ngâm bị khảo*) chịu là “văn dịch mà y như văn làm”. Do đâu được thế? Ông Hoàng bảo: “Lúc nguyên văn dài thì bỏ bớt thu gọn lại. Có lúc điệu nhạc phủ nguyên văn đặt về rất dài thì gộp hai về lại thành một về quốc âm. Có lúc nguyên văn cố ý lặp lại các chữ vì điệu nhạc phủ, thì ước lược cho hợp với điệu văn song thất lục bát ta. Có khi gặp những ý những câu diễn ca khó, mà bỏ đi cũng không mất tứ thì không ngần ngại bỏ phát đi. Lại có khi vì văn hoặc vì muốn thu gọn nên đảo lộn cả về ở nguyên văn hoặc tráo lộn ý trong vài về nguyên văn”. Như vậy cụ bà họ Đoàn đã tự tiện tẩy máy quá nhiều, còn gì nữa?

Thế nhưng vẫn còn. Ông Phạm Thế Ngũ (*Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*) cho rằng ở lắm chỗ bà cụ “đã đặt vào ý thơ quá nửa cái tình tứ của riêng mình”. Chết chữa! Thơ là thơ của người ta mà mình đem đặt cái tình tứ của riêng mình vào, thì còn gì của người ta nữa?

May là bà cụ Đoàn chỉ đặt vào cái tình tứ. Lắm dịch giả khác dám đặt vào đó những cái thật kỳ cục. Ông Hoàng Xuân Hãn đã tìm ra những bản dịch *Chinh phụ ngâm* khác, và thử so sánh. Bản gốc của cụ Đặng viết:

Vị quân trang điểm ngọc phu chi

Bà cụ Đoàn nghĩ ra câu:

Vì chàng tay chuốt chén vàng



Vì chàng điểm phấn đeo hương
nào nùng.

Ở một bản khác thì hoá thành:
Điểm trang sẫm sửa tung bùng
Phấn Yên phưng phức, tóc Tần
phê phê.

Ở một bản khác nữa lại là:
Vì chàng chải tóc mượt mà
Vì chàng trang điểm màu da mỡ
màng.

Gặp cái “màu da mỡ màng” như
thế, bạn có thương cho cụ Đặng
Trần Côn không? Không ai “dịch”
mà không đặt thêm vào nguyên bản
một cái gì của mình. Mỗi người
dịch có một phong cách riêng. May
nhờ rủi chịu, cái phận của tác giả

bản gốc phát phơ giữa chợ...
Thương lắm thay.

— Ấy, đừng có mà bốc lên.
— Tôi bốc thế nào kịp thực tại.
Cái dịch trong thực tế còn thay đổi
cái gốc về nhiều phương diện nữa,
quan trọng gấp mấy, chứ nào phải
chỉ ước lược chỗ này thu gọn chỗ
nọ bỏ phát chỗ kia, nào phải chỉ
đem cái tình tứ của riêng mình gửi
đại vào thơ người ta?

— Những cái vừa kể là thuộc về ý
thơ, tứ thơ...

— Đúng phóc. Giờ hãy thử mao
muội nêu ra chuyện điệu thơ.

Thiên hạ phong trần
Hồng nhân đa truân
Du du bỉ thương hề, thùỵ tạo
nhân.

Hát lên đúng điệu nhạc phủ thì
những câu ấy gây cái âm vang ra
sao? Ta không hát được, ta không
biết. Ta chỉ có đọc. Đọc thì cứ câu
dài câu ngắn, chốc chốc lại “hề”
một cái, nghe cả khúc cả khắc. Cụ
Đặng chọn điệu ấy là có ý đồ gì? để
gợi lên xúc cảm như thế nào? Nếu
bạn bảo rằng cụ không chủ tâm, cứ
“nhân tiện” mà phóng bút, không
đắn đo chọn lựa gì, bạn mà bảo thế
thì mặc dù bạn sùng kính cổ nhân,
cổ nhân cũng đến phải truyền nọc
bạn ra mà đét đít về tội vu cáo cụ
Đặng bừa bãi.

Nếu cụ Đặng đã có chủ ý chọn
điệu nhạc phủ để truyền đạt một
xúc cảm nào đó, bà cụ Đoàn lại
dịch phăng ra điệu song thất lục bát
thì trong bản *Chinh phụ ngâm* nôm
còn lại được chút hơi hướng gì của

lục bát già từ

Hữu Nhật, Võ Phiến, Thâm Tâm
Cảm cuộc chơi “Tổng biệt hành” nên thơ

Ta đưa người, không qua sông
Sao âm vọng sóng trong lòng mênh mang
Chiều rơi không thấm không vàng
Sao đầy trong mắt hoàng hôn ngậm ngùi
Đưa người, ta chỉ đưa người
Dừng dưng môi ngõ cạn lời chia ly
Gia đình già biệt, chân đi...
Người đi! Người đi! không về
Chí lớn nào thấy, đường mê bước rồi
Tay còn trống, lời thề bói
Mẹ dù tóc bạc sẽ hoài cách xa
Ta biết, người buồn chiều qua
Nở nốt cánh ngà đôi đoá sen phai
Bây giờ hạ đã qua trời
Chị khuyên em sót giòng khơi lệ này
Ta biết người buồn sáng nay
Trời đất tươi thay, thu vẫn chưa về
Em thơ thương tiếc làm chi
Gói gì khăn nhỏ nào nề mắt nai
Người đi? Ừ nhỉ! thực rồi
Mẹ thà như lá rụng rơi cuối trời
Chị thà hạt bụi mà thôi
Em thà hơi rượu đã rồi bay đi
Gió lên đầu núi trắng che
Chiều nao đổ bóng thu về lạnh căm
Người xa bỗng khóc âm thầm
Tiếng đời xô động, hờn căm ven trời.

ngọc khôi

bài hát tiễn chân

Qua sông, ta chẳng đưa người,
Lạ sao tiếng sóng từng hồi trong tim?
Bóng chiều không thấm, không chìm,
Mắt trong sao những chiều êm in hình?
Đưa người đâu chỉ một mình!
Gia đình già biệt, vô tình, dừng dưng!
Con đường mòn nhỏ sau lưng,
Chí cao chưa đạt, tay không, ngại về.
Ba năm cách trở sơn khê,
Thì con cũng sẽ chưa về, mẹ ơi!
Chiều qua buồn bã, rã rời
Trong đầm sen muôn tốt tươi hương lòng
Hai chị thương em vô cùng,
Lệ rơi ép nốt đáy lòng tiễn em.
Sáng nay, người lại buồn thêm,
Tiết trời cuối hạ còn bền sắc tươi.
Ngây thơ mắt biếc rạng ngời,
Khăn tay em út gói lời tiếc thương.
Người đi? Sự thực rõ ràng
Mẹ thà như chiếc lá vàng lướt bay,
Chị thà như bụi vương đầy,
Em thà như hớp rượu cay, đắng lòng.
Gió đưa mây núi, trắng trong,
Chiều nao cơn lạnh chập chùng đổ tuôn.
Ven trời khóc nỗi ly hương,
Tiếng đời xô động, đoạn trường hờn căm...

thanh lê

cụ Đặng nữa!

— Ờ! Giá Đoàn thị Điểm tôn trọng sự chọn lựa của Đặng Trần Côn, cứ giữ lấy điệu nhạc phủ, và thay tiếng “chữ” và các tiếng “hề” cũng được nhỉ?

— Được à? May mà bạn cách cụ Đoàn hơi xa, không xúi dại được ai.

Từ trước tới nay thỉnh thoảng vẫn có những dịch giả “cẩn thận”, cứ nhất mực “tôn trọng” tác giả bằng cách giữ nguyên điệu bản gốc: hễ ngũ ngôn thì dịch ra ngũ ngôn, thất ngôn thì dịch thất ngôn, cổ phong thì dịch đúng cổ phong.v.v... Thái độ ấy khiến nghĩ đến một trò ba lơ...

— Hừm!

— Nay, bạn thử tưởng tượng một danh sĩ Tàu đầy thiện chí đem *Truyện Kiều* ra dịch hoa ngữ; và trong tinh thần tôn trọng sự chọn lựa của Nguyễn Du, bản *Kiều* hoa vẫn được giữ nguyên thể lục bát.

Bạn tưởng tượng xong chưa? Tôi tình nguyện giúp bạn. Ở đời chuyện kỳ cục đến đâu cũng có thể xảy ra được: Cái lục bát hoa văn từng có đấy. Đây là một mẫu lấy từ *Thánh Tông di thảo*, bạn nghe nhé:

Tử quân như thiết như tha,

Thức hà khả thiết, ma hà khả lân

Thiết tha tâm bội tư quân,

Như sơn dữ tuấn, như vân dữ trường!

Gia nương y ngã gia nương,



Kim khuê tâm loạn, tha hương thần tri...

— Thì đại khái như trường hợp song thất lục bát trong *Thu dạ lữ hoài ngâm* của Đinh Nhật Thận.

— Đại khái thế. Là những trường hợp đáng thương. Người Tàu họ gặp họ ghệt người ra. Có thể họ thấy thơ như thế nó cả khúc cả khắc, chẳng ngâm nga gì được, chẳng phát khởi nên cảm xúc nào cả. Có thể chúng ta phải chịu khó chiếm lấy nước họ, cai trị họ chừng nghìn năm, bắt họ tìm sừng tê ngà voi, bắt họ học tiếng Việt chữ Việt cho như xương họ ra, nhiên hậu mới mong họ tạm quen thuộc tạm thưởng thức được thơ ấy.

— Hừm! Lại tếu.

— Cái đọc cũng như cái ăn, mồm ăn cũng như mồm nói bạn ạ. Không phải vần điệu nào hễ thuận miệng ta thì thuận miệng người, món ăn nào hễ ngon miệng ta thì ngon miệng người. Cái ngon với không ngon, thuận với không thuận, lý do bắt nguồn từ chỗ sâu thẳm trong bản chất con người, trong bản chất mỗi giống người, bạn ơi. Với con bún với sợi mì, người Tàu họ làm ra hàng trăm món ăn khác nhau, không có nước có, để hàng ngày hễ hủ xị xà xị xụp với nhau. Marco Polo vất vả dắt con bún lòng thông về Tây phương, nó trở nên hiếm muộn, chẳng sanh sôi nảy nở được mấy. Người Mễ cứ trông thấy cái bột bắp vàng khè là sáng cả mắt lên. Ngày ngày trong từng gia đình họ vất họ nặn bột bắp thành ra đủ mọi hình dạng thân yêu để đưa vào mồm. *Masa! Masa!* của quý trời ban. Họ cơ hồ không tin nổi rằng Thượng đế lại đi chọn đất sét để nặn làm người. Chẳng qua lúc bấy giờ chưa có bột bắp quét nhuộm đầy thôi. Bột bắp mà được đặt lên chiếc lưỡi Mễ là nó run lên: đôi bên cùng run bắn lên vì khoái cảm tội độ. Và bạn đã biết ngay trong những năm đói kém dưới chế độ Cộng sản, ở Á châu bột bắp bị hắt hủi đến chừng nào.

Bây giờ nói sang vần điệu thơ văn. Ngũ ngôn, thất ngôn, những

vinh quang rực rỡ của thi ca Trung Hoa, chúng ta quen biết chúng hơn nghìn năm rồi, chúng vẫn chết khô chết héo trên chiếc lưỡi Việt Nam. Chỉ có mấy ông nho sĩ bắt buộc phải tập luyện, rồi viết ra, rồi ngâm ư ử với nhau hàng chục thế kỷ vẫn không ra làn điệu gì.

Trong khi ấy hai câu lục bát, trời ơi, đêm ngày nó quán quít chiếc lưỡi Việt Nam. Hoặc đêm đêm trên võng mẹ à ời ru con, hoặc dưới trăng vàng vạc chàng cùng nàng lả lướt ân tình, hoặc lúc canh tàn dầu hao bắc lụn nàng vò võ nhớ thương, hoặc trên sông chèo đò trên rừng đốn gỗ cùng hò cùng hồ cho quên nhọc nhằn.v.v..., há miệng là lục bát tuôn ra ngay. Hăm bốn trên hăm bốn, không rời nhau. Lục bát trên chiếc lưỡi Việt Nam như bột bắp trên năm ngón tay người Mễ: nó thiên biến vạn hoá. Nó thành ra điệu hò này điệu hát kia, ra lý này lý nọ, ra cò lả, ra trống quân, ra quan họ, ra chèo, ra xẩm xoang.v.v.. Phối hợp với chiếc lưỡi Việt Nam, lục bát sinh sôi nảy nở ra vô vàn điệu hát câu ca...

— Thôi! Thôi! Bạn ca mãi câu lục bát như thế, biết bao giờ mới chịu trở về câu chuyện dịch thơ...

— Bạn đã thấy rồi mà. Đâu còn chuyện nào gọi là dịch thơ nữa? Chỉ có công việc tái sáng tạo, tái tạo một bài thơ khác. Lấy cái ý cái tứ của bài gốc, sáng tạo ra một bài mới trong đó có thể có phong cách riêng của mình, có quá nửa cái tình tứ của riêng mình, với cái giọng đặc biệt của mình, với điệu thơ riêng thích hợp cho miệng lưỡi mình.

Các cụ Đoàn thị Điểm, Nguyễn Khuyến làm nên những công trình như thế mà bạn dám bảo là các cụ dịch, là các cụ chỉ dịch thơ thôi. Tôi mách các cụ là bạn bỏ xù nhé! Bạn liệu hồn!

Cho nên dịch thơ không phải là dịch. ■

* *Tỳ-bà hành*, bản dịch Phan Huy Vịnh, nguyên-văn: *Đồng thị thiên nhai luân-lạc nhân (Bạch Cư Di)*. (Chú thích của tòa-soạn)



(tiếp theo và hết)

CÁCH CHĂM SÓC BONSAI

Bonsai không phải là một loại cây cần cỗi. Đừng lầm tưởng cứ bỏ bê nó để mặc nó chống chọi với thiên nhiên thì mới có những nét đặc biệt. Trái lại, bonsai rất cần được chăm sóc. Có tưới rễ, ngắt ngọn, tưới nước, bón phân đúng cách, cây mới tươi tốt và luôn giữ được cái “thế” ta muốn.

Nói thế không có nghĩa là phải mất nhiều thì giờ mới chăm sóc được nó đâu! Đối với một người có sự xét đoán bình thường và tinh ý một chút, mỗi ngày chỉ cần bỏ ra chừng nửa giờ tưới bón, canh chừng những sự phát triển khác lạ của nó để sửa chữa và phòng ngừa cũng đủ. Quan trọng nhất là đừng vội và đừng thái quá. “Dục tốc bất đạt”, câu châm ngôn này không ở đâu đúng bằng ở đây. Thấy cây chậm lớn, bạn bón thêm cho nó chút phân hoặc tưới thêm cho nó lon nước nếu không cần thiết, có thể làm cho cây yếu hơn và chết sớm.

Nói Chuyện Bonsai

Nguyễn Nhật Tân

CHỖ ĐỂ BONSAI

Khi đã giồng được cây bonsai vừa ý thì việc đầu tiên là tìm một chỗ thích hợp để đặt nó.

Như trên đã nói, bonsai phần lớn không phải là loại cây giồng trong nhà. Mưa nắng, khí trời và những khác biệt về thời tiết cùng cường độ của ánh sáng giữa ban ngày và ban đêm, giữa mùa đông và mùa hè làm cho cây sống tự nhiên và khỏe mạnh. Nhưng vì rễ bonsai bị thu hẹp trong một khoảng nhỏ và nông, không chịu nổi các thay đổi quá khắc nghiệt, nên ta bắt buộc phải bảo vệ nó.

Nên chọn một chỗ ở ngoài trời, thoáng khí, có nắng sáng chiếu vào mỗi ngày và che được những cơn gió lớn, như dưới một tán cây thưa trong vườn chẳng hạn. Tránh để bonsai gần tường vì tường hấp nắng buổi trưa hoặc dội gió ngược lại có thể làm hư cây, tấp lá.

Nên để bonsai trên kệ cao, vừa tránh chó mèo vừa dễ chăm sóc và thưởng ngoạn. Nếu giồng nhiều thì nên cất nhà kính là tốt nhất; nếu không, làm một căn lều riêng ở góc vườn, xung quanh có gai hay phên che nắng gió cũng được.

Nói chung, chỗ để bonsai cần thoáng mát, đừng nóng quá, đừng gió quá, che được nắng gắt buổi trưa và những cơn mưa rào quá lớn vì bonsai dù thuộc giống khỏe đến mức nào đi nữa cũng không thể bằng những cây mọc ở ngoài trời có rễ đã ăn sâu nhiều năm trong lòng đất.

TƯỚI NƯỚC

Tưới bonsai là một việc làm rất giản dị, nhưng nếu không kinh nghiệm, nhất là đối với những người mới chơi, dễ làm hư cây lắm. Thấy cây èo uột, lá không xanh tươi, ta đã vội cho là thiếu nước, tưới thêm mãi, đất bị úng thủy có thể làm thối rễ khiến cây chết. Tưới hơi nhiều một chút, mầm non nảy loạn, cành rễ dài quá, làm hỏng thế cây. Vậy chỉ nên tưới vừa đủ.

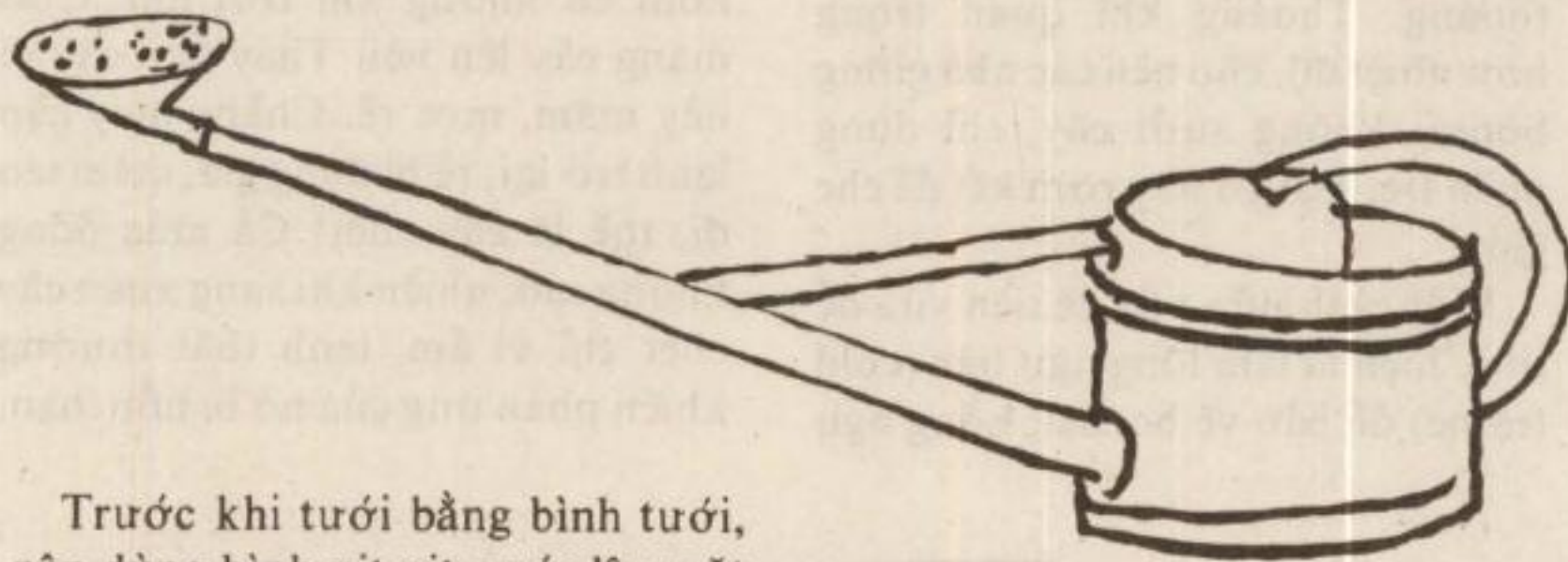
Nhưng thế nào là vừa đủ? Chẳng có quy luật nào nhất định. Không phải mỗi tuần tưới mấy lần vào những ngày nào mới là đủ. Nếu cần một nguyên tắc hướng dẫn thì nguyên tắc ấy giản dị lắm: chỉ tưới khi nào đất khô, vì bấy giờ mới là lúc cây cần nước.

Cây để ở chỗ gió nhiều, đại nắng và về mùa hè, đất chóng khô hơn là cây để ở chỗ râm mát, kín gió về mùa xuân, dĩ nhiên cần được tưới luôn và đều đặn. Mùa mưa, tất nhiên tưới ít. Loại lạc diệp thụ lá to như phong, du cần nhiều nước hơn loại thường diệp thụ lá nhỏ như tùng, bách. Vì vậy, tưới cây phải tùy thời, tùy loại và tùy chỗ. Nhưng chớ lầm vì nhiều khi cây để ở chỗ gió nhiều, đất trên mặt khô se mà bên dưới vẫn còn ẩm, chưa cần phải tưới. Kinh nghiệm cho biết, nếu gặp trường hợp như vậy thì dùng ngón tay chọc xuống lớp đất bên dưới (đất bonsai phần lớn là sạn và cát to hột nên cũng dễ) sâu khoảng chừng nửa chiều sâu của chậu. Nếu thấy đất khô, rút ra mà

không bám vào ngón, ấy là lúc cây cần nước. Vài lần như thế có kinh nghiệm, những lần sau trông tình trạng chung của cây và mặt đất, tất biết ngay lúc nào cần tưới lúc nào không. Và bây giờ ta có thể định đại cương một thời điểm bao nhiêu lâu phải tưới một lần cho những cây loại nào, không cần phải thử nữa. Nếu thử mà không chắc là đất đã khô hay chưa thì nên hoãn lại lần sau hãy tưới. Thà để cho đất khô một chút còn hơn là đất sũng nước.

Nước dùng trong nhà thường có chất chlorine và một số các hoá chất khử trùng khác, tưới cây không tốt. Muốn cẩn thận, ta nên hứng nước mưa để dành, hoặc dùng nước giếng, nước cất đóng chai. Bất đắc dĩ phải dùng nước vòi thì nên lấy ra một ít để trong thùng qua đêm hay một, hai ngày cho bay hết hơi chlorine đi đã rồi hãy tưới. Làm như thế vừa có lợi là loại được phần nào hoá chất trong nước, vừa làm cho nước ấm ngang với nhiệt độ bên ngoài, khiến cây không bị chấn động.

Khi tưới nên dùng một bình tưới đặc biệt cho bonsai, vòi dài, gương sen lỗ rất nhỏ và ráp vênh lên để những tia nước khi phun ra nhỏ và nhẹ như mưa phùn.



bình tưới bonsai

Trước khi tưới bằng bình tưới, nên dùng bình xịt xịt nước lên mặt rêu cho ẩm đất đã. Đất ẩm dễ thấm nước hơn. Sau đó đưa bình tưới lên xuống nhẹ nhàng trên ngọn cây, tưới khắp từ ngọn đến gốc như trời mưa tự nhiên, rửa sạch các lá và làm cho cây mát. Tưới cho đến khi nào đất ướt sũng và thấy nước chảy ra khỏi lỗ thoát dưới đáy chậu mới thôi.

Cách tưới khác là đặt chậu bonsai vào một thùng nước lớn, để

mực nước mấp mé lợi chậu. Để độ chừng 15 phút hoặc khi thấy mặt đất gần gốc cây đổi sang màu sẫm, bấy giờ mới được. Có thể dim hẳn gốc cây xuống và đợi chừng nào nước hết nổi bọt hãy lấy ra. Thường xuyên tưới bằng cách nào thì lâu lâu hay có chất muối trắng đóng quanh thành chậu, vậy thỉnh thoảng mới nên tưới dim như thế.

Những hôm trời khô nóng, nên tưới hai lần một ngày: sáng sớm và khi mặt trời sắp lặn. Đừng tưới vào buổi trưa: những hạt nước đọng trên lá có thể trở thành những tấm kính hội tụ tí hon thu ánh sáng mặt trời, đốt cháy lá. Cũng đừng tưới về đêm: ban đêm, gốc và lá ẩm khuyến khích sự nảy nở các loại nấm và mốc độc hại.

Ngoài ra cũng nên thường xuyên phun nước lên mặt lá để giữ cho lá sạch và mát. Ở các đô thị lớn, rìa lá phong có khi bị cháy xém và quăn lại vì ảnh hưởng của sương muối quện với khói từ các nhà máy phát ra (smog). Mỗi sáng phun nước lên mặt lá cũng giúp cho lá đỡ bị cháy phần nào.

Trường hợp phải vắng nhà từ ba, bốn hôm đến một tuần mà không nhờ ai trông nom được, hãy tưới những cây bonsai của bạn thật

đậm, gom chúng vào một chỗ mát, đặt xung quanh chậu nước, đoạn trùm tất cả lại bằng một tấm plastic trong cho đến khi về. Có hơi ẩm, cây cũng không đến nỗi bị héo úa.

Nếu vắng nhà quá lâu, tất nhiên phải nhờ người chăm sóc. Nên chuẩn bị sẵn một bản chỉ dẫn những cây nào cần phải tưới và tưới ra sao để nhờ người ấy giúp.

BÓN PHÂN

Cũng như các cây khác, bonsai cần được bổ dưỡng. Bón phân đúng cách, vừa đủ thì cây khoẻ mạnh, xanh tốt và có sức chống bệnh. Bón không đúng cách, cây có thể chết.

Những nhà giồng bonsai chuộng phân hữu cơ (phân chuồng) hơn phân hoá chất. Bã đậu, bã đậu, bột cá, bột xương và các loại phân súc vật gà, lợn, bò, cừu... đều tốt cả miễn phải để cho mục. Phân bón tưới làm cho cây dễ bị xót, cháy rễ.

Bonsai chơi lá như tùng, bách, phong... cần phân có nhiều chất đạm (nitrogen); bonsai chơi hoa như mai, đào, đỗ quyên... cần phân có nhiều chất phốt phát (phosphorus) và bồ tạt (potassium) để ra hoa, kết trái. Những chất này còn làm rễ ra nhiều và tốt cùng gia tăng khả năng chống bệnh của cây. Ba chất trên đây là chính. Các loại phân bón hữu cơ (organic) cũng như hóa hợp (synthetic) bán trên thị trường đều có nêu rõ số lượng những chất ấy theo thứ tự Nitrogen-Phosphorus-Potassium, ký hiệu hoá học là NPK. Thí dụ, nếu thấy để 20-20-20 thì có nghĩa là loại phân bón đó quân bình, có 20% chất đạm, 20% phốt phát và 20% bồ tạt. Ngoài ra cũng còn một số lượng rất nhỏ chất kim và chất khoáng như sắt (iron), kẽm (zinc), vôi (calcium), mỳ (magnesium).v.v.. cần thiết để cây tăng trưởng.

Chất đạm làm cho lá xanh tươi. Thiếu chất đạm, lá trở thành vàng úa, còi cọc; nhiều chất đạm quá, lá vươn dài, dễ bị bệnh.

Phân hoá chất có nhiều loại và được trình bày dưới nhiều hình thức khác nhau. Loại phân quân bình thì tỷ lệ NPK bằng nhau, như 20-20-20 hoặc 10-10-10; loại nặng về phốt phát thì số giữa lớn hơn, thí dụ 10-52-10, hoặc chỉ thuần phốt phát và bồ tạt thì mang số 0-10-10 chẳng hạn. Theo hình thức, có thứ là bột, có thứ là viên, là nước hay làm thành thỏi ngắn bằng một phần ba cái bút chì một, tùy ta lựa chọn.

Ưu điểm của phân hoá chất là tỷ lệ những chất bổ dưỡng của nó chính xác, phân sạch và tiện dụng. Nhưng khuyết điểm cũng nhiều. Thứ nhất, phân hoá chất dễ làm chai đất, các chất khoáng và chất kim nhiều khi không đủ như phân chuồng, và nếu không được bón đúng cách, cây dễ bị cháy rễ. Cho nên khi bón bằng phân hoá chất, ta nên đọc kỹ cách dùng. Hãy pha loãng bằng nửa hoặc bằng một phần ba số lượng chỉ dẫn mà thôi. Bón lần đầu, đợi một thời gian xem phản ứng của cây ra sao đã rồi hãy tiếp tục. Thà bón ít, bổ dưỡng cho cây dần dần còn hơn bón nhiều một lúc khiến cây bị cháy rễ.

Bón bằng phân hoá chất, thường thấy bột trắng như muối bám quanh thành chậu và gốc cây. Hãy tưới thật đầm cho những chất đó tan và trôi đi, để lâu có thể làm hại rễ. Thường thì hai tuần hay một tháng bón một lần cũng đủ. Túng, bách không cần bón nhiều.

Bón phân cũng như tưới nước, nên tùy loại và tình trạng cây cùng thời điểm mà áp dụng. Cây rậm lá, đương tăng trưởng nên bón nhiều; cây già hoặc đương đông miên nên bón ít hay không cần bón. Những cây mới giồng hoặc đương thời kỳ dưỡng bệnh không nên bón vì bấy giờ hệ thống rễ của nó yếu, không đủ sức tiêu thụ hết những chất bổ dưỡng.

Trước khi bón, phải tưới nước cho ẩm rễ. Chớ nên bón lúc đất khô. Về mùa thu, nên bón loại phân 0-10-10 hoặc 2-10-10 để nuôi hệ thống rễ cho có sức qua mùa đông. Sang xuân bón những loại phân có nhiều chất đạm. Nếu ta thấy lá cây vàng hoặc có những điểm úa hay đen thì nên nghi thiếu một vài chất khoáng cần thiết. Nên thay loại phân bón khác có những chất ấy, thường thì các loại phân bón quân bình đều có cả (xem bản phân chất trên nhãn bịch phân).

GIỮ BONSAI QUA MÙA ĐÔNG

Nếu bạn may mắn ở tại một nơi khí hậu ôn hoà, mưa nắng vừa

phải, mùa đông không lạnh dưới 0 độ bách phân, mùa hè không nóng quá 30 độ bách phân (như California chẳng hạn) thì giồng bonsai thật lý tưởng. Bạn chẳng phải quan tâm gì đến nó về mùa đông, cứ để mặc nó ở ngoài vườn, cây vẫn tươi tốt. Nếu bên trên có tàn cây hay mái che nữa thì thỉnh thoảng dù tuyết giá cũng chẳng sao. Chỉ cần lâu lâu tưới cho nó chút nước để giữ đất ẩm là đủ.

Những nếu bạn ở một xứ cực kỳ giá lạnh, với khí hậu mùa đông nhiều khi xuống tới -30 độ bách phân như ở Canada thì lại là chuyện khác! Phải che gió bắc cho những cành nhỏ khỏi khô gãy, giữ cho rễ trong chậu vừa nóng vừa hẹp đừng trở thành đông lạnh. Tuy nhiên, chớ nâng niu nó thái quá. Bonsai, trừ những loại cây nhiệt đới, cần thời gian đông miên ít nhất ba tháng, cho nên khí hậu dù nghiệt ngã đến đâu cũng đừng đặt nó vào nhà kính có sưởi. Tưởng mùa xuân đã tới, bonsai sẽ nảy mầm, chu kỳ tăng trưởng của nó vì thế bị sai lạc.

Về mùa đông, hãy đặt bonsai vào nơi nào có ánh sáng mờ dịu (như ở thiên nhiên, mùa đông ánh sáng không gay gắt bằng mùa hè), che gió bốn bề, nhưng phải giữ cho thoáng. Thoáng khí quan trọng hơn nhiệt độ, cho nên các nhà giồng bonsai không sưởi cây, chỉ dùng phen tre, gai gỗ hay rơm kết để che gió.

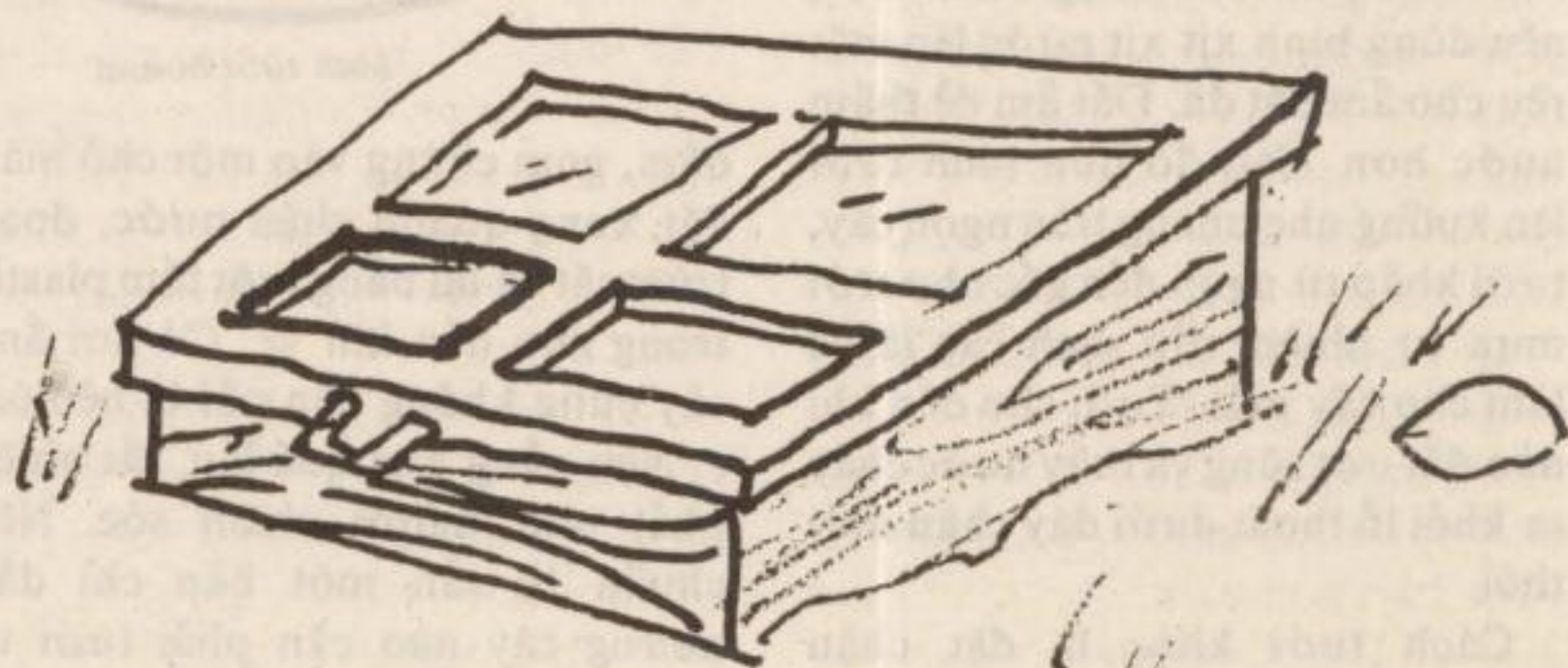
Một cách nữa vừa rẻ tiền vừa dễ thực hiện là làm lồng ngự hàn (cold frame) để bảo vệ bonsai. Lồng ngự

hàn làm rất dễ. Đào một cái hố chữ nhật (hoặc dài hơn, tùy số bonsai muốn giữ) sâu chừng nửa thước. Lấy ván kê xung quanh cho đất khỏi lở và để mép ván chồi lên khỏi mặt đất chừng 20 phân. Đáy hố trải sỏi hay gạch vụn cho nước mưa dễ thoát. Đặt bonsai lên đó, rồi lấy lá khô phủ xung quanh. Trên miệng hố, dùng một tấm kính (có thể là một tấm cửa sổ cũ hoặc plastic trong) đậy lên. Nên đậy hờ cho thoáng khí.

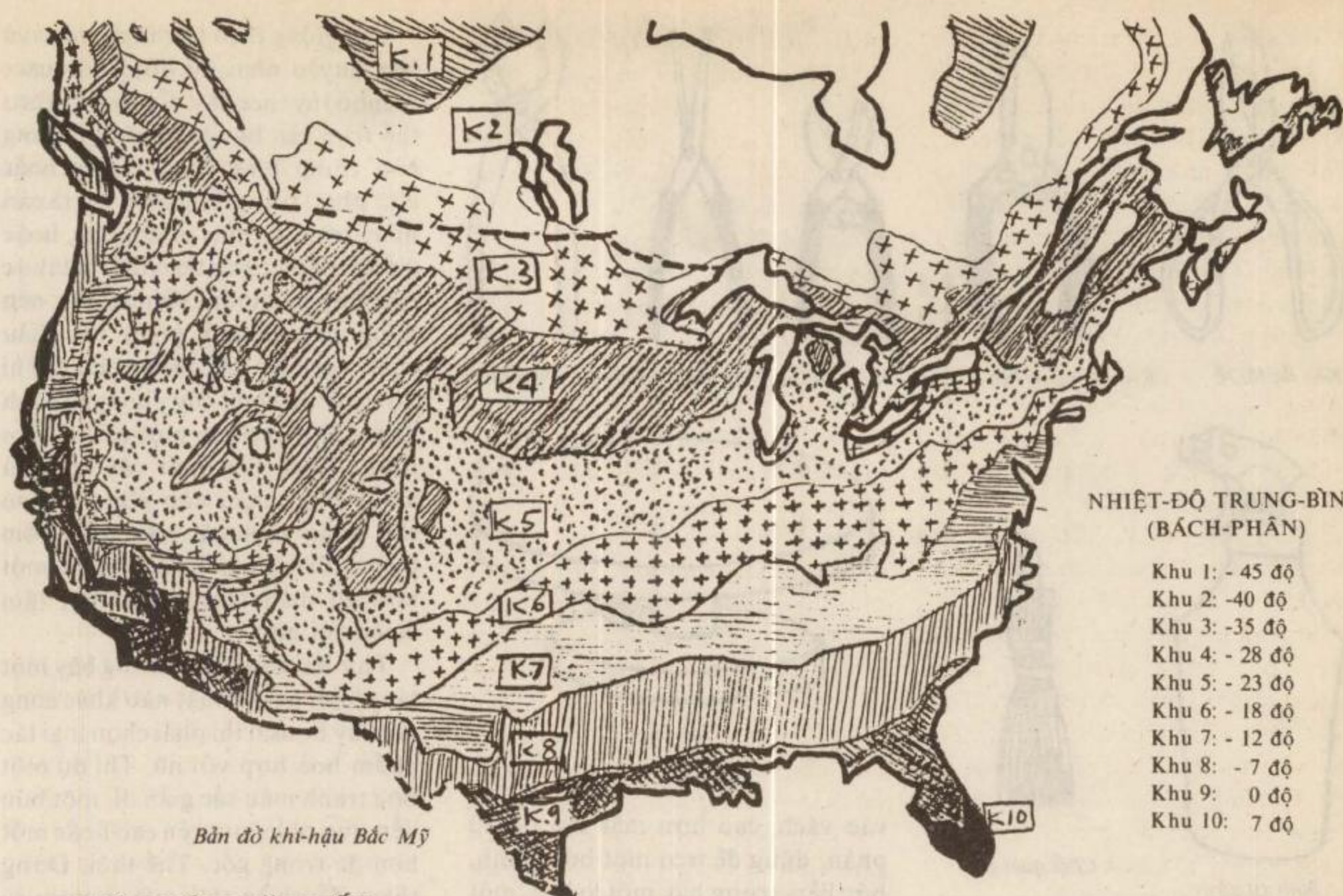
Trong những tháng mùa đông, cây không tăng trưởng nên không cần nước. Vậy không nên tưới hoặc tưới rất ít. Nếu bắt buộc phải tưới vì đất quá khô thì nên tưới vào buổi sáng để ban đêm nước không còn đọng trong chậu nữa. Trời lạnh, nước đọng ở đáy chậu làm hỏng hết rễ và có khi nứt chậu.

Những loại cây chịu lạnh và quen sống trong các vùng từ 1 đến 5 (xem bản đồ khí hậu Bắc Mỹ), có thể không cần lồng che. Đào một cái hố sâu độ 30 phân, đáy trải sỏi hoặc gạch vụn, để cây vào đấy rồi rắc lá khô lên. Tuyết rơi phủ đầy cây càng tốt vì giống như một tấm chăn, tuyết sẽ che cho cây khỏi những cơn gió bắc vừa khô vừa lạnh.

Vào khoảng đầu xuân, nhiều hôm có những khi trời ấm. Chớ mang cây lên vội. Thấy ấm, cây sẽ nảy mầm, mọc rễ. Chẳng may gặp lạnh trở lại, rễ bị đông giá, mầm teo đi, thế là cây chết! Cả mùa đông không sao, nhiều khi sang xuân cây chết chỉ vì ấm, lạnh thất thường khiến phản ứng của nó bị hỗn loạn.



Lồng kính ngự hàn



Bản đồ khí-hậu Bắc Mỹ

**NHIỆT-ĐỘ TRUNG-BÌNH
(BÁCH-PHÂN)**

Khu 1:	- 45 độ
Khu 2:	- 40 độ
Khu 3:	- 35 độ
Khu 4:	- 28 độ
Khu 5:	- 23 độ
Khu 6:	- 18 độ
Khu 7:	- 12 độ
Khu 8:	- 7 độ
Khu 9:	0 độ
Khu 10:	7 độ

**CHĂM SÓC MẶT ĐẤT
QUANH GỐC CÂY**

Muốn cây xanh tốt, chăm sóc bằng cách tưới bón không thôi chưa đủ. Phải chú ý đến cả đất ở dưới gốc nữa. Nhổ cỏ và các cây dại mọc bừa bãi quanh gốc. Những thứ này ăn hết mầu mỡ của cây và làm cho chậu bonsai xấu đi. Nếu rễ cỏ hoặc rễ cây dại ăn quá sâu thì kẹp hai ngón tay vào gốc cỏ rồi hãy nhổ để giữ cho đất khỏi bung lên. Giồng rêu quanh gốc vừa tốt vừa đẹp. Nó giữ ẩm, làm mát gốc khi trời nóng và ấm gốc về mùa đông. Nên chọn thứ rêu lá thật ngắn và không nên giồng nhiều quá, ụ lên như mâm xôi, mất tự nhiên. Theo thiển ý, những rêu mọc ở chân tường ẩm là thứ tốt nhất đối với những người chơi bonsai sống ở thành phố.

Hãy giữ cho đất quanh gốc cây sạch sẽ, gọn gàng. Lá khô, mục đắp đóng lâu ngày quanh gốc thường là chỗ trú ẩn của nhiều giống sâu bọ. Một cây bonsai khoẻ mạnh luôn luôn có lớp rêu xanh tốt mọc dưới gốc.

BẮT SÂU, TRỪ NẤM

Như mọi thứ cây khác, bonsai cũng bị sâu bọ và các loại nấm làm hại. Bọ rầy (mite), bọ chét (aphid và mealybug), sên (slug), kiến (ant), nhện đỏ (red spider), mối hai đuôi (earwig) và vô số các loại nấm (fungus) sống bám trên lá, hút nhựa, làm hỏng cây. Nếu là sâu bọ lớn thì phải kiên nhẫn bắt đi. Nếu chúng nhỏ quá, dùng bình xịt xịt nước cho hết. Vẫn không được thì pha nước với hoá chất pyrethrum và nicotine, phun lên cây mà diệt. Các loại nấm khó trừ hơn, nhưng phần nhiều phát sinh ở những nơi ẩm mốc, không thoáng khí. Giữ cho cây thoáng khí, tránh để tụ nhiều cây vào một chỗ cũng bớt được nấm.

Nếu thấy kiến, mối làm tổ dưới gốc cây, nên giồng lại ngay. Bỏ đất cũ đi, nhúng rễ cây vào nước pha loãng với chất pyrethrum chừng vài phút rồi giồng lại trong đất mới.

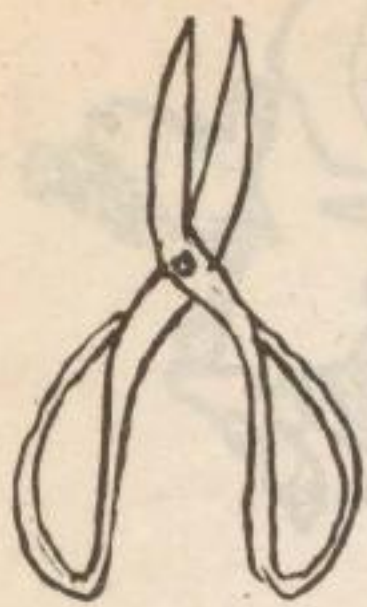
Hoá chất trừ sâu là độc dược, khi

dùng phải cẩn thận đừng để bay vào mắt mũi và phải rửa tay sạch sau khi dùng. Đừng phun thuốc trừ sâu vào thời kỳ cây mới nảy mầm.

**CÁC LOẠI DỤNG CỤ
DÙNG CHĂM SÓC BONSAI**

Để chăm sóc bonsai, phải có một vài dụng cụ căn bản:

1. Một cái kéo sắc cỡ trung bình để cắt cành nhỏ, tỉa rễ, tỉa lá.
2. Một kéo cắt cây cỡ lớn để cắt cành lớn.
3. Một cái kim mổ đẹp, sắc để làm lõm chỗ thân cây có cành lớn bị cắt (mục đích cho vỏ cây xung quanh dễ mọc trùm lên chỗ cắt, che vết sẹo khiến chỗ cắt được tự nhiên).
4. Một cái kim cắt dây đồng.
5. Một cái kim nhỏ, mổ nhọn để giữ dây đồng khi uốn và nhặt những dây đồng vụn rớt ở những chỗ khó nhặt.
6. Một cái chổi nhỏ quét gốc cây.
7. Một cái bàn xoay, đường kính cỡ 50 phân để đặt bonsai lên đó, xoay các phía khi tìm thế cây thích



Kéo tỉa lá, rễ



Kéo cắt cành lớn



Kim cắt dây đồng



Kim gấp mỏ nhọn



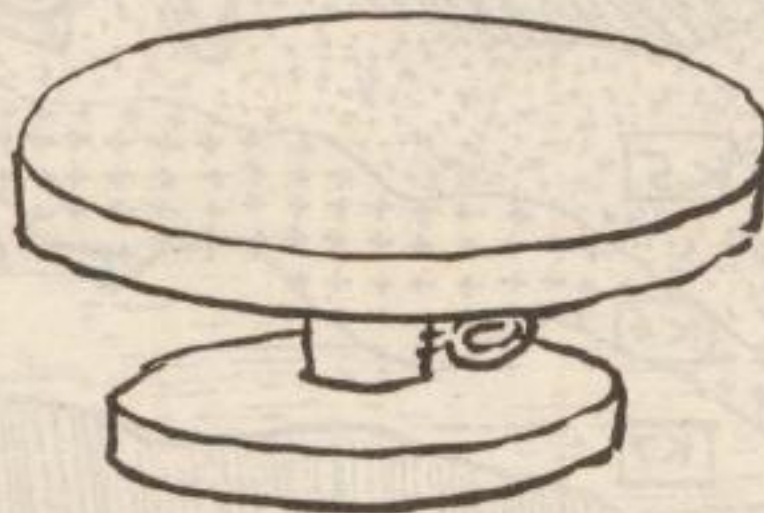
Kim mỏ đẹp



Bình xịt nước



Chổi quét gốc



Bàn xoay

hợp và cắt cành, tỉa lá.

8. Một bình xịt nước.

9. Một bình tưới gương sen lỗ nhỏ.

10. Dây đồng hoặc dây nhôm đủ cỡ.

Ngoài ra, nếu định giồng nhiều bonsai, nên mua trước một số chậu đủ kiểu: vuông, tròn, bầu dục.v.v... đủ cỡ to, nhỏ, trung bình và đủ màu để có sẵn mà so sánh, lượng định giồng cây nào vào chậu nào cho thích hợp, khi cần.

TRUNG BÀY BONSAI

Bonsai là tác phẩm nghệ thuật của ta tạo nên thì thỉnh thoảng cũng phải đem trưng bày trong nhà để thưởng thức chứ! Ít nhất nó cũng làm ta vui thích, bổ công chăm sóc vất vả. Chẳng nhẽ cứ để ở ngoài vườn mãi sao, không khác gì có bức tranh đẹp lại đem cất kỹ, sợ hỏng.

Ở Nhật, phần lớn nhà nào cũng có một chỗ riêng để trưng bày các tác phẩm nghệ thuật mà họ gọi là tokonoma. Đó là một chỗ làm lõm

vào vách, cao hơn mặt sàn độ 30 phân, dùng để treo một bức tranh, bức liễn, trưng bày một lọ hoa, một món đồ nghệ thuật bằng sành hay sứ, hoặc một chậu bonsai. Nhà kiểu Tây phương không mấy khi có những chỗ như vậy, nhưng cũng nên biết một vài nguyên tắc khi trưng bày bonsai.

Thứ nhất, bonsai đẹp ở cái dáng của nó. Nó gây cho ta cảm xúc mạnh nhất khi nó đứng một mình, không bị những vật khác hay cây khác tranh mất sự chú ý. Vì vậy, nếu muốn phô diễn hết vẻ đẹp của một cây bonsai, hãy tìm chỗ nào trong nhà, sáng và gọn, xung quanh không có nhiều đồ đặc biệt kỉnh, đặt một cái bàn thấp, kê sát tường, để bonsai lên đấy và chỉ để một cây là đủ.

Thứ hai, vật dụng trưng bày bonsai nên có hình dáng hài hoà với cây định trưng bày. Bàn nên có dáng cổ kính (nhưng không có nghĩa là phải chạm trổ hoa hoè hoa sói), nếu không thì dùng một cái bàn có đường nét giản dị cũng được (giản dị không có nghĩa là thô sơ hay quá mới như bàn hình tam giác chẳng hạn).

Cây giồng theo thể huyền nhai và bán huyền nhai thì dùng bàn cao; to, nhỏ tùy theo cây. Cây giồng theo thể trực cán hay lập mộc thì dùng bàn trung bình hình vuông hoặc chữ nhật. Cây giồng theo thể tà cán hoặc có lá to như phong, dụ, hoặc giồng thành rừng theo thể mật thực thì dùng bàn thấp. Về màu sắc, nên dùng màu tương phản với màu chậu hoặc màu lá để gây chú ý. Thí dụ trình bày một cây phong lá xanh nhạt thì nên dùng một cái kỷ sẫm màu. Trình bày một cây tùng lá xanh đậm, chậu nâu sẫm cũng có thể dùng một cái bàn màu sẫm được, nhưng nên kê dưới chậu một tấm gỗ màu nhạt, hoặc một tấm chiếu cói nhỏ.

Thứ ba, nếu muốn trưng bày một tác phẩm nghệ thuật nào khác cùng với cây bonsai thì phải chọn loại tác phẩm hoà hợp với nó. Thí dụ một bức tranh màu sắc giản dị, một bức liễn treo phía sau trên cao hoặc một hòn đá trong góc. Thế thôi. Đừng tham để nhiều thứ quá, bonsai sẽ mất tính chất quyến rũ và gợi ý của nó.

LUỢNG ĐỊNH GIÁ TRỊ BONSAI

Đối với những người chơi bonsai đã lâu hoặc đã giồng bonsai nhiều năm thì nhìn một cây bonsai, họ có thể biết ngay là cây đó có giá trị hay không. Nhưng đối với những người mới, họ thấy rất khó mà đánh giá. Cho nên đã có những khách hàng mua những cây bonsai chẳng có thể gì cả, chỉ là những gốc cụt. Không biết đem về, rồi làm sao mà tạo thành một cái cây chứ đừng nói làm thành một cây bonsai đẹp được.

Ngoại trừ những cây chưa được cắt tỉa, uốn nắn và còn trong thời kỳ nuôi dưỡng, bonsai đem trưng bày phải có những đặc điểm sau đây:

- Gốc cứng cáp, thân thuần dần dần lên ngọn.
- Rễ toả đều quanh gốc, bám xuống đất vững vàng.
- Cành mọc ra tự nhiên xứng với

thân và gốc cây.

- Chậu với cây hoà hợp thành một tổng thể.

- Bố cục chặt chẽ.

- Nếu là bonsai có hoa hay quả, hoa và quả phải xứng với cây.

- Nếu cây có rễ quấn lên đá, rễ phải thật sự quấn chặt vào đá.

- Thân, cành không phô những vết sẹo cắt hoặc dây uốn.

- Đá, rêu quanh gốc phải tự nhiên và có vẻ đã được đặt và mọc ở đó lâu đời.

Những cây không hợp với các

tiêu chuẩn trên đây, nhất là những cây mọc đâm lên như một cái cột điện, cụt ngọn, hình thể không rõ ràng và hoà hợp với chậu, uốn một cách gò bó không tự nhiên, coi như không hợp cách.

KẾT LUẬN

Bonsai là một nghệ thuật, cũng như bao nghệ thuật khác, giống bonsai đòi hỏi nhiều công phu, kiên nhẫn và nhất là lòng yêu thích. Vì có yêu thích mới tìm tòi, học hỏi, mới tự trau dồi để đạt mức tận

thiện, tận mỹ. Kẻ viết bài này tự biết còn nhiều khuyết điểm, đã đi xem nhiều cuộc triển lãm về bonsai để học kinh nghiệm. Trông những cây bonsai người ta giống đẹp quá. Nhìn bonsai của mình, tự lấy làm thẹn, muốn bỏ cuộc. Nhưng lại nghĩ: nếu sau khi xem tranh La Joconde của Leonard de Vinci hay tranh của Paul Gauguin mà bỏ cọ không vẽ nữa thì trên đời này làm gì còn họa sĩ. Cho nên còn theo đuổi. Và bonsai vẫn còn cho kẻ viết bài này những giây phút hứng thú. ■

đừng lau vội dòng nước mắt

Tôi cũng như em là thuyền nhân vượt biển
Đất khách quê người, tạm trú đã mười năm
Tôi cũng biết đón đau, cũng biết khóc thầm
Vì một nơi có gia đình và tổ quốc

Tôi cũng như em, chúng ta đều bỏ cuộc
Trong những ngày hoạn nạn của quê hương
Vì tự do ta liều chết lên đường
Nhờ ơn phước đã bình yên đến bến
Những năm đầu tiên khi vừa mới đến
Em thường nhắc về những đồ vật, ly tan
Rồi thời gian, ôi hai tiếng thời gian
Đã xoá nhạt trong em niềm đau đón

Mười năm chắc đủ để làm em khôn lớn
Đủ để quên đi chuyện nước mắt, tù đầy
Mười năm, riêng tôi, lần lửa đếm từng ngày
Từng ngày một, dân tộc ta quần quai
Giờ em đã muốn về
Thì về đi em, đừng ái ngại
Vừa được chút danh, lại vừa được chút tiền
Những ánh mắt đã man ngày xưa của đám bạo quyền
Nay chúng nó sẽ nhìn em ân cần và kính nể

Nếu đã muốn về, thì mau lên đi em, kéo trẻ
Một đời người được mấy lúc vinh quang
Về mà vui thú trên nổi cơ hàn
Của dân tộc ta, em sẽ thấy mình vô cùng rục rở

Riêng tôi, thật tình với em, lòng tôi không nở
Hãnh diện trên những khổ nhục của đồng bào
Đã nhiều lần em nói đến tại sao:

"Tôi không về, bởi tôi là người không tình cảm
Không biết thương gia đình, anh em, bè bạn

Nên đã van người về, tôi vẫn ở lại đây"

Tôi chỉ muốn nói với em rằng:

Vì tôi không là cỏ, là cây

Là cành củi khô, là thân tượng đá

Mười năm lang thang nơi xứ lạ

Tôi đau đón nhớ mẹ yếu, cha già

Mười năm tôi không về nhà

Chỉ nghĩ tới căn nhà là lòng tôi buốt nhói

Em muốn nói gì cứ nói

Để biện minh cho một chuyến trở về

Tôi chỉ van em đừng làm nhục những lời thề

Đừng làm tủi những oan hồn trên biển cả

Mười năm nơi đất lạ

Chắc đủ để xoá sạch niềm đau

Và đủ để làm em bình thân

Trước những cảnh đời rất giống cảnh ngày xưa

Tôi có thể biết ngày mai trời nắng hay mưa

Nhưng không thể hiểu được

Đã có điều gì làm em thoả mãn

Có thể vì tôi là người không tình cảm

Và nhất là vì tôi không có trái tim

Như em

Tôi chỉ muốn nói với em rằng

Khi mua lấy tự do

Em đã trả cho đời một giá đắt

Đừng lau vội dòng nước mắt

Còn rất nóng hôm qua

Tôi cũng sẽ trở về nhà

Căn nhà trọn đời tôi yêu thương ấp ủ

Vào một ngày mai

Em biết không

Một ngày mai phải đến

kha huyền



Thầy Thầy Giáo Nhu

Minh Đạo

Làng Kim Xá, huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên là một làng nhỏ nằm bên bờ sông Hát. Tương truyền, từ thế kỷ thứ 10, các văn nhân trong làng cùng khách hào hoa ở các vùng lân cận đã cùng lập ra một thị xã: thị xã Kim Anh. Nhưng cái truyền thống văn học của ông cha các thế hệ con cháu về sau lại không giữ được, để mặc cho suy đồi, hỏng cả. Đất đai không có bao nhiêu, dân cư mỗi ngày một đông thành ra đời sống trong làng không được trù phú. Nhất là sau những thiên tai, đề sông Hát vỡ, cảnh đói khổ lại xảy ra và một số dân làng phải tha phương cầu thực. Nước chảy chỗ trũng. Nước rút cũng rút theo một phần sinh lực của các ruộng ở vùng cao để bồi đắp thêm màu mỡ cho những ruộng thấp. Dân cư trong làng cũng vậy: sau ngày nước rút, chớ nhà giàu trong làng suốt ngày hần học sửa, toa rập với vẻ uy nghi

của mấy bức tường cao cắm đầy mảnh chai, cái cổng gỗ lim vững chắc khiến lũ người nghèo khổ cảm rá đến vay thóc đang đứng run lập cập trước cổng càng thêm lính quính sợ hãi. Và cái giọng quát tháo hách dịch của đám gia nhân không bỏ lỡ dịp nào để tỏ vẻ miễn can với chủ đã đủ làm cho những bàn tay gầy guộc bần thiêu đành liều mà thò tay vào nghiền mực để in một dấu lem nhem trên tờ giấy nợ chịu lãi gấp ba, như tự ký bản án chung thân tùy thuộc chủ nợ của mình.

Về mặt văn học thì lại càng tệ lắm! Hàng bao nhiêu năm nay, tuyệt nhiên không có ai trong làng đậu đạt gì cao đủ khiến cho cái đám cờ quạt võng lọng loè loẹt vẫn được cất kỹ từ lâu trong hòm được dịp đi diễu nghênh ngang trên con đường từ huyện về làng cho cả hàng tổng phải trầm trồ, ghen tị.

Thực ra mấy năm trước cũng có một thầy đồ thuộc giới cự học lơ thời. Thầy ở vào buổi Tây Tàu nhố nhăng, lại không thể chen chân nổi với đám bồi, đám thông, đám ký mà kiếm miếng nên đành phải giữ cái học của người xưa làm mưu hồ khẩu. Sáng sáng, thầy vẫn sang sang đọc mấy vần Tam Tự Kinh hay Minh Tâm Bửu Giám cho đám vài chục đứa trẻ đầu còn để chỏm gò lưng xuống nền đất lập cập viết mấy hàng chữ Nho xiêu vẹo trên những tờ giấy bản gấp đôi. Từ khi nhà nước bảo hộ bỏ hẳn lối học xưa, chuyển sang chữ quốc ngữ thì lũ trẻ con kia cũng lủi dần. Thầy đồ bỗng nhận ra rằng cái đất làng này không thể phát về văn học được. Cái đồi phía sau không đủ cao, thế không đủ hiểm; con sông phía trước thì dài mà không đủ rộng, sâu để chớ che; đất cằn mà không tụ thủy. “Không phải là nơi hun đúc, ươm dưỡng được cái chí; không đủ hiểm cho việc dùng binh. Hình thế kém như vậy chỉ đủ phát cho đám khôn vật xoay ăn quẩn trong đám cùng đinh; đủ dung cho bọn đầu trộm đuôi cướp ẩn náu, tuyệt không phải là nơi dừng chân lâu dài cho những bậc có hùng tâm đại chí”. Thầy đồ tự an ủi như thế và một hôm thầy bỏ đi.

Trên đỉnh quả đồi phía sau làng có một ngôi chùa cổ núp bóng dưới những tàn cây cao, ẩn mình trong đám cỏ cây rậm rạp. Từ ngày được biết có những kẻ lữ độ đường khi ghé vào làng tạm nghỉ hay bị đám tuần đinh hạch hỏi, mề nheo trâu thuốc, sư cụ trụ trì bảo chú tiểu phải luôn mở cửa chùa để đón khách thập phương.

Một đêm nọ, trời mưa lớn. Cơn mưa đầu mùa vội và bạo đổ chụp xuống cái làng đang khép nép dưới chân đồi. Mưa vừa dứt hạt thì nước đã rềnh lên trong những ao, hồ, những vũng, lạch làm lũ ếch nhái sục nờ đến nhau, động cõn gọi nhau om sòm, gieo vào bóng đêm mênh mông của một tối mùa hè thứ âm thanh hỗn tạp và buồn thảm, phá vỡ cái tĩnh mịch sau cơn mưa của một vùng thôn xóm đìu hiu.

Trước cổng chùa bỗng xuất hiện một dáng người gầy mà cao, cái nón lá trên đầu không đủ che nên cái áo dài đen bạc màu lẫn cái tay nải khoác vai đều ướt sũng. Ánh trăng thượng tuần gầy và nhạt không đủ soi tỏ một khuôn mặt chữ điều tái ngắt, đôi mày rậm đen nhánh, sắc gọn như vẽ bằng mực tàu trên đôi mắt long lanh đỏ của người đang bị sốt. Khách có cái vẻ uy nghi của một người quen sống cuộc đời không ràng buộc, hào hùng và tự tin. Vị khách đột ngột ấy cất giọng khàn khàn run run của một người vừa đói vừa mệt gọi chú tiểu nhờ trình với sư cụ cho tạm trú qua đêm. Chú tiểu đã quen với cảnh lữ độ đường này nên sự hiện diện của khách không có gì là lạ. Duy có điều phiền là khách bị ốm liệt giường khiến sư cụ phải trở lại nghề xưa, bắt mạch hốt thuốc chạy chữa mất mấy hôm khách mới hoàn toàn tỉnh táo. Sư cụ nhất định lưu khách lại tĩnh dưỡng cho đến khi hoàn toàn bình phục. Trong mấy ngày ấy, chú tiểu thấy sư cụ vui vẻ, hoạt bát hẳn lên. Ngoài việc kinh kệ, sư cụ thường ngồi trong phòng nói chuyện rất lâu với khách mà sư cụ gọi là thầy giáo Nhu. Qua

lần cửa đóng, những tiếng cười sảng khoái của khách và sư cụ thỉnh thoảng lại vọng ra khiến cảnh chùa bớt u tịch.

Một buổi sớm, sư cụ dẫn khách ra xem cái chái lợp lá phía sau chùa, nơi thiện nam tín nữ vẫn tụ họp uống nước ăn trà trong những ngày lễ lớn. Qua câu chuyện trao đổi, thầy giáo Nhu bằng lòng dừng bước giang hồ, dùng cái bảng đen, viên phấn trắng thay cho nghiên bút nhà Nho để mở lớp học vỡ lòng chữ quốc ngữ cho đám trẻ con trong làng vốn vẫn còn xa lạ với tân học. Mấy cái bàn gỗ xiêu vẹo được kê thành hai dãy; mấy cái ghế gỗ dài được sửa lại cho thật chắc để có thể chịu đựng nổi cái hiếu động của lũ trẻ con; một tấm ván mỏng, to gần bằng chiếc chiếu sơn đen được treo lên... thế là lớp học thành hình. Vài hôm sau sư cụ xuống làng vận động với đám kỳ mục và thông báo việc mở lớp dạy quốc ngữ miễn phí cho lũ trẻ trong làng.

Mọi việc diễn tiến thuận lợi, tốt đẹp. Lần đầu tiên trong cái làng từ lâu vẫn chìm đắm trong sự dốt nát này có được một lớp học vỡ lòng chữ quốc ngữ. Những tiếng *ê a chi, hồ, giả, đã* được thay thế bằng những âm *nhờ a nhà huyện nhà, tờ a ta* nghe cũng vui tai. Lũ trẻ yêu ngay thầy giáo mới vì thầy không quát roi mây đen đét như thầy đồ. Chúng cũng được ngồi ngay ngắn trên ghế dài, tì tay vào bàn mà viết chữ không phải quỳ mọp như trước nữa. Những chữ mới thầy dạy cũng dễ nhớ, dễ học hơn nhiều so với đám chữ nho rắc rối mà lũ trẻ gần cổ lên gào, dù lập đi lập lại nhiều lần vẫn trôi tuồn tuột như nước đổ lá khoai, không bám được vào đầu lũ trẻ bao nhiêu. Mà lạ quá, cứ đánh vần xong một chữ thì lập tức chúng biết ngay nghĩa của chữ ấy, giống y những điều mà hàng ngày chúng nói, chúng gọi, khác hẳn với chữ nho của thầy đồ, mỗi chữ thầy lại phải giảng nghĩa. “Đây là thứ chữ của riêng nước mình”, thầy giáo nói vậy. Biết được điều này, lũ trẻ thích lắm, càng háng hái tập đánh vần.

Hơn bốn mươi cái miệng, cái nào cũng không muốn tiếng của mình chìm lìm trong tiếng vang chung nên càng cố gào tướng lên làm kinh động lũ chim chóc từ lâu vẫn sống núp dưới bóng của đám cỏ cây rậm rạp trong chùa và sư cụ cũng lấy đó làm vui cho quãng đời tàn xẽ và hiu quạnh của mình.

— Thầy giáo thử nghĩ xem, làm sao để cho những con người ấy hiểu được! Những người nghèo thì quanh năm lúi húi ngoài đồng mà vẫn chẳng đủ ăn. Một năm, hoạ hoãn được vài ngày lễ Tết mới rảnh rang một chút để lên chùa lễ Phật. Tôi đã dặn nhiều lần, lễ Phật cốt ở lòng thành, không cần phải bày vẽ cho rườm, cho tốn. Ấy vậy mà họ cứ áy náy, rứt rứt dẫu trong vật áo khi thì vài quả cau, dăm lá trà, lúc mấy quả cam hay nải chuối... Thế mà lúc nào họ cũng có vẻ e ngại không đủ thành kính với Phật tổ. Họ là những người chất phác, thuần khiết. Nếu họ có hiểu lệch lạc về Phật pháp, phần lớn cũng do ảnh hưởng của cái đám người ồn và phức tạp kia. Bọn ấy lấy sự hậu hĩnh của lễ vật làm chứng cớ của lòng thành, lờm nguýt, dè bủ, ganh tị nhau. Mang một ít lễ vật lên chùa thì cầu đủ thứ: nào là buôn may bán đắt, một vốn bốn lời, thăng quan tiến chức... Tuyệt không thấy ai trong đám đó cầu Phật độ cho quốc thái dân an, cho lòng con người bớt điên đảo, sống sao cho đúng với thiên lương.

— Bạch sư cụ, thế khoản chi dụng của chùa hẳn có khó khăn?

Thầy giáo Nhu hỏi.

— Từ lâu chùa vẫn có một khoảnh đất nhỏ để trồng trọt. Vườn nhãn sau chùa, nếu săn sóc khéo, cũng tạm đủ chi dụng cho khoản hương đèn thờ Phật và tương chao đạm bạc cho hai miệng con người. Thầy cố lưu lại đây vài năm để soi sáng cái ngu tối của đám trẻ con làng này thì thật là vô lượng công đức.

Nhưng cứ nhìn khuôn mặt rần rỏ, đôi mày rậm nhú lại, đôi mắt cương nghị và u buồn thì sư cụ hiểu

rằng cái ao nhỏ yên tĩnh này không phải là nơi cho loài kinh ngạc vấy vùng.

Sau những bài học cơ bản về phép đánh vần, những bài tập viết, thầy giáo Nhu bắt đầu dạy lũ trẻ những nét đại cương về lịch sử, địa lý dân tộc. Thầy cũng dạy chúng bốn phép tính cộng trừ nhân chia, vài kiến thức về khoa học, vệ sinh sơ đẳng. Học sinh, đứa lớn nhất đã 17 tuổi, đứa nhỏ nhất 8 tuổi, phần lớn ở lứa tuổi 12, 13 nên học cũng nhanh. Lũ trẻ càng ngày càng mến phục thầy Nhu. Mỗi ngày chúng lại khám phá vài điều mới lạ. Duy có thân thể thầy thì chúng không biết ra sao. Chúng cũng đã biết đứng nghiêm theo tiếng hô ra lệnh của trưởng lớp mỗi khi thầy giáo vào lớp và trước khi tan học. Sau ba tháng thì không còn đứa nào hái trộm nhãn của chùa nữa.

Thấm thoát đã gần hết năm. Tết sắp đến. Thầy giáo Nhu đã phải nghiêm giọng nhiều lần mới cấm được đứa trưởng lớp, cứ theo lệ cũ, mở sổ lục quyền tết thầy. Dù đám quan viên ở làng vì mải bàn việc cúng bái ngày Tết mà quên hẳn khoản thù lao ít ỏi cuối năm cho thầy, ngày 23 Tết, trong khi dân làng sửa soạn cúng ông Táo thì thầy giáo Nhu cũng từ biệt sư cụ và đám học trò để đi ăn Tết ở một nơi nào không ai biết. Vẫn cái tay nải bằng vải thâm đeo vai, cái nón lá cũ, cái áo dài đen bạc màu, đôi giày vải, thầy ra đi, mang theo cái không khí náo nhiệt mà đầm ấm của lớp học.

Sau Tết, cũng vào một đêm khuya, thầy giáo Nhu trở lại. Dáng mệt, chùng như thầy vừa từ một nơi rất xa về. Thầy mang về mấy quyển sách và bắt đầu soạn cho học sinh những bài học về luân lý, khoa học thường thức, những bài thơ ngắn ca ngợi lòng yêu nước, bốn phần công dân... Đối với lũ trẻ, điều này quả thật lạ lùng. Chúng biết ngoài làng xóm chúng ở, hoặc xa lắm là hàng xã, hàng tổng, còn có một cái gì chung, lớn lao và quý giá lắm, do tổ tiên truyền lại từ lâu đời và mọi người đều phải giữ gìn,

đó là tổ quốc. Chúng cũng được biết về nguồn gốc tổ tiên, những anh hùng cứu nước qua những bài học, bài thơ thuộc lòng ngắn, giản dị mà cảm động. Và lần đầu tiên một tình cảm mới lạ, hoang mang và mơ hồ nẩy nở trong lòng chúng. Thầy giáo bảo ai là người Việt Nam cũng phải có, cũng phải giữ, đó là lòng yêu nước. Ai có lòng yêu nước thì dù nhỏ tuổi vẫn có thể làm được việc phi thường như Trần Quốc Toản, Phù Đổng Thiên Vương; hoặc chỉ xuất thân tầm thường cũng có thể trở thành anh hùng mà cả nước phải biết ơn, tôn thờ, như hai bà Trưng, bà Triệu, các vua Lý Thái Tổ, Lê Thái Tổ, Quang Trung...

Nhưng các bài học ngắn về luân lý thầy trích trong cuốn *Quốc văn giáo khoa thư* lớp sơ đẳng thì bắt đầu gây rắc rối, phát sinh những chuyện không hay. Thầy giáo Nhu cũng theo phong cách của người xưa, dạy luân lý không cần rườm rà lời mà chỉ bằng những câu chuyện ngắn, gọn làm thí dụ. Nhưng có điều thầy không để ý là thói đời, hễ đã làm việc gì quấy, nếu có ai nói xa nói gần, nói động tới chuyện ấy là lập tức vợ ngay vào mình, cho là có ý xỏ xiên, vì thế mà sinh phiền.

Đầu tiên là cụ chánh tổng. Một hôm, đứa con trai 12 tuổi của cụ, cũng là học trò thầy Nhu, đang gào một bài học thuộc lòng nói về người nghiện thuốc phiện: "...Thầy Chánh Còm từ khi đa mang thuốc xái đến giờ thành ra lười biếng, chậm trễ. Sáng dậy, ít ra cũng phải mười năm điều mới mở mắt ra được, và cả ngày quanh quẩn cạnh bàn đèn, chỉ cái xe, cái lọ, ngoài ra không thiết đến việc gì nữa..."(1). Đúng lúc ấy, cụ chánh tổng mới hút tới điều thứ năm, nghe vậy cho là con mình ra điều tân học, có ý xỏ xiên mình, liền nổi giận, vác gậy đuổi đánh con, miệng la bai bai như người mất trộm:

— À ra thằng này lão! Đồ bất hiếu bất mục! Tao có hút là hút của tao, do tiền tao kiếm được, có động chạm gì đến ông bà ông vải nhà mày

đâu mà mày xỏ xiên ông! Tao tưởng cho đi học, mày học được điều hay, không ngờ mày lại dám chửi cả bố. Từ nay ông cấm tiết!

Thế là thằng bé không dung bị một trận đòn đau, lại còn phải đi chăn trâu như trước.

Khi đã nguôi cơn giận, cụ chánh, vốn thâm trầm, nghĩ sâu, cho rằng thằng bé 12 tuổi không thể có cái mưa thâm này, hẳn do thằng thầy nó đứng phía sau xúi giục. "Cái mặt lăm li ấy mà táo tợn thật! Đến cả mình nó cũng không tha. Để rồi ông sẽ có cách".

Cách gì chưa thấy nhưng lớp học hôm sau vắng đi một đứa trẻ. Câu chuyện tưởng bình thường. Không ngờ lúc cụ chánh đánh chửi con thì láng giềng cụ, cụ Cốc, đang vạch vú cho con bú, nghe được đầu đuôi. Cũng như tất cả những người đàn bà rồi hơi khác, cụ Cốc cung cúc bế con sang nhà bạn, cụ Hẹ:

— Em có điều này hay lắm, chỉ nói riêng cho chị nghe thôi đấy nhé. Phải giữ kín.

Thế là câu chuyện được kể lại, nhưng cũng giống như mọi tin đồn khác, trước khi truyền đi đều được thêm thắt đôi chút. Cụ Cốc quả quyết rằng thầy giáo Nhu xúi thằng bé về chửi bố. Sau khi cụ Cốc về, cụ Hẹ cũng lập tức chạy đi tìm một người bạn khác. Và câu chuyện được lặp lại. Đúng theo thông lệ, để tỏ ra mình thông minh, cụ Hẹ cũng thêm vào đôi chút: Thầy phó lý tháng trước, trong phiên họp hội đồng kỳ mục, có bị cụ chánh tổng lấy quyền người trên mà át giọng nên thầy để lòng thù. Rằm vừa rồi, mượn cớ lên chùa lễ Phật, thầy phó lý gặp riêng thầy giáo Nhu nhờ viết bài cho thằng con cụ chánh tổng mang về chửi bố.

Chỉ hai hôm sau thì nơi khoảng đất trống đầu làng, chỗ tập trung vài quán nước, mấy gian hàng quà vật, hàng xén... và cũng là chỗ tụ họp của đám người rồi hơi, lắm chuyện, đã ồn lên một câu chuyện có đầu đuôi hợp lý y như một vở tuồng soạn khéo: ông phó lý từ lâu muốn hất chân cụ chánh tổng. Cụ

chánh biết rõ âm mưu nên ngỏ lời đe dọa trong một buổi họp việc làng. Ông phó lý để tâm thù, bèn giả cách đi lễ chùa. Ngoài dăm thẻ hương, vài quả cau, ông phó còn giấu riêng một bao chè ngon để biếu thầy giáo Nhu, biết đâu lại chẳng có thêm một phong bao đựng vài đồng bạc được gửi riêng lúc riêng tư? Thầy giáo vốn là tay tân học, táo tợn, lại có tài viết văn, cái bài “chửi bố” kia là do thầy giáo soạn ra chứ hiển nhiên trong các sách thánh hiền để lại không có sách nào chép như thế. Vả lại, việc hút thuốc phiện đã có từ bao năm nay mà có ai nói gì đâu, chỉ là do thầy Nhu đến đây gây chuyện. Trong làng cũng có khối người hút xách, sao không ai bị động đến. Bài học thuộc lòng còn ghi rõ là cụ Chánh Còm. Chữ chánh thì hiển nhiên rồi. Tên cụ là Hợi chứ không phải Còm, nhưng quả đáng tội, trông cụ gây còm thật. Thế thì người bị chửi chẳng là cụ chánh Hợi thì là ai?

Có những điều tưởng rất vô lý, vô hại nhưng được khấp lẻo khớp lại với nhau thì trở thành rất hợp lý, rất thật. Tin đồn cũng như một cái máng dẫn nước vậy. Máng hướng về đâu, lập tức nước ủa về hướng đó. Đối với cái đám người rồi hơi và đa sự thường tụ họp đánh chén trong quán rượu đầu làng thì câu chuyện không chỉ có thế.

Người ta chợt khám phá ra rằng thầy giáo Nhu còn có những âm mưu ghê gớm khác. Bài thơ “Buôn bán phải thật thà” (2) thầy cho học trò học thuộc lòng chẳng phải rõ ràng chửi xéo tính keo bẩn và thói cho vay nặng lãi bóp hầu bóp cổ của bà cai Ngật là gì? Sự khám phá ấy truyền tới tai bà cai Ngật. Lập tức bà lạch bạch chạy ra đầu làng, xoạc cẳng ra mà hò, cổ cho mọi người hiểu rõ tấm lòng nhân đức hiếm có của bà. Trong vụ lựt vừa qua, bà chỉ cho vay thóc có một rá thành ba, chứ không phải thành bốn như bọn nói điều vắn xẩm xỉ. Mụ la choe choe:

— Bà thì vạc mặt nó ra, xỏ xiên

mùa xuân thiếu nữ

*Em vẫn đi về bên lối xưa
Freeway lồng lộng gió giao mùa
Có nghe trong gió luồn tâm sự
Nghe lòng thổn thức nỗi vu vơ?*

*Em vẫn đi về bên lối quen
Đêm freeway rộn rã hoa đèn
Có tin trong ý thầm hoa nở
Tình cũng nở thầm trong trái tim?*

*Em vẫn đi về bên lối xuân
Freeway xanh thắm cỏ ven đường
Có hay hương mới luồn trong cỏ
Hương mới thơm mùi hương tóc em!*

nguyễn hải hà



gì? Mà bà có bảo đưa nào đến nhà bà lạy van xin xỏ đâu! Tự chúng nó vác xác đến vay. Chỗ thuận mua vừa bán, nào ai ép uống gì ai! Bà mà không cho vay thì chúng nó đã chết đói nhăn răng ra. Bà làm phúc làm đức, cứu nhân độ thế bao lâu nay, ai chẳng biết, động gì đến mả ông mả cha nó mà nó xỏ xiên!

Còn cái câu “...ai đã mắc phải cái tính xấu ấy thì chẳng mấy người tránh khỏi sự nghèo khổ, túng bấn rồi sinh ra gian lận, điêu đảo... phải đi ăn mày ăn xin, ăn trộm ăn cắp, làm những điều hèn hạ xấu xa” (3), thì nhất định là ám chỉ ông trương tuần Mậu. Chẳng là lúc trẻ, ông trương tuần có lần ăn trộm tiền của bố đi gỡ bạc. Bị bố đuổi, phải ra tỉnh sống lang thang. Nghe nói sau ông cũng kiếm được một chân giữ ngựa trong dinh quan tổng đốc. Mấy tháng sau, ông Mậu trở về làng. Cái đám xấu miệng cũng đồn là ông Mậu bị đuổi vì tội ăn bớt thóc ngựa.

— Ầ thằng này xỏ ông! Được, cây muốn lặng gió chẳng đứng, nào ai tham ván bán thuyền gì ai! Để rồi ông tính cho!

Sau cái câu có tính văn học ấy là một nụ cười gần đầy vẻ hăm dọa.

Câu chuyện cứ thế lan đi. Những chuyện nhỏ nhặt vô nghĩa mà bị

thổi phồng mãi lên thì ắt gây vạ lớn. Xưa nay những tiếng xẩm xỉ nhiều khi còn nguy hơn cảm gương giáo; tai tiếng oan uổng đeo đẳng nặng và lâu hơn cả một bản án tù. Bọn trộm cắp bị bắt tận tay day tận mặt thì đi tù; còn bọn bơi móc, rình mò, xúc xiểm không dễ gì tóm được quả tang. Nên thời nào, nơi nào cũng vậy, chúng nhung nhúc khắp nơi. Cả đến chốn văn chương phong nhã cũng không hiếm gì lũ ấy.

Câu chuyện cứ tiếp tục ồn lên, đầu này, xóm nọ. Cuối cùng, những người giàu có và chức phận trong làng ai cũng giạt mình thấy các bài học luân lý của thầy Nhu có điều gì ám chỉ đến cái bí mật riêng tư của mình.

— Nó lại dám chửi cả làng à!

Thầy lý trưởng tuyên bố như thế, theo đúng tác phong của giới có quyền xưa nay, tự cho mình là người của đại sự, của mọi người. Nếu có ai đụng chạm đến mình tức là đụng đến cả làng, có thể cả nước không biết chừng. Và nếu mình có hại ngấm người nào ắt cũng chỉ vì nhân danh cái “chung” ấy, tuyệt không phải do lòng vị kỷ. Chỉ tội nghiệp cho lũ trẻ, không dung nhiều đứa bị đòn oan, lại bị cấm tiệt, không được leo hánh tới trường nữa. Lớp học vì thế vắng đi

quá nửa.

Cứ theo những tin đồn đã được trao đổi, sửa lại cho xuôi tai thì phe các cụ cũng đang sửa soạn phần công chứ chẳng chịu để yên.

— Cái con người lắm lì, khinh khỉnh ấy, tẩm ngấm mà đâm chết voi đấy! Thỉnh thoảng xuống chợ mua bán, quả tình nó cũng có chào hỏi, lễ phép với mọi người. Nhưng đó chỉ là bề ngoài, để dễ dò la, không chừng nó thuộc loại đầu trộm đuôi cướp, động ổ trốn lánh về đây chứ chẳng chơi. Trông mặt nó, tôi biết.

“Nó” đây là thầy Nhu. “Tôi” đây là cụ chánh tổng. Cụ chánh đã nói thế thì hẳn đúng, theo cái đám nặc nô và gia nhân xưa nay vẫn cung phục vụ cụ, nay được dịp tỏ lòng miễn cưỡng, tung ra khắp làng.

Nguy hiểm hơn nữa, một hôm trong quán rượu, sau khi đánh ngã vài chai bố rượu trắng, ông trương tuần nói toang toang với đám tuần đinh vây quanh:

— Tôi thì biết tổng. Cái lối lắm lì bí mật, lý lịch quê quán không rõ ràng, hẳn quân này phải ở trong các hội kín mưu phản nhà nước bảo hộ chứ chẳng không! Rồi thì rừ tù! Rồi thì một gông!

Vừa nghe mấy chữ “hội kín”, “nhà nước bảo hộ” thì những người chung quanh lập tức xanh mặt, nhớn nhác nhìn nhau rồi lui dần. Cụ Chánh, với cái lấu vật cổ hủ của đám chức dịch, đủ khôn ngoan để hiểu rằng việc chứa một tên thuộc “hội kín” trong làng, lại còn mượn làm thầy giáo, trả lương bằng quỹ làng có thể làm các cụ bị liên lụy, mất chức, đi tù không chừng. Hình ảnh cái cơ nghiệp gây dựng khó nhọc bao năm nay bỗng đứng sụp đổ vì phải tốn phí chạy chọt đủ làm cụ tỉnh táo lại. Thế là cụ cuống lên, gọi vợ vào phòng thì thảo:

— Bu mày liệt bớt mồm bớt miệng lại, đừng có choe choé nữa. Nó mà ở trong hội kín thực, quan trên biết ra, tra cứu bắt tội mình tại sao biết mà không tố thì thật chết!

Thế là câu chuyện như cơn mưa

mùa hè, ồn lên như sôi rồi bỗng nhiên dứt hạt, trả lại yên tĩnh cho xóm làng. Và cũng giống như bầu trời xám xịt, trước khi sáng tỏ cũng để rơi rớt lại vài tiếng sấm âm ỉ. Trong các tin đồn rơi rớt lại, kể thì cho là thầy Nhu bí mật xuống nhận lỗi, lạy van các cụ nên các cụ bỏ qua. Người khác lại quả quyết rằng thầy Nhu vốn tay hay chữ, định viết đơn tố các cụ về việc ăn chặn tiền cứu trợ nạn lụt vừa qua, các cụ sợ việc vỡ lở, nên đã tìm cách hoà giải với thầy. Tụ trung, từ đầu đến cuối, câu chuyện ra làm sao cả!

Duy trương tuần Mậu hãy còn cay cú. Gã thuộc cánh “con nhà võ” nên nóng nảy, không sâu mưu như bên “cánh văn”, vẫn cùng đám đàn em thân tín bàn tính tìm cách tố cáo thầy giáo Nhu đi. Thầy giáo Nhu làm gì chẳng biết những chuyện ấy, nhưng thầy vẫn một mực im lặng, coi như không đáng quan tâm. Thầy vẫn thản nhiên dạy đám học trò còn sót lại, nhưng đã mấy tháng không thấy thầy xuống làng. Một hôm vì phải mua sắm vài thứ cần thiết, thầy xuống gian hàng xén bên cạnh quán rượu ở đầu làng.

Lúc ấy trời đã chiều. Vừa sau cơn mưa, đường làng lầy lội và đọng nước. Trương tuần Mậu cùng đám đàn em đang ngất ngưỡng trong quán. Sau vài cút rượu, mấy cái mặt kia đã đỏ lúm, áo phanh ngực, chân giạng ra, khoác loác ồn ào.

Mua sắm xong, lúc thầy giáo đi ngang quán rượu thì những tiếng cười nói oang oang bỗng như bị

một bàn tay vô hình chặn đứng. Im phắc. Bao nhiêu cặp mắt hết đổ dồn về phía thầy giáo lại quay về phía trương tuần, với cái háo hức của những kẻ đang chờ xem một chuyện gay cấn. Trương tuần Mậu, sau một lúc bối rối vì bất ngờ, ngoác miệng cười đồng:

— Ông thì còn lạ gì cái mặt ấy. Đồ ném đá giấu tay! Đừng tưởng nho nhoe ít chữ mà đã vội khinh người! Ông thì biết gấp mười nó ấy chứ! Lại xỏ xiên à! Để rồi ông bảo cho!

Tiếp sức cho câu hăm dọa ấy, một đứa đàn em nhặt viên gạch ở chân tường, ném ngay xuống vũng bùn, sát chân thầy giáo. Bùn bắn tung toé lên vạt áo và cả trên khuôn mặt lạnh lùng của thầy. Cả bọn cười rộ, khoái trá. Thầy Nhu thản nhiên kéo vạt áo dài lau vết bùn trên mặt, tiếp tục đi, không lý gì đến đám vô lại đang cố tình gây sự kia. Thấy thầy giáo không có phản ứng, trương tuần Mậu càng làm hùm làm hổ, gã lạch bạch chạy ra, chặn ngay trước mặt thầy giáo, lăm lăm tay thước. Miệng nồng nặc mùi rượu, gã quát:

— Này, ông truyền đời cho mày biết, từ nay phải cách mặt ông ra, chớ đụng vào ông mà khốn, mà nhưu xương!

Ở vào tình thế chẳng đáng dừng, thầy giáo đứng lại, nhìn thẳng vào cái mặt đỏ au vì rượu của tuần Mậu. Mắt thầy long lanh vừa nghiêm nghị vừa thương hại, như muốn soi thấu vào cái sâu thẳm, tâm tối của cái đầu đang bốc rượu



kia. Thầy cất giọng trầm và buồn, từ tốn mà nghiêm như đang nói với học trò:

— Tôi với ông không có điều gì để thù oán nhau. Tôi chỉ chép lại cho trẻ con những bài học luân lý làm người, mở mang cái thiên lương của chúng để chúng biết phân biệt điều hay, lẽ dở; để sau này chúng không phải sống cái đời tăm tối, nhục nhằn, dốt nát của một dân tộc nghèo đói và nô lệ. Nào tôi có ý xỏ xiên gì riêng ông đâu! Tôi tưởng ông là người lớn tuổi, đứng đắn. Ai ngờ ông cũng theo cái đám la cà, lấy sự bàn ngang tán nhảm nơi đầu đường xó chợ mà nghi bậy, làm xằng, mất cả cái tình con người với nhau đi. Áo tôi bị dính bùn nhơ tôi còn giặt sạch được. Còn cái tâm ông bẩn, ông lấy gì rửa cho sạch?

Nói đoạn, thầy lại ung dung đi, bỏ gã trương tuần đứng trơ ra ở giữa đường. Trước vẻ uy nghi, trầm tĩnh và đường bệ của thầy giáo, gã thấy mình bị hụt hẫng, không biết phản ứng thế nào. Nhưng để che giấu vẻ tên tò, gã cười gằn, vẻ gượng gạo:

— Nó biết nhịn thì ông tạm tha cho. Lần sau biết tay ông!

Không biết giải thích thế nào, trương Mậu lủi thủi bỏ về, mặc lũ đàn em và bọn người hiếu sự đang ngong ngóng chờ kết quả trong quán.

Trời nhá nhem tối. Lũ ếch nhái và côn trùng rền rĩ một điệu nhạc đều đều buồn thảm. Trên con đường đất lầy lội, có hai bóng người lẫm lũi đi. Hai con người ấy, trong cái hắt hiu của một buổi chiều tàn, đều cảm thấy thương mình. Tâm tình mỗi người có khác, nhưng cái mệnh mông xot xa tử cho mình mà thương cho người thì lại giống nhau. Và cả hai đều thấy mình cô đơn lạ lùng!

Ngày hôm sau, lũ học trò nhao nhao lên khi nghe thầy giáo nói kể từ ngày mai, thầy bỏ lớp học. Chúng đã biết chuyện trương tuần Mậu đón đường gây sự với thầy giáo. Đứa trưởng lớp thay mặt cả lớp đứng ra năn nỉ xin thầy ở lại:

— Thưa thầy, ông trương tuần xưa nay vẫn có tính hay nạt người ai cũng biết. Thầy chấp ông ấy làm gì! Xin thầy bớt giận, ở lại dạy chúng con.

Nghe cái giọng ngập ngừng, run run như chính mình phạm lỗi của đứa học trò chất phác, thầy giáo Nhu vừa thương vừa buồn cười. Những mái đầu xanh này, cũng như từ bao thế hệ cha ông chúng, oằn lưng xuống nhằn nhục cho qua kiếp nhân sinh. Thói quen chịu đựng đã thành một nền nếp khó đổi. Những cái đầu đã quen nghĩ rằng người giàu hơn mình, người có quyền thế hơn mình thì lúc nào cũng đúng cả. Mình sinh ra để hứng chịu những cái sai, cái xấu, cái nhục nhằn. Sự no ấm, sung sướng là để dành sẵn cho ai đấy, không liên quan gì đến họ.

Với giọng trầm buồn, thầy nói:

— Các con không có lỗi gì cả. Ông trương tuần và cả những người đã thù ghét, về hòa với nhau nói xấu thầy, cũng không có lỗi gì cả. Cái lỗi ấy là do sự tăm tối, dốt nát mà ra. Hơn một năm nay ở với các con, thầy vẫn lấy làm mừng, thấy các con tuy ham chơi, ham nghịch, vẫn giữ được tấm thiên lương. Thầy chỉ dạy các con một chút kiến thức để mở mang cái thiên lương ấy. Thầy thương các con đã sinh vào thời buổi nhiễu nhương, suy đồi. Nay thầy có việc cần phải ra đi. Các con hãy cố gắng ôn tập những gì thầy đã dạy. Mai sau trường học được mở ra ở khắp nơi, các con nên tiếp tục việc học để trở nên người hữu dụng. Tương lai nước nhà sau này, hay hay dở là do ở thế hệ các con. Nhớ lấy. Đừng quên!

Lần đầu, trong đôi mắt nghiêm nghị của thầy giáo hình như long lanh mấy giọt lệ, hoà với nước mắt và tiếng khóc của đám học trò khi biết thầy quyết ra đi. Và, lần đầu tiên trong đời, thầy Nhu thấy lòng bịn rịn vương vấn vì một sự chia tay trên bước đường vô định của mình.

Đêm hôm ấy, thầy giáo Nhu cùng sư cụ nói chuyện khuya lắm. Sáng ra,

chú tiểu không biết thầy đi từ lúc nào, cũng đột ngột như khi thầy đến. Lớp học hoang vắng. Những cái bàn, cái ghế chỏng chơ; tấm bảng đen, cái bàn viết của thầy buồn thiu như nhớ những mái đầu bù xù khét nắng, những khuôn mặt nhem nhuốc... Chú tiểu cũng ngờ ngẩn như mất hồn. Lũ chim không bị khuấy động sợ hãi vì tiếng trẻ đánh vần, tiếng thầy giáo gõ thước kẻ xuống bàn cạnh cạch, bắt đầu tíu tít rủ nhau sà xuống sân chùa, gieo những âm thanh lạnh lót chơi vơi vào cái tĩnh mịch đìu hiu của chùa sau khi đám tục khách bỏ đi.

Chiều hôm đó, trái với lệ thường, sư cụ không uống trà mà một mình đứng rất lâu trước cổng chùa. Đôi mắt già đăm đăm nhìn xuống con đường đất nhỏ chạy vòng dưới chân đồi, nơi thầy giáo Nhu đã tới và đã đi, bỏ lại nỗi buồn trong lòng một ông lão đã gần trót đời nấu mình nơi cửa thiền, những mong thoát vòng tục lụy, nào ngờ cái nghiệp còn đeo đuổi khiến tấm lòng thanh tịnh kia lại phải nhuộm cái buồn ly biệt của đám bụi trần!

Cơn mưa nhỏ rắc màn bụi nước giăng giăng mờ mờ xuống thôn xóm, xuống cảnh chùa, thấm cả vào cái nón tu lơ, cái áo khoác vải nâu lót bông của sư cụ. Từ cái miệng móm mém trên khuôn mặt gầy khô bỗng thoát ra những tiếng thì thầm như tiếng niệm kinh:

— Ôi! Quả thật cái đất này bạc đức, không đủ duyên ngộ để giữ chân những con người chân chính. Ta đã cố trói buộc cánh chim giang hồ ấy vào một nghĩa vụ cón con, khai sáng cái tăm tối cho đám trẻ con vô tội mà chẳng được! Thế chưa đủ vững, lực chưa đủ mạnh, thời cơ chưa thuận thì những con người có hùng tâm, chí kiên mà thiếu nhẫn chỉ làm hỏng việc mà thôi! Đại sự xem ra đã hỏng rồi. Và cái thế giới trần lụy đáng thương kia ắt sẽ còn chảy nhiều suối lệ! □

1,2,3: Trích *Quốc văn giáo khoa thư* lớp sơ đẳng, Việt Nam Tiểu Học Tùng Thư.

Bức Thư Nhờ Nhà Báo Chuyển

Vũ Nam

Tây Đức ngày... tháng... năm...
Dùng thương,

Thế là em đã phải nén lòng để viết cho anh bức thư thứ ba này. Hai bức thư trước anh có nhận được hay đã đi đâu biệt dạng rồi? Anh đã dọn nhà? Anh không muốn hỏi âm?... Bao nhiêu câu hỏi dồn dập trong trí em từ lúc thức đến lúc ngủ, trong khi làm việc lẫn lúc nghỉ ngơi. Em mong thư anh, chỉ cần một lá thư, dù vui hay buồn gì cũng được, miễn là một lá thư từ anh để giúp em giải quyết hết tất cả những xâu xé trong lòng em từ sáu tháng nay.

Em viết lại những gì em đã viết trong hai bức thư trước cho anh. Anh hiểu giùm em! Em không thể chờ anh lâu hơn được nữa! Thời gian anh hứa với em trong những ngày anh ở đây đã qua mất từ lâu, đã nguội lạnh từ gần một năm nay. Lời hứa, về quả quyết của anh trước khi lên phi cơ về Mỹ đã như mật rót, như hương hoa dù phai nhạt nhưng vẫn ngấm sâu vào từng buồng phổi, từng ngăn tim của em...

Anh có biết, từ ngày anh về Mỹ, em ở đây tin tưởng, chờ đợi từng giờ thư của anh, giấy tờ bảo lãnh của anh... Chẳng lẽ anh đã vội vàng quên cái đám hỏi, mặc dù nhỏ bé, nhưng ấm cúng của tụi mình trong nhà mẹ em? Anh biết không, má em nhắc anh hoài, anh chị em cũng nhắc đến anh. Ban đầu bằng vẻ thân thiện, dần dà nguội lạnh, sau cùng

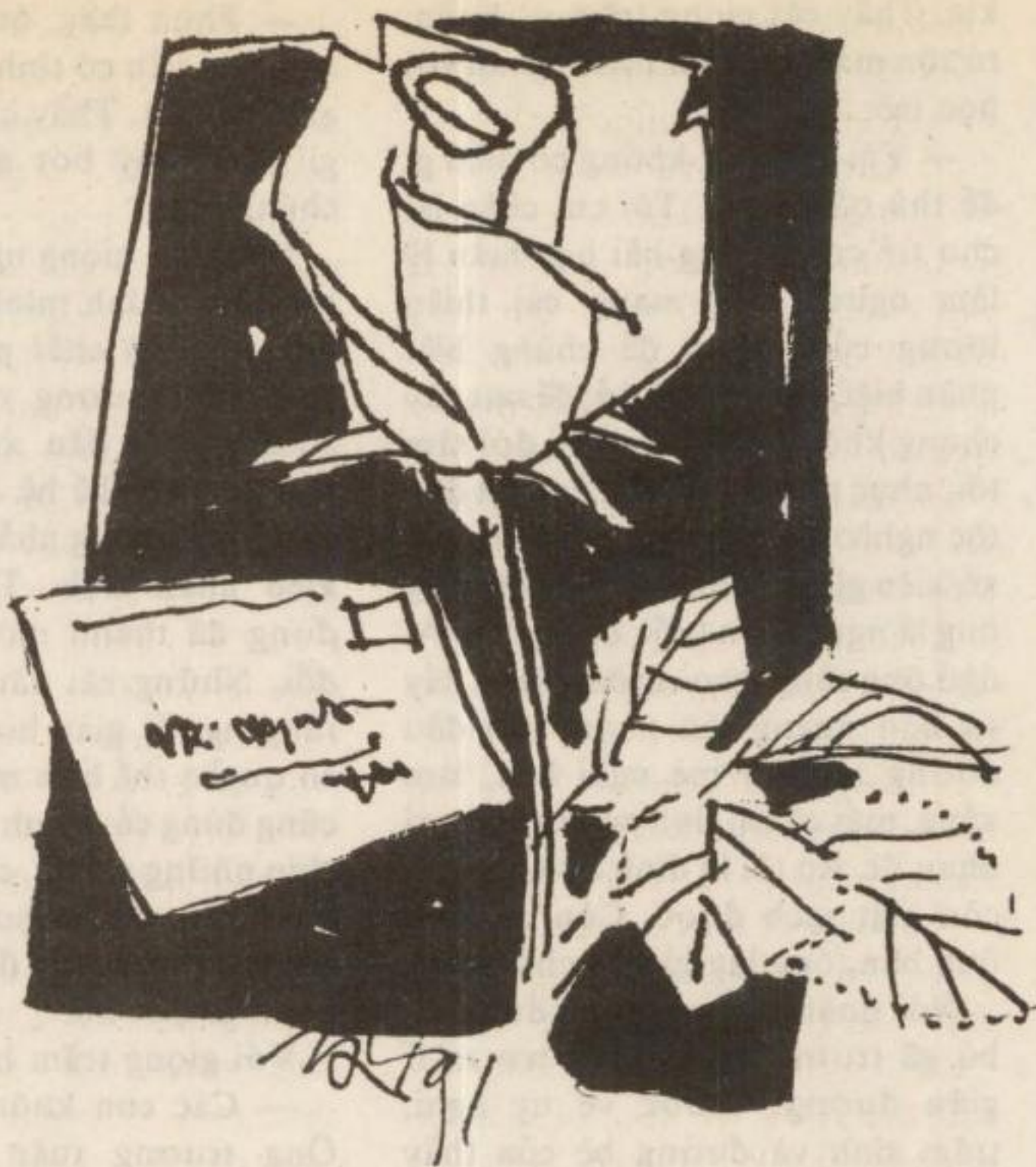
ngghi ngờ. Các chị tra vấn: "Có ăn ngủ gì với nó chưa? Hay là tại mày để quá, mày cho nó trước rồi nên về đến Mỹ là nó cú luôn!". Những câu hỏi hóc búa làm nổ đầu này anh có biết em đã phải thường xuyên chịu đựng trong gia đình? Hằng đêm em cầu trời khẩn phật mong nhận tin anh, nhưng tâm hơi anh vẫn cứ mờ mịt. Đất Mỹ rộng lớn, em biết anh ở đâu mà lần tới? Địa chỉ anh cho, đã bao lần viết thư cho anh mà có nhận được hồi âm đâu, thì làm sao em có can đảm đi tìm anh qua địa chỉ đó! Nhiều lúc nghĩ quẩn, em ước phải chi anh đừng đến Tây Đức, đừng đến nhà em. Phải chi anh Tân ở cạnh nhà em hồi xưa đừng gặp anh ở Mỹ, đừng là bạn của anh, đừng làm tài ông mai thì giờ này em đâu khổ tâm như vậy! Má em than thở: "Con nhỏ này duyên số lận đận!"; anh chị em can ngăn: "Tại nhẹ dạ! Nghe nói được bảo lãnh đi Mỹ thì ham! Bộ ở đây có chồng không được hả?".

Quá khứ của em, em đã kể cho anh nghe rồi đó! Hay là tại vậy mà anh khinh miệt em? Những gì em đã

kể, nay em lặp lại trong thư này, để anh ngẫm nghĩ mà hiểu giùm em, về đoạn đời của em và Karl.

Phải, em đã sống với Karl cả năm trời gần như chồng vợ, nhưng rồi theo thời gian em mới nhận ra rằng em khó mà hoà đồng với người đàn ông Đức đó. Anh ta thực tế đến độ tàn nhẫn. Khi còn chung sống, cùng đi chợ, Karl thân nhiên móc túi ra trả tiền những món anh ta mua, để mặc em cặm cùi móc túi trả tiền sau. Đi với má và anh chị của em, khi ngừng nghỉ ở xa lộ, Karl không thèm đếm xỉa đến những người cùng xe, tỉnh bơ vô mua thức ăn cho riêng mình. Những chuyện đó cứ tái diễn đều đều làm tình cảm em dành cho Karl ngày một phai lạt.

Nhưng nói có trời, ngày má em bệnh, qua được cơn hiểm nghèo hồi mới từ Việt Nam đến Đức cũng là nhờ Karl. Lúc đó Karl là thông dịch viên của trại tị nạn. Chẳng những nói rành rẽ, anh ta còn viết thông cáo bằng tiếng Việt không trật một lỗi! Ngày đầu đưa má vô nhà thương, cả mấy anh chị em em đều không ai biết tiếng Đức. Nửa đêm,



khi bệnh má em trở nặng, em phải chạy đến phòng Karl nhờ thông dịch. Karl sốt sắng giúp đỡ tận tình. Nhờ Karl lệ làng và bác sĩ tận tâm, má em qua khỏi cơn hiểm nghèo. Trong khi ngồi đợi ngoài phòng cấp cứu, Karl hỏi thăm em bằng tiếng Việt:

— Má cô hên lắm! Nếu đêm hôm qua tôi về nhà là nguy rồi! Hồi chiều tôi định về nhưng không hiểu sao lại ở lại. Chắc tại tôi linh cảm thấy có điều gì...

Ngạc nhiên, em nói:

— Ông nói tiếng Việt giỏi hơn tôi tưởng nhiều!

— Học thì biết chớ gì cô! Tôi hay nói chuyện với tụi con nít nên biết thêm nhiều. À mà cô tên gì?

— Tôi tên Lan, Nguyễn thị Lan.

— Tên cô đẹp lắm! Lan là tên một loài hoa phải không? Hồng, Cúc, Sen cũng là tên đẹp, là tên các loài hoa. Còn tên xấu tôi nghe tụi con nít hay kể là Hến, Rổ, Mít, Xoài... phải không cô Lan?

Karl nói một hơi làm nổi hồi hộp lo lắng vì đang chờ tin má bay đi đâu mất. Em cười trả lời:

— Tôi đang rầu mà nghe ông nói chuyện cũng thấy vui. Thú thật tôi chưa nghe ai nói tiếng Việt rành rẽ như ông. Trước kia tôi cũng có nghe vài người Mỹ nói tiếng Việt, ca tiếng Việt nhưng giọng họ lơ lơ chứ không phát âm rõ dẩu như ông. Hỏi thiệt nha, ông thấy tiếng Việt dễ học không?

— Tôi thấy tiếng Việt thường thì không khó, nhưng tiếng lóng thì khó lắm. Tôi chưa biết nhiều tiếng lóng, nếu có dịp, cô dạy tôi thêm tiếng lóng được không?

Câu chuyện mới tới đó thì ngưng vì bác sĩ ra. Má em vẫn tiếp tục nằm ở nhà thương vì chưa biết rõ bệnh. Sau đó ít ngày, má em được chạy chữa và đỡ dần nhưng còn yếu. Từ đó, thỉnh thoảng em gặp lại Karl trong trại tị nạn mỗi khi phải lên văn phòng điều hành trại.

Trại tị nạn nằm giữa một vùng đất trống. Trước mặt trại là cánh đồng lúa mì rộng lớn, thỉnh thoảng xen vào những đám bắp lá xanh

tươi. Hàng ngày có những chiếc xe máy cày ục ịch qua lại. Xa thật xa là dãy núi nhô cao, chạy dài che khuất hoàn toàn đường chân trời. Đó là quang cảnh những ngày hè. Còn mùa đông, vào sáng sớm, màn sương trải mỏng trên những cánh đồng chỉ còn trơ màu đất nâu sậm. Hơi nước bao trùm không gian, len lỏi vào mọi ngõ ngách của cuộc đời, của khuôn viên trại tị nạn. Khung cảnh cô quạnh này làm em thấy cô đơn, trống vắng. Từ ngày má bệnh, bà trở nên ít nói, cơ hồ như chỉ chờ theo ba em. Các anh chị của em đã bắt đầu quen với cuộc sống mới. Anh hai em nhập vô đám các quân nhân lớn tuổi, hội họp, biểu tình rồi bàn bạc công tác bên bình trà hay tiệc rượu. Các chị em họp với mấy bà cùng lứa tuổi, lo tán gẫu hay đi mua sắm. Chỉ riêng em thui thủi, thêm một người bạn biết thương yêu, chiều chuộng mình. Trong những ngày tháng ấy, Karl đến với em thật đúng lúc. Karl có học, nói tiếng Việt rành rẽ, khéo léo. Anh ta am tường nhiều vấn đề, từ cuộc sống bình thường đến tình hình chính trị... Karl là đảng viên đảng Xanh (Grüne), một đảng gồm những thành phần trẻ và có học. Anh ta rất tự hào về đảng mình, và em cũng phải công nhận rằng ở Đức, đảng Xanh xem ra ít kỳ thị người ngoại quốc nhất. Mặc dù có cảm tình với Karl, em vẫn cố che giấu, không muốn bộc lộ, nhưng Karl bén nhạy lắm, anh ta tìm đủ mọi cách để gần gũi em và như thế, mối tình của em và Karl đã nở ra từ đó.

Em không muốn nhắc lại những kỷ niệm của em với Karl. Dĩ nhiên cuộc tình nào cũng có dịp vui lúc buồn. Cũng như cuộc tình của chúng ta chẳng hạn! Khi anh ở đây em vui sướng biết bao, giờ anh xa biệt, lòng em như sóng biển réo gào, em héo hon như cánh hoa sắp tàn rụi. Em chỉ muốn một lần nữa giải bày với anh về đoạn đời đã qua của em với Karl. Anh biết, từ lòng biết ơn chuyển qua tình yêu chỉ là một bước ngắn. Nhưng sau

cùng, dù đã có thời yêu thích Karl đến thế nào đi nữa, dù ân nghĩa vẫn nặng, dù em đã sống với Karl gần một năm trời như chồng vợ, cuối cùng em vẫn phải xa con người ấy. Anh biết đó, thanh niên Âu châu dù có những cái tốt mình đáng học, họ vẫn có những cái xấu, cái bệnh mà người Á Đông mình khó có thể chấp nhận. Em đã co mình lại, tránh gặp Karl một thời gian để tâm hồn lắng đọng trước khi có quyết định dứt khoát với Karl.

Sau khi hoàn toàn cắt đứt mối tình đầu, mặc cảm thất bại, lầm lỗi cô lập em. Em sợ sệt đối diện mọi người, ngay cả với người thân trong gia đình. Em khép đời mình trong căn phòng độc thân do trại phát. Em chỉ ra ngoài khi cần đi mua sắm, đi bác sĩ hoặc đi vòng vòng quanh trại những trưa hè nóng nực hoặc khi chiều xuống. Những buổi như thế, bà con trong trại thường ủa ra ngồi trên cỏ, dưới bóng mát của những tàn cây lớn, nướng thịt, chuyện trò, ăn uống... Riêng em một mình lủi thủi gần hàng rào. Ở đó em sẽ nhìn ngắm cái khung cảnh bao la vắng vẻ của đồng ruộng, ánh nắng rải trên những đám bắp, trên những đoá hoa mặt trời vàng rực. Trời cao, xanh thăm thẳm, vài đám mây trắng mỏng trôi lững lờ... Cảnh vật nơi đây vẫn vậy, hết đông sang hè, chỉ có lòng em thay đổi với khổ não muôn trùng.

Rồi bỗng đâu anh xuất hiện! Cuộc đời em như hồi sinh. Em nhớ mãi nụ hôn say đắm của anh, nhớ mãi lời tỏ tình nồng nàn của anh ngày nào trong Động Gấu. Dừng nhớ không? Hôm đó, trong ánh sáng mờ mờ của hang sâu, trong khí lạnh toả ra từ lòng đất, bên cạnh những bộ xương gấu nằm chờ vợ, trên đầu là những thạch nhũ nhọn hoắt treo lủng lẳng, anh ôm em thật sát: "Lan, anh yêu em và muốn cưới em!" Không khí thạch động như ấm lại, nắng như ngời sáng trong lòng em. Thế mà bây giờ...

Dừng ơi, hơn một năm rồi, em hết chờ đợi, hy vọng rồi thất vọng.

Tình cảm em như thủy triều lên xuống, như điệu nhạc bổng trầm, như con đường, như dòng sông lúc bằng phẳng trong xanh, khi khúc khuỷu đầy ghềnh thác. Em đã mơ mộng, đã thêu dệt cuộc sống vợ chồng với anh nơi vùng Cali nắng ấm. Chờ đợi rồi thêu dệt, thêu dệt rồi chờ đợi, rồi mòn mỏi cho đến hôm nay. Một bước ngoặt đã đến với đời em, nên buộc lòng em phải hỏi ý kiến anh.

Số là cách đây ba tuần, anh Lân, một người bạn cùng tù cải tạo với anh hai em tình cờ gặp lại ảnh trong một buổi biểu tình hay hội họp gì đó. Hai ông dẫn nhau về nhà em. Rồi anh biết chuyện gì phải đến đã đến! Anh Lân công khai ngổ lờ với mọi người trong gia đình là sẵn sàng cưới em làm vợ nếu má và các anh chị em bằng lòng. Bây giờ em biết phải làm sao đây? Ngày tháng qua đi, đời sống tiếp tục... Em còn gì sau ngày anh đi? Hy vọng ư? Gần một năm bất tin anh! Chờ đợi à? Đến bao giờ? Em sống trong sự dằn vặt, chua xót trước những lời thương hại của má và anh chị mình. Cách đây mấy ngày, má em quyết định: "Thằng Dũng nó đi luôn rồi! Mày không chờ đợi gì nữa hết! Thằng Lân đã nhiều lần ngổ ỷ với tao qua anh hai mày. Người ta ở đây, nếu mày ưng, nó sẽ làm đám hỏi rồi đám cưới luôn. Còn gì nữa mà mày không chịu? Không chừng thằng Dũng ở Mỹ cũng đã có vợ con rồi!" Dù biết má có lý nhưng em vẫn vùng vằng: "Dù gì con cũng đã có đám hỏi với anh Dũng rồi! Má cho con chờ ảnh một thời gian, chớ không lẽ mới ngày nào có cái đám hỏi đó, nay lại mời khách khứa bạn bè tới dự cái đám hỏi thứ hai! Má lo lắng sao bằng con? Má nóng ruột sao bằng con? Biết chừng đâu đó chỉ là do giấy tờ trục trặc. Xin má hiểu cho con!"

Má em đã lắc đầu, nước mắt lăn dài trên má. Dũng ơi, hồi âm cho em liền nha anh, khi vừa nhận được thư này!

Thương anh nhiều,
Lân



Chuyện Nhà, Chuyện Người

Hoàng Du Thụy

tặng Nam, Duyên

Mùa hè ai cũng lười nấu nướng, phần vì nóng nực phần phải trời chân trong nhà, uống phi những ngày nắng đẹp. Nướng *barbecue* ngoài vườn vừa có dịp hít thở không khí trong lành vừa được thưởng thức những miếng thịt ướp thơm lừng, mỡ chảy sèo sèo xuống vỉ than.

Kim bàn với tôi nướng thịt ngoài trời ăn cho vui nhưng tôi ngại mùi gia vị ướp vào đầu tóc mới gội nên từ chối. Hơn nữa tôi không thích mất thì giờ vô việc ăn uống. Vì không phải đi làm nên ngoài việc chăm sóc con ra, Kim rất mê nấu nướng. Lúc tôi đến thì bọn trẻ đi học chưa về, chồng Kim thì đi làm. Hôm nay là ngày đầu của hai tuần lễ nghỉ thường niên, tôi quyết định đến chơi với Kim nhân thể thăm căn nhà mới tậu của hai vợ chồng.

Tôi quen Ngô, chồng Kim, qua một người bạn từ lúc còn ở Việt Nam. Ngô đến Canada và cưới vợ tại đây nên tôi chỉ biết Kim qua hình ảnh. Tôi thực sự gặp Kim trong ngày đầu mới đến Canada có vợ chồng Kim ra sân bay đón. Biết tôi có người bạn thân ở Toronto nên Kim đề nghị tặng tôi một cú điện thoại viên liên nói dóc cho đỡ buồn trong ngày đầu xa xứ. Chân ướt chân ráo, tôi nào biết điện thoại viên liên là mắc nên nói dóc đã đời. Kim vui vẻ bảo nói đi, nói chừng nào mới miệng thì thôi. Mãi tới bây giờ hình như Kim là người duy nhất tôi quen trong tỉnh và gia đình

Ngô là gia đình Việt Nam duy nhất tôi đặt mối thâm giao.

Đi làm thì thấy bận, nghỉ ở nhà lại thấy thời giờ thừa thãi. Tôi thêm có người tâm sự nên đến chơi với Kim, rủ Kim xuống phố mua chút gì về ăn để khỏi nấu nướng, dọn rửa, dành thì giờ nói chuyện. Lần đầu tiên tôi gửi con ở nhà trẻ để có chút thì giờ riêng tư. Mấy tháng trời ôm con mọn, tôi như không còn biết gì đến cõi đời bên ngoài nữa. Vừa đi làm, vừa lo việc nhà, chăm sóc con cái, tôi thấy mình như một bà già năm sáu chục tuổi, thật chán!

Kim thay quần áo xong, hai đứa tôi vù xuống phố. Tôi chăm chú lái xe còn Kim thì tía lia chỉ đường:

— Đó, quẹo tay phải chỗ bảng tiệm hớt tóc đó. Rồi, vừa qua khỏi tiệm cơm Tân Tân bà quẹo tay mặt thẳng ra đường 97. Cứ chạy thẳng đi, cái tiệm đó nằm trên đường này, phía bên trái mình.

Tôi không khỏi lúng túng trước một tràng chỉ dẫn của Kim. Tôi bật cười:

— Bà làm ơn nói giùm tôi cái tên tiệm được hôn?

Kim suy nghĩ:

— Hình như tên nó là Bò Bảy Món.

— Bò bảy món là tên món ăn. Tôi hỏi tên tiệm kia!

— Đã nói tên Bò Bảy Món mà. Vậy chớ Bò Bảy Món không phải là cái tên sao?

Tôi lại phải tập trung tư tưởng để



nhớ coi có tiệm nào tên là Bò Bảy Món không. Cuối cùng thì Kim bảo:

— Đó, đó, cái tiệm phía tay trái đó! Tiệm Thanh Hương đó! Đúng rồi, vậy mà tui cứ tưởng tên nó là Bò Bảy Món vì nó nổi tiếng nhờ món này.

Tôi tìm chỗ đậu xe rồi hai đứa dắt nhau vào tiệm. Đa số khách hàng là Việt Nam, một số ít là người ngoại quốc đi làm gần đó. Ở quầy bánh mì thịt chỉ có một phụ nữ đứng bán. Bà lẳng xăng với những ổ bánh mì đang nướng trong cái lò nhỏ đặt gần đó. Đứng chờ trước chúng tôi là một phụ nữ Phi Luật Tân. Có lẽ vì mới ra bán nên người đàn bà có vẻ luống cuống tuy

miệng vẫn không ngừng than phiền nào mệt, nào bận, nào không người phụ. Bà ta mặc một chiếc áo đầm màu xanh kiểu cũ rích, chiếc váy lót màu trắng ngà lộ ra một khúc. Vừa cho thịt, đồ chua vào bánh mì cho bà khách người Phi, bà vừa hỏi bằng thứ tiếng Anh rất đúng giọng và văn phạm... Việt Nam:

— *Black pepper* OK? OK hả?

Người đàn bà Phi cười dễ dãi, ra dấu yêu cầu cắt đôi ổ bánh mì. Khi bà ta rời khỏi quầy, tôi nói nhỏ vào tai Kim:

— Bà muốn mua gì thì nói chỉ bán lẻ rồi về.

Sau khi nghiên cứu, dò hỏi cách

ướp thịt rồi Kim mới sực nhớ ra là mình tới đây để mua thịt chớ không phải để học gia chánh. Kim cười đã

lã: — Ờ quên nữa. Mà Chinh mua gì? Thịt giò, paté gan hay thịt đồn bao tử?

Tôi chỉ muốn mua nhanh rồi về nên trả lời lửng lơ:

— Gì cũng được, tùy bà.

Kim quyết định rất nhanh:

— Chị cho tui nửa *pound* paté gan, nửa *pound* thịt đồn bao tử.

Nãy giờ chắc tưởng chúng tôi sẽ mua vài trăm ổ bánh mì thịt nên bà hàng có vẻ vồn vã. Tới chừng nghe tuyên bố chỉ mua thịt không, bà hàng tiu nghỉu:

— Hai chị muốn mua thịt thôi hả?

Liếc mắt dòm vào tủ kính lấy lệ, bà nói tiếp:

— Chắc là tui hồng bán được đâu! Thịt còn ít quá, tui còn phải bán tới tối. Nếu bán thịt không cho hai chị, hết hàng dọn về sớm quá ông chủ ổng la.

Tôi thấy tiếc công và thì giờ nên níu tay áo kéo Kim đi. Nhưng Kim đâu chịu đi một cách dễ dàng như vậy. Kim cự nự:

— Ủa, bộ chị tưởng tui tui rảnh lắm hay sao mà đứng nghe chị nói chuyện con cá con kê nãy giờ? Làm ăn thì phải tính chớ! Làm sao cho đủ bán thì hãy mở tiệm. Sao bữa trước mới mở, thịt cả đống, chị đơn đả mời tui mua, bữa nay chị ăn nói kỳ cục vậy?

Bà bán hàng cũng đâu kém:

— Mua là quyền của chị, còn bán hay không là quyền của tui. Không đủ hàng làm sao tui bán cho chị được? Bán hết thịt rồi còn bánh mì tui đem về nhà ăn à?

Kim chỉ vào cái bảng giá \$6/pound gắn trên cục paté gan, vặn vẹo:

— Nếu không bán thịt sao chị treo giá làm chi? Sao chị hồng nói rõ chừng nào ế mới bán thịt, còn đắt như bữa nay thì hồng bán? Chị nên nhớ là mua bán ở đây chớ hồng phải như ở Việt Nam đâu! Khách hàng Việt Nam trong tỉnh này đâu

có bao nhiêu, tui đồn ra một tiếng thịt chị làm mất vệ sinh thử coi chị có đẹp tiệm hôn?

Vài đôi mắt tò mò trong tiệm bắt đầu hướng về phía chúng tôi. Tôi mắc cỡ kéo tay áo Kim:

— Thôi mình đi đi Kim. Bộ mấy năm hồng có cái tiệm thịt nguội này rồi mình chết đói hả? Cũng chẳng ngon lành gì, cái cọ chi cho mất công.

Vừa lúc ấy có một người khách bước vào, bà hàng tạm ngưng phát thanh, nhớ vậy Kim mới chịu theo tôi ra xe. Ngồi vô xe rồi Kim cũng còn hậm hực. Tôi tức cười, cất nghĩa là mình đi không vì miếng thịt hay lon bia, đừng nên lệ thuộc vào cái ăn, ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn. *Hamburger, hot dog* rồi cũng xong. Kim cãi lý:

— Tui tức mấy người mới bán hàng thấy được nên lên mặt. Chẳng thà hồng bán thì hồng bán luôn. Bữa nào hàng nhiều sợ hư mới bán, còn hàng ít thì thôi, đâu có được. Như vậy là không biết tôn trọng khách hàng.

Rồi Kim kể lể dây cà dây muống:

— Mà tui chưa thấy cái tỉnh nào kỳ cục như cái tỉnh mình hết! Người Việt vừa chia rẽ vừa làm tiền nhau một cách quá đáng. Cái tiệm Việt Nam gửi hàng đó, có mình nó cân đàng hoàng cho coi rồi vừa về tới nhà là nó phone lại nói dư ký lô bắt mình trả thêm tiền. Tính tiền thì cố ý tính lộn, mình không biết thì thôi, hể mình biết thì xin lỗi là xong. Dân Việt đã vậy, dân Tây cũng hồng hơn gì! Cái bà đầm làm cho nhà thờ đó, cứ dụ con người ta đi làm cả tuần lễ cho bả rồi cuối cùng chê người ta hồng đủ khả năng, hồng mướn. Đầm chớ nói tiếng Việt, ăn nước mắm còn hơn mình nữa. Nghe đâu bả có đi truyền đạo ở Việt Nam một thời gian.

Tôi tức cười quá, cố ngăn Kim lại:

— Bả gạt người ta chớ có gạt bà đâu mà bà tức dữ vậy? Bởi tui sợ gặp những người như vậy nên cả ngày cứ ru rú trong nhà hồng dám quen ai. Tây Việt gì tui cũng ngăn

hết. Ủa, mà bây giờ mình có kiếm gì dẫn bùng hông hay nhin đói về nhà nói dóc đây?

Nghe nói tới ăn Kim tươi lại ngay:

— Ở phải đó, mình ra tiệm Việt Nam trên đường này ăn bún thịt nướng đi. Tại bà đòi ăn ngoài nên mới có chuyện bức mình chớ để tui ở nhà ướp thịt nãy giờ là có ăn rồi.

Hai đứa ăn xong thì đã quá trưa. Về đến nhà, trong khi tôi cho xe vào *parking* thì Kim đi vòng ngõ trước lấy thơ. Kim cầm một xấp thơ vừa đi vừa cầu nhàu:

— Lại thơ Việt Nam!

Tôi bật cười:

— Ủa vậy chớ hồng thơ Việt Nam thì thơ gì?

Kim phân bua:

— Hồng phải thơ mà là *bill*.

Tôi đưa cho Kim bớt cái:

— Vừa trả *bill* Việt Nam mà vừa mua được nhà như bà là nhứt rồi!

Vất đồng thơ mà nội dung không cần đọc cũng biết lên bàn, Kim loay hoay pha nước. Tôi ngã người trên sofa, than:

— Tưởng hôm nay là ngày thần tiên, ai dè gặp toàn chuyện gì đâu không! Cái số tui sao đi đâu cũng gặp chuyện không vui!

Kim mới quạu đó lại vui vẻ được ngay:

— Bà Chinh à, tui với ông Ngô cứ nói số bà có bạc triệu cũng cực như thường. Tại bà ưa lo bao đồng nên cực chớ hồng gì.

Tôi thở dài:

— Có lẽ bà nói đúng đó. Sao mà tui đi tới đâu cũng cực. Chỉ có một chỗ trên thiên đàng tui chưa lên tới đó thử coi có sướng hơn không.

Kim hãnh diện:

— Số tui vậy mà đỡ hơn bà. Hồi tui lấy ông Ngô ai cũng lo tui khổ. Ông là tay ăn chơi có tiếng lại làm biếng. Tới chừng có đứa con đầu lòng là ông thâu hết. Đi làm về, ông phụ tui lo cho mấy đứa nhỏ. Nội cái việc nấu nướng dọn dẹp trong nhà cũng chiếm nhiều thì giờ rồi. Bà coi không phải đi làm, ở nhà dẫn con đi chơi, có mấy ai được như tui?

Tôi suy bì:

— Bà nói làm tui phát ganh. Từ hồi tui có con bé tới giờ là cứ trối chân ở nhà chẳng rút đi đâu được vài tiếng đồng hồ. Lúc nào cũng bù đầu với con. Dắt nó đi chơi, tắm rửa, nấu ăn cho nó, ôi thôi đủ thứ bận bịu. Ba nó chẳng những không phụ mà còn nói từ hồi có nó bận quá, ông không có thời giờ thờ phượng Chúa. Chúa nhật tui kêu dậy đi nhà thờ thì dậy không nổi mà cứ đổ thừa tại hai mẹ con nên ông không đi nhà thờ được. Sáng thứ bảy, chúa nhật khi ông bước xuống giường là đã trưa trời trưa trệt, vô nhà tắm thì bồn nước đã sẵn để ngâm mình vừa tắm vừa đọc báo. Trong khi đó thì tui vừa làm bếp vừa giữ con. Ngày nào cũng như ngày đó, tuần nào cũng như tuần nấy. Bữa nay là lần đầu tiên tui đi chơi một mình mà sao hồng thấy vui. Có con nhỏ thì bận tất thở mà vắng nó sao nhớ quá!

Kim an ủi:

— Đành vậy, nhưng mà bà cũng cần phải nghỉ ngơi và sống cho bà một chút chớ! Vừa đi làm vừa chăm sóc con, vất vả lắm. Tui có con tui biết mà! Bà cứ ở đây nghỉ ngơi cho khoẻ đi, hơi đâu mà suy nghĩ. Coi như bà đi làm gởi con vậy.

Tôi lại thở dài:

— Đời sống bên này sao cô đơn quá bà Kim! Nhiều khi tui thèm có ai để mình nói cho đã. Riết rồi tui giống như người câm. Tui với ông thì như chó với mèo, không đồng quan điểm về một cái gì hết. Ăn cơm thì hai người hai chén nước mắm, hai chén canh. Cái tui khen thì ông chê mà hình như cái gì ông cũng chê hết. Hể mở miệng ra là gây gổ nên thôi, cảm luôn cho được việc. Giờ có con rồi, tui không muốn con mình bị ảnh hưởng bởi sự gây gổ của cha mẹ. Bà coi, mình lái xe mà ông ngồi kế bên cứ làm cho mình bối rối thêm. Đèn đỏ, em thấy hôn? Chạy chậm lại. Trời ơi, cái *solid line* của người ta như vậy mà em chen vô. Tại sao quẹo mà em cán *lane* của người ta vậy? *Lane* mình mình chạy chớ! Còn ở nhà thì

ăn món gì cũng phê bình. Nấu nồi phở cực gần chết, tưởng sao, trước khi ăn ông gấp miếng thịt tái lên nguội rồi chẻ thịt có mùi hôi. Cầm miếng thịt nạm lên ngấm ngấm, chẻ xắt thịt trật sớ. Ăn tô phở tới chiều cũng còn vụn vụn mà em có công nhận là em xắt thịt trật sớ hôn? Bà mà thấy bộ điệu ông hử hử miếng thịt bà hồng đem đồ nồi phở nữa thôi! Tới nhà con Liên, người ta bầu bì gần sanh cũng rán làm món chả giò đãi. Ông cắn một miếng liền chê: chả giò này thiếu mùi thịt. Tui quê muốn độn thổ luôn. May mà gặp con Liên nó hiền, gặp bà chắc thế nào cũng có đốp chát.

Như được nghe kể chuyện tiểu lâm, Kim cười khoái trá. Cười đã một hồi Kim mới nói:

— Có ông chồng như bà kể cũng vui. Gặp tui là tui cho đi ăn tiệm, hết chê. Mà cũng tại bà chiều ông quá. Ông Ngô nhà tui còn lâu mới dám chê đồ ăn tui nấu. Chẳng những không dám chê mà những khi tui

dắt tui nhỏ đi chơi, ở nhà ông còn nấu ăn cho ba mẹ con về ăn nữa. Tui bày cho bà nghe, bà điện thoại vô sở ông nói bữa nay bà đi bụi đời, để ông về đón con, tắm rửa cho nó, cho ăn rồi dỗ nó ngủ. Thử một bữa thôi coi ông có đừ hôn! Bà nghe lời tui đi, cứ ở đây chơi, coi như mình độc thân vui tính vậy.

Tôi lưỡng lự:

— Nhưng còn con bé thì sao?

Với Kim thì chuyện gì cũng chỉ là trò đùa:

— Dễ ợt, để ba nó lãnh. Bộ ông dám bỏ con ông sao mà bà lo! Tại cứ lo hoài nên bà thành bà cụ non lúc nào hồng hay. Điện thoại kìa, gọi cho ông đi. Bà ở đây với tui chớ có đi đâu tầm bậy mà sợ ông ghen!

Tôi ngần ngừ giây lát rồi uống thuốc liều:

— Kệ, nghe lời bà tui thử bỏ cha con ông một bữa coi sao. Hầu hạ cha con ông mệt quá rồi.

Ngồi chơi một lát thì Ngô đi làm về, hai đứa nhỏ lót lót theo sau.



Nghe Kim báo cáo tôi đi hoang cả ngày, Ngô khuyến khích:

— Ở chơi vài bữa rồi về cũng được. Nghỉ hè mà. Nhà tui còn phòng trống kia kìa.

Kim thực tế hơn:

— Bố ơi bố, nhà mình mới mua chưa trả hết tiền, bộ bố muốn ông xuống giựt sập nhà hay sao mà xúi bả ở lại? Em rủ ở cả ngày nay mà coi bộ lửa đốt trong bụng rồi. Hồng biết nhớ con hay nhớ cha đây. Anh coi bữa nay bả ốm nhom, đã vậy còn thêm tâm bịnh thiếu người tâm sự. Hai ông bà cứ mở miệng ra như là chó với mèo chớ đâu có được tình tứ như mình.

Ngô hài lòng vì câu nói của vợ, gật gù:

— Ở mình còn tình quá há má bày trề. Hồng biết vài năm nữa có cảnh chó mèo không đây!

Ngô nhấn mạnh chữ “mèo” và lém lỉnh cười. Kim vờ ngắt chồng:

— Đỡ dám có mèo đó! Móng đỏ móng đen gì tui cũng chấp hết. Con nào ngon thì nhào vô.

Tôi chọc cho Kim ghen:

— Hồi ở Việt Nam ông mèo chuột dữ lắm mà tui chưa tổ đó nghe bà Kim.

Ngô nịnh vợ:

— Chị khỏi tổ. Vừa qua tới nơi là tui làm bản tự kiểm với bả rồi nên mới được hưởng sự khoan hồng của nhà nước ta đó chớ! Nếu không giờ này làm gì có hai đệ tử.

Trong khi tôi phụ Kim chuẩn bị bữa cơm chiều thì Ngô lo tắm rửa cho con rồi dắt xe đạp của con ra sân cho chúng chạy chơi. Thấy cảnh đầm ấm của gia đình Kim tôi cũng vui lây. Tôi giả vờ ganh tị:

— Chà, bà được ông cưng quá há! Ông Nguyễn nhà tui chưa hề biết tắm con bao giờ. Con bé nặng như vậy mỗi lần gội đầu tui ầm muốn gãy tay luôn. Ông thì lúc nào cũng than mệt. Nếu không thì mê xem hockey, con cái cứ giao khoán cho con gái mẹ nó. Vậy mà còn đòi kiếm thêm một thằng đực rựa nữa.

Ngô cười ha hả:

— Chị cứ để cho ông thêm một trụ con trai đi, bảo đảm việc nhà chị

khỏi mó tay vô.

Tôi định mở miệng tố thêm thì có tiếng chuông gọi cổng. Kim vọt miệng:

— Rồi, ông đi kiểm bà đó! Vậy mà nói hồng hạp, mới vắng là đã đi kiểm rồi.

Quả thật là hai cha con đi kiểm tôi. Một ngày xa con tôi nhớ nó tha thiết. Tôi giành lấy con nhỏ trên tay Nguyên, hôn lấy hôn để. Kim nhắc:

— Tám con chưa? Cho con ăn chưa? Bữa nay ông phải làm mấy việc đó nghe chưa! Bả nghỉ hè, miễn lao động. Đàn ông mấy ông là chúa ích kỷ, cứ coi vợ như con đòi con ở. Tui phải thuyết dữ lắm mới cải tạo được ông Ngô đó. Xứ này chó có phải Việt Nam đâu mà chồng chúa vợ tôi! Ai cũng phải làm việc hết, mà con là con chung. Người tiếp một tay chó! Trong tuần tui giữ con thì cuối tuần ông phải phụ chăm sóc tui nhỏ. Không phải tui làm biếng nhưng như vậy con cái mới có dịp gần gũi cha nó, nếu không lớn lên nó hồng biết ba nó là ai. Mà phần tui làm việc nhà cũng đâu phải là nhẹ. Nấu nướng dọn dẹp, những công việc không tên mà mất thời giờ lại không có lương.

Ngô cắt ngang:

— Một tháng mẹ cũng lãnh hai cái *cheques* mà nói không có lương! Để tháng tới bố đem lương về chỗ khác.

Kim nguyền chổng:

— Bộ chê cơm nhà rồi hay sao, nói một tiếng đi. Nếu bố muốn ăn cơm tiệm, ngủ ngoài đường thì cứ việc...

Nguyên xen vô:

— Còn bà nhà tui một tháng có tới bốn cái *cheques* mà vẫn than. Bả là cái mỏ than mà!

Kim chộp ngay cơ hội cải tạo Nguyên:

— Ông Nguyên à, bả vừa đi làm vừa coi con, ông cũng nên tiếp bả một chút. Tui cũng biết ông làm nhiều giờ mệt mỏi, nhưng mà bả cũng có khoẻ gì hơn đâu! Mỗi người chịu cực thêm một chút chó ông để bả cực quá bả chết sớm, bỏ cha con ông đó!

Nguyên biện hộ:

— Thì tui cũng phụ đó chó sao không. Chị nghĩ coi, đi làm từ sáng tới tối về tới nhà là như cái mền rách. Thứ bảy, chúa nhật mới rảnh rang đôi chút.

Ngô cũng góp phần xây dựng:

— Thì anh cũng nên dùng chút thì giờ rảnh rang đó mà chăm sóc chỉ với chó. Gì mà tui nghe hai ông bà gấu ó cả ngày. Bả nhin cũng hay chó gặp tui chắc phát điên rồi. Ở đây ai cũng căng thẳng thần kinh hết, chỉ còn gia đình là cái tổ ấm, ông đừng để nó thành cái tổ... lạnh.

Nguyên cười xoa:

— Gấu ó, khắc khẩu gì đâu! Chẳng qua là tại bả chậm tiêu quá, làm gì tui cũng phải nói. Hề mình nói thì bả nói mình làm thầy đời. Người gì mà không biết kỹ thuật chút nào hết. Cái cốp xe người ta chỉ cần dùng một ngón tay nâng nhẹ là tự nó bung lên rồi, còn bả thì dùng cả hai tay, phùng mang trợn mắt để nâng nguyên cái cốp lên. Lái xe quẹo trái thì bật đèn *signal* đâu không thấy, chỉ thấy cái *quạt nước xua đi nổi nhớ!* Bật đèn quẹo phải thì giằng đèn *high beam* rục lên. Tui bực quá hồng nói sao được! Anh mà ngồi kế bên coi bả lái thử coi anh nhin được hôn. Bà chạy *lane* nào rồi là hồi sau *lane* đó chỉ còn mình bả. Nếu không thì ở đằng sau họ cũng bóp còi inh ỏi.

Kim chỉnh:

— Đó, nội cái việc anh chê người ta chậm tiêu, dở kỹ thuật không cũng đủ cho bả nổi sùng rồi. Cái gì anh cũng chê hết, làm như bả tệ lắm vậy! Người ta cực khổ trong bếp mới có được bữa ăn, anh không nói được một tiếng cho bả mát ruột lại còn chê ông chê eo. Đàn bà tui tui không cần khen nịnh, khen dối nhưng ít ra cũng phải biết tới cái công khó của người ta chó!

Tôi tức cười vì cảnh người tố, người biện hộ y hệt một phiên tòa. Để thực hiện quyền tự do ăn nói, tôi cũng góp ý:

— Đâu phải chỉ có chuyện khen chê không! Còn nhiều chuyện khác, như khi nhờ chó đi chợ thì cần

nhân: “Tại sao phải mua đồ ở Super Stores mới được? Bộ mấy chỗ khác không có đồ cho em mua hả?” Chẳng qua là vì bữa đó ông bạn đi coi *car show*, ông nói cái *show* đó quan trọng lắm, một năm mới có một lần. Rồi ông biểu tui đi học lái xe cho có tự do và có thể đưa đón con cho nó đỡ cực. Tưởng sao, đi học lái xe là để rước thêm trách nhiệm. Vậy rồi thứ bảy mình dậy sớm đi chợ, ông thức dậy chỉ thấy cái *message* thì la lên em tự do quá trớn, biết lái xe rồi muốn đi đâu thì đi. Có phải nói đi cũng ông, nói lại cũng ông hôn?

Kim bao giờ cũng thực tế:

— Rồi bây giờ có ai đói bụng chưa hay ở đó tố nhau hoài?

Thấy nói bao nhiêu đó cũng tạm đủ, tôi giục Nguyên ra về:

— Thôi, mình trả không khí yên tĩnh lại cho người ta. Ở đây tố hoài coi sao đặng. Mình về nhà tố tiếp. Con nó đói bụng rồi đó.

Ngô lại đùa:

— Có tố cũng tố vừa thôi nha, tố quá coi chừng thẩu cáy đó.

Kim dặn dò:

— Nè, ông Nguyên bữa nay có trách nhiệm tám con, cho con ăn, dỗ con ngủ nghe chưa! Biết lo một chút thì bả mới để thẳng cu cho chó.

Tôi vừa xỏ tay vô áo khoác vừa cười:

— Kỳ này mà cải tạo được ông Nguyên nhà tui, công bà hồng phải nhờ đâu nghe bà Kim. Thôi, tui tui về.

Ngồi vô xe rồi Nguyên nói:

— Gia đình Ngô hạnh phúc quá hả em!

Tôi hưởng ứng:

— Nhà nào lại không có lục đục nhưng người ta biết biến cái chưa hoàn hảo thành cái tốt đẹp hơn chó ai đâu như ba nó, gì cũng chê! Lúc nào cũng cho mình là nhất thiên hạ.

Nguyên cười vui vẻ:

— Ừ, chắc là ba bảy trẻ cũng phải sửa đổi lại để gia đình vui vẻ hơn — Rồi Nguyên hôn phớt lên má tôi — ... để mình còn có thêm thẳng cu nữa chó. □



Giọt Thủy Ngân Buồn

Đông Nghi

tên Ái. Nàng mong rời khỏi Bidong, rời khỏi cái thị trấn lều tều mệnh danh là ngưỡng cửa tự do và lòng nhân đạo. Chẳng còn gì lưu luyến nữa... Những dãy *long house* hỗn độn tạp nham. Những con đường lên dốc xuống khe rã rời buồn nản. Bọn du đảng còn đồ nhậu nhẹt say sưa quậy phá. Và đêm đêm, tiếng bước chân Mã Lai tuần tiểu rập rình. Căng thẳng nhất là sự chờ đợi. Bồn chồn cho một tương lai trước mặt. Bút rút vì những may, rủi định cư. Mọi người trên đảo lê lét đêm ngày với nặng trĩu âu lo.

Cuối cùng rồi Ái cũng có tên rời đảo. Không phải trong danh sách đi Úc mà trong danh sách những người mang số tàu MB còn ở lại. Tất cả được chuyển sang Sungai Besi. Ái đã náo nức, đã tưởng tượng. Nhưng thật sâu trong tâm, Ái không muốn gặp lại Luân đâu. Gặp lại rồi cũng phải lìa xa. Thà rằng anh đi luôn đi, để khỏi một lần nữa tiễn đưa!

Ái đến Sungai Besi lúc 12 giờ khuya. Quang cảnh ban đêm xa lạ, âm u. Văn phòng Task Force sáng ánh đèn nê-ông. Sau khi làm thủ

Ái xa Luân đã năm tháng. Năm tháng dài đằng đẳng không bao giờ thiếu vắng những cánh thư âu yếm ngọt ngào. Tuy nhiên Ái không nghĩ là mình sẽ gặp lại Luân ở Sungai Besi. Luân nằm trong danh sách đi Mỹ, chuyển trại không bao lâu sẽ lên bàn rồi sang Phi, sang Mỹ. Cái xứ Úc cách Mỹ nửa vòng trái đất, biết có gần gũi như chiều dài của xứ Mã Lai từ Bidong đến Sungai Besi không?

Ngày Luân lên tàu Blue Dart, Ái đã khóc trên đường về *long house*. Thế là hết! Năm tháng vợ chồng đã khép lại một thời chung sống. Những kỷ niệm, những mặn nồng. Hơi hương thân thuộc vẫn lãng đãng góc nhà hạnh phúc. Bóng dáng yêu thương như còn gần gũi đâu đây. Ngày và đêm. Trên gác, trong thư viện, ngoài bãi biển. Lúc

nào, chỗ nào cũng gợi nhớ đến Luân. Cái bóng nhỏ cắm cúi trên bàn. Ngọn đèn dầu ăn leo lét soi đêm. Tiếng thở dài bút rút và đốm lửa của điều thuốc những đêm Luân thao thức...

Luân yêu thật cuồng nhiệt. Tình yêu Luân cuốn hút Ái như những ngọn sóng xô giạt nàng vào những bến bờ mê đắm xa xưa. Ái như trẻ lại. Cái tuổi 40 không làm Ái buồn phiền nữa. Nàng lao vào tình yêu Luân với tất cả háo hức của tuổi đôi mươi, tất cả rạo rực của thời mới lớn. Gắn bó rồi giận hờn, hân hoan rồi rủ rượi. Cái vui đơn thuần chắc không làm Ái nhớ Luân ray rứt như những ngày Bidong lẫn lộn buồn vui.

Những ngày một mình trên đảo với Ái thật nhạt nhẽo. Danh sách đi Úc đã bao nhiêu lần vẫn không có

tục, Ái cùng mọi người vào trại, ngồi chờ trước cửa phòng tiếp liệu. Ban nhà ở phân phối cho đồng bào về khu C, khu trại mới xây cất.

Ngay ở cổng vào, Ái gặp lại một người quen cùng tàu đang làm ở an ninh. Thấy Ái, anh bước lại chào rồi cười cười nói:

— Anh Luân lúc này “lái xe” dữ lắm chị Ái. “Xe” xịn đằng hoàng nghe. Hấp dẫn lắm!

Ái cười, giọng thản nhiên:

— Có sao đâu! Để anh đỡ buồn.

— Chị không lo à?

— Không. Càng tốt chớ việc gì phải lo. Không có tôi, ảnh cũng cần có người chăm sóc, cơm nước...

Người thanh niên nheo mắt bỏ đi. Lúc đó Ái mới thấy buồn buồn. Ái muốn nghĩ đó chỉ là những lời chọc ghẹo, nhưng linh tính đàn bà cho biết có một phần sự thật. Có thể Luân đã có “xe”, có thể Luân đang sống với một người khác. Thảo nào Luân viết “Bao nhiêu hình bóng vây quanh anh nhưng anh vẫn nhớ đến em... Ái ơi, anh thèm có em, thèm được ôm em trong tay như những đêm ấm áp thuở nào...”

Ái bút rút, trần trọc. Đêm đầu tiên ở Sungai Besi nàng không ngủ được, chỉ mong trời mau sáng, chỉ mong gặp lại Luân.

*

* *

Ái đang thu xếp dọn dẹp thì Luân tới. Năm tháng trời xa Luân, Ái tưởng khi gặp lại anh, chắc nàng sẽ ngã vào anh mà khóc. Thế nhưng bây giờ nhìn Luân, nhớ lại những lời nghe được đêm qua, Ái thấy ngỡ ngàng, bối rối.

Luân leo lên cầu thang, chào mọi người rồi ngồi xuống, rút điếu thuốc ra châm lửa. Anh nhìn vào mắt Ái. Ánh mắt nàng là lạ, dường như thoáng đổi hờn, trách móc. Nụ cười ngược ngạo, Luân đã lã:

— Đêm qua em tới lúc nào?

— Nửa đêm. Anh biết em đến trại không?

— Anh biết. Có điều không rõ lúc nào. Chờ hoài không thấy, buồn ngủ quá anh đi ngủ luôn. Định sáng

thể nào cũng gặp em thôi.

Ly cà phê nóng. Điếu thuốc chuyển tay như những ngày nào. Luân lại nhìn Ái dò dẫm. Gương mặt thân quen không có những nét hân hoan gặp gỡ, chỉ có nụ cười gượng gạo trên môi. Luân lo lắng. Anh không biết Ái đã biết gì chưa. Vì thế bây giờ đến lượt anh đâm ra bối rối ngược ngạo.

Luân nghĩ đến cuộc tình với Thu. Đã hai tháng qua, những đêm mê say đắm cuốn hút anh. Đầu tiên chỉ là đùa cợt. Không ai nghĩ sẽ yêu nhau, sẽ ràng buộc nhau. Thu với những lăm lờ đầu đời, những buồn xuôi trụy lạc. Gương mặt nũng nịu, nét môi vôi vĩnh. Những đôi mắt không thôi. Những trải đời sành sỏi. Và Luân đã yếu đuối, không kềm hãm được mình, để bị trôi đi, trôi đi.

Bi nắm tay Luân cười cười:

— Bác Hai, bác có “xe” rồi phải không?

Luân gật đầu mỉm cười, nói như đùa:

— Ừ, bác Hai có “xe” rồi. Ai nói với con vậy?

— Con nghe người ta nói.

Ái giả vờ thản nhiên:

— Bây giờ em qua đây rồi anh còn “lái” nữa thôi?

Luân cười:

— Hết rồi.

— Thật không?

— Em không tin anh à?

Ái nghiêm nét mặt:

— Em tin anh.

Luân đứng dậy. Anh sửa lại quần áo rồi nói:

— Anh phải lên Task Force gặp Kommandant xin lại cái máy. Đêm qua đang ngủ Yanman vào bắt gặp anh đang xài điện, nó tịch thu luôn.

Ái gật đầu:

— Ừ, anh đi đi!

*

* *

Căn gác nóng hầm hập. Tiếng hai ba cái cassette ồn ào léo nhéo vây quanh. Cải lương Hồ Quảng, nhạc tình, nhạc *pop* bập bùng ộp ọ xoáy vào tai làm Luân bực bội, cáu kỉnh. Ái nằm bên cạnh Luân.

Gương mặt buồn buồn nghiêm nghị. Tiếng nói nhỏ thì thầm:

— Em chịu được. Anh cứ nói đi. Thà là xa anh chứ em không thể chấp nhận tình trạng này.

Luân nhìn lên mái tôn im lặng. Ái tiếp:

— Từ lúc qua đây em đã để yên cho anh xử sự. Em yêu anh. Em tin anh. Nhưng càng lúc em thấy anh càng lúng túng, gượng gạo, không phải như lúc trước... Em quý những ngày ở Bidong. Em muốn anh đến đùa xấu xí như khi còn trên đảo, để chỉ một mình em yêu anh thôi.

Luân quay sang nhìn Ái. Điếu thuốc trên môi đặng ngệt.

— Anh chọn lựa đi.

Luân thở dài. Anh nằm ngửa nhìn lên mái tôn. Những lượn sóng uốn éo đều đều chạy dài ra xa. Anh nhớ những ngày trên biển, nhớ những kỷ niệm Bidong, nhớ những buồn vui ngọt bùi chia sẻ... Nhưng...

Luân buồn rầu:

— Em biết anh là anh mới bị Mỹ xù. Đó là một thất bại. Vượt biên đến đây, chấp nhận cái chết đến đây mục đích là đi định cư. Thế mà một năm qua rồi, anh đi từ thất bại này đến thất bại khác. Anh tự xấu hổ, anh ghê tởm con người anh. Công việc không lo, chỉ biết mê đắm vào những chuyện tình lãng mạn, vu vơ... Anh không buồn vì không được đi Mỹ, chỉ thất vọng vừa chưa được đi định cư. Tinh thần anh đang khủng hoảng tột độ.

Luân ngừng lại, rít một hơi thuốc rồi tiếp:

— Anh đang buồn. Đáng lẽ em an ủi, khích lệ anh, đằng này em còn đẩy anh vào cảnh khó xử, muộn phiền.

Ái ngập ngừng:

— Em biết, em biết là em nói không đúng lúc, nhưng em chịu không nổi nữa. Bây giờ anh tính sao?

Luân cười nhạt:

— Anh đã quyết định. Em thấy đó, anh không phải là người háo sắc. Ngay khi em đến đây, anh đã chấm dứt với Thu. Nhưng Thu nói

là sẽ không quấy phá gì hết, chỉ mong thỉnh thoảng nghĩ đến Thu đôi chút. Thu chấp nhận để anh về sống với em.

— Nhưng anh vẫn còn liên lạc với nó?

— Anh không cấm được. Bệnh viện là chỗ công cộng, Thu muốn vào thì vào...

— Em biết anh chấm dứt với em dễ dàng, chứ còn với Thu... khó lắm!

Luân nghiêm giọng:

— Bây giờ thì anh chán lắm rồi, mỗi một lúc thôi. Anh không muốn gì nữa hết, chỉ muốn yên thân thôi. Anh sẽ sống âm thầm trong bệnh viện, làm việc, học tập và tự hành hạ, cho lương tâm bớt ray rứt.

— Nghĩa là...?

— Anh vẫn yêu em, nhưng anh sẽ không đến đây ăn cơm nữa. Anh sẽ không liên hệ với cả Thu và em.

Ái lặng người. Quyết định của Luân là một bất ngờ. Ái nói nàng có thể xa Luân, có thể chịu được đổ vỡ chỉ là một cách nói để Luân suy nghĩ và bắt buộc Luân phải chấm dứt với Thu, chứ đâu phải để đẩy Luân đến quyết định này. Nhưng tự ái, Ái không thể nói khác, không thể van xin... Thôi thì cũng tốt. Cứ xa nhau một thời gian xem sao, coi như em vẫn đang ở Bidong. Còn anh...

— Không phải anh chấm dứt với em để tiếp tục sống với Thu đâu. Nếu như thế anh không phải là con người nữa. Anh sẽ yêu cầu Thu đừng vào bệnh viện gặp anh.

Căn gác càng lúc càng nóng. Không khí mệt mề. Tiếng cassette đã tắt bớt, chỉ còn một giọng ca nghẹn ngào rữ rượi lê thê: "*Người vừa tặng ta vết thương đau ngọt ngào. Không nợ nần gì nhau, cứ để tình ta bay cao. Từ vào cuộc vui, đã trót nghe lừa dối... Ta cảm ơn tình nhân đã đưa ta đến mộ phần...*" Ái nằm quay mặt vào vách, đôi gò má đã đầm đìa nước mắt...

*

* *

Thức ăn đã dọn ra. Chả giò và bò nhúng giấm. Chén nước mắm ớt đỏ

phạm thị...

*Chiều nay bỗng thấy nhớ nhà
rộn ràng bóng liễu là đà bến sông
nước xuôi, sông chảy một dòng
em nay thì đã theo chồng đất xa
ngõ ngang chặn gối đêm qua
tủi son phấn nhạt, nay đã thiên châu
ai còn, ai ở nơi đâu?
vùng trăng khép nửa, gọi sầu hoàng hôn*

*Ra về lòng những chợt buồn
liệu rồi mai mốt ai còn nhớ ta.*

triều hoa đại

vị cay nồng. Dĩa rau xanh. Nồi nước giấm chua chua ngòn ngọt, gọi thêm. Mọi người ngồi quây quần. Chỉ có bốn người lớn và hai đứa bé.

Ái lên tiếng:

— Ông Hiệp, chính ủy tuyên bố lý do đi.

Hiệp cười hề hề:

— Bà nói đi.

Ái cầm ly bia đưa lên:

— Nào, ta uống kỷ niệm ngày rời Việt Nam.

Những cái ly chạm vào nhau, những ánh mắt long lanh. Hiệp gấp miếng chả giò bỏ vào miệng rồi gật gù:

— Tạm được nhưng không giống ở Việt Nam lắm. Bánh tráng này làm bằng bột mì nên không giòn như bánh bột gạo của mình...

Tịnh mỉm cười:

— Đúng ra cái này gọi bằng *meat pies*.

Ái lại đưa ly lên:

— Còn bây giờ uống để nhớ những người bạn ở Việt Nam.

Luân uống cạn ly bia. Anh chậm rãi nói:

— Ngày này năm rồi chúng mình làm gì? Anh đang ở chỗ ông Chín, lo lắng bồn chồn đợi giờ ra đi.

— Còn em đang chạy lòng vòng đưa đón mọi người.

Tịnh trầm ngâm:

— Lúc đó mình đâu biết tương

lai rồi sẽ ra sao!

Luân gật đầu:

— Số mệnh hết! Trước một chuyến cũng chết mà sau vài chuyến cũng không còn.

Hai đứa bé im lặng ăn, uống. Bia bốc lên khuôn mặt Bi màu đỏ thẫm của mào gà.

— Mặt trời mọc rồi đấy.

Bi cười, ánh mắt trẻ thơ mộc mạc hồn nhiên.

Luân quay sang Ái:

— Tại sao em lại tổ chức vào ngày 11. Đó không phải là ngày rời Việt Nam của mình.

Tiếng Ái nhỏ nhẹ:

— Em tính 11 là chiều thứ bảy. Ăn xong, sáng hôm sau chúa nhật đi chụp ảnh gởi cho ngoại Bi. Ở nhà đang đòi gởi ảnh về.

— Nếu em vẫn tổ chức ngày 11 thì anh không đến, vì đó là ngày em rời Sài Gòn, em xa người Sài Gòn chứ không phải ngày chúng ta...

Luân dừng lại, anh không nói thêm lời nào nữa, cầm ly bia đưa cho Ái. Nàng nhắm mắt lại, uống cạn ly rồi đặt xuống. Luân lấy một điều thuốc cài lên môi, bật lửa. Khói thuốc quện những vòng tròn. Ái nhận điều thuốc từ tay Luân rít một hơi dài. Nàng nghe buồn buồn. Nhớ Việt Nam, nhớ mẹ, nhớ những kỷ niệm Sài Gòn, nhớ cuộc tình ngắn ngủi rồi rời chưa chút...



Một năm đã trôi qua. Những người cùng tàu đa số đã rời trại ra đi. Chỉ còn Ái và vài người bạn hăm hiu. Đường định cư lặn đận. Nẻo tương lai mịt mù. Hiện tại nhạt nhẽo. Người tình những ngày hào hứng nhiệt cuồng giờ đã lạ lẫm giá băng. Bên cạnh mà xa ngàn trùng. Vồn vã hỏi han mà sao nghe nghẹn ngào gượng ép. Hết rồi phải không anh? Đốt lò hương cũ chỉ cay nồng những kỷ niệm mốc meo. Quên đi. Tôi nhủ lòng mình. Quên đi. Lại một bước nữa hụt hẫng trong đời. Em thêm có một người chồng để nương tựa, để yêu thương gắn bó mà sao cả đời tìm hoài chẳng thấy. Con gái tuổi Dần mới cao số. Còn em tuổi Sửu, bao nhiêu lần ôm trong tay hạnh phúc nhưng rồi cũng chợt tỉnh đắng cay. Hạnh phúc như những giọt thủy ngân lăn tròn không sao nắm bắt. Những giọt thủy ngân sáng lóng lánh quyến rũ, gọi mời vào những cuộc tình rượt đuổi đam mê. 40 tuổi. Đối với đàn bà đã là chiều tà bóng xế. Em có còn mơ ước gì nữa đâu! Tại

sao anh lại đến? Tại sao anh lại mang cả con tim bốc lửa sưởi ấm những tháng ngày lạnh giá đời em. Rồi bây giờ... anh đó ư? Anh của những ngày tuyệt vọng lang thang trên bãi, ánh mắt vồ về, khuyến khích, tin yêu. Anh đó ư? Anh của những đêm căng thẳng âu lo, vòng tay ôm ấp áp đời nhau, quên đông bão, quên sóng gió mịt mù mây phủ.

Những ngày trên đảo, hạnh phúc đọng lại trong nụ hôn dịu dàng buổi sáng trước khi đi làm và buổi trưa về nhà. Hạnh phúc bằng bạc những đêm thấp đèn kéo màn nằm chờ anh về sau giờ học. Le lói ngọn lửa dầu ăn, nhưng rừng rực mê cuồng say đắm. Em đã ôm ấp, đã nâng niu những giọt thủy ngân hiếm hoi lăn tròn trên bàn tay gầy guộc. Em yêu quý, em chắt chiu. Nhưng những giọt thủy ngân lóng lánh đó cuối cùng cũng chui qua kẽ ngón tay rơi rớt lạc loài.

Luân gấp miếng thịt bò bỏ vào chén Ái:

— Em ăn đi.

Ái gượng cười. Nàng nhớ những bữa cơm Bidong nghèo nàn thiếu thốn. Có bữa chỉ có một chút thức ăn. Có bữa nuốt hoài không trôi nửa chén cơm nhạt nhẽo. Nhưng sau bữa ăn... Đốt một điếu thuốc chuyền tay nhau. Ly nước chia đôi. Và giấc ngủ trưa vật vờ nồng nàn hơi thở...

Ti nhin xuống trước nhà rồi quay lại kêu Luân:

— Bác Hai, có ai tìm bác kìa.

Luân vén màn nhìn ra. Thu đang đứng che dù nhìn lên, gương mặt tức tối, giọng nói sảng:

— Anh về chưa?

Luân cau mày đáp:

— Em về trước đi, một lát anh về.

Thu lắc đầu nói lớn:

— Không, anh về ngay.

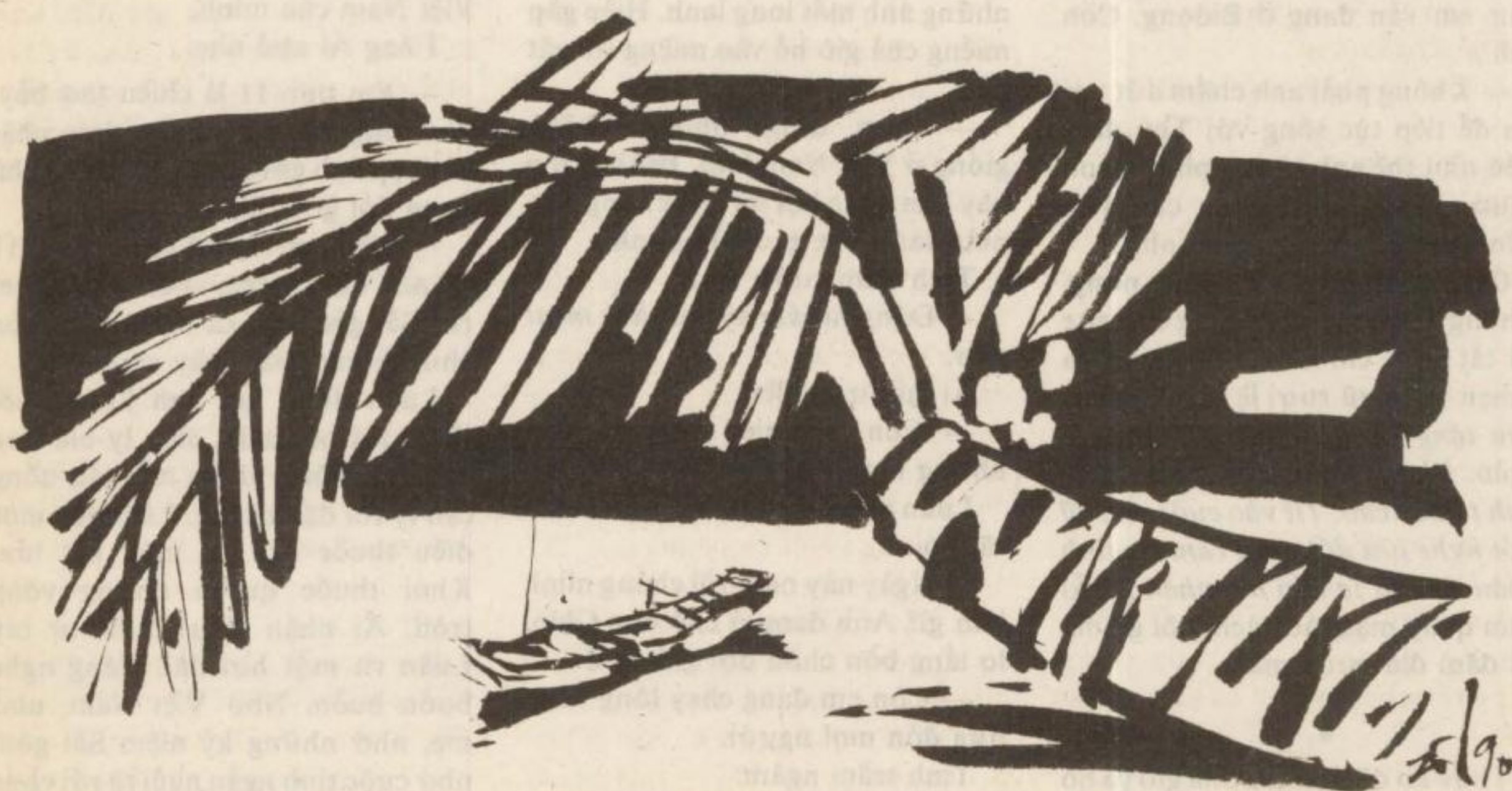
— Em về trước đi.

— Không, em muốn anh về ngay bây giờ.

Ái nài nỉ:

— Thôi, anh làm ơn đứng lên về đi.

Luân bực bội. Anh đứng dậy với lấy cái kính cận đeo vào mắt rồi



chậm rãi bước xuống thang. Thu đã bỏ đi trước. Luân ngăn ngừa. Anh muốn quay lại nhìn lên gác nhưng rồi thở dài cúi mặt bước đi. Anh biết mình đã thực sự xa Ái từ lúc đó.

Bữa ăn rơi vào hụt hẫng, ngỡ ngàng. Đến hai đứa bé cũng không còn muốn ăn. Hiệp nói lảng:

— Chiều nay đi chụp hình nghe mấy đứa.

Ái cố ra vẻ thản nhiên. Nàng nhếch mép cười:

— Ăn đi... Mấy ông ăn cho hết đĩa chả giò đi chứ.

Nàng cầm đĩa gấp miếng thịt bỏ Luân bỏ vào chén cho nàng lúc nãy, bỏ vào miệng trệu trạo. Miếng thịt bỏ nghẹn lại ở cổ họng.

Một nỗi buồn ray rứt, lặng lẽ bỗng dâng lên, tràn ngập lòng Ái như hai dòng nước mắt chảy dài trên gò má tội nghiệp, xanh xao.

*

* *

Buổi chiều Luân ra *canteen* ăn cơm. Khi anh trở vào bệnh viện thì thấy Ái đang đứng chờ trước cửa phòng. Gương mặt nghiêm nghị. Đôi mắt kẻ viền đen làm sâu thêm những buồn phiền u uất. Môi mím chặt. Mái tóc ngắn. Cái *robe* dài ôm sát thân hình ốm yếu.

— Em muốn nói chuyện với anh.

Luân ngăn ngừa:

— Em chờ anh một chút.

Anh vào phòng, đặt mấy cuốn sách lên bàn rồi dẫn Ái ra hành lang. Bóng tối nhập nhoạng. Những dãy ghế gỗ lạnh lẽo. Luân ngồi xuống. Ái buông mình xuống chiếc băng đối diện Luân, giọng gay gắt:

— Tại sao anh làm thế? Anh không nghĩ đến uy tín của anh, anh cũng phải nghĩ đến danh dự của em chứ! Em không ngờ...

Luân im lặng. Anh nhìn sâu vào mắt Ái, cố tìm những nét thân thương ngày nào chung sống. Gương mặt chìm một nửa trong bóng tối, chỉ lấp lánh ánh mắt khát khe.

— Em tin anh. Em đã không làm gì hết. Em đâu có tranh giành gì

đâu! Em mời anh tới như một người bạn. Nhưng sự việc ban chiều làm em không chịu nổi...

Luân vẫn im lặng. Anh lắc đầu khổ sở.

— Đáng lẽ em không vào đây. Đáng lẽ em không cần nói nữa. Nhưng em muốn cho anh biết, anh phải biết. Lương tâm anh đâu? Con người anh đâu?...

Luân quay lại nhìn Ái. Một sự bức bối dâng lên ngực, anh gạt ngang:

— Em đừng nói nữa. Anh không muốn nghe gì hết.

Ái chồm lên:

— Anh chán rồi phải không? Anh nói với em như thế nào? Nếu anh còn sống với nó, anh không phải là con người.

Luân giận dữ cắt lời:

— Anh không muốn nghe nữa. Em về đi!

— Em không về. Anh đã nói với em nếu em thích em cứ vào, chừng nào muốn thì em về.

Luân đứng dậy:

— Được rồi, em không về thì anh đi.

Ái bùng giận, nói lớn:

— Anh ngồi đó. Anh phải nghe em nói.

— Anh không ngồi đây để nghe những lời như thế. Anh chán lắm rồi! Anh mệt mỏi lắm rồi!

Ái lồng lộn:

— Tại sao anh đuổi em về? Tại sao nó nằm trong đó anh không đuổi? Nó là vợ anh hả...

Luân mím môi, nhìn trừng trừng vào mặt Ái. Ôi gương mặt dịu hiền của những ngày nào thân thương, bây giờ chỉ còn những nét căm hờn, oán hận. Luân nghe lòng mình chùng xuống. Lỗi tại ai? Tất cả chỉ do anh. Tất cả do sự tham lam yếu đuối của anh. Buông thả tình cảm vào những phiêu lưu đông bão. Dễ dãi với chính mình. Lừa dối lương tâm. Định mệnh! Mọi việc đều do sự sắp xếp của định mệnh ư? Có định mệnh nào dẫn dắt anh cứ liên tục bắt đầu những cuộc tình tội lỗi? Những sóng gió, những thảm kịch đã đẩy anh vào nẻo đời nghiệt ngã.

Anh đã gục, đã bị đập xuống tận đáy xã hội. Những nhà tù, xà lim, những trại cưỡng bức lao động. Đời sống lê lết khổ nhục. Một ngày trôi qua là thêm một ngày tù tội. Mỗi tối trước khi chui vào mùng, anh tự nhủ lại qua một ngày khốn cùng. Đêm với tiếng mơ ngủ ú ớ uất nghẹn trong phòng giam. Đêm với tiếng súng nổ chát chúa chặn bắt kẻ trốn tù. Rồi cái im lặng mệt mề ám ảnh.

Sau cùng Luân đã vùng dậy, đã lao vào trận đấu, đã ném tất cả vốn liếng vào cuộc chơi may rủi đời mình. Anh ẩn nhẫn, anh bền bỉ, anh xông xáo. Và anh đã thắng. Anh tới được Mã Lai để ném những ngọt bùi cay đắng của đời tị nạn.

Tiếng Ái như những nhát búa gõ vào đầu:

— Tại sao anh không nghĩ? Anh làm em ân hận. Em đã yêu anh bao nhiêu... Còn bây giờ em căm thù anh... căm thù anh...

Luân ôm đầu. Anh la lớn:

— Em về đi!... Anh không chịu đựng nổi nữa. Cái gì cũng có giới hạn của nó. Bây giờ anh không cần gì nữa hết, anh không sợ gì nữa hết. Em về đi...

Ái đứng dậy. Đôi môi mím chặt nén tiếng khóc. Anh yêu dấu, anh đâu rồi? Ôi những ngày Bidong tan khổ mà ngọt ngào! Ôi những đêm hoang đảo chật chội oi nồng mà dịu dàng đầm ấm! Hết rồi phải không anh? Hết thật rồi!

— Em biết anh đâu có sợ gì! Con người anh là như thế đó!

Luân hét lớn:

— Em về đi!

Ái bước đi. Cái bóng nhỏ thui thui trong nhập nhoạng trời chiều. Ra đến cổng, nàng quay lại. Tiếng nói nhỏ nhưng như phát súng bắn vào đầu Luân:

— Rồi em sẽ coi anh bỏ như thế nào!

Luân chết sững trên băng gỗ. "Rồi em sẽ coi anh bỏ như thế nào!" Tôi không phải là người. Tôi là thú vật. Tội tặc, đều giả, khốn nạn... Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng... □

Vùng Mây Xám

nguyễn thái dũng
(MC: 501)

Slowrock

Đường tìm đi xa còn vương bước
Vùng trời mênh mông giờ đây đã
Đi lung nhàn đã cạn rồi từ
Đi vùng mây xám vậy phải đời

Đầy
Đầy đời lên đến còn nơi bề sâu
Tuyết rụng ta mang từ trong đáy trời
Bầu ... cho kiếp tha hương xa rồi mùa xuân
Hơn giờ phút

giá như đêm đông về trên đảo xa
Lệ sâu bờ vò ta đã khóc than phận nỡ
trời chiều nay hương vắng ta lang thang trên đời giữa trang
Còn gì nữa

muối ôi! Con hương đã phủ màu sương
Đời còn lại nữa khi tương lai đông đây thường
đau
Đường tìm đi xa còn vương bước
Vùng trời nào đây để ta lòng
chân
quên

Đi lung nhàn đã tàn theo thời gian
Đi vùng bão tố xoay phải đời ta
Đời còn lại nữa khi tương lai đông đây thường
Còn lại chỉ nữa để ta ước

thưa
mẹ
Biết tôi phải như nào cho với sâu
tôi

FIN

... Hay để chết theo tháng ngày chờ mong.

Sulau Bidong 2/03/91.

Muối Bạc-Liêu Nặng Tình Biển Cả

Nguyễn Văn Ba

Tặng Anh Vân và Nguyễn Đức Bạt Ngân

*Bạc Liêu nước chảy lờ đờ
Dưới sông cá chớt, trên bờ Triều Châu
Ca dao*

Lần đầu tiên tôi đến Bạc Liêu khoảng năm 1971, đi bằng xe gắn máy. Vào thời điểm đó, quốc lộ 4 từ Cần Thơ tới Bạc Liêu có đoạn tốt, đường tráng nhựa bóng loáng, rộng rãi như từ Cần Thơ tới Cái Răng rồi Cái Tắc (còn gọi là ngã ba đi Rạch Gòi, Chương Thiện) và đoạn vừa qua khỏi Sóc Trăng, nhưng cũng có đoạn hẹp và xấu hơn, tuy nhiên nói chung lưu thông an toàn, tốt đẹp.

Khởi hành từ Cần Thơ, tôi và anh Nghiệp, một người bạn hiện còn ở Việt Nam, dùng xe Honda, anh Nghiệp xe đàn ông, tôi xe C 50. Chúng tôi xuống Đại Ngãi, một thị trấn nhỏ ven bờ sông Hậu, rước hai người em gái bà con chú bác với Nghiệp, Thủy và Vân, sau đó trở lại Sóc Trăng rước hai chị nữa, chị Nữ bạn cũ, lúc ấy đang ở trung học Hoàng Diệu Sóc Trăng và chị Muối, em chị Nữ, đang học ở Chương Thiện. Thêm một xe gắn máy nữa cho chị Nữ và Thủy, Nghiệp chở Vân, tôi chở chị Muối.

Lần đó chúng tôi ghé chợ Vĩnh Lợi ăn cơm ở Quán Lá với cá rô mè kho tộ và canh chua cá dứa, rồi theo các giong đất chạy song song bờ biển thăm các vườn nhãn (đi sản nhãn) dài cả mấy cây số. Nhãn Bạc Liêu giống nhãn Châu Đốc và Tân

Châu, tương đối nhỏ trái, lớn hột, cơm mỏng, thơm ngon, khác long nhãn miệt Trung Lương lớn trái, cơm dầy, hột nhỏ được trồng trước sân nhà hay vườn, thường không lớn quá hai ba công đất. Vào vườn nhãn ở Bạc Liêu là được ăn tự do, mua đem về mới phải trả tiền, tuy nhiên giá rất thấp so với ngoài chợ. Có ông chủ vườn bảo nếu mỗi gốc nhãn trong vườn ông chúng tôi ăn một trái và đi giáp một vòng vườn thì muốn mang bao nhiêu về cứ mang, không phải trả một xu nhỏ, hỏi ra vườn ông có 2500 gốc. Chúng tôi chỉ ăn mỗi người khoảng 30 trái mà sáng hôm sau mở mắt không ra.

Chúng tôi cũng viếng nhiều ngôi chùa Miên với kiến trúc cổ kính, mỹ thuật, bao bọc bởi những hàng cây sao, cây dầu thật thẳng, thật cao, cảnh chùa yên tĩnh, tịch mịch, tàn cây cao là nơi lữ chim diệc, sếu, cò... từng bầy tụ họp, làm ổ, vì không ai quấy rầy chúng.

Tôi còn nhớ chuyến đi Bạc Liêu đầu tiên ấy rõ lắm vì mấy chuyện.

Thứ nhất là ngay đêm đó trở lại Cần Thơ, trước khi về nhà, tôi ghé qua phòng thí nghiệm trường đại học để ghi chú kết quả mấy cái thí nghiệm tôi cho tiến hành ngày hôm trước, xong việc, bước ra cửa thì chiếc xe Honda C 50 của tôi dựng ở đó đã bị kẻ trộm lấy mất, tôi phải đón xe lôi về nhà. Thứ hai là lúc ăn cơm trưa ở Quán Lá tôi tình cờ gặp lại một người bạn cũ, lúc ấy công tác ở ty Học chánh Bạc Liêu, vui mừng gặp tôi, anh giành trả tiền bữa cơm trưa hôm ấy và mời tôi sau đó xuống chơi.

Tôi sắm chiếc Honda C 50 khác, rồi thỉnh thoảng người bạn gọi điện thoại lên Cần Thơ rủ rê, tôi chạy xuống Bạc Liêu chơi mấy hôm. Tôi còn nhớ những lần đi Bạc Liêu như vậy, chuyến về cái giỏ nhôm trước xe luôn có chứa hai thứ đặc sản: tôm lụi và cua gạch. Cả hai thứ này tôi mua ở chợ Vĩnh Lợi ngay dưới mang cá cầu sắt trên đường đi



xuống miệt biển. Tôm lụi đây là tôm thẻ xỏ thành râu liền nhau bằng cọng lá dừa, mỗi râu chừng tám tới mười con, tôm lớn nhưng khô nên rất nhẹ. Cua gạch là cua biển thường từ miệt biển chở tới, gạch đỏ tươi đội vun mu. Tôm lụi và cua gạch là hai sản phẩm của biển bùn Bạc Liêu. Tôm lụi lúc nào cũng có bán, cua gạch thì phải nhằm lúc tối trời, những khi sáng trắng hay trắng tròn không có cua gạch tôi mua đỡ cua thịt, hơi ồm nhưng khá ngon.

Hồi đó, chúng tôi một nhóm độc thân, ưa nhậu nhẹt nhưng chưa có người lo việc nấu nướng nên rất thích hai món này. Chỉ cần năm bảy râu tôm lụi, ba bốn con cua gạch tôi mang từ Bạc Liêu về là năm sáu đĩa chúng tôi có thể “ngả” dễ dàng mấy két bia 33 đít tròn hoặc vài chai Martell cổ lùn. Tôm lụi nướng ngay trên ngọn lửa từ đĩa rượu để có bỏ chút muối hột hay cốm 90 chữ như thường nướng khô mực, còn cua gạch chỉ việc luộc chín rồi làm muối tiêu chanh là xong.

Về sau này nhóm chúng tôi gồm Khải, bác sĩ sản khoa, Tấn và Sơn dạy ở trung học Phan Thanh Giản.. thêm mấy anh lớn tuổi gia nhập như anh Ba Trục dạy ở trung học Phan Thanh Giản, Hai Nghĩa và Ba Chương, nguyên giáo viên tiểu học, sau làm việc ở ty Học chánh Phong Dinh... Mấy anh này làm đồ nhậu giỏi lắm. Đặc biệt anh Ba Chương, nhà ở hẻm Hai Địa, là một đầu bếp đa tài, món gì vô tay anh cũng trở thành đồ nhắm đặc sắc. Anh Ba Chương làm cua rang muối đã ngon mà cua hấp chao cũng thiệt hấp dẫn. Đặc biệt hơn là anh Ba Chương chỉ làm đồ nhắm để cùng nhậu, vui với bạn bè, chứ anh không làm mướn cho bất cứ ai. Trong bữa tiệc, hề thấy anh Ba Chương lấy cái xô đựng nước đá đội lên đầu là biết lúc đó anh đã “tới chỉ”.

Tôi đi Bạc Liêu nhiều lần lắm, xuống Hộ Phòng, Gành Hào, Giá Rai câu cua, ăn lẩu mắm, ra Vĩnh Châu ăn cháo lòng với bánh củ cải

thiệt xốp, thiệt lớn do người Triều Châu ở địa phương làm, thăm xóm chài lưới ven biển... Trong số những kỷ niệm với Bạc Liêu, những hình ảnh về Bạc Liêu tôi nhớ nhất là các ruộng muối ven biển và chuyện đi bắt cá bống kèo.

Tôi thăm ruộng muối (diêm điền) vào một ngày cuối tháng hai âm lịch, nông dân đã bắt đầu việc khai thác muối từ đầu tháng giêng. Tại sao từ tháng giêng? Ông Hai Cừ chủ ruộng muối trả lời thật dễ hiểu: “Trong nước biển lúc nào cũng có muối, lấy muối từ nước biển lúc nào cũng được, nhưng muốn lấy muối từ ruộng phải chờ đến tháng giêng trời thôi mưa, lại có nắng nước biển mới bốc hơi, ruộng khô, muối kết tinh. Trước tháng giêng trời còn mưa, ruộng bị chèm nhẹp hoai...”

Nguyên tắc khai thác ruộng muối rất đơn giản, chia ruộng thành nhiều ô có đê thấp hoàn toàn cách biệt nhau. Đất ruộng được nện thật dễ dặt, có khi tráng xi-măng để muối không thấm vào đất, xong bơm nước biển vô ruộng bằng xa quạt gió, máy bơm hay gàu. Nếu trời nóng, nắng nhiều, ruộng sẽ mau khô, muối mau kết tinh. Ruộng khô, nông dân gom muối lại, gánh về sân nhà hay nơi cao ráo đổ thành đống như đống lúa. Khai thác xong đợt nhứt lại bơm nước biển vô ruộng, khai thác đợt thứ hai... Như vậy ruộng muối lúc đầu rất trống trải, chỉ thấy những con đê thấp và nước. Trong lớp nước ngày càng đậm đặc do nồng độ muối gia tăng, tôi quan sát được vô số tinh thể muối hình lập phương hiện ra dưới đáy, những con cá, con tép nhỏ chết dần, những sợi rong xanh... Giai đoạn ruộng khô, nông dân dùng bàn cào rộng bản, mặt bằng và cán dài, cào muối lại thành đống nhỏ. Công việc này do đàn ông làm vì khá nặng nhọc. Phụ nữ cho muối vào hai thúng giề, gánh về nhà đổ vào những đống muối lớn hơn. Nếu không bán được liền, phải đập muối bằng lá dừa nước hay cỏ tranh bện lại.

Một đống muối lẻ loi trông giống một đồi cát trắng hình kim tự tháp ở Ai Cập. Nhiều đống muối gần nhau, nhìn từ xa giống một dãy đồi cát, nếu lúc ấy có thêm vài phụ nữ gánh muối bằng đòn gánh mang hai thúng giề thì đó chính là bức ảnh dãy đồi cát duyên hải Trung phần mà các nhiếp ảnh gia Cao Đàm và Cao Linh đã đoạt giải nhiếp ảnh quốc tế năm nào. Đêm khuya trăng sáng, thanh niên nam nữ hợp đoàn cào muối, gánh muối dưới trăng. Họ chuyện trò, hát ca vui vẻ, gợi cho tôi hình ảnh những ngày mùa ở miệt Hậu giang, những đêm trăng sáng đập lúa, giề lúa, giã gạo, quét nếp mới làm cốm đẹp... của những ngày thanh bình xưa cũ.

Lúa gạo và muối là hai nguồn tài nguyên chủ lực của Bạc Liêu. Ông Hội đồng Trần Trinh Trạch, gốc Triều Châu, ngày trước giàu có tiếng ở miền Nam là nhờ lúa và muối, muối Ba Thắc nổi tiếng nhất

biển mỹ buổi chiều

*Chiều tôi ra ngó biển
thấy nước trời mênh mông
sóng hay lòng xao xuyến
quê hương ơi muôn trùng!*

*Tắm thân vui trong cát
hồn tan theo dấu giầy
chẳng có gì kỳ thác
cho một đời ở đây!*

*Bao xác người tôi tả
như nắng buổi chiều tà
trên đường sao đất lạ
đứt đoạn nào hôm qua?*

*Ngàn trang thơ có viết
một giọt lệ thôi. Nhoà!
Nguyễn Du than thảm thiết:
“ai xót thương đời ta?”*

*Kiếp tầm tơ cứ trút
muôn đời câu xót xa
lưu vong ngồi nuốt nhục
cạn hết chưa Hằng hà?*

trần văn lệ

miền Nam thuở ấy. Sau hai cuộc thế chiến, diện tích ruộng muối thu hẹp lại rất nhiều. Nói đến người Bạc Liêu thì ngoài Hội đồng Trạch còn phải kể ba người con của ông là Hai Đình, Ba Qui và Tám Bò nổi tiếng là Công tử Bạc Liêu, xài tiền như giấy lộn. Nổi tiếng nhất là Ba Qui (Hắc công tử) với giai thoại đốt tấm giấy ngẫu (giấy năm đồng) làm đuốc rọi để cậu Tư Mỹ Tho Phước George (Bạch công tử) tìm đồng bạc kim khí đánh rơi dưới gầm bàn trong khách sạn.

Ngoài mấy giai thoại khá nổi tiếng trên, một đoạn thơ khác về Bạc Liêu cũng được quảng bá trong dân gian:

*Đất Bạc Liêu muối tên Ba Thắc
Nhân cơm dầy dễ lột thơm ngon
Dưa hấu đỏ cát nhiều mỏng vỏ
Mía Trà Nho ngọt gắt có đầu bằng.*

Như vậy ở Bạc Liêu ngoài lúa, nhãn và muối còn có nhiều thổ sản khác, phong phú, dồi dào, có ở lâu, đi nhiều mới biết.



Ông Hai Cư, chủ ruộng muối cho biết muối lấy thẳng từ ruộng là muối hột còn dơ nên chỉ dùng muối cá, làm khô hoặc làm nước mắm. Loại muối hột trắng hơn bán ngoài thị trường đã được nấu lại bằng cách hoà tan trong nước, để cặn cặn lắng xuống đáy, lấy phần lỏng bên trên nấu cho nước bốc hơi.

Mới đây tôi có đọc một tài liệu khoa học về muối. Theo tài liệu này thì muối là chất quan trọng của cơ thể con người, chiếm đến 0,9% trọng lượng các tế bào. Máu, mồ hôi và nước mắt chúng ta đều có vị mặn của muối. Số lượng muối dùng để nêm nếm các bữa ăn chỉ chiếm 5%, 95% còn lại dùng cho khoảng 14,000 công dụng khác. Một trong những công dụng quan yếu nhất là nguyên liệu để chế tạo sút (Na OH) và acid chlorhydric (HCl), hai hoá chất kỹ nghệ căn bản — công thức hoá học của muối là Na Cl — như sút được dùng tẩy rửa, làm trắng trong việc sản xuất giấy, hàng vải, xà phòng và chế tạo các hoá chất dùng trong máy lạnh, máy giặt, máy lọc dầu thô... Tài liệu này cũng cho biết trong mỗi gallon (3.785 lít) nước biển trung bình có 113 gram muối và tổng số muối chứa trong các biển và đại dương trên mặt địa cầu là 4 triệu 419 ngàn cubic miles (dặm khối). Kết quả những nghiên cứu mấy năm gần đây cho thấy sự ăn nhiều muối có liên quan đến bệnh áp huyết cao. Sự liên quan này rõ nét ở những người trong lứa tuổi từ 40 trở lên, có thể giải thích là khi lớn tuổi, hoạt động của thận yếu đi, sự bài tiết chất muối giảm sút.

Khi về lại đại học Cần Thơ lúc ấy, tôi có hỏi một số đồng nghiệp chuyên môn về muối. Sự thật muối Bạc Liêu không tốt mà cũng không nhiều. Bờ biển Việt Nam từ Móng Cái đến Hà Tiên, rất nhiều nơi có ruộng muối. Miền Trung sản xuất nhiều nhất, thứ nhì là miền Nam. Ở miền Nam, diêm trường Phước Tuy rộng nhất, sau đó là Bạc Liêu, Gò Công, Trà Vinh, Cần Giờ. Ruộng muối có sản lượng lớn nhất và phẩm chất tốt (tinh khiết) là Cà

Ná (xã Hải Thương, tỉnh Ninh Thuận).

Bây giờ xin nói sang chuyện cá bống kèo Bạc Liêu. Tôi thăm ruộng muối Bạc Liêu chỉ một lần, nhưng đi bắt cá bống kèo hai lần.

Lần đầu vào mùa nắng, khoảng tháng giêng, tháng hai âm lịch. Chuyện bắt cá bống kèo mùa nắng ở Bạc Liêu giống như chuyện đi thụt lịch, bắt cá chạch ở các sông rạch miền Tiền giang và Hậu giang. Lịch giống như lươn nhưng nhỏ và ngắn hơn nên có câu “*Ví dầu lịch vẫn lươn dài; Quạ đen cò trắng thàng chài xanh lông*”. Cả lươn lẫn lịch đều nhớt nên còn có câu “*Ốc tưởng rằng ốc vẫn, dè đâu ruột ốc trường. Lươn chề lịch, lịch chề lươn. Nhớt*” để chỉ hai người cùng có tính xấu như nhau mà lại đi chề lẫn nhau. Còn cá chạch là loại cá nhỏ, mình dẹp và mỏng, dài chừng 2 tấc, chiều ngang khoảng 2, 3 phân, vẩy rất mịn, thường có màu vàng lục, mõ nhọn và dài (ngoài ra còn có loài cá chạch lấu lớn hơn, mình có bông màu nâu sậm).

Vào mùa khô, khi nước ròng sạt, mặt bùn lộ ra, xách theo một sợi dây kẽm đi tìm “mà” lịch và cá chạch trên mặt bùn để bắt chúng. “Mà” cá chạch là cái mõ nhọn và dài của nó lộ trong không khí để thở, mình chôn dưới bùn. Lấy hai tay móc cục đất lên là bắt được chú cá chạch. Còn “mà” lịch là cái miệng hang nơi con lịch ẩn mình. Thọc một tay vô hang, thụt tới thụt lui cho nước trào ra hang ngách, dùng tay còn lại thọc vô miệng hang ngách, hai bàn tay giáp công, tóm chú lịch ở giữa. Dùng sợi kẽm xoắn lịch và cá chạch để xách. Lịch nướng trộn gói chuối cây xắt nhuyễn và rau răm nhậu lai rai với rượu nếp thì hết trật; còn cá chạch kẹp giữa hai thanh tre chẻ dọc, nướng trên than hồng cho đến khi mỡ chảy ra xèo xèo mùi hơi khét, rồi làm nước mắm gừng. Cá chạch nướng ăn với nước mắm gừng và gạo nòng hương thì hết phần.

Cá bống kèo không có ở các vùng sông Tiền hay sông Hậu nước ngọt

quanh năm, chúng thích hợp với môi trường sinh lầy và nước lợ. Bạc Liêu, Cà Mau là nơi chúng dung thân. Muốn bắt cá kèo cũng phải đi tìm “mà”. “Mà” cá kèo là chỗ miệng hang có đất đùn lên, để bắt hơn lươn vì hang cá bóng kèo ngắn, không có hang ngách; cá kèo lại không tìm cách trốn chạy, mỗi hang thường chỉ có một con. Người bắt cá bóng kèo nhốt cá trong giỏ hay các loại tín bằng sành trét với dùng đựng nước mắm.

Lần thứ hai tôi đi bắt cá bóng kèo ở Bạc Liêu là vào đầu mùa mưa. Miền Nam có danh từ đi coi hát cải lương hạng vé cá kèo. Hạng nhất ngồi ghế sát sân khấu, hạng nhì và hạng ba cũng ngồi ghế nhưng xa sân khấu hơn, còn hạng cá kèo thì xa sân khấu nhất. Khán giả hạng cá kèo đứng chen chúc nhau, kẻ xô người đẩy. Đó cũng là hình ảnh của bầy cá kèo đầu mùa mưa, cả đàn cả lũ, hàng ngàn hàng vạn con, đặc sệt cả một khúc sông hay kinh rạch, không biết bao nhiêu mà kể. Chúng trôi theo dòng nước, không đủ chỗ để bơi nghiêng phải bơi đứng nên chỉ thấy những đầu là đầu, dày đặc. Dân Bạc Liêu gọi đó là ngày hội cá kèo. Tôi đã chứng kiến ngày trăng hội ở rừng U Minh Thượng, ếch hội và cóc hội ở đồng bằng sông Cửu Long. Trăng, ếch, cóc... hội họp là để bắt cặp, để làm tình; khác cá bóng kèo Bạc Liêu hội do hang bị ngập, không có chỗ trú ẩn, phải trôi lên mặt nước. Theo tôi, danh từ coi hát hạng cá kèo không đủ để diễn tả một cách trung thực hình ảnh đàn cá bóng kèo tập trung trên mặt sông vào đầu mùa mưa, đông đúc, hỗn loạn. Phải so sánh chuyện đó với hình ảnh đồng bào ta trên đường di tản về hướng nam hồi tháng tư năm 1975 thì mới chính xác. Bắt cá bóng kèo lúc này thật dễ dàng, người nông dân quen tôi hôm ấy lấy đăng chặn ngang con rạch rồi nhảy xuống nước dùng vợt xúc cá bóng kèo đổ vô khoang ghe tam bản.

Chiều hôm đó tôi được ăn một bữa cơm nhớ đời. Nói là ăn cơm mà không ăn cơm, chỉ ăn cá bóng

kèo, cá nhiều quá, ăn cá không, ăn hoài không hết, quá sức no, bụng đâu còn chỗ để chứa cơm. Chủ nhà làm cá bóng kèo bốn món, ba món ăn chơi, một món ăn thiệt. Ba món ăn chơi là canh chua, nấu mằn và chiên, món ăn thiệt là kho tộ để ăn với cơm.

Bà chủ nhà nói với tôi cá bóng kèo tuy nhiều nhớt nhưng không tanh, vì cá chỉ ăn bọt nước, ăn chay trường chớ không ăn mặn hay ăn các loại cá khác giống như cá lóc cá trê. Có lẽ ý bà muốn nói cá kèo ăn các phiêu sinh vật rất nhỏ trong bọt nước, chớ ăn bọt nước thì làm sao sống và lớn được. Bà chỉ tôi cách làm món ăn với cá bóng kèo. Cá này ngon là nhờ cái nhớt của nó, cạo nhớt quá sạch như làm lươn thì mất hết hương vị, cá sẽ cứng đơ, ăn cá như ăn củi mục. Bắt cá bỏ vô thau, bỏ thêm một nắm muối, đập miệng thau lại. Gấp muối mặn, cá cay mắt dầy dụa lung tung, nhớt bị tuôn ra bớt. Đợi cá hết dầy dụa thì đổ ra rửa sơ với nước ngọt. Để

nguyên con cá như vậy mà nấu, không phải chặt kỳ vi hay mổ bụng lấy ruột gan. Thịt mềm, xương không lớn nên nấu rất mau chín.

Trong ba món ăn chơi, tôi thích nhất món nấu mằn, còn gọi là kho mằn, đại khái là luộc với nhiều nước rồi nêm nếm với thiệt nhiều hành lá xắt hơi dầy, tiêu, nước màu, nước mắm... không cần bỏ đường vì cá tươi tự nó đã rất ngọt. Ông chủ nhà chỉ tôi, ăn cá bóng kèo phải ăn một lần nguyên một con. Con cá lớn bằng ngón tay cái, dài khoảng hơn một tấc. Ngón trở và ngón cái của bàn tay trái giữ đầu cá, tay phải cầm đũa kẹp thân cá, tuốt theo chiều dài, thịt cá rơi ra chỉ còn trơ lại xương sống. Cá tươi mới bắt từ dưới sông lên, vừa ngon vừa ngọt, đưa cay một chung rượu nếp, húp vài muống nước cá nấu mằn, thiệt đã điều ông địa.

Con gái ông chủ nhà, tuổi độ trắng tròn, gò má hây hây hồng vì lửa bếp, dung nhan mằn mà của người con gái miệt biển, làm cho tôi



một tô bún nghi ngút khói, nước xâm xấp, năm sáu con cá bóng kèo đã tuốt xương, trải trên mặt, điểm thêm tí hành lá, chút tiêu sọ trắng tinh... Tô bún này ngon quá xá quạ xa, tôi ăn một hơi ráo trọi. Tôi nghiệm ra hồi thuở tôi còn thanh niên, còn độc thân, món gì mấy bà già trầu nấu dù khéo mấy tôi ăn cũng không thấy ngon, món nào mấy cô thiếu nữ chưa chồng nấu, dù có dở cũng thành ngon. Cô ấy càng đẹp, càng duyên dáng thì món ăn càng thêm hấp dẫn, vừa đẹp lại vừa là gái Bạc Liêu thì món ăn ngon phải biết, có đúng vậy không? Hở ông bạn thơ ở Edmonton?

Tôi nhớ thêm một chi tiết khác do ông chủ nhà chỉ, ăn cá bóng kèo nên ăn luôn cái mật nhỏ và dài, hơi đắng đắng nhưng là vị thuốc khu phong, giúp trị phong thấp, ngứa ngáy.

Chuyện ăn cá bóng kèo đâu đã hết. Về lại Cần Thơ, khoảng mấy tháng sau tôi nhận được một gói quà từ Bạc Liêu. Mở gói ra, khô cá bóng kèo, kèm theo dòng chữ mộc mạc của cô Tám Bạc Liêu: "Gởi thầy giáo ký khô nhậu chơi cho đỡ... buồn. Cá bóng kèo thầy bắt hồi tháng trước đó!" Tôi hiểu ý cô

lắm, cô Tám Bạc Liêu ơi! Ký khô cá kèo đơn sơ như vẻ đẹp không son phấn của cô, như tình yêu chơn chất của người con gái miền duyên hải nắng bụi mưa bùn. Tôi cũng hiểu người buồn là cô, đang ở một nơi xa xôi vắng vẻ, chắc cô muốn nhắc khéo tôi, người đang ở nơi thành đô xe ngựa, xin đừng vội quên nhau... "*Anh về phố thị hôm nao; gió lay bóng sậy lệ trào mắt ai*".

Một ngày cuối tháng, hết tiền đi nhậu quán nhậu tiệm, tôi và ba người bạn nữa lôi khô cá bóng kèo của cô Tám Bạc Liêu từ trong hộp tủ ra, nhậu với xoài sống, rượu công-xi, chữa lửa bằng nước đá lạnh. Khô cá kèo nhậu không bắt bằng khô cá thiều Phú Quốc, khô cá sặt Long Xuyên, nhưng trong lúc thất ngật thì cũng... đỡ buồn.

Trong bữa nhậu, một anh bạn trêu ghẹo tôi:

— Mày tính chừng nào đi bắt cá kèo nữa đây?

— Mùa cá kèo hội qua rồi!

— Qua thì qua, đi thì cứ đi, không bắt cá thì thăm cô Tám Bạc Liêu, mát mát gì?

Rồi người bạn tôi vừa chằm chằm vô lý rượu nếp, vừa i i ngâm nga:

Giả đồ mua chả bán nem,

Giả đi bắt cá, thăm em cho... đỡ buồn!

Lúc tôi viết gần xong bài này thì có một văn hữu gốc Bạc Liêu điện thoại thăm hỏi. Qua đường dây viễn liên, nghe tôi đang viết về quê hương anh, anh rất mừng và nhắc tôi, chỗ cái chợ ngay dưới mang cá cầu sắt, nơi tôi thường mua tôm lụi và cua biển có động bà Tư Dẫn, rồi anh đọc luôn mấy câu;

Muốn chơi cho gần thì lại bà Tư Dẫn

Muốn chơi cho quau thì tới cô Năm Mạo

Muốn chơi cho sang thì đến chú Tư Vàng...

Vậy cái biết về Bạc Liêu của tôi quả còn nhiều thiếu sót, chỉ có ăn mà thiếu chơi, mà "ăn chơi" là hai chuyện thường đi đôi. Có lẽ lúc đó

tôi mê cô Tám Bạc Liêu quá nên không để tâm đến chuyện khác.

Đó là nói qua những chuyện ăn và chơi, về công tác thì chỉ có một lần duy nhất tôi đi chung với các đồng nghiệp, theo yêu cầu của sở Học Chánh Bạc Liêu, thuyết trình về cơ cấu của viện đại học Cần Thơ tại rạp hát lớn nhất ở thị trấn Vĩnh Lợi, mục đích giúp học sinh trung học trong tỉnh có vài ý niệm về ngành học sẽ theo ở bậc đại học. Đại học Cần Thơ vào thời điểm đó có bốn phân khoa: Khoa học, Văn khoa, Luật khoa và Khoa học Xã hội, Sư phạm cùng với trường Cao đẳng Nông nghiệp học trình bốn năm. Nhiều học sinh Bạc Liêu đã chọn học nông nghiệp để trở về xây dựng kinh tế địa phương.

Bạn có thể hỏi tôi nghĩ gì về người dân Bạc Liêu, tình thật tôi không ở đó nên nhận xét có thể thiếu chín chắn. Ở Bạc Liêu, người Việt đông nhất, kể đến là người Triều Châu, người Phước Kiến, người Khờ-me, tuy nhiên mỗi khi có ai nhắc đến Bạc Liêu là tôi liền tưởng ngay đến hình ảnh những người Tàu gốc Triều Châu với quang gánh và hai cần xể đan bằng tre, đi mua ve chai, lông vịt, đồ nhôm đồ mủ... Họ ăn mặc đơn sơ, có vẻ nghèo nàn, thật ra họ rất giàu trong cái vỏ nghèo nàn ấy, túi họ rủng rinh tiền. Bạn có nhớ chuyện ông già nhà quê từ Bạc Liêu ôm một mo cau tiền lên Sài gòn mua đồ? Bạn nhớ chuyện ông Hội đồng Trạch mua một lần ba chiếc xe Delage bánh cãm mui vải hồi năm 1926 và được người chủ hãng xe "Bonjour papa"? Người Bạc Liêu ngoài chuyện giàu có còn rất cổ lộng. Họ rất hăng tâm, hăng sản.

Cuối cùng xin nói về cái tựa. *Muối Bạc Liêu nặng tình biển cả* là câu đầu lấy từ một đoạn bốn câu thơ của Kiên Giang trong bài *Đẹp Hậu giang*. Sau bài này, tôi hy vọng có đủ hứng để viết ba bài nữa theo ý ba câu thơ còn lại: *Tiêu Hà Tiên nồng ý quê hương, Thơm tho khói thuốc mùi Cao Lãnh, Cá cháy bùi ngon vị Sóc Trăng*.

thơ lê thụy vi

ngọc

Đêm tường vi ngát mộng

Thoảng trong trời mệnh mộng

Vườn khuya trăng biếc ngọc

Bóng tôi dài hư không

chiêm bao

Con sông nào có chảy

Xuôi một dòng chiêm bao

Trong tôi hồn cát lở

Nổi u hoài xanh xao

và nha trang

Thở trong trời nổi nhớ

Nghẹn trong ta tình buồn

Những trưa dài cát nắng

Biển chờ mây băng khuâng

xóm cũ

LTS.— Để gọi lại, chia sẻ và giữ gìn những kỷ niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê hương, toà soạn xin mở mục “Xóm Cũ” để chào đón các bài viết về phong thổ, con người, phong tục, tập quán, đất nước quê hương. Hãy ghi chép lại, trước khi kỷ niệm chìm sâu.

Sau hơn mười sáu năm làm kiếp lưu vong, có dịp tưởng cũng nên nhắc lại chút gì quốc hồn quốc túy, để nhớ để thương về quê hương đau khổ của mình. Và ngoài tinh thần dân tộc, có cái gì tiêu biểu hơn món ăn Việt Nam, đó cũng là một phần di sản của văn hoá nước nhà.

Nhà văn Thạch Lam đã dành nhiều trang sách để giới thiệu món ăn của Hà Nội băm sáu phố phường; Nguyễn Tuân đã hơn một lần kể say sưa về phở, món ăn không quên được của Thăng Long ngàn năm văn vật. “Đi mô mình cũng nhớ mình” là thế...

Tùy theo địa lý, thổ nhưỡng của mỗi vùng, mỗi quốc gia mà các sinh, thực vật sinh sôi, phát triển. Người dân địa phương dùng các loại sinh vật, thực vật tại chỗ để chế biến, chọn lọc thành thức ăn đặc trưng của dân tộc mình.

Nếu Pháp, Hoà Lan nổi tiếng với các loại phó-mát Camembert, Rocheford — loại phó-mát không

Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời gian phủ mờ ký ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thắt chặt một mối tình đậm thắm. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn lọc và lần lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ.

phải ai cũng ăn được; thì dân Nga hãnh diện vì có trứng cá muối caviar vang danh thế giới. Cùng một phong cách như thế, Đại Hàn có thịt bò nướng, kim chi; Campuchia có mắm bò hóc mà ai đến xứ Chùa Tháp cũng nghe tiếng,

còn ăn được hay không là chuyện khác.

Nói về mắm, Việt Nam mình phong phú hơn nhiều. Đa dạng nhất là những món mắm của vùng đồng bằng miền Nam. Do ảnh hưởng của hai nhánh Cửu Long — con sông dài ngót 4000 cây số, bắt nguồn từ “nóc nhà thế giới” Tây Tạng — sông Tiền chảy qua vùng Tân Châu, Hồng Ngự, Cao Lãnh, Sa Đéc, Vĩnh Long, Bến Tre, Mỹ Tho trước khi đổ ra biển; sông Hậu chảy ngang các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ và Trà Vinh, chẳng những chuyên chở phù sa về bồi đắp cho đất đai thêm màu mỡ, mà còn đem nhiều tôm, cá từ Biển Hồ đổ vào sông rạch, ruộng, địa



Vài Món Mắm

Miền Nam

Tô Kiều Phương



miền Nam. Cá tôm ăn không hết, đến độ dân địa phương phải phơi khô, làm mắm.

Các tỉnh Châu Đốc, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu vì có nhiều người Việt gốc Miền sống tập trung ở các phum, sóc (làng, xã) nên mắm bò hóc rất phổ biến, nhưng hương vị của mắm không quyến rũ được đa số người Việt. Riêng ở Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ là nơi sản xuất mắm cá sặt, cá lóc nhiều và ngon hơn hết. Cứ vào mùa nắng hạn, đất ruộng vùng này khô đến nứt nẻ, khiến cá đổ dồn về các ao, đầm sâu. Đây cũng chính là mùa nông dân tát đìa, ao bắt cá. Sau ngày chiếm miền Nam, Cộng sản phân bổ lại dân số, đưa đồng bào thành phố về các vùng nông thôn hẻo lánh, cá tôm bị đánh bắt liên miên, không kịp sinh sản nên số lượng cá không còn nhiều như thập niên 40-50 nữa. Tuy thế số cá bắt được ở sông rạch vẫn không sao ăn hết, phải làm khô, làm mắm để dành hoặc bán đi các nơi.

Cá chọn làm mắm thường phải còn tươi. Sau khi đánh sạch vảy, ướp muối theo kỹ thuật của từng gia đình, cá được nhét vào lu, vại tùy theo số lượng nhiều hay ít. Có những nhà phải dùng đến mấy chục lu, vại để chứa mắm. Mắm còn được ướp với đường hũ, thỉnh rất công phu nên thịt con mắm lúc nào cũng đỏ tươi, thơm phức. Đồng bào miền Tây rất ưa ăn mắm sống với cơm nguội. Mắm cá lóc hay cá sặt xé nhỏ, ăn với cơm nguội rất tuyệt, nhưng phải bốc bằng tay mới thưởng thức hết cái hương vị đặc biệt của nó.

Về thăm Hậu giang, khách thường được đãi món "mắm và rau". Mắm sặt hay mắm lóc nấu rục lấy nước cốt, bỏ thêm thịt ba chỉ, cá lóc, cà tím... Gia vị gồm sả băm nhuyễn với ớt, làm cho nồi mắm kho thơm lừng lên, khiến khách đang ở nhà trên ngửi mùi cũng thấy cồn cào trong bụng. Mắm kho ăn với cơm đã ngon rồi, đồng bào miền Tây còn cầu kỳ ở chỗ... phải và với rau. Đây là loại rau ghém,

chuối cây sặt nhỏ, bông súng lột sạch lớp vỏ bọc bên ngoài, phơi màu trắng ngần pha tím, ngắt nhỏ trộn với rau thơm. Tất cả bỏ vào tô, chan mắm kho đang bốc khói, vừa ăn cơm vừa và rau... Hương vị mắm kho thấm vào vị giác làm khách khó quên. Trước 1975, ở Sài Gòn có nhiều quán cơm Việt Nam quảng cáo món mắm và rau như Phước Thành (đường Ngô Tùng Châu), nhà hàng Lê Lai (góc đường Lê Lai-Nguyễn Phi, đối diện ga xe lửa)...

Cũng với mắm sặt, mắm lóc, nhiều nơi ở Hậu giang còn có món bún nước lèo. Mắm nấu rục lọc lấy nước cốt, nấu chung với cá lóc, lựa thứ có trứng, nồi mắm mới thấy hấp dẫn. Rau độn là giá, hẹ và rau thơm. Nồi mắm lúc nào cũng bắc trên lò đỏ lửa, khi ăn người bán trung bún với nước lèo cho nóng, sau đó mới chan vào tô, kèm theo một miếng cá lóc. Bỏ thêm một chút tương ớt, một chút nước mắm ngon là có một tô bún "hết xẩy", nhưng phải là bún nước lèo Bạc Liêu mới chính hiệu. Có lẽ con mắm Bạc Liêu làm cho nồi nước lèo có hương vị đặc biệt hơn chăng? Hồi trước Sài Gòn cũng có nhiều nơi bán bún nước lèo Bạc Liêu, nhưng khách sành ăn chỉ chấm bún nước lèo ở Ngã Tư Quốc Tế, góc đường Đề Thám-Bùi Viện, gần rạp hát Nguyễn văn Hảo.

Miền cuối nước Việt còn có loại mắm tép, sản phẩm đặc sắc của Bạc Liêu, Cà Mau. Tép dùng làm mắm là loại tép bạc to con, nhỏ nhút cũng bằng ngón tay, ướp thính, tỏi, riềng, rượu đế, trộn đều đủ xanh bàu nhỏ rồi nhện vô keo. Keo mắm đem phơi ngoài nắng, trông tươi hồng rất hấp dẫn. Khi mắm đủ chua, ăn với bún, thịt ba chỉ, rau thơm quên thôi.

Ngược lên vùng nước nổi Long Xuyên, Châu Đốc, du khách sẽ được thưởng thức các loại mắm thái, mắm cá trên. Mắm thái làm với thịt cá lóc, cá bông ướp theo bí quyết riêng để bán đi các nơi. Mắm thái mua về trộn thêm đu đủ bào

nhỏ, để vừa chua, gói với thịt luộc, rau thơm là một món ăn tuyệt vời. Tuy vậy có người thích ăn mắm cá trên hơn vì hương vị đặc biệt của nó. Cũng ăn kèm với thịt ba chỉ hay đầu heo luộc, rau thơm và bún, nhưng phải nhai nguyên con mắm mới thưởng thức hết hương vị của mắm cá trên.

Mỗi năm vào dịp vía bà Chúa Xứ, đồng bào các nơi đổ xô về núi Sam để dự lễ, là dịp mắm thái, mắm trên Châu Đốc không đủ cung cấp vì ai cũng mua về làm quà cho người thân. Do tiếng tăm đó, nhiều nơi đã làm giả mắm thái, mắm cá trên Long Xuyên, Châu Đốc. Cứ đến các chợ Bến Thành, chợ Cũ, chợ Bình Tây sẽ thấy bán đầy các loại mắm thái, nhưng mắm trộn màu với thịt mỡ tái tái, mùi vị nhạt nhẽo, không thể so với mắm thái chính hiệu.

Vùng Thất Sơn còn nổi tiếng với loại mắm trứng, mắm ruột. Mắm rất bùi, thơm ngon, hương vị đậm đà khó quên, nhưng ăn một vài lần đã thấy ngán vì cái béo của ruột, của trứng cá.

Có một loại mắm, dường như chỉ có ở quê hương Trương Định: đó là mắm còng. Loại mắm này không phải lúc nào cũng có. Mỗi năm chỉ sản xuất một mùa, vào dịp mừng năm tháng năm, thời gian còng lột. Vì hiếm và ngon nên mắm làm ra chỉ để ăn hay biếu tặng các quan chức địa phương. Năm 1972, nhân dịp về Gò Công nhằm mùa mắm, tôi được người bạn, anh Lê Thiện Tùng, phó tỉnh trưởng, đãi một bữa mắm còng, mãi đến bây giờ gần 20 năm sau, nhắc lại vẫn không thể nào quên được hương vị của nó. Quê hương của bà Từ Dũ còn có một đặc sản khác nữa là mắm tôm chà. Thịt đầu heo hay ba chỉ luộc cuốn bánh tráng, thêm rau thơm, dưa leo mà chấm với mắm tôm chà Gò Công thì, như nhiều người nhận xét, nhai xong chỉ muốn ngậm để nghe hương vị thấm vào vị giác. Theo dân địa phương thì món mắm này đã theo bà Từ Dũ về kinh đô Huế.

Muôn thưởng thức món mắm tôm chà, bạn nên làm một chuyến đi về vùng đất nhỏ bé như một ốc đảo nhưng có những trang sử khá dày suốt thời gian kháng Pháp này. Đến đó, bạn sẽ được nghe kể về các chiến tích hào hùng của Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định, về đám lá tối trời, về khám lớn Gò Công, nơi giam cầm những chiến sĩ quốc gia... Trên đường trở lại thủ đô, bạn sẽ đi ngang làng Từ Dũ, tới bắc Cầu Nổi. Trong khi chờ đò qua sông, bạn vừa lựa mua vài hũ mắm tôm chà Gò Công, vừa nghe người nghệ sĩ mù đờn độc huyền cầm và ca các bản Nam Ai, Bình Bán hay sáu câu vọng cổ mùi như một danh ca, đủ khiến bạn náo lòng.

Bên kia sông Soài Rạp, phía đông bắc Gò Công là Vũng Tàu, thành phố biển và du lịch của miền Nam, du khách có thêm món ăn lạ miệng nữa là mắm ruốc. Loại mắm này khắp các vùng duyên hải đều có

sản xuất, nhưng do cung cách chế biến, mắm ruốc Vũng Tàu không bỏ màu mà lúc nào cũng đỏ tươi. Các bà các cô rất thích ăn xoài xanh, cóc... chấm mắm ruốc dầm với một chút ớt. Khi mua làm quà cho người thân, du khách thường tìm cho bằng được mắm ruốc bà giáo Thảo, một nhãn hiệu đã nổi tiếng từ nhiều thập niên. Mắm ruốc xào với thịt ba chỉ ăn với cơm kèm vài lát dưa leo thật hấp dẫn...

Miền Nam còn một món ăn rẻ tiền khác, cũng thuộc họ mắm là... dưa mắm. Dưa leo hay dưa gang còn xanh, được gài trong hũ mắm một thời gian, trở thành món dưa mắm dòn tan, sực nức mùi thơm, dành cho người nghèo ăn với cơm

hoặc cháo.

Chung hết, chúng ta có nước mắm, là thứ nước để chấm hay nêm, nấu thức ăn của người Việt Nam. Từ xưa, nước mắm được đồng bào các nơi làm theo lối thủ công. Sau này nhiều xí nghiệp chế biến nước mắm ra đời, sản xuất với quy mô lớn để cung cấp cho cả nước và xuất cảng. Nước mắm ngon, phải kể tới Quảng Ninh, Phan Thiết, Kiên Giang... Tại miền Nam, nổi tiếng hơn cả là nước mắm Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang), do được chế biến từ cá cơm vùng vịnh Thái Lan. Trên mâm cơm của gia đình Việt Nam, chén nước mắm là món hầu như không bao giờ vắng mặt...

hồn thơ thôn vĩ

Anh thi sĩ của muôn đời muôn thuở
Một bài thơ* làm rạng rỡ quê mình
Một bài thơ hiền dịu nặng ân tình
Nhuộm nắng mới lên hàng cau quê mẹ.
Lá tre xanh che mặt người tình trẻ,
Gió nhẹ nhàng lay thân bắp nở hoa
Con thuyền mơ chở trăng sáng ngọc ngà
Có về kịp để đón hồn thi sĩ?
Chờ khách đường xa sa mù thôn Vĩ
Vẽ hình ai tà áo trắng phát phơ
Ẩn hiện trong sương, nhân ảnh mập mờ
Ai biết được tình ai còn nồng ấm?

Năm mươi năm, quê hương mình nổi sóng
Hàng cau cháy rồi, Vĩ Dạ âm u,
Kẻ bỏ ra đi, người ở trong tù
Sau hàng tre khóc mẹ già tóc bạc
Vườn tược xác xơ, nhà xưa mục nát,
Thôn Vĩ tàn rồi, lặng chết hồn thơ...

hoài việt

(Paris 50 năm Hàn Mặc Tử)

* Đây thôn Vĩ Dạ.



xóm mǎng



Phục Hận

Nguyễn Ngự Bình

Dồng hồ điểm đúng 12 giờ khuya rồi mà Cương vẫn không thể nào dỗ giấc. Nó nằm trần trọc nghĩ đến việc xảy ra hồi chiều mà ám ức, cảm thấy nhục ối là nhục!

Chuyện như vậy: Chiều nay, như mọi ngày, Cương đi học về đến đầu xóm. Đang rảo bước trên con đường quen thuộc, bỗng Cương phải dừng bước vì hai thằng nhãi trạc tuổi Cương đứng chặn trước mặt. Một thằng hất đầu, nói:

— Ê, đứng lại biểu!

Cương biết cả hai. Chúng nó là hai anh em. Thằng lớn tên Cu Đen. Không biết có phải là tên thật nó hay không, chỉ nghe tụi trong xóm gọi như thế vì thằng này luôn luôn cời trần, bất kể trời nắng hay mưa. Toàn thân nó là một đen xỉ rậm nắng. Thằng em nhỏ hơn một chút, gọi là Cu Trắng. Kể cũng lạ, anh em mà thằng này khác thằng anh xa lắc. Nó cũng chạy rong suốt ngày nhưng không đen như anh nó. Trái lại là khác. Nó trắng bệch như người bệnh và cũng gầy guộc hơn. Anh em Cu Đen Cu Trắng là trùm bọn nhóc của xóm nhà sàn.

Xóm nhà sàn ở ngay bên ngoài

khu cư xá nhà Cương. Từ đường Trương Minh Giảng đi về phía Gia Định, qua khỏi cầu chút xíu tới ngã tư đầu tiên là đường Trần Quang Diệu. Quẹo phải là đường Trương Tấn Bửu dẫn đến Phú Nhuận. Bên trái thêm hai chữ... nổi dài. Đường Trần Quang Diệu nổi dài là một đường cụt. Ba phần tư đoạn đầu nhà cửa còn khang trang, tử tế. Càng vào sâu, nhà cửa toàn là nhà sàn vì được cất ngay trên sông Củ Kiệu nổi tiếng với giồng nước đen kịt đầy rác rến và mùi hôi. Qua khỏi xóm nhà sàn là khu cư xá nằm trong cù. Trước đây, đó là bãi rác khổng lồ, sau này một nhà thầu bỏ vốn dọn dẹp và xây khoảng hai chục căn nhà nhỏ, kiểu na ná giống nhau trông như cư xá chứ thật ra là những căn nhà riêng biệt.

Như vậy, chỉ một đoạn đường ngắn đã có ba tầng lớp khác biệt trong xã hội cư ngụ. Vì sự khác biệt trên nên con nít xóm nào chơi theo xóm đó. Xóm ngoài, Cương cũng có vài đứa bạn học chung lớp. Nhưng chỉ biết nhau vậy thôi chứ Cương ít khi nào thấy tụi nó la cà ngoài đường phố. Còn lại xóm nhà

sàn và khu cư xá thì rõ ràng không thể nào dung hoà với nhau được. Không phải bọn Cương khinh dễ gì bọn nhà sàn, nhưng quả tình là... chơi không lại tụi nó. Cũng những trò chơi chung như bắn bi, tạt hình, bông vụ.v.v.. nhưng bọn nhà sàn chơi hay vô cùng. Lý do vì tụi nó chơi tối ngày, quanh năm suốt tháng. Chơi với tụi nó chỉ có... nạp mạng. Đó là chưa kể đôi khi thua, tụi nó ngang ngược cãi chầy cãi cối và thỉnh thoảng còn giựt tiền chạy, bọn Cương chỉ có nước đứng ngó!

Đã không chơi, tức không phải là bạn. Và đây là điều đau khổ cho bọn Cương.

Vì nằm ở trong cù nên đi đâu cũng vậy, dù muốn dù không, dân khu cư xá đều phải ngang qua xóm nhà sàn. Đối với người lớn bọn chúng còn nể sợ chút đỉnh, chứ cỡ như Cương đều là nạn nhân. Đang đi, bỗng khi không bị một đám thật mạnh sau lưng. Quay lại thấy một thằng xóm nhà sàn ngoác miệng cười nham nhở. Có tức cũng bậm môi chịu chứ gây lại là có chuyện lớn. Đôi lúc chúng ngang nhiên chặn lại thách thức: “Ê, muốn pác-co không? Một chọi một”... Những lần như vậy, bọn Cương chỉ có cách lăm lũi né sang một bên hoặc ù té chạy thì may ra tránh được rắc rối.

Và chiều nay, cảnh cũ tái diễn.

Hai anh em Cu Đen Cu Trắng đứng hai bên choán hết lối đi khiến Cương muốn tránh cũng không được, đành dừng lại. Thằng Đen có vẻ hài lòng, tiến tới hỏi:

— Có tiền không? Cho “mượn” vài chục coi!

Cương giật mình. À, nó định “bắt địa” mình đây mà. Tự nhiên Cương đưa tay chặn túi. Thật là xui! Mọi hôm Cương ít khi nào có tiền, nhưng hôm nay thì khác. Trong túi nó có mấy trăm tiền mua sách còn dư. Không khéo nó bị lấy mất.

Tay vẫn thủ túi áo, Cương đáp:

— Tao không có tiền!

— Vậy cái gì trong túi mày đó?

Thằng Trắng tinh ranh đã nhận thấy thái độ khác thường của

Cương.

— Gì kệ tao, tao đã nói là không có tiền.

— Vậy hả? Để tao coi.

Thằng Đen tiến tới. Đến nước này, Cương định bốn cữ soạn lại, co giò chạy nhưng đã trễ. Thằng Đen bắt thần nhào tới ôm chặt Cương và hét bảo em:

— Lục túi nó coi!

Cương cố vùng vẫy. Vô ích. Thằng Đen khoẻ như vâm lại nhiều kinh nghiệm đầm đá nên khoá cứng tay, Cương chỉ còn chịu trận, giương mắt nhìn thằng Trắng móc hết tiền.

— Ha ha! Nhiều tiền quá! Thằng này giàu ghê!

Cương hét lên trong tuyệt vọng:

— Không phải tiền tao. Trả lại tao đi!

Thằng Trắng tỉnh bơ lặn tiền vào lưng quần trong khi thằng Đen thả Cương ra, nhảy lùi lại:

— Tao “mượn” mà, mai mốt trả.

Cương đứng chết trân nhìn anh em thằng Đen chạy khuất vào trong hẻm. Chỗ này đang lúc vắng người, kêu cũng vô ích. Vả lại dân xóm nhà sàn không ai dại gì đụng vào anh em nó, ôi đành mất hơn hai trăm bạc...

“Nhục quá!” Cương ứa nước mắt. Nó hối hận mình nhất gan không nhào đại đánh với thằng Đen một trận. Dù sao cũng đỡ tức mà chưa chắc đã mất tiền như vậy. Điều làm Cương khó chịu nhất là phải nói dối má là làm mất tiền, không phải bị cướp mất. Cương không quen nói dối, nó cảm thấy bị sỉ nhục. Anh em thằng Đen cũng đâu lớn gì hơn nó cho cam!

Câu chuyện bị chặn đường lấy mất mấy trăm, Cương dấu kín không kể cho ai ngoại trừ một người: anh Văn. Văn là con một của dì Cương. Vì không có anh chị em nào khác nên anh Văn thương Cương như em ruột. Anh Văn là mẫu người văn võ toàn tài, thần tượng của Cương. Hầu như bất cứ chuyện gì Cương nhờ đến, anh đều giúp.

Sau khi nghe Cương thuật xong,

anh Văn hỏi:

— Vậy bây giờ em định làm gì?

— Em không biết nữa. Nhưng mà tức quá! Đây đâu phải lần đầu!

Văn ngạc nhiên:

— Ủa, bộ em bị chúng ăn hiếp nhiều lần rồi sao?

— Dạ. Trong xóm em có đứa nào không bị vài lần như em. Có điều mấy lần trước, cùng lắm là mất vài hòn bi hay mấy đồng bạc. Chỉ có em lần này bị nặng nhất. Bây giờ mỗi lần má sai em đi mua đồ đều làm em lo quá. Bị lấy nữa thì khốn.

— Sao không tới nhà mét ba má nó?

Cương lắc đầu ngao ngán:

— Vô ích anh ơi! Có mấy đứa

trong xóm dẫn người lớn tới nói, họ đều chối là không biết gì hết. Cuối cùng rồi cũng... huề cả làng.

— Vậy anh đâu giúp gì hơn được.

Cương buột miệng:

— Hay là anh gặp thằng Đen đòi lại giùm em?

Văn lắc đầu:

— Không được. Tiền đó chắc túi nó xài hết rồi. Vả lại, từ nay về sau, mỗi lần em đều nhờ anh cả hay sao?

Cương thất vọng:

— Vậy em làm sao?

— Chính em đòi lại nó mới được.

Cương lắc đầu buồn bã:

— Không xong đâu. Đòi nào nó đưa lại, không chừng còn uỳnh lộn



nữa.

Văn vung tay;

— Uýnh thì uýnh! Em sợ nó sao?

— Em không sợ, nhưng má cấm em không được đánh lộn. Hơn nữa, thằng Đen tới hai anh em...

Văn ngắt lời:

— Không phải anh xúi em cãi lời dì, nhưng trong vài trường hợp mình phải tự vệ chứ! Tụi thằng Đen cũng chẳng có gì hơn em đâu, nhưng làm được một lần thấy em không phản ứng, tụi nó nghĩ em sợ, làm tới dài dài. Em chịu nổi hoài như vậy không? Phải có một lần dứt khoát, chứng tỏ với tụi nó em không sợ mới mong khỏi bị ăn hiếp mà thôi.

— Vậy em phải... uýnh thằng Đen hả anh?

— Đúng vậy. Nhưng bây giờ thì chưa được.

— Tại sao?

Văn cười nhìn Cương:

— Tại vì em uýnh... không lại nó thật.

Cương ủ rũ:

— Biết làm sao bây giờ?

— Anh có cách.

— Cách gì?

Cương hỏi vội vã. Nó biết ngay anh Văn thế nào cũng có cách giúp nó. Chợt nghĩ ra, mắt Cương sáng lên:

— Phải rồi, em phải học võ mới được.

Văn gật đầu:

— Đúng. Muốn khỏi bị ăn hiếp em phải học võ mới mong đánh lại thằng Đen nào đó. Dĩ nhiên không phải anh bảo em học võ để đi đánh lộn, nhưng đây là trường hợp tự vệ. Nếu không, chẳng lẽ em cứ chịu đựng mãi như vậy hay sao? Tuần tới võ đường anh mở lớp mới cho tân võ sinh do anh phụ trách, anh sẽ dẫn em vào.

— Nhưng... chắc gì má em chịu?

— Đừng lo. Anh có cách nói với dì.

*

* *

Kể từ hôm đó, mỗi tuần ba ngày sau giờ học là Cương theo anh Văn tới võ đường.

Lúc đầu Cương còn ngượng nghịu và sợ sệt khi dùng tay tập chặt vào gạch. Nhưng dần rồi cũng quen. Cương thích thú thấy tay mình chai lại, cứng rắn. Nhất là Cương cảm thấy lạnh lẽo và tự tin hơn trước rất nhiều.

Sau khi vượt qua đai trắng một cách dễ dàng, Cương đã tự tin lắm rồi. Nó muốn tìm ngay thằng Đen để thanh toán "mối hận năm xưa" nhưng anh Văn chưa cho phép. Khi mới học, anh Văn bắt Cương hứa không được tự tiện kiếm thằng Đen nếu không có sự đồng ý của anh. Cương đành phải nhịn. Đối với Cương, anh Văn bao giờ cũng đúng. Hơn nữa, nó phải giữ lời hứa.

Thời gian dần trôi. Qua đai vàng, đai cam, nay Cương bắt đầu thắt đai xanh. Trong thời gian này, mỗi ngày qua lại xóm nhà sàn, thỉnh thoảng Cương cũng gặp hai anh em thằng Đen và nhiều thằng khác định chặn đường sinh sự. Mỗi lần như vậy Cương đều bỏ chạy, tránh rắc rối.

Cương say mê luyện tập và là võ sinh xuất sắc của võ đường. Đến nay, lý do để Cương học võ không còn là để "phục hận" anh em thằng Đen như mục đích ban đầu nữa. Nó đã quên vụ bị giựt tiền một năm trước đây. Điều kích thích Cương hăng say học võ mang một ý nghĩa cao xa hơn. Mỗi ngày trong võ đường, sau giờ tập là Cương say mê ngắm những tấm hình chụp các cuộc tranh tài quốc nội và quốc tế treo quanh phòng. Nhìn những võ sĩ vô địch quốc tế của các nước Đại Hàn, Nhật Bản... dưới ngọn cờ quốc gia họ, Cương cảm thấy nôn nao. Nó ước mơ một ngày nào đó được đại diện Việt Nam thi tài với các nước khác, giương cao màu cờ sắc áo trên trường quốc tế. Dĩ nhiên Cương hiểu đây không phải là điều dễ dàng, nhưng mà... có chí thì nên, thầy Cương ở trường vẫn dạy như thế. Hơn nữa chính anh Văn và các huấn luyện viên khác đều công nhận Cương rất có khiếu, nhất định sẽ tiến xa.

* *

Một buổi sáng cuối tuần, Cương đến nhà bạn ở xóm bên cạnh để học bài chung. Nó bỗng chú ý đến một đám đông toàn những đứa trẻ tuổi Cương đang bu lại một góc đường reo hò thích chí. Tính tò mò thúc đẩy, Cương chen vào xem. Té ra là một trận đánh nhau. Trận đánh không công bằng tí nào. Một bên là hai thằng đang được đám nhóc chung quanh la hét cổ vó, đang áp đảo một đứa khác tội bời.

Cương buột miệng kêu lên kinh ngạc khi nhận ra thằng bị đánh không ai xa lạ. Chính là thằng Cu Trắng của xóm nhà sàn. Ô hay, thằng này đi đâu mà lạc sang đây để bị ăn đòn vậy kia? Đúng là quả báo. Anh em nó chuyên môn ỷ mạnh ăn hiếp người khác, bây giờ bị "gậy ông đập lưng ông". Cho đáng kiếp! Để tụi nó biết nỗi đau khổ khi bị ăn hiếp!

Định quay đi, Cương chợt nghe tiếng "hự" đau đớn của thằng Trắng. Nó vừa bị một cú thật mạnh vào bụng, lão đảo ngã xuống. Cương thấy vài vệt máu từ mặt thằng Trắng nhỏ xuống đất. Nó đã đuối lắm rồi, không còn sức chống trả nữa, vậy mà hai thằng kia nhất định không tha, nhào tới đấm đá túi bụi. Bỗng nhiên Cương thấy bất nhẫn. Đành rằng trước đây anh em nó từng bức hiếp Cương, nhưng bây giờ trước mặt Cương, thằng Trắng coi thật tội nghiệp. Không khéo bọn này đánh nó chết mất!

Không kịp nghĩ ngợi, Cương vọt đám đông bước vào chặn trước thằng Trắng, la lớn:

— Này này, thôi chứ! Định đánh chết nó sao?

Hai thằng nhãi dùng tay, trở mắt nhìn Cương:

— Mày là ai? Ở xóm nhà sàn hả?

— Tui không phải dân xóm nhà sàn, nhưng hai bồ đánh thằng này dữ quá, lỡ nó chết thì sao?

— Chết bỏ! Xóm nhà sàn qua đây làm tàng tụi tao phải cho nó bài học. Mày biết đều xê ra một bên, không là bị ăn đòn luôn bây giờ.

Tụi này hung hăng quá, nhưng

Cương vẫn cố nhẫn nại:

— Thôi thì tui xin lỗi giùm nó nghe. Mấy bồ tha cho nó đi!

Thằng kia vẫn khăng khăng:

— Không được. Tụi tao phải cho nó nhớ đời. Cả mày nữa, cho chừa tật xen vô chuyện thiên hạ.

Nói xong nó vung tay đâm vào mặt Cương.

Đến nước này, Cương đành ra tay. Nó né sang một bên, tiện tay đẩy mạnh khiến thằng này mất đà ngã chúi xuống đất. Thằng còn lại găm lên dữ dội, nhào vào Cương. Bằng một thế võ giản dị, Cương bình tĩnh chụp tay thằng này bẻ quặp ra sau, khoá lại.

Bọn nhóc chung quanh sau phút bàng hoàng thấy Cương trong tích tắc đẩy ngã một đứa, khoá tay một đứa, cùng la lên:

— A, thằng này có “nghề”!

— Coi chừng nó nghe.

— Nhào vô anh em ơi!

Cương hét lớn:

— Thằng nào nhào vô tao bẻ lọi tay thằng này.

Vừa nói Cương vừa đẩy mạnh tay làm thằng này la oai oái:

— Ê, đừng làm ầu! Ui da, nó bẻ gãy tay tao...

Nghe bạn kêu, cả bọn dừng lại.

— Nè — Cương dõng dạc nói — Tui đâu có muốn đánh lộn. Nãy giờ mấy bồ đánh thằng kia đã đời rồi, còn muốn gì nữa? Tha cho nó đi nhe. Tui cũng xin lỗi mấy bồ đó!

Nói xong Cương buông tay và lùi lại xốc thằng Trắng đứng dậy. Thằng Trắng nãy giờ đã nhận ra Cương. Nó không ngờ người cứu nó hôm nay chính là thằng nhóc trong khu cư xá mà mỗi lần anh em nó gây sự đều co giò chạy mất, nhát như thỏ đế.

Không hiểu vì thái độ chững chạc của Cương đã chinh phục bọn nhãi hay vì cảm thấy đánh thằng Trắng đã đủ, cả bọn chỉ đứng nhìn Cương dìu thằng Trắng đi ra khỏi xóm, không đứa nào ngăn cản.

*

* *

— Ê Cương.

Hai ngày sau khi cứu thằng

Trắng, Cương đi học về gặp ngay thằng Đen đứng chờ ở đầu xóm.

Nghe gọi và thấy mặt thằng Đen, Cương đã định bỏ chạy theo thói quen, nhưng rồi Cương đổi ý, tiến tới chỗ thằng Đen đang đứng. “Mình mới cứu thằng em nó hôm kia”, Cương thầm nghĩ, “không lẽ nó muốn gây sự với mình nữa sao? Vả lại bây giờ mình đâu sợ nó nữa!”

Đứng đối diện Cương, thằng Đen hôm nay có vẻ là lạ. Cũng với cái quần xà-lỏn rộng thùng thình và toàn thân đen nám, nhưng coi nó có vẻ ngượng ngùng, lúng túng làm sao!

— Tao... tao cảm ơn mày. Vụ thằng Trắng đó mà.

Cương thở phào. Ra là nó chỉ muốn cảm ơn mình cứu thằng em nó. Thằng này cũng “điều” dữ.

— Có gì đâu. Tụi mình ở chung xóm mà, phải bênh nhau chứ.

Thằng Đen luống cuống móc túi đưa Cương năm tiền. Nó nói:

— Tao trả mày.

— Gì đây?

Cương ngạc nhiên.

Thằng Đen đỏ mặt:

— Trước tao có “mượn” mày mấy trăm, bây giờ trả... với lại xin lỗi mày luôn.

Cương sực nhớ tới lần bị thằng Đen giật tiền dạo nọ. Chà, té ra nó vẫn còn nhớ.

Cương định đưa tay ra lấy nhưng ngừng lại hỏi:

— Tiền này ở đâu mày có?

— Tao mượn của má tao.

— Mày mượn thiệt không?

Đen ngượng nghịu:

— Thì tao... mượn lén. Nhưng mà không sao. Tuần tới ba tao về phép, tao xin tiền ổng trả lại bả.

Trời đất, tưởng sao, nó lại ăn cắp tiền má đem trả! Cương rút tay lại, lắc đầu:

— Thôi khỏi, tao không lấy đâu. Chuyện này tao quên rồi. Mày mang tiền trả lại má mày đi.

Thằng Đen nằn nì:

— Tao nợ mày mà! Tuần tới chắc chắn tao trả lại bả.

— Thôi quên chuyện này đi mày.

Từ nay mày đừng gây chuyện với tụi cư xá tao là được rồi.

Thằng Đen suy nghĩ một lát rồi nói:

— Được, tao hứa không gây sự với tụi mày nữa.

Nói xong thằng Đen quay đi. Được mấy bước nó quay lại hỏi:

— Tao nghe thằng Trắng nói mày giỏi võ lắm. Thiệt hả?

Cương lắc đầu, chối:

— Tao có võ gì đâu!

— Xạo mày! Không có võ sao chỉ một cú mày hạ được hai thằng?

— Ơ... thì biết sơ sơ vậy thôi chứ đâu có giỏi.

Thằng Đen lắc đầu:

— Tao biết mày giỏi võ lắm. Nhưng tại sao bấy lâu nay mày chỉ bỏ chạy? Mày dư sức hạ tao mà.

— Tao không thích đánh lộn. Mà học võ để luyện tập thân thể khoẻ mạnh chứ đâu phải để đi đánh nhau.

Đen ngạc nhiên:

— Kỳ he! Học võ mà không đánh nhau thì học làm gì?

Cương chưa kịp trả lời, thằng Đen bắt chợt hỏi tiếp:

— Này Cương, mày đói không?

— Đói.

Cương buột miệng trả lời.

— Vậy tao bao mày ăn bò viên nghe? Tao muốn biết tại sao học võ mà không đánh nhau.

Đề nghị của thằng Đen thật là bất ngờ, nhưng Cương thấy đây là cơ hội tốt để giải hoà với tụi nhà sàn. Cương nghĩ, thằng Đen cũng không đến nỗi tệ lắm. Biết đâu sau khi làm quen với thằng Đen và tụi nhà sàn, Cương sẽ có cơ hội khuyên nhủ tụi nó bớt lêu lổng, trở lại học hành.

Cương trả lời:

— Được chứ. Mình ăn bò viên xe chú Mạnh đi. Bò viên ở đó ngon tuyệt!

Chiều hôm đó, ai qua xóm nhà sàn cũng đều ngạc nhiên thấy Cương, học sinh gương mẫu, hiền lành của khu cư xá, cùng Cu Đen, trùm nhóc con xóm nhà sàn khoác tay nhau đến xe bò viên đánh chén thật là thân mật.

Ngõ Cụt

Trương Ái Minh

Tôi ngồi trên ghế đá trong sân bệnh viện. Chiều xuống dần. Hoàng hôn nào chẳng buồn với ánh nắng thoi thóp tàn lụi, nhất là nơi bệnh viện. Chiếc cột cờ cao vọi ở giữa sân với lá cờ màu đỏ máu rũ xuống. Màu cờ đỏ lấp lánh trong nắng, tan loãng vào không gian trông như những giọt máu rơi. Xa xa dọc theo bức tường loang lổ rêu xanh của bệnh viện, một số thân nhân bệnh nhân đang hì hục nấu cơm chiều. Đa số họ là dân ở quận lên nuôi bệnh.

Thời tiết năm nay oi bức lạ thường, mưa ít và ngắn nên ruộng đất khô cằn, mọi người cố kiếm sống một cách tuyệt vọng.

Em Nam với đôi nạng mới, đang tập đi trước sân bệnh viện. Tôi ngoác tay ra hiệu, em khập khễnh đi lại và ngồi bên tôi, để cặp nạng sang bên rồi đóng đưa chiếc chân cụt gần tới gối quấn băng trắng toát.

— Nam khoẻ chưa, chân còn đau không?

— Cháu khoẻ rồi, chân không còn đau nữa.

— Vết thương lành chưa?

— Dạ chưa, hầy còn rỉ nước.

— Chừng nào Nam được về?

Nói tới về, em nhoèn một nụ cười thơ dại. Lần đầu tiên tôi thấy em cười.

— Chắc tuần tới cháu được về.

Cách đây hai tuần, gia đình em đưa em lên đây với chân trái gãy vụn, xương thịt bầy nhầy. Phải sang cho em tới hai bọc máu và

nước biển rồi mới đưa em qua phòng mổ để cưa cái chân tím ngắt. Hôm ấy em đi mót khoai ngoài rẫy, không may đập phải đạn trái phá còn sót lại. Mới 13 tuổi, Nam đã phải bỏ học ở nhà phụ mẹ nuôi bốn đứa em. Gia đình em ở quận Cái Nước. Mỗi sáng em mang rổ khoai ra chợ bán kiếm tiền phụ mẹ. Chiều về đi mót khoai ngoài rẫy để phụ thêm khẩu phần ăn hàng ngày. Em mặc chiếc quần đùi đen đã bạc màu và chằng chịt và chiếc áo nâu cụt tay để lộ hai cánh tay gầy khẳng khiu. Trông em cần cỗi, già trước tuổi. Em vào đời quá sớm nên đã đánh mất vẻ trong sáng của tuổi thơ.

— Nam nhớ nhà lắm hả?

— Dạ cháu muốn về để giúp má cháu.

Tôi thầm nghĩ với cặp nạng và cái chân cụt, không hiểu em làm sao có thể mót khoai và buôn bán giúp mẹ em được! Tôi nhìn Nam ái ngại:

— Bây giờ Nam đi nạng, chắc gì giúp được mẹ nữa. Hay là Nam đi học trở lại?

Nam thẫn thờ nhìn xa vời rồi đáp:

— Cháu cũng không biết nữa!

Nam chỉ hay nhắc đến mẹ và các em, tuyệt nhiên không bao giờ nhắc đến ba. Tôi đoán cha em đã chết vì một biến cố nào đó, nhưng không tiện hỏi. Bây giờ tôi như một kẻ ngoại cuộc, đứng bên lề cuộc đời nhìn đồng bào tôi hết là nạn nhân chiến tranh lại đến nạn nhân Cộng sản.



Đã đến giờ thăm bệnh, tôi rảo bước về trại cấp cứu. Đây là một dãy nhà rộng với những bức tường ngăn thành nhiều phòng nhỏ, mỗi phòng chứa từ bốn tới tám giường bệnh. Giữa nhà là hành lang chạy dài theo trại bệnh. Tôi và cô y tá cầm xấp hồ sơ dày cộm đi một vòng trại. Những chai nước biển treo toòng teng đầu giường nhỏ từng giọt xuống sợi dây trắng dài nối vào tay bệnh nhân. Những khuôn mặt xanh xao hốc hác... Tôi dừng lại nơi giường bệnh một bé gái bị sốt xuất huyết. Từng nốt nhỏ bầm tím nổi lấm tấm khắp người. Bụng em trướng lên. Em thở khó khăn, mê man thiêm thiếp. Bình dưỡng khí để đầu giường. Từng giọt huyết thanh màu vàng truyền từ từ xuống cơ thể. Bà mẹ ngồi bên giường nắm tay con, nhìn tôi như cầu cứu van lơn, hai hàng nước mắt tuôn trào.

Giở hồ sơ ra xem, sau khi khám, tôi ra lệnh truyền máu, lấy nước màng phổi.

Khi trở về bàn làm việc, cô y tá hỏi tại sao tôi không đã thông tư tướng người nhà bệnh nhân để họ xin xuất viện cho bệnh nhân chết ở nhà. Tôi nín thinh không trả lời, cúi

xuống cắm cúi viết trên tờ bệnh lý.

Câu hỏi của cô y tá nhắc tôi nhớ đến buổi họp tại trại cấp cứu do chị y sĩ Phúc Lệ điều khiển cách đây không lâu.

Hôm ấy, sau những phần phê bình và kiểm thảo thường lệ, mặt chị ta đánh lại, cho biết theo thống

kê hai tháng vừa qua thì tỉ lệ tử vong tại trại cấp cứu đã tăng lên quá, cần phải khắc phục. Cứ theo đà này thì khoa cấp cứu chẳng những sẽ không đoạt giải thưởng cuối năm mà còn về chót trong cuộc thi đua giảm thiểu tử vong của các khoa tại bệnh viện. Chị ta đưa mắt về phía tôi để quy trách nhiệm. Tôi trả lời là mấy tháng gần đây, các loại huyết thanh, máu tươi, trụ sinh bị thiếu trầm trọng, tôi không thể làm sao hơn được. Chị ta lớn tiếng lên lớp bảo tôi phải khắc phục dùng thêm thuốc nam, gợi ý để gia đình bệnh nhân xin xuất viện hầu giảm thiểu số tử vong trong bệnh viện. Cuộc họp hôm đó rất căng thẳng, sự xung đột giữa chị, một người lo về chính trị, và tôi, một người trách nhiệm chuyên môn, càng lúc càng leo thang. Tôi biết sự bất đồng ý kiến đó sẽ bùng nổ không xa và tôi sẽ phải gánh chịu những hậu quả khó lường. Nhưng tôi phải giữ trọn lời thề Hippocrate mà tôi đã tuyên thệ khi mới ra trường. Khi viết xong xấp bệnh lý và tờ báo cáo trực, tôi nhìn lên tường trại. Tấm bảng "Lương y như từ mẫu" đập vào mắt tôi, những chữ màu vàng đỏ nhảy múa khiến tôi run lên, rùng mình ghê sợ. Tôi sợ nhìn khuôn mặt trắng bệch của em bé bị sốt xuất huyết dưới màu vàng tuyệt vọng của ánh đèn. Tôi sợ nhìn đôi mắt đầm lệ đầy vẻ van lơn của mẹ em. Tôi sợ nhìn khuôn mặt đánh cứng của chị y sĩ Phúc Lệ khi chị đòi hạ thấp tỷ lệ tử vong. Tôi sợ nhìn cái chân cụt lủng lẳng của em Nam. Tôi sợ nhìn lá cờ đầm màu máu rũ xuống trên ngọt cột cờ...

Vội vã rời trại cấp cứu, tôi đi lang thang như người mất hồn dọc theo con đường phía sau bệnh viện. Trước mặt tôi là khu rừng lau sậy. Trời sấm sấm tối, chỉ có tiếng gió rì rào trên tàn lá. Cả thân người tôi lạnh ngắt. Tôi tiếp tục đi ven theo bãi sậy như chạy trốn. Đêm đổ xuống hải hùng. Mắt tôi lại hoa lên. Trước mặt tôi chỉ toàn là ngổ cụt.

tình yêu và nước mắt

Tôi yêu quê hương từ thuở nằm nôi
Từ ngọt ngào lời ru của mẹ
Từ ruộng lúa đưa hương thoảng nhẹ
Từ trắng cánh cò bay lả rập rờn
Từ lũy tre làng tiếng sáo vang ngân
Ôi tình yêu giản đơn và sâu lắng
Tình yêu đó theo tôi như hình bóng
Có khi nào bị năm tháng phôi phai

Việt Nam, Việt Nam quê hương tôi
Cội nguồn, tình yêu của người xa xứ
Đã quần quai trong gông cùm đao phủ
Trong xích xiềng bày quỷ đồ nhóp nhơ
Nghị quyết bác Hồ, tan biến mọi ước mơ
Khối óc, con tim, lòng yêu tổ quốc
Việt Nam ơi, quê hương mình có biết?
Thế giới hàng ngày rầm rập đổi thay

Ghê rợn trong tôi tiếng Bác đâu đây
"Phải tiết kiệm, phải thắt lưng buộc bụng"
Đầy tớ ngồi, sai chủ nhân làm lưng
Chủ nhân đói bụng, đầy tớ lu bù
Trí thức, sinh viên ngất ngưỡng ngồi tù
Những kẻ "ô dù" tha hồ vơ vét
Bao thế hệ đổ máu xương, nước mắt
Đâu mong Việt Nam xơ xác nghèo nàn!

Ôi Việt Nam! Ôi tổ quốc yêu thương
Tôi đã sống cả cuộc đời cay đắng
Tôi ra đi mang túi hờn, căm giận
Nguyện sẽ về nơi yêu dấu đã sinh tôi
Gột rửa bùn nhơ, kiếp sống con người
Giành lại quê hương từ tay bạo chúa
Đòi dân chủ, tự do thực sự

Ôi Việt Nam yêu dấu của tôi ơi,
Cội nguồn, tình yêu, da thịt chúng tôi!

nguyễn thị thoi

(whitehead, Hongkong)



Xóm Hạc



古今人表以獸
有心無相
有相無心
有心無相
有心無相
有心無相

心有火聖德
心有火聖德
心有火聖德
心有火聖德
心有火聖德
心有火聖德

高
新
摘
譯

tâm

Cổ nhân hình tự thú
Tâm hữu đại thánh đức
Kim nhân biểu tự nhân
Thú tâm an khả trắc!

Hữu tâm vô tướng
Tướng tự tâm sinh
Hữu tướng vô tâm
Tướng tòng tâm diệt!

Tam điểm như tinh tượng
Hoành câu tự nguyệt tà
Phi mao tông thủ đắc
Tổ Phật đã do tha.

(cổ thi)

Dịch thơ:

Người xưa hình như thú
Mà tâm lòng đại thánh
Người nay thật giống người
Mà thú tâm khôn tránh!

Tốt lòng mà xấu tướng
Tướng tự lòng sinh ra
Tốt tướng mà xấu lòng
Tướng theo lòng tiêu ma!

Ba chấm tựa vì sao
Vòng ngang như nguyệt xế
Tâm lòng lành nêu cao
Như Phật tâm độ thế.

kinh tân.

hạc về xóm hạc

Kính tặng các nhà thơ xóm hạc
Cao Tiêu, Kinh Tân.

數行心筆寄吟
借問豪漫誰無
草亦然了日月
文章潤了乾坤
兩箇西馳是任
古智古能還小
幸遇詩情起興
遠方側聽歸巢
不鶴歸巢

Viễn phương trắc thỉnh qui sào hạc
Hạnh ngộ thi tình khởi hứng cao
Dã trí dã năng hoàn bạch phát
Nhi chung nhi tứ thị hồng mao
Văn chương lã lã càn khôn lý
Thảo mộc nhiên nhiên nhật nguyệt triều
Tá vãn hàn ôn thủy khách địa
Số hàng tâm bút ký phong tao.

Dịch thơ:

Xa nghe tiếng hạc trời gom bầy
Khởi dậy hồn thơ hương ngát say
Ừ nhĩ, tài hoa, bờ tóc trắng
Trách gì danh lợi, mảnh lông bay
Văn chương bàng bạc trong trời đất
Nhật nguyệt xây vãn trước cỏ cây
Hồi khách hàn ôn ai đó tá
Vài dòng tâm bút tặng người đây.

phù hoa lạc thủy

Nhật hạ cao sơn thưởng ngoạn hoa
Phù dung hoa lạc thủy lưu bà
Hốt thương tâm hối hoa chi sắc,
Đã nhật thanh kiều, văn mộ khô.

月下高山賞玩花
芙蓉花落水流波
忽傷心悔花之色
且日青橋晚暮結

明
平
山

芙蓉落水

hoa trôi giữa dòng

Nắng chiều đổ xuống ven đời
Nhìn dòng nước bạc hoa trôi lạnh lùng
Xót thương cho đoá phù dung
Sớm nở chiều tàn phong nhụy còn đâu?

thủy sơn

hoàng vũ

huyền-thuật và các đạo-sĩ tây-tạng



Mystiques et magiciens du Thibet
Alexandra David Neel
Nguyễn Phong phóng-tác

(tiếp theo)

Không phải những người cầu đạo nào cũng trải qua những thử thách lớn lao, phi thường như trường hợp của Milarepa hay Naropa nhưng đa số đều vượt qua ít nhiều thử thách trước khi được thấu nhận. Sau đây là một vài trường hợp điển hình mà chính tôi đã được nghe kể:

Yeshe Gyatso là một tu sĩ tốt nghiệp từ một đại học Phật giáo nổi tiếng nhưng vẫn không hài lòng về

kiến thức của mình. Ông nhập thất trong nhiều năm để suy gẫm về những điều đã học nhưng vẫn không tìm được điều ông muốn tìm kiếm. Thấy vậy một vị Lạt Ma trưởng lão khuyên ông nên tìm đến học hỏi với một vị đạo sĩ ẩn cư trên một ngọn núi cách tu viện khoảng vài trăm dặm. Cuộc hành trình tuy không xa lắm nhưng cũng gian nan vì phải đi ngang một sa mạc lớn và leo lên một đỉnh núi cao. Với lòng khao khát cầu đạo, Yeshe lên đường và trải qua nhiều khó khăn

mới tìm đến được hang động của vị đạo sư kia. Yeshe quỳ trước cửa động, lên tiếng xin được thấu nhận nhưng vị đạo sư không trả lời. Trên nguyên tắc, trừ khi bị từ chối ngay còn khi không được trả lời là còn hy vọng nên ông tìm một chỗ tạm trú gần đó rồi ngày nào cũng đến trước cửa động làm lễ xin được thấu nhận. Sau hai tuần lễ đến cửa động cầu xin nhưng không được đáp ứng, hôm đó tự nhiên vị đạo sư quát ầm lên và bắt Yeshe phải trở về tu viện ngay lập tức. Yeshe quỳ mọp xuống đất năn nỉ nhưng vị đạo sư kia không trả lời nên ông đành vâng lời trở về. Trên đường, ông gặp một trận bão tuyết lớn nên lạc lối, lang thang trong sa mạc mất mấy tuần lễ mới tìm về được tu viện. Mặc dù thể xác suy nhược nhưng lòng cầu đạo của ông vẫn không suy giảm. Ông thấy vị đạo sư chỉ bắt ông trở về tu viện ngay chứ có cấm ông trở lại cầu đạo nữa đâu nên sau khi nghỉ ngơi dưỡng sức ít lâu ông lại lên đường trở lại đỉnh núi để xin được dạy bảo.

Cũng như lần trước, ông gặp một trận bão tuyết lớn và lại lạc lối đi loanh quanh mất một thời gian. Người Tây Tạng tin rằng các sự kiện thiên nhiên này là do chính vị đạo sư gây nên để thử thách người cầu đạo. Một số khác lại cho rằng các loài ma quái đã tạo chướng ngại để làm nản lòng người tìm đạo vì một người chứng ngộ là một thiệt hại cho chúng. Sau một thời gian, Yeshe cũng tìm đến nơi nhưng ông vừa quỳ trước cửa hang chưa kịp lên tiếng thì vị đạo sư lại quát ầm lên và bắt ông trở về tu viện ngay. Cứ thế trong suốt hai năm liền, ông cứ đến xin học đạo, trải qua các trở ngại thiên nhiên như gặp bão cát, bão tuyết, lạc lối để khi đến nơi lại bị đuổi về tu viện nhưng ông vẫn tiếp tục trở lại cho đến một hôm vị đạo sư nói:

— Gã ngu xuẩn kia, tại sao mi không đi tìm các danh sư nổi tiếng tại Lhasa, các học giả uyên thâm tại Kalimpong khai ngộ cho? Một kẻ già nua, dốt nát và vô dụng như

ta đây thì biết gì mà dạy. Người có theo học với ta cũng chỉ phí công mà thôi.

Tuy nhiên Yeshe vẫn hết sức thành khẩn xin vị đạo sư kia chỉ dạy cho. Cuối cùng vị đạo sư nói:

— Thôi được, nếu người cứng đầu cứng cổ thì ta cũng chấp nhận chỉ dạy cho người nhưng ta muốn hỏi tại sao đã nghiên cứu kinh điển, đã nhập thất toạ thiền nhiều năm mà người vẫn còn mù mịt? Người có vấn đề gì thắc mắc không?

Yeshe đáp rằng ông chuyên tu tập thiền định, ngồi yên tập trung tư tưởng vào các câu chú, giữ cho thân khẩu ý không rối loạn mà sao vẫn chưa chứng được gì hết. Vừa nghe đến đó vị đạo sư mắng ngay:

— Người quả thật tham lam cố chấp, còn cầu chứng đắc thì sao có thể chứng đắc được? Người đọc kinh mà không biết ý của kinh, tâm người tham lam như vậy thì quả là muốn nấu cát thành cơm muôn năm không bao giờ được. Người phải biết rằng còn thấy có phương pháp để tu, còn thấy có quả vị để chứng, còn thấy phải ngồi yên lặng toạ thiền là còn chấp nhặt vào những hình tướng bên ngoài, người phải biết buông bỏ những cái chấp ngã đó mới được.

— Nhưng mọi sách vở đều chỉ dạy rất kỹ về những phương pháp toạ thiền, thở hít, quán niệm và con đã nhập thất tu thiền như vậy trong nhiều năm, bây giờ phải bỏ hết thì bỏ làm sao?

— Đừng tưởng phải ngồi yên lặng xếp bằng và niệm chú mới là thiền mà phải biết rằng đi đứng, nằm ngồi, ăn uống, nói chuyện cũng là thiền hết. Điểm chính yếu là người phải biết giữ sao cho tâm lúc nào cũng an nhiên tự tại, không để cho các vọng tưởng lôi cuốn, không để cho tham sân si chi phối, tự nhiên tùy thuận theo đời sống, giữ sao cho tâm không bị xao động là được. Không cần phải nhập thất tĩnh tu, không cần phải cố gắng thái quá để đạt đến một cái gì mới là thiền mà trái lại người phải biết sống tự nhiên như một người bình

thường nhưng khi ăn biết rõ rằng mình đang ăn, khi uống biết mình đang uống, khi tham biết mình đang tham, khi giận biết mình đang giận. Gặp việc thuận ý không kiêu căng, việc nghịch ý không nản lòng, lúc nào cũng ý thức và biết giữ tâm bình thản, đó mới là thiền định. Người hãy xuống chân núi sống chung với bọn mục đồng, sống cho thật tự nhiên, hàng ngày đốn củi, xách nước, chăn dê và thực hành điều ta chỉ dạy.

Yeshe làm đúng theo lời dạy bảo, xuống núi sống chung với bọn mục đồng một thời gian và tự nhiên quán triệt được những điều ông vẫn thắc mắc trong bao năm tu hành. Ông trở nên một lạ ma nổi tiếng đã giúp đỡ rất nhiều người. Tôi đã có dịp đàm đạo với ông nhiều lần và ông thường kể cho tôi về vị thầy này. Tôi đã tìm đến đỉnh núi nơi vị đó ẩn tu nhưng ngài đã đi đâu mất, chỉ còn chiếc hang đá thô sơ bỏ trống. Tôi đứng đó, trong lòng hết sức cảm khái và tiếc đã không có cơ hội được học hỏi với một vị thầy như vậy.

Không phải ai cũng tầm sư học đạo với một tâm thành và một mục đích tốt đẹp. Nhiều người đã có những mục đích khác nhưng khi đã chứng đắc thì họ thường thấy rằng cái mục đích ban đầu thật không nghĩa lý gì so với những điều họ đã kinh nghiệm được. Sau đây là một trường hợp khác:

Karma Dorjee xuất thân trong một gia đình nghèo hèn. Vì không thể nuôi một đàn con quá đông nên cha mẹ ông đã đem ông đến nhờ tu viện nuôi giùm. Vì gầy yếu, có tật ở chân, đi đứng khập khiễng, lại xuất thân nghèo kém nên thường bị bạn bè chế nhạo, bắt nạt có khi đánh đập, khinh thường. Khi lớn lên, các trò chơi độc ác này cũng theo đó mà thay đổi: Thay vì hiếp đáp hay hành hạ thì các bạn bè lại bảo nhau tránh né, không tiếp xúc hay nói chuyện với ông. Sự im lặng khinh bỉ đó còn ghê gớm hơn cả roi gậy hay những lời nói bất nhã, nhưng chính những nghịch cảnh đó lại hun đúc cho

Karma Dorjee một đức tính cương quyết và chịu đựng phi thường. Ông quyết định rằng một ngày kia ông sẽ phải vượt cao hơn hẳn các bạn đồng môn khiến họ phải khẫu phục, tâm phục mới thôi. Ông quyết định trở nên một tu sĩ chuyên về huyền thuật, có quyền năng chế ngự và sai khiến quỷ thần vì ông nghĩ chỉ có đạt được những quyền năng đó thì chúng bạn mới kính phục ông. Khi vừa đủ mười tám tuổi, Karma Dorjee đến xin vị trụ trì cho phép ông tu nhập thất trên ngọn núi gần đó. Một sự yêu cầu chính đáng như vậy thì thường được chấp nhận ngay.

Karma Dorjee tìm lên một động đá hoang vu, nỗ lực tu tập cách luyện lửa tam muội (Tummo). Hàng tháng, các tăng sĩ trong tu viện thường mang vật thực tiếp tế cho những người tu nhập thất. Lúc nào họ cũng thấy ông chuyên tâm thiền định không hề xao lãng, có khi quên ăn quên ngủ. Sau một thời gian, ông có thể cởi trần ngồi giữa tuyết lạnh mà vẫn không hề hấn gì. Tóc ông mọc dài, rậm rạp như một người rừng. Khi những người tiếp tế lương thực thấy ông cởi trần ngồi giữa tuyết lạnh thì họ hết sức sợ hãi và xôn xao bàn tán rằng ông đã trở nên một cao thủ trong môn lửa tam muội này. Mặc dù đã nổi tiếng nhưng ông biết rằng việc ngồi trần giữa tuyết lạnh chưa đủ làm người khác phải kính phục nên sau hai năm tu tập, ông trở về chùa xin phép vị trụ trì cho ông lên đường tầm sư học đạo thêm.

Vì ông chỉ muốn tìm một pháp môn thật cao siêu, khác thường, hơn hẳn mọi người nên sau một thời gian dài lang thang khắp nơi mà vẫn chưa tìm được vị thầy nào xứng ý, sau cùng ông phải dừng đến phương pháp kêu gọi các chư thần hộ pháp giúp đỡ cho. Ông sắp đá thành một cái đàn tràng hình tròn (Kyilkor) rồi bắt ấn, niệm chú cầu xin các đấng thiêng liêng giúp ông tìm được một vị thầy có thể chỉ dạy cho ông về những giáo pháp thượng thừa. Sau bảy ngày bảy

đêm thực hành phương pháp này, đến đêm cuối bỗng có một tiếng nổ lớn phát ra từ đỉnh núi, sườn núi tự nhiên xẻ làm đôi và nước lũ trên núi tràn xuống lôi cuốn ông đi.

Khi tỉnh dậy, Karma Dorjee thấy mình đang đứng trước một am thất nhỏ nằm khuất trên một sườn núi cây cối xanh tươi. Đang ngơ ngác thì ông thấy một chú tiểu đang gánh nước dưới suối lên. Thấy một người mình trần, đầu tóc rậm dài, hình thù quái dị, chú tiểu hoảng hốt đổ cả gánh nước, nhưng ông đã vội trấn an:

— Đừng sợ, tôi là người chứ không phải quỷ quái gì đâu! Xin chú cho tôi biết đây là am thất của vị nào?

— Đây là am thất của thầy tôi, Lạt ma Tobsgyais.

Tin rằng mình đã được thần linh ủng hộ đưa đến gặp đúng thầy, ông nói bằng một giọng kiêu ngạo:

— Phiền chú vào báo cho Lạt ma Tobsgyais biết rằng các chư thiên hộ pháp đã đưa đến cho người một đệ tử.

Chú tiểu vội vã chạy vào báo tin. Lạt ma Tobsgyais là một bậc học giả uyên thâm nhưng bản tính tĩnh mịch, chỉ thích ẩn mình nơi chốn hoang vu để thiền định và nghiên cứu kinh điển. Được đệ tử báo tin, ông bèn bước ra hỏi thăm tự sự. Karma Dorjee bèn kể chuyện mình khao khát muốn tu luyện phép thần thông nhưng không kiếm ra thầy nên phải sử dụng huyền thuật nhờ các chư thiên hộ pháp ủng hộ tìm cho một vị thầy xứng đáng. Nghe xong, Tobsgyais thản nhiên nói:

— Chỗ người lập đàn tràng Kyilchor cách đây cũng khá xa thế mà người đến được đây quả cũng là sự lạ, nhưng tại sao người xuất gia lại chẳng mặc quần áo chi hết?

— Tại tôi đã luyện thành môn lửa tam muội nên chẳng cần đến quần áo nữa. Dù thời tiết lạnh lẽo thế nào cũng không ảnh hưởng gì đến thân thể tôi được.

Lạt ma Tobsgyais không tỏ vẻ ngạc nhiên chỉ ra lệnh:

— Được rồi, tiểu đồng mau đưa

gã này xuống bếp, lấy một bộ quần áo ấm cho gã mặc và đốt một lò sưởi vì hắn đã chịu lạnh suốt mấy năm nay rồi.

Nói xong ông quay lưng bỏ đi không hỏi thêm một câu gì nữa. Dorjee lấy làm ngạc nhiên vì ông đâu cần y phục hay lò sưởi, cái ông muốn là học các pháp môn huyền bí thượng thừa kia nhưng ông cũng tuân lời khoát đờ cái áo bằng lông dê và đến ngồi cạnh lò sưởi. Chú tiểu dọn cơm cho ông ăn và cho biết Lạt ma Tobsgyais đã chấp nhận cho ông trú ngụ tại đó.

Hơn một năm trôi qua, Dorjee ngày ngày theo chú tiểu xách nước, bổ củi, làm những công việc thông thường trong am thất nhưng không hề gặp lại Lạt ma Tobsgyais vì ông này lúc nào cũng đóng cửa tĩnh tu. Thỉnh thoảng ông chỉ nghe tiếng vị Lạt ma này đọc kinh giảng sách hay chỉ bảo thêm cho chú tiểu nhưng không bao giờ ông cho gọi Dorjee vào. Nhiều lần ông này đánh bạo yêu cầu chú tiểu nhắc Lạt ma Tobsgyais về mục đích học đạo của mình nhưng chú tiểu nói rằng sau khi nghe nói, Lạt ma Tobsgyais vẫn im lặng không nói gì. Cuộc sống cứ thế kéo dài nhiều năm khiến Dorjee đâm ra thất vọng, buồn chán và có lúc nghi ngờ cả việc mình được chư thiên hộ pháp đưa đến nơi này. Ông cho rằng có lẽ Lạt ma Tobsgyais biết rõ gốc gác hạ tiện của mình nên khinh bỉ không thèm dạy dỗ. Nghĩ đến đó ông đau khổ vô cùng và có ý muốn từ bỏ nơi đó nhưng ông nghĩ mình đã lang thang nhiều năm không tìm ra thầy, được đưa đến đây cũng là một nhân duyên hiếm có nên đành nán lòng chịu đựng. Ông nhủ thầm có lẽ Lạt ma Tobsgyais đang thử thách mình nên cứ nán lòng chờ đợi.

Mùa đông năm đó có một vị Hoá Thân trụ trì một ngôi chùa gần đó ghé thăm Lạt ma Tobsgyais. Ông này thấy một tăng sĩ để tóc dài, hình dáng dị thường, chỉ khoác một tấm áo mỏng đứng bổ củi nên hỏi:

— Tại sao nhà người không sợ lạnh?

— Tại vì tôi đã luyện thành công môn lửa tam muội, tuyết lạnh thế nào cũng không ảnh hưởng gì đến tôi cả.

— Phép luyện lửa tam muội đâu phải dễ, luyện được như vậy là khá lắm rồi, nhưng người làm gì ở đây?

Karma Dorjee vội vã kể lại tự sự, từ lúc còn nhỏ bị ngược đãi như thế nào, việc quyết tâm luyện lửa tam muội thành công và lòng khao khát được học hỏi những pháp môn thượng thừa để cho bạn bè kính phục ra sao. Ông còn kể rõ việc mình lang thang khắp nơi tìm thầy học đạo nhưng không tìm được ai nên phải nhờ các chư thiên, hộ pháp giúp đỡ bằng cách lập đàn tràng và được nước lũ cuốn đến đây. Ông than thở rằng tuy được thấu nhận nhưng không hề được gặp Lạt ma Tobsgyais hay được ngài dạy dỗ điều gì. Cuối cùng ông nhờ vị Hoá Thân thương xót mà nói giúp cho. Vị này ngạc nhiên:

— Ta quen biết Lạt ma Tobsgyais đã lâu. Ngài là một vị cao tăng đã đắc đạo nhưng ư tinh mịch, đâu có ý muốn thấu nhận đệ tử mà chỉ thích đóng cửa tĩnh tu. Nhưng nếu ngài đã thấu nhận người thì chắc hẳn ngài phải có một chủ ý chi đó. Người muốn học hỏi điều gì với ngài?

— Tôi muốn cầu pháp thượng thừa như bay bổng trên không trung, hô phong hoán vũ, phát hào quang sáng chói khắp châu thân cho mọi người nể phục.

Vị Hoá Thân mỉm cười hứa sẽ nói lại với Lạt ma Tobsgyais, nhưng trong suốt mấy tuần lễ ông ghé ở đó vẫn không thấy động tĩnh gì. Karma Dorjee đã hy vọng và thất vọng nhiều lần nên khi không thấy gì ông nghĩ rằng vị Hoá Thân đã quên không nói giúp cho mình nên buồn lắm. Khi vị Hoá Thân lên đường trở về, ông chẳng buồn đi tiễn mà chỉ tiếp tục ra sân bổ củi. Khi vừa đi ngang chỗ ông đứng, vị Hoá Thân dừng ngựa lại nói vắn tắt:

— Ta đã nói chuyện với Lạt ma Tobsgyais về việc người muốn học

huyền thuật rồi, nhưng ngài nói rằng ngài không có các bộ kinh đó nên không dạy bảo cho người được. Tuy nhiên bên chùa của ta thì có rất nhiều sách vở huyền thuật nên ngài cho phép người theo ta qua bên đó để học.

Karma Dorjee mừng rỡ đứng ngậy người ra một lúc rồi mới vội vã chạy vào phủ phục trước am thất của Lạt ma Tobsgyais vái lạy mấy lần rồi theo vị Hoá Thân kia lên đường.

Vị Hoá Thân đưa ông lên một đỉnh núi sau chùa nơi đó có xây cất sẵn một tịnh thất nhỏ:

— Đây chính là tịnh thất riêng của ta nhưng Lạt ma Tobsgyais đã yêu cầu ta dành lại cho nhà người. Ngài có đưa cho ta một danh sách những sách vở huyền thuật mà người cần dùng. Ta đã cho người vào thư viện soạn riêng ra và mang đến đây cho người. Người cứ tuân tự mà nghiên cứu và tu học. Hàng ngày ta cho người đem vật thực tiếp tế cho người, người hãy cố gắng tu hành đừng để phụ lòng thầy người.

Karma Dorjee hết sức cảm động. Lần đầu tiên trong đời, ông thấy mình được đối xử một cách tử tế. Ông khởi sự nghiên cứu các bộ sách và bắt đầu công việc tu tập. Ông trì giới, kết ấn, đọc chân ngôn một cách chí thành và nghiêm cẩn. Chẳng bao lâu ông đã thuộc lòng cả bộ kinh và những câu thần chú. Thịnh thoảng vị Hoá Thân cũng ghé qua theo dõi việc tu học của ông hoặc nói cho ông biết những điều mà Lạt ma Tobsgyais nhấn nhủ. Ngày đêm Karma Dorjee thiền định một cách tinh tấn và dần dần thấu triệt được những lẽ huyền vi mà vẫn tự không thể diễn tả. Ít lâu sau Lạt ma Tobsgyais đưa qua cho ông những bức bút thiếp để ông tập quán chiếu những chủng tự và ông nhận thấy rằng ngay cả những bức hoạ, những dòng chữ loằng ngoằng cũng ẩn nhiều ý nghĩa huyền bí. Cứ thế ông mê mải tu tập cho đến một hôm Lạt ma Tobsgyais đưa đến cho ông một thông điệp: “Hãy buông hết xuống đi”. Ông đọc đi đọc lại

tráng sĩ

*Một hôm cổ ngữ hiện về
thấy ta như tráng sĩ hề, mắt guơm
vàng trắng ai hủy dọc đường
hoá thân vào nỗi yên cương ngậm ngùi
một chiều trần mạc về chui
đóa hoa sinh tử tàn rồi chiến chinh
một đêm ngồi lại một mình
nén hồng hay giọt phù sinh nhớ đời
áo hàn, thân mỏng cảm hơi
lời xưa trách vọng mấy trời oan khiên
mẹ cha còn buổi sinh tiền
cơ ngơi một thoáng trăm miền bể dâu
tráng sĩ hề, giờ nơi đâu?
guơm thiêng mãi giữa bạc đầu núi sông.*

hoàng xuân sơn

mãi vẫn không hiểu thầy muốn nói gì. Ông tựa cửa đứng nhìn xuống thung lũng phía dưới, nhìn những bóng người qua lại, nhìn áng mây bay, nhìn dòng nước biếc lững lờ. Đêm hôm đó ông bắt đầu tỉnh toạ nhưng không còn theo những lời chỉ dẫn trong sách nữa. Ông mê man trong thiền định, thân và tâm không còn vọng động và ông thấy mình như tách rời ra khỏi tất cả, bay bổng trong không trung nhìn xuống một đại dương tràn ngập ánh sáng chói lọi.

Trong nhiều năm ông cố gắng tu tập như thế, không còn biết đêm ngày cho đến một hôm ông thấy mình nhẹ nhõm như bay lên không trung. Ông hít một hơi dài và nghĩ đến một đám mây, tự nhiên ông thấy mình đang ngồi trên đám mây đó bay đi khắp nơi. Ông liền tập trung tư tưởng hướng dẫn cho đám mây đó bay về hướng tu viện cũ. Từ trên cao nhìn xuống, ông thấy các bạn bè ngày trước đang sinh hoạt trong tu viện, đây một vài người đang quét nhà, kia một vài người đang lau chùi sàn chánh điện. Một số đang tụng kinh nhưng đầu óc họ lại nghĩ đến những điều gì đâu đó. Một số khác tranh cãi về khẩu phần ăn trong nhà bếp. Ông cũng nhìn



thấy những đứa trẻ mới gia nhập tu viện đang bị những người đi trước bắt nạt, hành hạ, ngược đãi. Trò “ma cũ bắt nạt ma mới” vẫn xảy ra như xưa. Tuy nhiên vì một lý do gì không rõ, ông thấy người nào cũng có vẻ già nua, khắc khổ hẳn đi. Ở trên cao trông xuống ông thấy họ dường như bé nhỏ tầm thường khiến ông đâm ra thương hại. Ông nghĩ rằng nếu mình từ trên mây đáp xuống trong hào quang rực rỡ thì không biết họ sẽ sùng sốt như thế nào và rồi tất cả sẽ phải quỳ mọp xuống đất bái phục vì ông đã đắc thần thông. Nhưng khi nhìn kỹ các bạn cũ ông lại thắc mắc không hiểu vì sao ai ai cũng có vẻ buồn chán, mệt mỏi? Tại sao ngày trước họ oai phong, hùng dũng biết bao mà ngày nay lại có vẻ tầm thường như vậy? Bất chợt ông ý thức rằng những người đó chỉ biết cắm đầu làm những công việc sẵn có từ trước mà không hề thực sự biết mình làm gì, không hề biết tu biết học. Họ chỉ như một cái máy tụng kinh niệm Phật nhưng không hề biết phát nguyện tìm đường giải thoát ra khỏi các hệ lụy của trần gian. Tuy sống trong tu viện nhưng họ vẫn tham lam, sân hận và si mê, vẫn đau khổ, vẫn có những thói thường nhỏ

nhện của cuộc đời, vẫn tạo ra những nhân xấu và rồi phải chịu các quả báo về sau. Nhìn nét mặt cau có của các bạn cũ, ông ý thức rằng họ gạt bỏ những thú vui trần gian để vào tu viện nhưng chưa có điểm phúc được nếm các thú vui thanh cao của đời sống tinh thần nên cứ lằng quằng kẹt ở giữa. Vì ngu dục thì đã từ bỏ mà pháp vị thì chưa được nếm nên họ đâm ra cau có, khó chịu và đối xử với nhau một cách tệ bạc như ông đã từng trải qua. Tự nhiên ông thấy trong lòng nổi lên một niềm thương xót vô hạn. Ông nghĩ đến công phu tu hành của mình, đến sự vinh quang mà ông nghĩ sẽ được hưởng khi luyện thành các huyền thuật thượng thừa và thấy tất cả chỉ là những bọt nước, những bóng mờ, những phù du giả tạo. Công phu tu hành của ông thật không nghĩa lý gì nếu ông chỉ làm để thoả mãn bản ngã. Bất chợt ông nghĩ đến thông điệp cuối cùng của Lạt ma Tobs gyais: "Hãy buông hết xuống đi" và giật mình tỉnh ngộ.

Karma Dorjee thấy lòng mình thay đổi. Tất cả mọi ân oán từ trước đều tiêu tan. Ông không còn nghĩ gì đến sự kính phục của các

bạn hãy những lời mỉa mai, thách đố của họ đối với ông ngày trước. Khi tâm ông đã lặng yên thì ông chỉ thấy một tình thương bao la như biển cả mà thôi. Bất chợt ông nghe một tiếng nổ lớn rồi thấy tu viện dưới chân mình bỗng chuyển động như trải qua một trận địa chấn, mặt đất tự nhiên nứt ra và một ngọn núi ở đâu bỗng nhô cao lên. Ông thấy cát bay, đá chạy, dông bão nổi lên ùng ùng, tất cả mọi sự đều bị cuốn hút vào một cái vòng xoáy quay cuồng. Ông thấy những vầng nhật nguyệt thay phiên nhau xuất hiện trên bầu trời, sáng chói cả không trung và tất cả những hiện tượng hiện ra rồi lại tan rã, hợp rồi tan, tan rồi lại hợp, tiếp diễn không ngừng.

Dorjee trở về tịnh thất của mình. Tất cả mọi thứ vẫn nguyên vẹn như xưa. Cũng vẫn mấy kệ sách, lò than hồng, bình trà và tấm bồ đoàn cũ rách nơi ông thường tọa thiền. Quang cảnh chẳng có gì thay đổi, như hôm qua, hôm nay và nhiều năm trước đó khi ông mới đến đây. Ông bước ra cửa hang, vẫn những rặng núi mờ nhạt sau làn mây. Dưới chân núi, ngôi chùa của vị Hoá Thân vẫn nằm im sau hàng cây tươi mát. Tất cả vẫn y nguyên không thay đổi nhưng trông ra đều khác hết. Vẫn là núi, vẫn là rừng cây nhưng hôm nay ông lại nhìn nó

dưới một nhãn quang khác hẳn. Karma Dorjee bình tĩnh nhóm lửa nấu một bình trà rồi rút ra một con dao nhỏ cắt luôn bộ tóc dài của mình ném vào đồng lửa. (Đa số các tu sĩ luyện huyền thuật thường để tóc rất dài như một biểu hiệu). Sau khi uống trà, ông thu tập hành trang, đóng cửa tịnh thất và xuống núi tìm đến vị trụ trì:

— Tôi xin phép ngài được trở lại am thất của thầy tôi, Lạt ma Tobs gyais, để tạ ơn ngài đã chỉ cho tôi một con đường sáng.

Vị Hoá Thân im lặng một lúc rồi ngâm ngùi đáp:

— Lạt ma Tobs gyais đã viên tịch từ sáu tháng nay rồi, nhục thể của ngài đã được nhập tháp. Nếu muốn đến đó để thắp vài nén hương thì ông có thể lấy con ngựa của ta mà đi cho nhanh.

Karma Dorjee cúi đầu làm lễ cảm ơn vị Hoá Thân rồi lên đường trở lại am thất xưa. Đến nơi, ông quỳ mọp trước cửa am thất mà lòng vô cùng cảm khái. Chú tiểu xưa kia nay đã thành một vị sư lớn tuổi, bước ra đưa cho ông tấm áo cà sa của Lạt ma Tobs gyais và nói:

— Trước khi viên tịch, thầy có nói rằng sẽ có ngày huynh trở lại và khi đó hãy trao cho huynh tấm áo này làm tin.

Lạt ma Karma Dorjee búi người tiếp nhận tấm áo cà sa của Lạt ma Tobs gyais. Từ đó ông theo gót vị này tiếp tục công việc nghiên cứu và chú giải kinh điển. Trong dịp du hành qua miền bắc xứ này, tôi đã có dịp gặp Lạt ma Karma Dorjee nhiều lần. Mặc dù khi đó ông đã ngoài 90 nhưng ông vẫn vui vẻ chỉ cho tôi những điều tôi còn thắc mắc về Phật học và kể cho tôi về câu chuyện thời niên thiếu của ông.

CHƯƠNG NĂM

CÁC BỘ MÔN HUYỀN THUẬT KHÁC

Ngoài những bộ môn huyền thuật mà tôi đã đề cập ở chương trước còn có nhiều phương pháp tu luyện lạ lùng, vượt khỏi tầm hiểu

cổ tích

1.
buổi chiều treo cổ chết
thành phố bị hoả thiêu
trắng đổi màu đỏ huyết
biển khóc những tình yêu.

2.
chàng thanh niên lên núi
sống giữa bầy vợ người
từ đó quên tiếng nói
và quên cả khóc, cười.

3.
thiếu nữ nằm ngủ ngoan
trên đầu ngọn sóng bạc
lũ qua đôi phương đóng
rủ nhau về mở tiệc.

nguyễn vận ngọc



biết của một người bình thường mà tôi đã đích thân chứng kiến như sau:

Khinh công (Lung Gom) là một phương pháp phối hợp sự định tâm và hô hấp để nhằm vào mục đích là di chuyển thật nhanh trên đường trường. Một người luyện khinh công có thể đi rất nhanh, chạy một lúc cả trăm cây số mà không cần nghỉ ngơi hay ăn uống chi cả. Tôi đã nghe nói đến phương pháp này từ lâu nhưng không lấy gì làm tin tưởng cho lắm. Tôi vẫn nghĩ rằng một người dù mạnh khỏe đến đâu cũng chỉ có thể chạy nhanh hơn người thường ở một mức độ giới hạn nào thôi. Việc một người chạy nhanh hơn ngựa, di chuyển cả trăm cây số, bất chấp địa thế bằng phẳng hay những mỏm đá cheo leo chỉ có thể xảy ra trong trí tưởng tượng của một dân tộc bán khai, không có căn bản về khoa học như dân Tây Tạng. Về sau tôi mới biết rằng mình đã lầm.

Khinh công được đề cập rất nhiều trong các truyền thuyết Tây Tạng. Cuốn tiểu sử của Milarepa cũng kể rằng khi ông này theo học nghệ thuật tạo các trận mưa đá với một đạo sĩ huyền môn thì một người bạn của ông cũng theo học về khinh công. Người này không những chạy nhanh hơn ngựa mà còn có thể leo lên những vách núi dựng đứng nhanh hơn cả loài khỉ vượn. Khi Milarepa bị dân làng săn đuổi, chính người bạn này đã giả dạng ông rồi thách thức mọi người đuổi theo mà không ai có thể đuổi kịp. Sau đó Milarepa cũng luyện phương pháp này và có thể di chuyển qua những vùng rừng núi hoang vu trong vài giờ, khi một người bình thường phải mất cả tháng. Ông nói rằng nhờ biết cách “kiểm soát và mang hơi thở vào bên trong” mà có thể đi nhanh như vậy.

Tôi đã thấy nhiều người tập luyện về khinh công nhưng chưa thấy ai thành công cho đến khi gặp một nhà sư sử dụng khinh công tại bình nguyên Chang Thang, phía bắc Tây Tạng. Hôm đó chúng tôi

đang cưỡi ngựa thong thả đi trên một cánh đồng cỏ rộng bao la thì thấy một chấm đen di chuyển trước mắt. Tôi rút ống nhòm ra quan sát và ngạc nhiên khi thấy đó là một nhà sư đang đi bộ. Bình nguyên Chang Thang rất rộng lớn, nếu không có người hướng đạo thông thuộc đường lối thì rất dễ lạc. Ngay những đoàn khách thương vô ý còn bị lạc, thế mà giữa chốn hoang vu bao la này lại có một người một mình đi bộ thì quả hết sức lạ lùng.

Một người tùy tùng của tôi cho rằng có lẽ người đó thuộc một đoàn khách thương bị cướp chặn đánh nên lạc đoàn, bơ vơ một mình trên đồng vắng. Tôi cũng nghĩ như thế nên thúc ngựa tiến về phía người đó, hy vọng có thể giúp đỡ như đưa họ đến một làng mạc gần đó. Khi đến gần tôi mới thấy người đó di chuyển với một vận tốc rất nhanh, hai chân của y cứ thoăn thoắt lướt qua những lùm cây, ngọn cỏ. Đến lúc đó người tùy tùng của tôi mới kêu lớn:

— Đó là một đạo sĩ khinh công.

Vừa nghe thấy vậy tôi giật mình vội rút ống nhòm ra quan sát thật kỹ. Quả thế, người đó đang lao đi với một vận tốc rất nhanh, vun vút trên cánh đồng cỏ. Quả là một dịp may hiếm có để chứng kiến một bộ môn mà tôi đã nghe nói đến nhiều lần nhưng vẫn còn bán tín bán nghi. Càng đến gần tôi càng thấy lời đồn quả không sai chút nào. Đó là một nhà sư mặc y phục màu đỏ, thân hình lực lưỡng, trên vai đeo một cái túi lớn. Ông ta ngửa mặt nhìn lên trời, hai mắt chăm chú như tập trung vào một điểm nào đó trên không. Hai chân ông thoăn thoắt bước đi đều đặn. Hình như ông đi mà chân không đụng đất, thân hình cứ vun vút lao tới trước. Tôi muốn đến gần để chụp một tấm ảnh nên giục ngựa xông đến chặn đường, nhưng người tùy tùng của tôi đã ngăn lại:

— Khoan đã. Xin bà đừng chặn đường hay nói gì với ông ta vì ông ta có thể chết tức khắc. Trong lúc di chuyển như vậy, ông ta phải tập

trung tư tưởng vào hơi thở, nếu loạn động hơi thở dù một chỉ một giây khắc, ông ta sẽ bị tẩu hỏa nhập ma và chết ngay.

Tôi ngần ngừ nhưng nghĩ người tùy tùng của tôi có thể có lý nên dừng ngựa lại. Về sau tôi được giải thích rằng khi di chuyển, người sử dụng khinh công đã áp dụng một công phu giống như nhập định, tập trung tư tưởng vào những bài thần chú hay khẩu quyết về hơi thở. Nếu bất thành linh hơi thở bị tán loạn, họ sẽ gặp nguy hiểm ngay, nếu không chết thì nội tạng cũng bị thương tổn rất nặng.

Khi người đó đi ngang chỗ chúng tôi đứng, tôi thấy rõ khuôn mặt ông ta có vẻ hết sức lạnh lùng, thần nhiên như không có cảm xúc nào. Hai mắt ông ta nhìn lên trên trời hình như đang tập trung vào một vì tinh tú nào đó. Thân hình ông ta nhẹ nhõm như một trái banh cao su, mỗi lần ông ta bước đi thì cả thân hình đều như bay bổng và lướt trên không trung. Một tay ông nắm chặt lấy vạt áo choàng, tay kia xách một chiếc túi bằng vải nâu. Gió thổi làm tà áo phất phới để lộ một con dao Phurba ngắn đeo bên hông. Toàn thân ông di chuyển hết sức nhịp nhàng, mỗi cử chỉ đều ăn rập với nhau. Đoàn tùy tùng của tôi vội vã bỏ ngựa quỳ mọp cả xuống đất nhưng ông này dường như không hề chú ý đến chúng tôi mà vẫn tiếp tục đi. Chỉ một thoáng giây sau ông đã vượt qua chỗ chúng tôi một khoảng cách rất xa. Tôi lập tức giục ngựa chạy theo, hy vọng có thể nói chuyện khi ông ta dừng chân nghỉ ngơi. Mặc dù ngựa phi nước đại nhưng khoảng cách giữa chúng tôi và vị sư khinh công mỗi lúc một xa. Con tuần mã đã sai hết vó, thở hồng hộc trong khi vị sư kia vẫn thần nhiên, chân bước nhẹ nhàng đều đặn, thế mà chúng tôi vẫn không sao bắt kịp. Khoảng ba cây số sau thì ông chỉ còn là một cái chấm đen mờ mắt hút nơi chân trời xa thẳm.

(còn tiếp)

CHÂN QUANG

Tự Tình
(phóng-tác)



(tiếp theo)

ĐÔI MẮT

Thầy trò Thạch Đạt Lang rời khối xưởng mài kiếm của Vương Chính đã hai hôm, đi mãi về hướng đông qua mấy xóm tiêu xơ xác, lều tều vài căn nhà gỗ hoặc đôi ba cái chòi rạ.

Đến đồng Musashimo, cỏ cao ngang bụng, con đường mòn ít người qua lại hình như bị lấp kín từ

lâu, chỉ còn lờ mờ dấu vết. Lầm lũi đi trong đám cỏ cao, Hạo Nhiên ngẩng lên bỗng không thấy sư phụ đâu nữa. Nó hốt hoảng gọi:

— Thầy! Thầy có đấy không?

Tiếng Thạch Đạt Lang từ phía trước:

— Ta đây, sao chậm thế?

Nghe tiếng sư phụ, Hạo Nhiên thở phào, bẽn lẽn vì đã sợ hãi vu vơ. Nó bước nhanh để theo kịp thầy, sỏi dưới chân kêu rào rào, mồ hôi

thấm vào những vết xước trên da hơi xót.

— Con đường này đi đâu hả thầy?

— Ta cũng không rõ, nhưng chắc không phải đến một thị trấn đông đúc.

— Sao mình không đến chỗ nào đông vui?

— Mình không tiện ở những chỗ đông vui.

— Thế mình ở những chỗ như thế này à?

— Sao lại không? Mình cần học, con còn phải tập luyện nhiều, không tiện ở những nơi đông hội. Vả ta cũng không thích.

Hạo Nhiên ngược nhìn trời, nhìn khoảng mênh mông của khung cảnh trước mặt rồi nghĩ đến sự trống rỗng buồn tẻ khi phải sống trong cảnh ấy. So với nếp sinh hoạt nhộn nhịp vừa trải qua, nó thấy lòng ngao ngán. Nó xịu mặt.

Nhìn Hạo Nhiên, Thạch Đạt Lang biết ngay đồ đệ đang nghĩ gì, nhưng không nở quả trách. Tuổi trẻ ham vui, cũng như hần khi xưa, lúc còn nhỏ. Thạch Đạt Lang để tay lên vai thẳng bé, cũng nhìn trời và nói:

— Hạo Nhiên! Sắp vào thu rồi. Trời sẽ đẹp bao nhiêu, gió gợn sóng hoa lau bạc trắng và mỗi sáng sương đọng trong vạt trên nền cỏ trước nhà!

Thạch Đạt Lang nói với Hạo Nhiên mà như nói với chính mình. Trong đáy lòng con người lang bạt ấy có một tâm hồn đa cảm lạ lùng và không biết cuộc đời hần đang sống đây là do tâm hồn ấy xui khiến hay do lòng yêu thiên nhiên thúc đẩy. Có lẽ cả hai.

— Trước nhà? Xung quanh đây có nhà nào đâu?

— Ta sẽ tìm chỗ làm nhà chứ!

— Như ở Hotengahara ấy hả thầy?

— Ừ. Nhưng lần này ta không làm ruộng nữa. Ta muốn có thì giờ suy tư và tập luyện cùng dạy con về võ nghệ nhiều hơn. Có lẽ cũng cần phải tìm một chỗ nào hẻo lánh nhưng đừng xa thị trấn lắm. Chúng

ta còn phải nhờ cậy vào xã hội nhiều.

Tối hôm đó, như những con thú hoang, hai thầy trò lại ngủ ngoài trời, bên một dòng suối gần cận, sau bữa ăn đạm bạc gồm cơm khô với cá nướng.

Hôm sau lên đường, qua trấn Kashiwagi, tạt vào quán mua ít thực phẩm khô xong, Thạch Đạt Lang và Hạo Nhiên lại tiếp tục trở lại đường mòn, đi mãi. Vào sâu, đồng cỏ dường như khác dần. Đã có vài cây sồi và giẻ gai điểm lác đác. Xa xa là bìa một khu rừng thưa, từng trác xanh đen chen lẫn với màu lá phong, chỗ đậm chỗ nhạt, không còn làm chán mắt. Đến nơi, lại thấy dòng suối nhỏ, nước róc rách qua những tảng đá xanh rêu dưới vòm rễ cây đan nhau chằng chịt.

Thạch Đạt Lang rất lấy làm thích ý, gật gù:

— Chỗ này được đây. Ta tạm nghỉ rồi ngày mai sẽ bắt tay vào việc.

Sáng hôm sau, mặt trời mới ló, thầy trò Thạch Đạt Lang đã vào rừng hăng hái chặt cây dựng nhà. Hạo Nhiên tính vẫn như xưa, lo xa và cần kiệm, nhất những cảnh nhỏ bỏ lại để dành phơi làm củi. Trong khi nấu cơm cho cả hai thầy trò ăn, nó không khỏi không nhớ lại thời kỳ ở Hotengahara, những lúc vui buồn với Thạch Đạt Lang, những ngày bão lụt và chống cự bầy sơn quỷ. Lòng tri ân, yêu mến sư phụ dào dạt. Hạo Nhiên, trong khi chờ cơm chín, pha một bình trà mang vào rừng để sư phụ giải khát. Hai thầy trò ngồi dưới tàn thông uống nước, ôn lại chuyện những năm qua, tình sư đệ càng thêm khắng khít.

Chẳng bao lâu đã hết hạ sang thu. Khi những chiếc lá phong đầu tiên đổi màu thì căn nhà Thạch Đạt Lang dựng lên cũng vừa hoàn tất. Gọi là nhà, thực ra chỉ là một cái lều gỗ để nguyên cây ghép lại, vỏ còn xù xì chưa róc, mái cỏ tranh do Hạo Nhiên cắt ở cánh đồng ngay đấy phơi khô, ken lại thành từng

tấm đem lợp.

— Chẳng khác gì căn lều của những kẻ đốt than. — Thạch Đạt Lang cười bảo đồ đệ — Nhưng cũng còn hơn không có gì để che mưa nắng.

Những ngày sau đó, ngoài công việc nấu ăn thường nhật, thời biểu luyện tập của thầy trò Thạch Đạt Lang được ấn định rõ ràng và buổi trưa, đôi khi tiếng đọc sách của Hạo Nhiên át cả tiếng ve cuối mùa ngoài đồng vắng.

Đối với Giang, đồ đệ cũ trước đây, Thạch Đạt Lang không khát khe đến thế. Hắn để mặc Giang được tự nhiên, chỉ hướng dẫn và giải thích chứ không ngăn cấm. Áp dụng cách ấy vào việc giáo dục Hạo Nhiên, hắn thấy dường như kết quả không được như ý muốn. Tác phong tốt mất dần, đồng thời tật xấu xem chừng bắt đầu nảy nở như cỏ dại ở vườn hoang. Nếu không nhổ hẳn đi, sau này khó mà trừ được.

Trong những thập niên gần đây, các sứ quân thắng trận liên tiếp lên cầm quyền. Người nào cũng chỉ biết xây dựng uy thế trên võ lực và củng cố uy thế ấy để giữ quyền lợi cho đẳng tộc mình mà thôi. Dân chúng ít được lưu tâm đến, nếu có cũng chỉ được coi như một giai cấp thấp hèn được sinh ra để phục vụ. Trận chiến Sekigahara đã mở mắt cho nhiều người và Tôn Điền Tùng Cương hình như cũng có ý muốn theo con đường sửa đổi chính sách. Đó là một điều hay để đưa các tầng lớp xã hội từ chỗ hỗn loạn đến trật tự, từ chỗ chia rẽ đến thống nhất và từ chỗ phá hoại đến xây dựng.

Thạch Đạt Lang cũng chủ tâm theo hướng ấy khi luyện tập cho Hạo Nhiên thành một kiếm sĩ có khả năng nhằm mục đích góp phần vào công việc đào tạo giai cấp lãnh đạo sau này. Song song với việc luyện kiếm, hắn bắt đồ đệ phải đọc sách để thêm kiến thức và tu dưỡng tâm tính trong những buổi diện bích suy tư. Vì vậy kỷ luật gắt gao hơn, không còn lơ lơi như những năm trước.

— Hạo Nhiên!

— Dạ.

— Mặt trời sắp lặn. Đã đến giờ tập. Mang kiếm ra đây!

Hạo Nhiên đem hai thanh mộc kiếm lại, một dài một ngắn, quý dâng trước mặt sư phụ. Thạch Đạt Lang cầm kiếm, bảo đồ đệ đứng dậy, đưa nó thanh kiếm ngắn và ra lệnh thủ thế.

Thầy trò nhìn nhau yên lặng, kiếm giờ ngang tầm mắt. Vệt sáng cuối cùng của ngày tàn còn đọng lại ở chân trời, nhưng gần căn lều Thạch Đạt Lang và Hạo Nhiên ở, bóng tối đã tràn ngập. Sau lùm cây trác lá đen dày, mảnh trăng thượng huyền mới mọc lấp ló.

— Mất!

Giọng Thạch Đạt Lang sắc và gọn. Hạo Nhiên mở to mắt.

— Mất ta! Nhìn vào mắt ta!

Hạo Nhiên nhìn mắt sư phụ. Trong bóng tối, mắt Thạch Đạt Lang sáng như sao, có ánh đỏ. Nó sợ, chỉ muốn quay đi, nhưng dường đoán được ý nó, Thạch Đạt Lang quát:

— Mất ta! Nhìn mắt ta! Không được quay chỗ khác!

Hạo Nhiên bủn rủn chân tay, thanh kiếm gỗ rung động. Nó cố chú mục vào mắt thầy nhưng mới một thoáng đã đầu vầng mắt hoa, kiếm trên tay nặng chịch chỉ chực rớt.

Thạch Đạt Lang tiến một bước, ánh mắt không rời khỏi mắt đồ đệ. Hạo Nhiên định bước lui mà chân cứ chôn chặt xuống đất, không tiến mà cũng không lui được. Người nó nóng ran. Sự tức giận như muốn nổ tung. Dường cảm nhận được sức mạnh của nguồn nội lực bột phát trong lòng Hạo Nhiên, Thạch Đạt Lang lại quát:

— Tấn công!

Hạo Nhiên giật mình nhảy tới. Lưỡi gươm chém bầy lên đầu địch thủ trong một phản ứng hỗn loạn vì thói quen chứ không vì chủ đích. Vù một cái, Thạch Đạt Lang đã cúi mình, thu vai lại, trườn mình như cá đến sau lưng nó, mũi gươm kề sát nách đồ đệ.

— Đủ rồi! Tạm ngưng!

Hạo Nhiên hoàn hồn, quỳ xuống chân sư phụ. Thạch Đạt Lang chống kiếm, nghiêm khắc nói:

— Vừa rồi ngươi đã thấy sự thiếu bình tĩnh và sợ hãi mang đến kết quả như thế nào. Trong cuộc chiến, đôi mắt hết sức quan trọng. Nếu sử dụng đúng lúc, nhãn quang có sức mạnh ghê gớm khôn lường, có thể làm tâm ý địch thủ tổn thương ngay từ đầu, chưa đánh đã nắm chắc phần thắng. Đừng để tinh thần giao động vì khiếp nhược, vì khiếp nhược là chết.

— Dạ.

— Bây giờ ra kia, ta tiếp tục.

Hai thầy trò quần thảo với nhau trong bóng tối chập choạng, yên lặng không thốt một lời. Chỉ nghe tiếng thở mỗi lúc một mau của Hạo Nhiên và đôi lúc tiếng mộc kiếm chạm nhau kêu lách cách.

Sương xuống ướt đầm bãi cỏ ven rừng và vầng trăng cong tựa sừng trâu đã lên khỏi ngọn cây trắc cao nhất. Mỗi khi có cơn gió mạnh, côn trùng lại tạm ngưng điệu nhạc rì rỉ buồn bã. Thu đã về. Những bông hoa dại ban ngày trông không rõ, ban đêm hiện ra run rẩy, xôn xao dưới ánh trăng, trong sương đêm toả hương nhẹ nhẹ.

Thạch Đạt Lang cùng đồ đệ ngừng tập, bước vào nhà thấp đèn. Bỗng nghe tiếng nghưa hí, Thạch Đạt Lang cau mày:

— Ai vậy?

— Chắc lại một lũ khách nào lỡ đường. Để con ra xem.

— Ừ ra xem ai.

Một lát, Hạo Nhiên trở vào. Thạch Đạt Lang hỏi:

— Lũ khách?

— Dạ không. Ông này muốn đến thăm thầy. Ông xưng danh là Kỳ Sâm, đồ đệ của Hồ Phong Hạo Điền.

— A! Ta nhớ rồi. Ra mời vào đây!

Tuy không quen thuộc gì với Kỳ Sâm, nhưng Thạch Đạt Lang có biết hắn khi còn ở trọ tại xưởng mài kiếm của Vương Chính. Vương Chính thường liên lạc với

các học viên của trường dạy binh pháp Hồ Phong. Sau lần Cát Xuyên Mộc ra tay giết một số học viên của trường này trên bờ sông Sumida rồi sau đấy lại tận diệt mấy người khi bọn này tìm đến báo thù cho bạn đồng môn thì Vương Chính xem chừng phần nộ lắm. Vì không muốn dính dáng đến những chuyện ân oán giang hồ như thế, Thạch Đạt Lang bỏ đi, không ở trọ nhà Vương Chính nữa. Bây giờ Kỳ

Sâm lại đến tìm hắn, chẳng hiểu có mục đích gì?

Thạch Đạt Lang ra đón khách ở cửa ngoài. Tuy gọi cửa ngoài những thực ra căn lều không có cửa. Những hôm gió lộng, mưa to, chỉ có tấm liếp cỏ được dùng để che chỗ nằm cho hai thầy trò và những vật dụng linh tinh cùng sách vở. Góc bên kia là bếp. Thành ra chủ khách phải đứng ngoài hiên đàm

chiều mưa trên gác trọ

Chiều nay trên gác vắng,
Thấy khuất nẻo đường về
Ngậm sầu trong im lặng
Ngày sao dài lê thê.

Ngoài trời đầy mưa gió,
Khơi nguồn bao ý thơ
Nhắc bút lên toan viết,
Biết viết gì bây giờ?

Gác trọ mây vây quanh,
Bịt bùng màu nhạt xanh,
Thị tứ buông chìm xuống
Lẩn trong đám mây thành.

Tiếng hát đâu ngân nga?
Do người thương nữ ca,
Nhạc vàng nghe réo rắt,
Như khúc Hậu Đình Hoa.

Xa xa đỉnh núi cao,
Trong khe... có chủ nào
vào thối mây trong đó,
Ngóng ngày về hay sao?
Đàn chim trời bay ngang
Lệch lạc đôi ba hàng,
Ý chừng như mỗi cánh,
Tìm về trong muện màng.

Chạnh niềm nhớ hương quê,
Lòng chua xót tái tê,
Mẹ ơi, qua bão táp,
Nay mai con sẽ về.

nam-thanh nguyên xuân lê



đạo.

— Túc hạ đến có việc gì? Sao biết tại hạ ở đây mà tìm?

— Đại hiệp tha cho tội đường đột. Câu chuyện còn dài xin để kể sau. Vả lại đây không phải là việc chính. Việc chính là có một vị hiện đang là tân khách của gia phụ muốn được gặp đại hiệp.

— Ô! Ai vậy?

Kỳ Sâm mỉm cười:

— Không tiện tiết lộ danh tính. Vị đó bảo muốn dành cho đại hiệp một sự ngạc nhiên thích thú.

Thạch Đạt Lang cũng cười:

— Ra thế đấy! Thế vị đó đâu, sao không mời vào?

— Hiện ở tại tệt xá. Và đó cũng là lý do tại hạ vâng nghiêm mệnh đến đây thỉnh đại hiệp...

Thạch Đạt Lang cau mày. Ở tân đô hán chẳng quen ai nên tò mò gắng hỏi, thì chỉ được đáp người đó biết hán từ khi còn nhỏ.

“Ai thế nhỉ?” Thạch Đạt Lang nghĩ thầm. Chẳng lẽ Mãn Hà Chí, hay có thể một người nào đó ở Mimasaka, hoặc Đại Quán hay Oa Tử. Hán không tin là Oa Tử, nhưng trong thâm tâm ước mong người đó sẽ là nàng. Niềm hy vọng tràn ngập trong lòng, Thạch Đạt Lang hớn hở như đứa trẻ sắp được kẹo.

— Đại hiệp đến không?

— Ngay bây giờ ư?

Kỳ Sâm gật:

— Ngay bây giờ. Đêm nay có trăng, trời mát mẻ. Tại hạ đã dẫn theo một con ngựa buộc ngoài kia chờ sẵn.

Thạch Đạt Lang gọi Hạo Nhiên tới dặn dò mấy câu rồi ra khỏi nhà. Kỳ Sâm hỏi:

— Hồ Phong Thừa Chí, con trai duy nhất của Hồ Phong Hạo Điền mới bị Cát Xuyên Mộc giết chết, đại hiệp biết chưa?

— Chưa. Tại hạ ở chỗ cô lậu này, hàng tháng chẳng có người qua lại, như ếch ngồi đáy giếng, có rõ gì đâu!

— Thừa Chí đến chỗ Cát Xuyên Mộc trọ trên đồi Lâm Nguyệt định ám sát hán, không ngờ việc chẳng thành nên vong mạng.

Thạch Đạt Lang lắc đầu. Những chuyện oán cừu như thế nếu không tìm rõ ngọn ngành để giải toả, chắc còn nhiều người chết. Kể từ ngày bọn đệ tử Hồ Phong bị mất mạng trên bờ sông Sumida, rồi năm học viên của trường bị giết, cộng với Thừa Chí tử thương mới đây, tất cả có trên mười người thuộc phái Hồ Phong bị Cát Xuyên Mộc tàn sát. Và như thế chứng tỏ Giang Biên Liễu chẳng phải tay vừa.

Tiếng ngựa hí nghe đã gần. Kỳ Sâm tới tháo cương trao ngựa cho Thạch Đạt Lang, yên cương đã bắt đầu ẩm. Thạch Đạt Lang nhảy lên ngựa cùng với Kỳ Sâm sóng đôi đi sâu vào rừng qua các lùm trác cao, chẳng mấy chốc đã bị sương đêm che khuất dạng.

Hạo Nhiên ngồi trước hiên trong bóng tối của căn lều, giữa sự cô tịch của cảnh vật xung quanh. Nó đã sống trong cảnh hoang vắng từ nhỏ, nhưng sao đêm nay Hạo Nhiên bỗng thấy sự hoang vắng ấy rõ nét như chưa bao giờ thấy. Tiếng côn trùng nhỏ hơn, hàng trác sau nhà cũng im phắc, không nghe rì rào như mọi lúc.

Hạo Nhiên nhớ đến những lời sư phụ khi nãy: “Mắt ta! Nhìn vào mắt ta!”. Trước đây nó không hiểu tại sao khi tập luyện, sư phụ thường bắt nó nhìn vào mắt người. Bây giờ mới vỡ lẽ, không những chỉ để dẫn xúc động và sợ hãi mà còn để chế ngự kẻ địch nữa.

“Đừng để tinh thần giao động vì khiếp nhược”, ôn lời sư phụ dạy, Hạo Nhiên chợt thấy trong bóng tối, trên lùm trác cao, một đôi mắt đương chăm chăm nhìn nó. Đôi mắt tròn xoay, đỏ quạch nhìn nó không chớp một cách ma quái. Hạo Nhiên cau mày. Tuy không giống mắt sư phụ nhìn trong những lúc giao đấu nhưng tia mắt cũng ghê gớm như thế, khiến nó hơi rùng mình, da nổi gai ốc. Ở những nơi hoang vu như thế này, xưa kia biết đâu chẳng là chỗ chiến trường, oan hồn vô số lẫn quất bên bờ lau, bụi cỏ. Cũng như con cáo trước đây đã dẫn nó đi lạc ở Higakubo là hiện

thân của loài ma quỷ nào đó, bất luận người hay vật có đôi mắt tròn đỏ lạ lùng như thế kia chắc không phải là bạn. Hạo Nhiên định bước vào nhà, tránh nhìn đôi mắt khiến nó rợn người, nổi gai ốc như khi nghe tiếng dao cạo vào cật nữa. Nhưng bỗng ý thức sự hèn kém của mình, Hạo Nhiên không đứng dậy nữa. Nó ngồi yên, trừng trừng nhìn lại đôi mắt đang nhìn nó.

“Ta không sợ”, Hạo Nhiên tự nhủ. “Dù mày là ai, oan hồn hay yêu quái, ta cũng không sợ”.

Kỳ dị thay! Trong một sự tranh thắng lạ lùng, đôi mắt kia dường như cũng nghĩ như vậy và trở nên sáng hơn, mục lực mạnh hơn như xoáy vào mắt nó. Hạo Nhiên nhìn lại, không chớp, tinh thần căng thẳng, vận toàn lực buộc đôi mắt kia phải bỏ cuộc. Thời gian trôi đi bao lâu không rõ, Hạo Nhiên tưởng đã phải nín thở suốt trong thời gian ấy. Và trong một sát na, nó biết là nó đã thắng.

Đôi mắt không còn ở đó nữa. Có tiếng lá động sột soạt và tiếng chim vỗ cánh bay đi, nhẹ như gió thoảng.

Trán Hạo Nhiên ướt đầm mồ hôi. Bây giờ nó thấy người dễ chịu hơn và tự hứa lần sau luyện kiếm với sư phụ sẽ nhất quyết không để bị khiếp nhược.

Hạo Nhiên bước vào nhà, tắt đèn, nằm lên chiếu như thường lệ, thanh kiếm gỗ để bên. Bên ngoài lều, cỏ lóng lánh sương, phản chiếu ánh trăng màu nguyệt bạch. Nó thiếp đi.

Trong giấc mơ, Hạo Nhiên tưởng nhìn thấy một điểm sáng nhỏ xíu giữa bóng đen vô tận. Điểm sáng to dần mãi ra, chuyển từ màu lục sang màu hồng rồi đỏ chói, vàng sậm, tím ngắt quay tròn như hào quang của một chiếc cầu vồng không có đầu mà cũng không có cuối làm nó choáng ngợp.

Giật mình tỉnh dậy, trở mình trên chiếu, Hạo Nhiên nhìn qua khung cửa mở thấy trên cao, tít tưng cao, hai vì sao xanh biếc đang nhìn nó.

(còn tiếp)

chính khách

TRUYỆN DÀI
Nguyễn Ngọc Ngạn



(tiếp theo)

CHƯƠNG HAI

Bữa tiệc mừng sinh nhật ông Vũ Tam Phong không ngờ lại biến thành một buổi thảo luận chính trị. Nói đúng ra thì cũng chẳng phải tiệc sinh nhật, bởi từ nhỏ đến giờ, ông và mọi người trong gia đình ông không có thói quen xa xỉ ấy. Năm ấy ông bước vào tuổi sáu mươi, cái tuổi mà giá còn ở Việt Nam thì chỉ ngồi uống trà chơi với cháu, nhân có mấy nhân vật từ phương xa ngỏ ý ghé thăm, vợ ông bàn với lũ con, nấu vài món ăn, mời bạn bè họp mặt để gọi là có đôi lời chúc thọ đối với một người già trước tuổi. Đời ông, xét về một phương diện

nào đó, rõ ràng ông đã thành công. Nhưng chính cái thành công ấy đã khiến cho suốt mười sáu năm nay, chẳng mấy khi ông không thao thức ân hận. Ông nhớ mãi cái hôm cuối tháng tư, đặt chân lên chiến hạm Mỹ ngoài khơi Thái Bình dương, đưa tay lên cổ áo gỡ mấy ngôi sao ngậm ngùi quăng xuống biển, rung rung thấy cuộc đời từ đây mất hết cả ý nghĩa. Bại tướng mà chỉ thấy cuộc đời mất hết ý nghĩa cũng chưa đủ. Ngày xưa, hễ tướng thua trận thì phải tự sát. Chuyện ấy đã gần như một qui luật. Có lẽ thân về thì một là bị chặt đầu, hai là ôm mối nhục mà chết. Danh tướng nước Triệu cuối đời Chiến Quốc là Triệu Xa, đánh đầu

thắng đấy, nhưng không lúc nào không lo. Mãi đến khi lâm bệnh, hấp hối, mới vui mừng gọi con là Triệu Quát đến bên cạnh mà bảo: “Suốt cả đời ta chỉ lo cái nhục thua trận. Đến nay mới thoát mối lo ấy, bởi ta sắp chết! Ta có thể an tâm nhắm mắt!”. Tướng đời nay như ông Vũ Tam Phong, tuy chẳng cần phải mang trong lòng cái hào khí quá khắc nghiệt ấy, nhưng mối hận thì không phút nào ông quên được.

Đặt chân lên nước Mỹ lúc tuổi mới ngoài bốn mươi, ông thấy mình già xạm đi bởi cái mặc cảm vô dụng ngày đêm ám ảnh. Ông muốn sống lại thời quá khứ mà ông tự cảm thấy nhiều lỗi lầm, muốn lao thân vào một trận thư hùng quyết tử với giặc để chuộc lại những lơ là thuở xưa, nhưng tất cả đều đã quá muộn. Ông lang thang một thời gian, tìm kế sinh nhai vớ vẩn rồi khám phá ra cái thú đọc sách, phần lớn là sách biên khảo về lịch sử chiến tranh, bên cạnh việc chăm sóc bonsai. Cũng có lúc ông học thiền, tập thái cực quyền và nghiên cứu tử vi, nhưng chỉ được một thời gian rồi bỏ hết. Chiến hữu cũ, nhiều người ghé thăm, thúc giục ông đứng ra hoạt động, hoặc gia nhập một tổ chức có sẵn, ông đều lắc đầu từ chối. Ai cũng bảo ông “phải làm một cái gì”, nhưng ông không biết một cái gì đó là cái gì, nên tốt nhất là sống thầm lặng. Dăm ba nhà xuất bản đề nghị ông viết hồi ký, ông cũng không nhận lời dù biết rằng sẽ có chút tiền tiêu vặt. Ông không nhận lời bởi ông biết mình sẽ không đủ can đảm nói thật.

Mục đích của hồi ký bao giờ cũng nhằm truyền đạt một kinh nghiệm sống, có thể dùng như một sử liệu mai sau. Vì thế, nếu người viết hồi ký không đủ thẳng thắn để ghi lại sự thật thì tự căn bản, hồi ký đã chẳng có giá trị gì. Ông đọc hồi ký của các tướng lĩnh khác, đôi khi buồn cười và tội nghiệp, bởi cùng một sự kiện, hai tác giả kể lại hoàn toàn trái ngược nhau. Cho nên, dù rằng bây giờ ông có nói thật, chưa chắc độc giả đã tin ông. Hướng chỉ

hồi ký của người Việt thường chỉ là để khoe khoang hay biện hộ, ít khi thú nhận khuyết điểm.

Ông tránh né cả những nhà báo đến xin phỏng vấn. Thậm chí có người viết tin vu khống ông, cố để ông phải ra mặt trả lời mà ông vẫn nhẩn nhệ im lặng. Ông tin rằng, mọi sinh hoạt chính trị ồn ào tại hải ngoại chỉ là phung phí thì giờ và tài lực mà thôi. Hy vọng trở về trước sau vẫn là ảo tưởng. Ông tiếc giùm cho cựu tổng thống Nguyễn văn Thiệu, đã ẩn dật được hơn mười năm, bỗng lại đưa đầu ra cho thiên hạ thị phi.

Lịch sử là một chuỗi dài những biến động nối kết nhau, liên tục trôi như một dòng nước. Trên chiều dài vô tận ấy, mỗi người chỉ có một thời và khi cái thời ấy đã qua thì đừng hoài công níu kéo. Ông nghiệm ra một điều là, nhờ sống thắm lặng, tên tuổi ông chưa bị đốt cháy. Thiên hạ vẫn còn dành cho ông một chỗ đứng bởi ông chưa va chạm với bất cứ ai và ông dự trù sẽ tiếp tục duy trì tình trạng này cho đến ngày chết già trên đất khách.

Rồi Đông Âu bỗng nhiên nổi sóng. Mạng lưới cộng sản vỡ toang từng mảnh. Căn cứ theo lịch sử thì điều này phải coi là một phép lạ. Nhưng sự thật thì đó chỉ là một tất yếu khách quan không thể tránh được. Chủ nghĩa cộng sản ra đời và thành công ở nhiều nơi không phải vì lý thuyết Mác-xít tự nó có những điểm hợp lý, mà chỉ vì cái thế giới tư bản đối nghịch nó, vào thời kỳ phôi thai đó, có quá nhiều khuyết điểm. Nói cách khác, cộng sản thắng không phải vì họ hay, mà vì tư bản dở. Như vậy, một khi tư bản sửa đổi khuyết điểm để trở nên hoàn thiện hơn thì cộng sản chẳng còn lý do gì để đứng vững nữa, mà trái lại, vì mang nặng tính cực đoan bảo thủ, lại không cho nhân dân được quyền phát biểu tư kiến, hệ thống xã hội chủ nghĩa toàn cầu đã tự kìm hãm bước chân mình, lui lại phía sau tư bản hàng nhiều thập niên về mọi mặt.

Riêng trường hợp Việt Nam,

cộng sản đã thâm nhập một cách tương đối dễ dàng, nhờ Hồ Chí Minh khôn khéo vận động nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp và cố tình làm cho người ta lầm tưởng rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có khả năng đánh đuổi ngoại xâm. Trên thực tế, từ sau thế chiến thứ hai, các nước bị đô hộ đều lần lượt thu hồi độc lập và rất nhiều quốc gia đuối được thực dân trước cả Việt Nam mà không hề cần đến sự hiện diện của cộng sản. Cho nên chủ nghĩa thực dân tại Việt Nam, xét cho cùng là cái may của chủ nghĩa cộng sản. Khẳng định rằng cộng sản Việt Nam có công đuổi giặc Pháp là một ngụ thuyết, bởi trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, tuyệt đại đa số người dân tham gia không hề biết cộng sản là gì, và mãi mai hơn nữa, chính Hồ Chí Minh đã không dám đem khoe cái nhãn hiệu cộng sản của mình, mà có lúc còn phải tuyên bố giải tán để chiêu theo dư luận.

Cái chế độ áp đặt phi lý ấy, mãi đến nay mới sụp đổ ở Đông Âu, thì kể cũng là trễ lắm. Nhân loại đang tiến sang một khúc rẽ mới, một kỷ nguyên mà nhân quyền phải được tôn trọng khắp nơi. Mọi chiêu bài giải dối mọi nhân danh ngụ tạo đều phải nhường bước để trả lại quyền làm người cho quần chúng. Bao lâu nay người ta bị kìm kẹp đến độ tưởng rằng tự do và dân chủ là những ân huệ của chính quyền. Kỳ thực đó là quyền tất yếu của mỗi người mà các chính quyền độc tài tước đoạt. Không gì mãi mai bằng nghe Nguyễn văn Linh "cởi trói văn nghệ". Cởi trói văn nghệ có nghĩa là xác nhận trước đó văn nghệ bị trói. Trên thế giới này, ngoại trừ cộng sản ra, làm gì có chính quyền nào dám trói tay văn nghệ! Nhân quyền đã được đòi lại ở khắp nơi. Chỉ riêng Việt Nam vẫn chưa bùng lên được. "Người cao lớn bởi vì ta cúi xuống", câu thơ Tố Hữu hơn lúc nào hết, hãy dùng như một khẩu hiệu để nhất loạt bảo nhau đứng thẳng người lên, giằng lấy chính quyền từ tay bọn thống trị lạc hậu

trong đó có cả tên bồi bút Tố Hữu đã hô hào chém giết bao nhiêu năm qua. Các nước cộng sản Đông Âu làm được, thì nhất định nhân dân Việt Nam cũng sẽ làm được!

Chuyện Đông Âu làm ông Vũ Tam Phong thấy lòng mình mở rộng. May ra ông sẽ không phải chết già ở hải ngoại nữa. Thời của ông dĩ nhiên đã qua rồi. Những người lính chiến sung sức nhất trên chiến trường năm xưa, bây giờ đều đã trên dưới ngũ tuần hoặc cao hơn. Dù muốn dù không, chuyện đất nước cũng phải chuyển dần sang lớp trẻ. Nhưng ít ra, ông có thể về sống trên quê hương những năm cuối đời, chia sẻ với đồng bào niềm vui của lịch sử sang trang. Bạn hữu đến gặp ông thường xuyên hơn, thăm dò ý kiến để mời ông hoạt động. Cựu đại tá tham mưu trưởng sư đoàn, người kề cận nhất với ông ngày trước, tới rủ ông đi ăn phở và thân mật trách:

— Niên trưởng trùm chần lâu quá rồi! Xuất đầu lộ diện đi thôi, để anh em có điểm tựa mà theo.

Ông Phong chỉ cười không đáp. Câu nói "cầu hiền" ấy ông đã nghe nhiều lần từ anh em hội Cựu Quân Nhân ở địa phương, từ Mặt Trận của tướng Minh, từ bên tổng hội Cựu Chiến Sĩ, từ vị đại diện cạnh ông Thiệu, và nhiều tổ chức khác đến rủ rê. Lần nào ông cũng cười trừ. Thân lắm ông mới bày tỏ mối ưu tư của mình:

— Các ông lập hội mà để đoàn viên không có việc gì làm, lâu dần sẽ rã đám hết. Hoặc tệ hơn nữa, là họ quay ra đánh nhau! Chúng ta đánh giặc ở một chỗ không có giặc, hậu quả tất nhiên là chúng ta xoay chiều, dòm ngó rình rập nhau. Có những người làm công tác đấu tranh mà tầm mắt không bao giờ vượt ra khỏi cộng đồng, nghĩa là chỉ nhắm vào bạn chứ không nhắm vào thù. Có những tổ chức lại vẽ ra những mục tiêu quá lớn để rồi không làm được gì cả, khiến anh em trong tổ chức thất vọng. Hồi giáo sư Nguyễn Ngọc Huy còn sống, ghé thăm tôi, tôi hỏi: Sau khi

gây dựng cơ sở các nơi rồi thì Liên Minh của giáo sư sẽ làm gì? Đoàn thể nào cũng gặp cái bế tắc ấy. Giáo sư Huy là người có kiến thức uyên bác về chính trị, nhưng ông cũng không thể ngờ được cộng sản Đông Âu sẽ sụp đổ, cho nên ông hướng hoạt động của ông sang việc vận động quốc tế, tìm một giải pháp cho Việt Nam, mặc dầu ông không hy vọng bao nhiêu. Bây giờ tình hình vừa sáng sủa thì ông ấy mất!

Người kia ngắt lời:

— Đó là chuyện ngày trước. Bây giờ thiếu gì việc làm. Nhưng trước hết mình phải tập hợp lại đã, phải ngồi chung lại đã!

— Đối với người Việt mình, không cần hô hào đoàn kết. Hễ có giặc, tự động mọi người sẽ đoàn kết.

— Có giặc chứ sao không! Hồi

khánh liên, em ở đâu?

*Bao người tới đã tới
Riêng mình em vẫn chưa
Mỗi mòn năm tháng đợi
Xa đau đến bao giờ?*

*Bao nhiêu người đã tự
Sao chúng mình vẫn ly
Tưởng xót xa đã đủ
Sao trăn trở nghìn khuya*

*Bao nhiêu người đã thác
Nơi đây biển rừng sâu
Bao nhiêu đời tan tác
Khi đang còn bên nhau*

*Em ở đâu Khánh Liên?
Có nghe anh hằng gọi
Xoá vắn điệu sầu miên
Ta viết bài thơ mới*

*Ném đi những tủi phiền
Yêu trọn đời tình cuối
Mình chưa già đâu em
Bởi tình ta muôn tuổi.*

hà huyền chi

trước khác, bây giờ khác. Chính vì vậy tôi mới dám ngỏ lời mời niên trưởng ra hoạt động.

Nói gì thì nói, ông vẫn lắc đầu. Ông chớp mắt bảo:

— Thời gian đi nhanh quá! Mới đó mà tôi đã sáu mươi rồi đấy. Thứ bảy này ông lại ăn cơm với tôi, nhân tiện có vài người ở xa tới.

Trong số những nhân vật gọi là “ở xa” ấy, có cả Phạm Đoàn vừa đến thành phố để nói về một đề tài không cần thiết nhưng thời thượng là “Thể chế của Việt Nam hậu Cộng sản”. Dĩ nhiên Đoàn không nổi tiếng đến nỗi ông Vũ Tam Phong phải mời về nhà. Chính Phạm Đoàn, với tư cách nhà báo, đã điện thoại trước, xin gặp ông để phỏng vấn cho tờ tạp chí của mình. Ông Phong không nhận lời cho phỏng vấn, nhưng mời Đoàn “cứ việc đến chơi”, và Đoàn vì tò mò, nán lại một ngày để tiếp xúc với nhân vật huyền thoại này.

Lúc người bạn chở Đoàn đến, nhà ông Phong đã đầy khách. Gia chủ ra đón tận cửa, mời vào và giới thiệu với quan khách. Đoàn bắt tay khắp lượt, đón nhận những lời khen khách sáo. “Tôi nghe danh ông đã lâu, hôm nay mới hân hạnh được gặp”. “Tôi vẫn thường xuyên đọc báo của ông. Nội dung phong phú lắm”. “Bài thuyết trình của ông hôm qua về thể chế áp dụng tại Việt Nam sau khi Cộng sản sụp đổ thật là súc tích, dư luận rất chú ý, ai cũng tán thưởng!”... Đại khái cứ như thế. Mỗi người một câu xã giao gọi là giữ lễ với người phương xa. Đoàn đi nhiều nên nghe đã quen tai, tuy vẫn thích nhưng không còn xúc động lắm. Phòng khách chật cứng. Một gã thanh niên đang ngồi trên sofa, đứng dậy nhường chỗ cho Đoàn và hỏi đưa đây:

— Hôm qua tôi bận, tiếc quá không được nghe anh thuyết trình. Theo anh, thể chế sau này của Việt Nam sẽ giống nước nào?

Phạm Đoàn đã thuộc bài nên đáp ngay:

— Theo mô thức tương tự như Canada là hợp lý hơn cả. Không

nên áp dụng tổng thống chế mà nên theo đại nghị. Đảng nào nắm đa số trong quốc hội thì đảng đó lập chính phủ. Vì hoàn cảnh địa lý, đất nước chúng ta chạy từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, chiều dài thì quá dài mà chiều ngang quá ngắn. Hơn thế nữa, vì sự chia cắt sau hiệp định Geneve mấy chục năm trời, hai miền Nam Bắc có những khác biệt về nhiều mặt, chưa thể một sớm một chiều đồng nhất được. Khi chế độ cộng sản sụp đổ, đất nước thống nhất trong một vận hội mới, tuy bình đẳng về mọi mặt, nhưng cần dành cho chính quyền địa phương được tự trị về một số phương diện để phát triển theo hoàn cảnh của từng vùng.

Nhiều cái đầu gật gù tỏ ý tán đồng. Nhưng người đàn ông ngồi bên gia chủ ho nhẹ một tiếng rồi trịnh trọng góp ý:

— Những điều anh Đoàn vừa phát biểu thật là xác đáng. Tuy nhiên, tôi thiết nghĩ việc ấy còn quá sớm. Thể chế tương lai của đất nước sẽ theo quyết định của quốc hội lập hiến do dân bầu lên. Tôi xin lỗi anh Đoàn, tôi không có ý phủ nhận những ưu tư của anh đối với đại cuộc, nhưng chuyện này đem ra bàn thảo bây giờ có quá sớm chăng? Việt cộng vẫn còn ngự trị trong nước, nhân dân vẫn đang lầm than. Theo thiển ý của tôi, vấn đề chúng ta cần nghĩ đến bây giờ là làm thế nào để cái chế độ kia biến đi đã. Giải quyết được chuyện căn bản đó, thì mọi việc khác cứ tuần tự mà tiến thôi. Việc xây dựng đất nước có chậm mất vài năm cũng được kia mà, miễn là chúng ta dành được tự do dân chủ từ tay cộng sản! Phá xong căn nhà cũ rồi, xây căn nhà mới chậm một chút cũng chẳng sao!

Mọi cái đầu lại gật gù đồng ý và hướng mắt nhìn về phía người vừa phát biểu. Người ấy chính là Phùng Đắc Kinh Luân, một khuôn mặt ít người biết đến, đang chạy đôn chạy đáo để thành lập chính phủ lưu vong, trong đó ông khiêm tốn tự nhận chức thủ tướng! Hôm nay

ông ghé đây, mục đích để ngỏ lời mời Vũ Tam Phong gia nhập nội các, giữ chân tổng trưởng quốc phòng.

Phùng Đắc Kinh Luân trạc tuổi hơn bốn mươi, dáng dấp dày dạn, dễ thu hút cảm tình người đối diện nhờ vẻ mặt hiền lành gần như ngây ngô. Dù trời nóng hay lạnh, ông luôn luôn mặc bộ com-lê màu đậm mà ông cho là cần thiết để biểu lộ tác phong chính khách. Đi theo ông hôm nay còn có một tùy viên trẻ tuổi, lúc nào cũng giữ thái độ kính cẩn, làm như Luân đã là thủ tướng thật rồi!

Từ khoảng hai năm nay, hàng loạt tổ chức lao xao xuất hiện, trình diện nhiều tên tuổi mà người Việt hải ngoại chưa hề nghe đến bao giờ. Có những đoàn thể vốn chỉ chuyên về hoạt động cộng đồng và xã hội,

bây giờ cũng nắm bắt tình thế, xoay hẳn sang chính trị. Sinh hoạt chính trị tại hải ngoại như một khu chợ trời bày ra đủ các mặt hàng, xấu tốt, giả thật, khó có thể thẩm định bằng cái nhìn hời hợt. Người thật tâm yêu nước cũng nhiều mà kẻ xu thời toan tính riêng tư chắc hẳn cũng không ít.

Phùng Đắc Kinh Luân nuôi tham vọng làm lớn đã lâu, ngay từ khi đặt chân đi tị nạn. Nhưng cái tham vọng ấy cứ tàn dần vì thời gian trôi qua vùn vụt mà không thấy chút ánh sáng nào ở cuối đường. Ông qui tụ một số anh em, lập hội ái hữu, sinh hoạt vớ vẩn được một thời gian rồi bỏ cuộc. Ông đi học, lấy mảnh bằng kỹ sư, cưới vợ, đẻ con, an phận đi làm kiếm sống, đợi ngày về hưu và chết! Bỗng cục diện thế giới bất ngờ biến

đổi làm ông bừng tỉnh, thúc giục ông trở lại với con đường chính trị vốn là khát vọng lớn nhất trong lòng ông. Dựa vào lịch sử cận đại, ông nêu ra một số nhận định căn bản và trình bày với người thân cận nhất, tức Tiêu Dao, vợ ông, nhằm thuyết phục bà vợ cho ông nghỉ việc để từ nay làm chính khách *full time*! Ông giảng:

— Chính trị nhược tiểu có những quy luật đặc biệt của nó. Vận dụng vào hiện tình Việt Nam, anh thấy rõ một điều là: Lực lượng thì ở trong nước mà tinh thần thì ở hải ngoại. Người Việt có óc vọng ngoại, cho nên người làm chính trị luôn luôn phải lưu vong rồi trở về thì mới ăn khách. Cùng một bản tin, báo ngoại quốc, đài ngoại quốc loan đi, người ta dễ nghe theo hơn là báo Việt. “Ai bao năm từng lê gót nơi quê người”! Việc ông Ngô Đình Diệm “lê gót nơi quê người” hoặc Hồ Chí Minh lang thang ở đất khách, đều được coi là những thành tích cho sự nghiệp chính trị. Bây giờ mình cũng vậy. Không cần biết mình qua đây làm gì, miễn là cứ sống ở nước ngoài là sáng giá rồi!

Tiêu Dao hững hờ:

— Nói thế cũng chả phải! Anh sống ở ngoại quốc một thời gian, mai sau anh trở về tất nhiên cũng có thể mang theo một số kiến thức. Còn những người làm chính trị thì họ lưu vong đâu phải để lo đi học hay đi làm như mình. Họ đi lo việc nước. Cho nên mai sau họ kể thành tích là đúng rồi.

Kinh Luân nhấn mạnh:

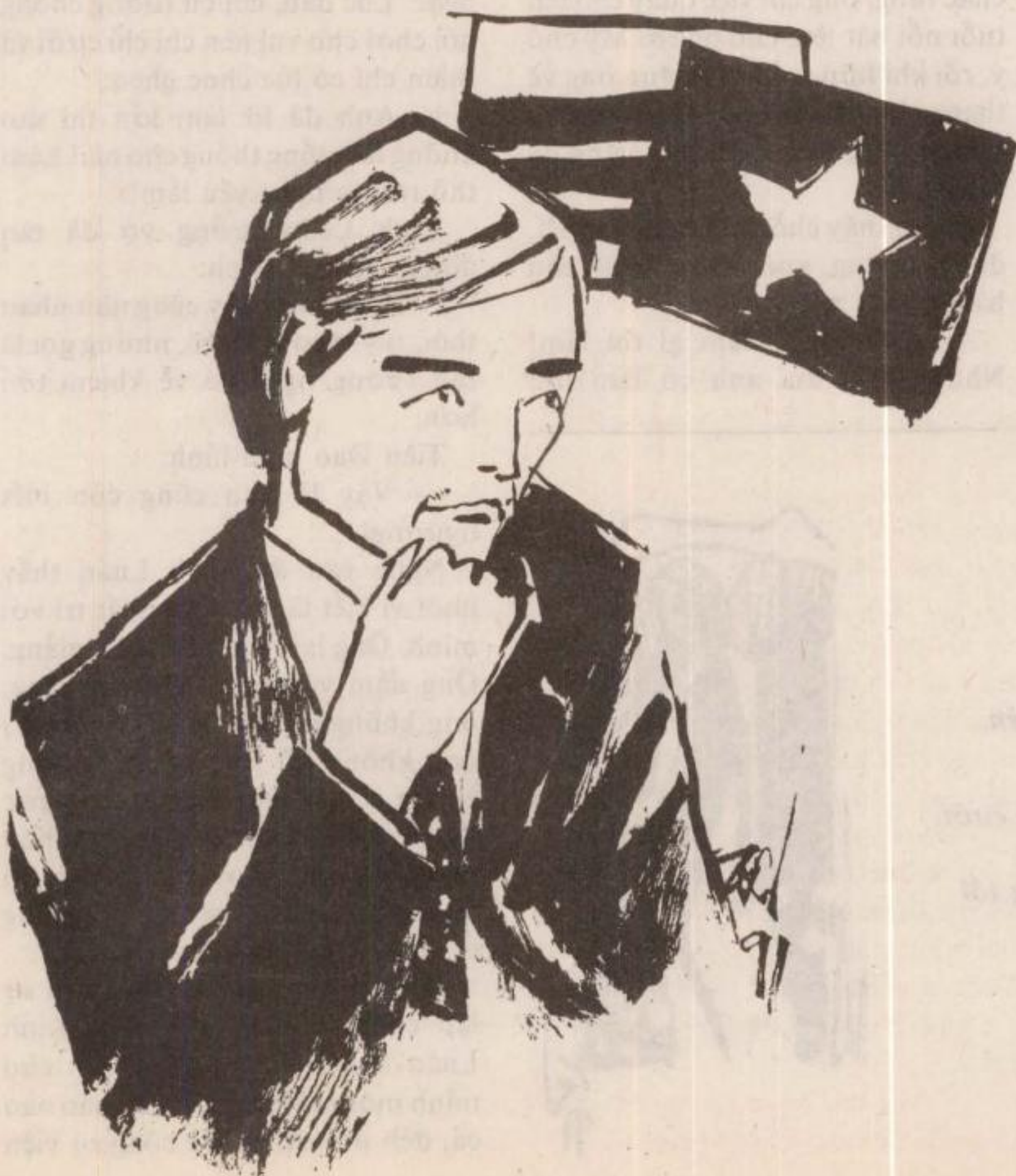
— Họ cũng như mình thôi. Thời cơ đến, tội gì mình không làm!

Bà vợ trở mặt hỏi lại:

— Anh định làm chính trị?

— Ô hay, không lẽ chuyện này mà dám nói đùa!

Tiêu Dao hơi lạnh người đi một chút. Từ ngày về chung sống với Kinh Luân, chị chưa hề nghe Kinh Luân bàn luận chính trị. Những hoạt động ngán ngủ của Kinh Luân trước khi gặp chị, dường như chính ông ta cũng đã quên hẳn, nay bỗng dưng khơi động tro tàn nhóm



lửa lại. Tiêu Dao nhìn chồng ngờ vực nhưng cũng hỏi cho có chuyện:

— Anh định theo ai? Ông Nguyễn văn Kim hay ông Lê Phước Sang? Hay là theo ông Thiệu đi! Có lẽ chỉ có mỗi ông Thiệu là có tiền. Máy ông kia nghèo lắm, theo làm gì!

Phùng Đắc Kinh Luân đáp gọn:

— Việc gì anh phải theo ai! Người ta theo anh thì có! Anh định làm thủ tướng, đứng ra lập nội các.

Tiêu Dao phì cười bỏ ra sân. Lâu lắm chị mới nghe chồng nói được một câu khôi hài có duyên. Nhưng Kinh Luân rụt theo, níu áo lại và chì chiết:

— Em tưởng anh nói giỡn hay sao!

Rồi kéo vợ ngồi xuống cái ghế xích đu đặt ở góc vườn, kiên trì giáo dục thêm để người đàn bà u tối ấy phải mở mắt ra mà nhìn rõ mục tiêu vĩ đại ông đang theo đuổi. Con đường làm quan tấ, theo ông, không khó khăn lắm. Ông nhấn mạnh:

— Ngô Đình Diệm đang nằm dài trong tu viện. Tình hình biến chuyển, Mỹ đưa về làm thủ tướng! Biết đâu anh chẳng là một Ngô Đình Diệm thứ hai.

Bà vợ vẫn lắc đầu cười. Một lúc mới đáp:

— Chắc anh phải đi gặp bác sĩ

tâm thần xem sao. Lúc này tâm thần anh bất ổn lắm đấy!

Kinh Luân thở dài đứng bật dậy, giơ hai tay lên trời:

— Chính em mới cần đi bác sĩ tâm thần! Chuyện như thế mà cũng không nhìn ra! Cứu nước là chuyện đại sự, đâu có giỡn chơi được!

— Vâng. Nhưng trước khi cứu nước, xin anh hãy cứu chính anh và em đã! Anh đòi bỏ việc, lấy gì mà sống?

Kinh Luân kiên nhẫn thuyết phục cả tuần lễ. Tiêu Dao vốn không để ý nhiều về lịch sử, cho nên ông chồng dẫn chứng nhiều dữ kiện hoàn toàn sai lạc mà chị không biết. Việc về nước của ông Diệm, vua Bảo Đại là yếu tố chính, Kinh Luân không nhắc đến. Vả lại, giữa bao nhiêu người lo việc nước thời ấy, tại sao Bảo Đại chọn ông Diệm, Kinh Luân cũng không nói đến. Trong thâm sâu, Kinh Luân cứ tin chắc rằng, ông chỉ việc quây cho tên tuổi nổi bật lên, cho người Mỹ chú ý, rồi khi hữu sự, Mỹ sẽ đưa ông về tham chính! Việc này đối với ông không khó, ông thừa khả năng để thực hiện.

Bà vợ thấy chồng lắm nhảm mải, đành buông xuôi bằng một câu hàm ý mai mỉa:

— Anh muốn làm gì thì làm! Nhưng mai kia anh có làm thủ

tướng thì cũng đừng gọi em là đệ nhất phu nhân!

Từ hôm đó, Phùng Đắc Kinh Luân bận tíu tít. Hễ không nói chuyện điện thoại thì lại cầm đầu viết lách, phác hoạ sơ đồ tổ chức, tìm người điền khuyết vào các chức vụ, từ tổng bộ trưởng đến quốc vụ khanh. Rồi thiên hạ lũ lượt kéo đến. Người quen đã đành mà có cả những khuôn mặt Tiêu Dao chưa bao giờ nhìn thấy. Họ ngồi thì thăm với nhau trong phòng làm việc của Kinh Luân — lúc này hình như đã biến thành phủ thủ tướng — mặt ai cũng nghiêm và buồn, thái độ hết sức trang trọng. Tiêu Dao dứt khoát không can dự vào, cho nên ngay cả việc pha trà và cả phê cho khách, cũng do một tùy viên của Kinh Luân đảm nhận.

Những buổi họp hành như thế diễn ra liên tiếp ngay tại nhà Kinh Luân khiến bà vợ hết sức kinh ngạc. Lúc đầu, chị cứ tưởng chồng nói chơi cho vui nên chị chỉ cười và thậm chí có lúc chọc ghẹo:

— Anh đã lỡ làm lớn thì sao không làm tổng thống cho oai! Làm thủ tướng nghe yếu lắm!

Kinh Luân tưởng vợ đã tán đồng, vội giải thích:

— Hai chức vụ ấy cũng như nhau thôi, tùy theo thể chế, nhưng gọi là thủ tướng nghe có vẻ khiêm tốn hơn.

Tiêu Dao hóm hỉnh:

— Vậy là anh cũng còn biết ngượng!

Nghe câu ấy Kinh Luân thấy nhột vì biết là vợ chưa nhất trí với mình. Ông lại tiếp tục thuyết giảng. Ông nắm vững một chân lý rằng: ông không thể làm gì được nếu vợ ông không hỗ trợ hay ít ra đừng chống lại. Nay mai trên bước đường cứu nước, ông sẽ phải bôn ba nhiều nơi, giao nhà cửa con cái lại cho một mình vợ ông lo. Không tề gia thì nói chi đến trị quốc!

Điều buồn cười là khi khởi sự lập chính phủ, Phùng Đắc Kinh Luân không hề trang bị sẵn cho mình một mớ lý thuyết căn bản nào cả, đến nỗi chính các cộng sự viện

trong tôi ngày cũ

Chiều nghiêng bóng sả sau hè
Nghe tôi ngày cũ rộn về yêu thương
Nhớ xưa phố núi đời sương
Em thong thả bước nhịp đời chợ phiên

Từ em mái nón chào nghiêng
Trong vườn tôi bỗng hồn nhiên tiếng cười
Từ em tóc vấn mây trời
Cho nghiêng ngả ngọn sóng đời trong tôi

Từ em gom nắng, chia phơi
Ngõ tôi hoang đứ mấy hồi cô đơn
Xuân phong từ độ quên vời
Tôi đành khoác áo thu đời năm xưa.

kim quốc khanh



ông mời đến cũng phải lấy làm ngạc nhiên và thất vọng ra mặt.

— Việc đầu tiên là mình phải họp báo. Ông không nắm vững vấn đề, báo chí nó quay, biết đảng nào mà trả lời!

Một người thân cận nhất của Kinh Luân, thi sĩ Mặc Sầu, thẳng thắn phê bình và đưa ra ngay một số biện pháp cụ thể. Mặc Sầu thực ra không phải là nhà thơ đúng nghĩa. Ông mê thơ, thuộc lòng rất nhiều bài và thường ngâm nga ở mỗi buổi họp mặt, lâu dần thiên hạ gọi ông là thi sĩ. Ông lớn hơn Kinh Luân cả về kiến thức lẫn tuổi tác, trong thâm sâu không cảm phục Kinh Luân lắm, nhưng vì chút tình tri ngộ năm xưa khi mới từ Paris qua, được vợ chồng Kinh Luân giúp đỡ nên giờ đây ông trả ơn bằng cách nhận làm cố vấn chính trị kiêm phát ngôn viên của nội các lâm thời. Ông yêu cầu Kinh Luân tập dượt trước, trả lời hàng loạt câu hỏi do chính phe ta đặt ra, để rút kinh nghiệm cho những cuộc họp báo sắp tới.

Mặc Sầu trước đây định cư tại Pháp, cho nên biết rõ phương thức này, mười năm trước Trương Như Tảng đã từng thực hành, nhưng ông ta ngớ ngẩn quá nên không những không thu phục được ai mà ngay cả những người đang hỗ trợ ông ta cũng bỏ đi hết. Ngày ấy Tảng chuẩn bị ra mắt báo chí và cộng đồng, được nhiều nhân sĩ chống Cộng tỏ phù hữu bất, tôn phù Tảng như một minh chủ. Tảng say sưa nhớ lại cái hào quang của năm 60 khi mới thành lập Mặt trận Giải phóng miền Nam, được Pháp ủng hộ và cả Việt kiều thân Cộng hòa theo. Hai mươi năm sau, tình hình đã đổi khác, người Việt bỏ nước ra đi, căm thù Mặt trận Giải phóng đến xương tủy bởi bọn này rước Bắc Việt vào xâm lăng. Đến ngay cả đám đông phản chiến ngày trước cũng đã đổi cách nhìn, thế mà Tảng vẫn ngớ ngẩn khoe khoang thành tích chống Mỹ cứu nước trước mặt người tị nạn và kêu gọi mọi người đứng sau lưng Tảng để chống

Cộng!

Nói rằng Tảng ngớ ngẩn thì cũng không đúng bởi ông ta có chủ đích riêng. Tảng không chống Cộng. Ông ta chỉ chống Lê Duẩn bởi Mặt Trận của ông bị bỏ rơi. Nhiều người quốc gia lúc bấy giờ tưởng rằng có thể liên kết được với Tảng, cho nên vây quanh, dạy ông ta cách họp báo, tập dượt trước những câu hỏi mà họ biết thiên hạ sẽ nêu ra, để Tảng trả lời và hiệu triệu quần chúng. Những người quốc gia ấy tin rằng mình có thể dùng được Tảng, nhưng hoá ra lại bị Tảng lợi dụng và cuối cùng hai bên rã đám.

Mặc Sầu là một trong những nhân chứng của vụ đó. Rút kinh nghiệm, ông viết ra hàng chục câu hỏi, đọc cho lãnh tụ Kinh Luân nghe, rồi cùng nhau góp ý trả lời. Khi đã thông suốt mọi vấn đề, Kinh Luân mới được xuất hiện và bắt đầu xuống núi du thuyết. Mặc Sầu nói:

— Những thành phần như ông và tôi thì quơ tay lúc nào cũng có. Cần phải được một vài tên tuổi lớn đứng chung với mình mới lôi kéo được quần chúng!

Kinh Luân đồng ý ngay và lập ra một danh sách những thân hào nhân sĩ mà ông sẽ tiếp xúc. Tuy nhiên, ông nghĩ việc đầu tiên ông phải làm là lên đường qua Đông Âu để thu thập dữ kiện tận mắt, tiếp xúc với Việt kiều và du học sinh tại vài quốc gia như Ba Lan, Đông Đức và Tiệp Khắc, một cái mốt mà nhiều chính khách cho là không thể thiếu được trong tiến trình đấu tranh của mình.

Dừng chân ở Paris vài ngày, gặp gỡ những nhân vật tiêu biểu trong văn giới và chính giới, Kinh Luân nhận ra một điều là lẽ lối suy nghĩ của người Việt tại Âu châu có nhiều điều rất khác với Bắc Mỹ. Mảnh đất này là nơi giao lưu Quốc, Cộng; là tụ điểm trao đổi giữa những thành phần thời nào cũng nửa nạc nửa mỡ, là chốn dung thân của những kẻ ngả nghiêng, phù thịnh, phe nào mạnh thì uốn theo. Có những người quốc gia cực đoan,

vẫn có bạn bè rất thân bên hội Đoàn Kết. Bước xa hơn chút nữa, hoà mình với những Việt kiều tại Đông Đức và Tiệp Khắc, Phùng Khắc Kinh Luân xao xuyến thấy mình cần xét lại một số suy nghĩ mà ông vẫn coi là chân lý từ trước đến nay. Trở lại Hoa kỳ, ông gọi ngay cố vấn chính trị Mặc Sầu đến và đàm chiêu trình bày:

— Mình có nhiều cái sai lầm ông ạ. Không thể chống Cộng kiểu cổ được nữa. Chuyển đi vừa qua đã mở rộng tầm nhìn của tôi rất nhiều. Muốn chống Cộng sản, phải dựa vào chính Cộng sản! Phải liên kết, dùng họ làm đồng minh. Mà muốn dựa vào họ, trước hết phải xoá bỏ ranh giới, xoá hết thành kiến cũ. Tôi nói chuyện với các Việt kiều bên Tiệp Khắc, họ bảo tôi rằng, nếu các ông cứ giữ lá cờ vàng ba sọc đỏ cũ, cứ hát bài quốc ca của miền Nam, thì các ông ngăn cản không cho chúng tôi đứng chung với hàng ngũ của các ông. Chúng tôi còn thù Cộng sản hơn các ông nữa. Tất cả miền Bắc, hơn hai triệu đảng viên và bốn triệu đoàn viên thanh niên đều thù Cộng sản cả, chỉ chờ cơ hội để nổi lên! Khí thế sôi sục lắm. Mình phải tiến hành ngay công tác của mình, kiện toàn nội bộ...

Cố vấn Mặc Sầu đưa tay ngắt lời:

— Khoan, ông! Tôi làm phát ngôn viên cho ông, tôi phải nắm vững lập trường của ông thì mới nói chuyện với thiên hạ được. Có phải bây giờ ông chủ trương hoà hợp hoà giải với Việt cộng không? Bỏ cả quốc ca quốc kỳ luôn, phải không?

Kinh Luân giảng:

— Mình giữ bộ mặt chống Cộng cực đoan sẽ có hai điều bất lợi: Thứ nhất, người dân trong nước, hầu như gia đình nào cũng có người làm việc cho Việt cộng, không đảng viên, đoàn viên thì cũng là cán bộ, công nhân viên. Họ sẽ không hợp tác với mình bởi họ sợ mình trả thù. Thứ hai, thế giới ngày nay đang bước vào kỷ nguyên chung sống hoà bình, nếu cần lựa một nhóm để đưa về nước, Mỹ sẽ không

chọn mình bởi mình chống Cộng cực đoan. Do đó, con đường hoà hợp hoà giải là con đường thuận lợi nhất, hợp thời nhất.

Thi sĩ Mặc Sầu nóng mặt:

— Nếu ông chủ trương hoà hợp hoà giải thì tôi xin từ chức! Trong cộng đồng, chỉ có vài xích mích nhỏ giữa những người cùng chiến tuyến mà còn không hoà giải nổi. Huống chi ông đòi hoà giải với kẻ thù! Tôi nhất định từ chức! Bạn mới chưa chắc ông đã có, mà trước mắt ông đã mất bạn cũ rồi!

Phùng Đắc Kinh Luân trở mặt nhìn Mặc Sầu, lúng túng phân giải. Nội các chưa lập xong, chưa ra mắt quốc dân mà người cộng sự thân tín nhất đã rút lui thì ăn nói thế nào được với thiên hạ. Kinh Luân đem chủ trương của nhóm Thông Luận ra thuyết phục:

— Ông hiểu lầm rồi. Không phải là hoà hợp hoà giải với Việt cộng, mà chỉ hoà giải với những thành phần bị lừa để cùng chống lại thành phần thống trị!

Mặc Sầu thở dài chán ngán. Cuộc đời bể dâu quá! Một hai năm trước, bất cứ ai nói đến hoà hợp hoà giải đều trở thành mục tiêu xỉ vả của cộng đồng. Bây giờ thì tình hình biến đổi hẳn, thiên hạ xoay như chong chóng. Có kẻ mới hôm nào còn ủng hộ việc hành hung nhóm Thông Luận, nay đã sám hối bắt tay liên kết và công nhận nhóm này sáng suốt, nhìn xa trông rộng. Ông nhún nạy bảo Kinh Luân:

— Ai chả biết như thế! Chuyện này có gì mới lạ đâu! Trước 75, miền Nam đón nhận hơn 80 ngàn người hồi chánh. Có khi nào phe quốc gia không muốn mở rộng cửa? Liên kết với thành phần bị lừa, xét về lý thuyết thì đó là một sách lược lý tưởng. Nhưng làm sao ông biết ai bị lừa? Bây giờ Tố Hữu, Phạm văn Đồng, Trần Xuân Bách cùng hô lên là bị lừa, ông có vợ lấy hay không? Trong cái thế hỗn mang ngày nay, đầy rẫy những kẻ hai hàng, có mặt ở cả hai chiến tuyến, chờ bên nào mạnh thì ngã theo. Bên cạnh bọn thời cơ đó, tất nhiên phải

có những cán bộ được Đảng tung ra, mang bộ mặt phản kháng để xoa dịu quần chúng và làm rối mù tập thể người Việt quốc gia. Ông có đủ khả năng chế ngự họ hay không? Chính ông đã kể cho tôi nghe: Biển cố Đông Âu đã làm cán bộ đảng viên trong nước hoảng sợ. Trong nổi xúc động nhất thời vì lo cho số phận mình, lo sợ nhân dân nổi lên, nhiều cán bộ đảng viên, nhất là công an hạ tầng, đã bỏ hẳn thái độ hống hách để tỏ ra vồn vã với nhân

dân, chê bai bác Hồ và đảng Cộng sản. Chỉ có thể thôi mà nhiều người đã mũi lòng cho rằng đó là thành phần bị lừa, đang muốn quay về với quốc dân để lật đổ Cộng sản! Nhìn vào hàng ngũ Việt cộng, tôi không biết ai là thành phần bị lừa. Tôi chỉ thấy rõ một điều là chính ông đã bị lừa rồi!

Phùng Đắc Kinh Luân khổ sở phân bua:

— Nhưng nếu không liên kết với họ thì mình sẽ bỏ lỡ cơ hội!



Mặc Sầu gào lên:

— “Họ” là ai? Ông muốn nói đến thành phần nào? Ông muốn hoà giải với Việt cộng, nhưng chính Việt cộng có hoà giải với ông không? Việt cộng muốn ông theo nó, chứ không bao giờ muốn hoà với ông cả! Tôi lấy thí dụ cụ thể: Cái đứa khuyên ông bỏ quốc kỳ và quốc ca miền Nam để liên kết với đại khối nhân dân miền Bắc, thoảng nghe thì thấy có lý. Nhưng ông có biết chắc cái người khuyên ông đó vì thực tâm chống Cộng, hay chính là người của Việt cộng muốn ông xoá bỏ ranh giới? Vả lại, lá cờ chỉ là biểu tượng của một chiến tuyến, chứ có phải là sản phẩm của riêng ai, tại sao phải bỏ?

Kinh Luân bắt đầu nao núng, nhưng cố vớt vát:

— Nhưng thà rằng cứ hoà mình vào với họ, hợp tác với họ rồi từ từ mình sẽ lái họ theo chiều hướng của mình. Còn hơn là cứ đứng ngoài mà chống!

Mặc Sầu nhấn nạt:

— Đây cũng là một ý kiến hay về mặt lý thuyết. Nhưng ông có đủ bản lĩnh để lái họ theo hướng của ông hay không? Một thằng tầm thường như tôi đây mà ông còn không lái nổi, huống chi cả mấy triệu đảng viên đầu đã có sạn! Đây nhé. Cụ thể là, trước khi ông đi Âu châu, lập trường của ông rất cứng rắn. Qua bên đó có mười ngày, ông quẹo 180 độ. Như vậy, ai lái ai? Tôi kể cho ông nghe một vài bài học ngày trước mà có thể lúc đó ông không để ý. Mặt trận Giải phóng miền Nam bắn tiếng rằng, họ là những người yêu nước, chỉ vì muốn chống Mỹ giành độc lập chứ không hề theo Cộng sản. Bất đắc dĩ họ phải liên kết tạm thời với Cộng sản để chống Mỹ thôi. Thế mà lúc đó cũng có nhiều dân biểu, nhiều thành phần trí thức tin theo, đòi nói chuyện với Mặt trận Giải phóng vì cho rằng Mặt Trận không phải là Cộng sản. Sau đó, bọn này lại bắn tin rằng, họ chỉ chống Thiệu Kỳ mà thôi chứ không chống miền Nam. Cứ lật đổ Thiệu Kỳ đi, rồi họ sẽ

ngưng bắn. Thế là lại có những đứa ngây thơ đòi hạ bệ Thiệu Kỳ. Gần mất nước, họ đưa tin là sẽ nói chuyện với Dương văn Minh. Lại có đứa tin lời và nằng nặc đòi trao quyền tổng thống cho Dương văn Minh! Bây giờ vì tình thế ngặt nghèo, Việt cộng đưa ra chủ trương hoà giải dân tộc để xây dựng đất nước. Thậm chí còn tung tin rằng, rất nhiều đảng viên gia nhập đảng chỉ vì hoàn cảnh chứ thực tâm chán Cộng sản lắm rồi! Ông thấy không, chính những người đã bị lừa trong quá khứ, bây giờ vẫn tiếp tục bị lừa! Theo tôi, nhóm Thông Luận phân biệt hai thành phần bị thua và bị lừa là không đúng. Thực sự chỉ có một thành phần vừa bị thua vừa bị lừa, và bây giờ lại đang bị lừa là nhóm Thông Luận!

Phùng Khắc Kinh Luân ngồi thừ người suy nghĩ. Ông băn khoăn không biết chọn con đường nào. Ở Paris về, ông háo hức thấy mình đã tìm ra chân lý. Nhưng nghe Mặc Sầu bắt bẻ, ông lại hoang mang ngơ vờ. Trước mắt, ông rất cần Mặc Sầu. Nếu trái ý, ông sẽ mất một phụ tá quan trọng. Ông nhớ lại những buổi tiếp xúc với các sinh viên con cháu cán bộ đảng viên du học tại Tiệp Khắc, những nhân vật trước đây hoạt động trong hội Việt kiều Đoàn Kết, những thành phần phản chiến cũ... nói chung toàn là người của phía bên kia, bây giờ đều bày tỏ chung một ưu tư là đấu tranh cho tự do dân chủ. Cả nước có lẽ chỉ còn hơn mười đứa trong bộ Chính Trị ngoan cố, muốn bám lấy chế độ Cộng sản vì tư lợi. Ông tin như thế, nhưng vì cần giữ Mặc Sầu lại, ông không dám mạnh miệng tranh cãi, chỉ nhũn nhặn kể lại những gặp gỡ của mình một cách giả bộ khách quan, hy vọng thuyết phục được người phụ tá. Mặc Sầu chán lắm, nhưng cũng nhẫn nại lắng nghe rồi góp ý:

— Cứ như ông nói thì cả nước đều chán Cộng sản lắm rồi, chỉ còn bộ Chính Trị là nhất định bám quyền?

Kinh Luân gật đầu:

— Đại khái như thế!

— Thế thì cũng lạ! Sáu mươi tám triệu dân không chống lại nổi hơn mười thằng trong bộ Chính Trị! Cứ theo lịch sử thì dân tộc Việt Nam đâu có đến nỗi hèn như vậy!

— Thì tại vì bị kìm kẹp!

— Nhưng theo ông, hơn hai triệu Đảng viên và bốn triệu Đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều bị lừa và chán Cộng sản cả! Nhân dân không làm gì được đã đành, sáu triệu Đảng viên và Đoàn viên nắm giữ các chức vụ then chốt, có đầy đủ phương tiện, cũng không làm gì nổi có mười thằng già ở bộ Chính Trị hay sao? Nếu cứ đúng như ông nói, toàn thể Đảng viên đã chán Đảng, thì chẳng cần vũ khí. Chỉ cần hai chục đứa xông vào, tát cho mỗi thằng ở bộ Chính Trị vài cái là chết hết rồi! Tôi nhắc ông là trong ba năm qua, nghĩa là sau khi đổi mới, sau khi mà ông cho rằng cả nước đã đứng dậy phản kháng đảng Cộng sản, thì đã có thêm 303,230 người xin vào Đảng. Mà ông biết vào Đảng không phải dễ. Phải phấn đấu giẫm đạp lên nhau mới vào được. Nghĩa là, tính trung bình cứ mỗi năm có thêm một trăm ngàn đứa phấn đấu để được “bị lừa”!

Ngưng một chút, Mặc Sầu tiếp:

— Đối với những anh em sinh viên du học tại các nước Cộng sản mà ông đã gặp, họ trẻ tuổi, có cái nhìn mới, lại được chứng kiến những biến động quan trọng tại các nước mà họ tạm cư. Họ có thể góp phần đắc lực trong việc đấu tranh cho tự do dân chủ. Nhưng trong số những thanh niên đó, có nhiều người là con cháu các đảng viên cao cấp, nhờ đặc quyền đặc lợi của cha mẹ mới được đi du học. Nếu họ muốn đấu tranh thì việc đầu tiên họ có thể làm là đề nghị chính cha mẹ mình hãy từ bỏ giai cấp thống trị. Không thể nào họ vừa đấu tranh, vừa vẫn hưởng cái đặc lợi do cha mẹ họ mang lại. Nếu họ không dám làm việc đó, thì sự đấu tranh của họ chỉ là hùa theo đám đông cho vui mà thôi!

Phùng Đắc Kinh Luân không biết nói gì hơn, mặc dầu trong lòng vẫn thấy có cái gì lẩn khuất, chưa thể nhất trí với Mặc Sầu được. Ông thở dài, đưa bàn tay luà vào tóc, ngẩng lên nhìn Mặc Sầu, hỏi một câu ngờ ngẩn:

— Bây giờ ông tính thế nào? Mình trở lại thái độ cứng rắn hay sao?

Mặc Sầu nhấn mạnh:

— Tôi có đổi lập trường bao giờ đâu mà trở lại!

Rồi Mặc Sầu hạ giọng thân mật hơn, khuyên nhủ vị thủ tướng tương lai y như Khổng Minh dạy dỗ Lưu Thiện. Dù sao ông cũng hài lòng vì thấy Kinh Luân còn biết nghe lời mình. Ông nói:

— Ông chưa thể đi du thuyết được. Có một vài điểm căn bản mà tôi cần đề nghị với ông. Ông cố nhớ lấy để khi ra công chúng mà đối đáp. Thứ nhất là, dù trong lòng ông nghĩ thế nào mặc kệ ông, nhưng trước mặt người khác, kể cả vợ ông, cũng không bao giờ nên nhắc đến vai trò của Mỹ, sự sắp xếp của Mỹ, hoặc dựa vào Mỹ để về nước nắm chính quyền. Đây là một điều tối kỵ bởi báo chí sẽ khai thác và cho ông là tay sai ngoại bang.

Kinh Luân gật đầu, với tay lật cuốn sổ và cầm cây bút nhưng không ghi chép gì cả. Vừa lúc ấy, Tiêu Dao từ nhà bếp đi lên, bưng hai chén chè khoai môn bột bán, đặt trên bàn và cố làm ra vẻ kính cẩn:

— Nội các họp bàn gì mà cãi nhau om lên thế! Mời thủ tướng ăn bát chè cho thấm giọng đã!

Dứt lời chị mỉm cười quay ra. Mặc Sầu ngượng ngùng nhìn theo rồi nói nhỏ với Kinh Luân:

— Bà xã ông có vẻ không thích ông làm chính trị!

Kinh Luân gật đi:

— Tính bà ấy hay nói đùa!... Ông ăn chè đi!

Mặc Sầu trở lại đề tài cũ:

— Tôi nói đến đâu rồi?... À, chỗ Mỹ đưa về nắm chính quyền. Điểm thứ hai mà tôi cho là mấu chốt ông cần phải nắm chắc, là bất cứ chính

sách nào do Việt cộng đưa ra, dù bề ngoài có vẻ có lợi cho phe quốc gia và bất lợi cho chính Việt cộng, ông cũng phải đặt lại vấn đề!. Thí dụ: Du lịch Việt Nam, văn nghệ phản kháng, hai đề tài thời sự mà ông không thể không biết. Cả hai vụ này, không phải do chúng ta đòi hỏi mà có được. Tất cả đều do chính đảng Cộng sản tự ý cho phép và ban hành thành quốc sách. Nghĩa là, ngay bây giờ, đảng Cộng sản có thể ra lệnh cấm du lịch hoặc xiết lại phong trào văn nghệ đối mới bất cứ lúc nào, chúng ta cũng đành chịu.

Nói cách khác, Việt cộng chủ động trong những chính sách này, chứ không phải chúng ta chủ động. Sở dĩ tôi phải nhấn mạnh điều này là vì: Từ xưa đến nay, không bao giờ Cộng sản đưa ra một chính sách nào mà không có lợi cho chúng, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp; hoặc cấp thời, hoặc dài hạn. Cho nên hễ cái gì chúng đưa ra, mình đều phải đặt dấu hỏi. Lẽ tất nhiên, khi chúng chấp nhận cho Việt kiều du lịch về nước và cho các nhà văn nhà báo của chúng phê bình Đảng, chúng phải chịu một số những hậu quả nào đó mà chúng đã dự kiến. Nhưng chắc chắn cái lợi của chúng phải lớn hơn cái hại. Nếu lợi bất cập hại, chúng đã ra lệnh đình chỉ ngay lập tức mà mình không làm gì được! Nói chung, tôi nhắc lại lý luận căn bản này, khi Việt cộng chấp nhận đổi mới, tức là họ cũng chấp nhận một số hệ quả do việc đổi mới đó đưa đến. Nhưng chắc chắn họ phải nhằm một cái lợi nào đó. Không ai đang nắm quyền trong tay mà lại ban hành một chính sách tự làm hại mình cả! Đơn giản có thể thôi! Tôi dặn ông trước, vì thế nào cũng có lúc báo chí hỏi ông về vấn đề này.

Kinh Luân bưng chén chè húp một miếng lớn rồi vừa nhai vừa cúi xuống ghi vội vài nét chính trong bài học Mặc Sầu vừa dạy. Cố vấn chính trị lại nói thêm:

— Người Mỹ giải quyết mọi vấn đề bằng lý luận và quyền lợi. Người Việt không thể như thế được.

Ngoài lý luận và quyền lợi, còn có yếu tố tình cảm và truyền thống. Chiến tranh Việt Nam vừa chấm dứt, vết thương linh Mỹ chưa hàn gán, nhiều năm mồ chưa xanh cỏ, tổng thống Carter đã nhe răng cười, ngỏ ý lập bang giao với Việt cộng. Năm mươi lăm ngàn quân nhân Mỹ tử trận và hàng trăm ngàn cựu chiến binh chưa quên mỗi hận cũ thì chính khách đã quên ngay để đòi hoà giải với kẻ thù! Đó là Mỹ, không phải chúng ta. Dĩ nhiên chúng ta không chủ trương nuôi mỗi hận ngàn đời theo lối cực đoan ngày trước. Cha đi ăn cướp, bị bắt. Trước khi chết còn dặn con báo thù! Chuyện đó xưa rồi! Cũng chẳng ai gàn bướng theo kiểu Bá Di, Thúc Tề không ăn thóc nhà Chu, quyết nhịn đói rồi chết nhằm trên núi Thù Dương. Nhưng tình cảm Việt Nam không cho phép chúng ta một sớm một chiều bắt tay hoà giải với kẻ thù, nhất là khi kẻ thù vẫn còn đang hành hạ thân nhân và bạn hữu của mình.

Hai người tiếp tục trao đổi. Tiêu Dao đứng ở bếp lắng nghe, rót nước trà bưng vào, nhìn nét mặt đăm chiêu của chồng, cố nhin cười bước ra. Mặc Sầu đóng vai nhà báo, đặt ra một loạt câu hỏi và bắt Kinh Luân trả lời. Mặc Sầu có cảm tưởng mình giống như Phạm Tăng ngày xưa, phò Hạng Võ làm minh chủ, tuy biết sai lầm nhưng đã lỡ hứa thì đành theo đến cùng. Kinh Luân đề nghị:

— Tôi thấy tốt hơn cả là tôi đi đâu, ông theo đó. Ông là phát ngôn viên, ông có thể trả lời thay tôi.

— Ai trả *mortgage* cho tôi? Ai nuôi ba đứa con tôi để tôi theo ông đi du thuyết? Thôi, ông cứ chịu khó nghiên ngẫm, tìm hiểu thêm, có gì cần thì tôi bổ túc cho ông.

Một tháng sau, Kinh Luân bắt đầu xuất hành đi cầu hiền. Ông viết thư và điện thoại trước cho Vũ Tam Phong, xin gặp để bàn chuyện đại cuộc. Vũ Tam Phong trả lời bằng một câu ngắn gọn:

— Ông có lòng, xin cứ việc ghé chơi. Được làm quen thêm một

đồng hương là điều tôi rất mong muốn. Còn việc hoạt động thì xin thưa trước với ông là tôi hoàn toàn không có ý định đó.

Được thư, Kinh Luân mừng lắm. Ông cho rằng đó chỉ là lời thoái thác khách sáo mà thôi. Gặp mặt, tình hình sẽ đổi khác. Ông thừa khả năng đưa Vũ Tam Phong ra khỏi tháp ngà. Và nếu ông làm được việc này, thì những nhân sự cần thu phục sau đó sẽ rất dễ dàng. Ông hơi buồn là gia chủ hôm nay đông khách quá, khó có thể đi thẳng vào vấn đề.

Phạm Đoàn bùng ly rượu nhấp một ngụm nhỏ rồi đặt xuống cái kệ bên cạnh, đắm đắm nhìn Kinh Luân như muốn thẩm định xem tầm vóc của người này cỡ nào mà dám ngông cuồng đòi lập chính phủ. Là một nhà báo, tất nhiên Phạm Đoàn theo dõi liên tục những sinh hoạt chính trị trong cộng đồng. Vụ thành lập chính phủ mà cụ Nguyễn Trân đã cải chính, vụ công khai hoá tổ chức Phục Hưng, ra mắt Liên Hiệp Quốc Dân của nhóm Hoàng Việt Cương.v.v... tất cả đều được Phạm Đoàn loan tin trên tạp chí của mình. Chỉ riêng cái tên Phùng Đắc Kinh Luân đây về kiếm hiệp này thì Phạm Đoàn chưa hề nghe ai nhắc đến bao giờ, cho nên lúc chủ nhà giới thiệu, chẳng riêng gì Đoàn mà cả phòng đều nhất loạt hướng mắt nhìn theo. Vũ Tam Phong hỏi đưa đây:

— Anh Luân chắc theo dõi sát thời sự. Anh tiên đoán tình hình trong nước sẽ như thế nào?

Phùng Đắc Kinh Luân ưỡn hân người ra, mở nút áo vét cho thoải mái vì bụng hơi lớn rồi chậm rãi trả lời một cách tự tin:

— Thưa thiếu tướng, theo tôi nghĩ, Cộng sản chắc chắn sẽ sụp đổ nay mai. Chính vì thế chúng ta phải chuẩn bị. Năm 54, chỉ vì các đảng phái quốc gia thiếu chuẩn bị cho nên đã bị Hồ Chí Minh giành mất thời cơ!

Câu trả lời chung chung, mơ hồ, đưa con nít nói cũng được, không cần tới một chính khách! Vũ Tam

năm mươi tuổi ở mỹ

*tôi chừ đã tuổi năm mươi
nửa trăm năm! nửa đời người! ôi mau
tóc xanh một sớm đổi màu
soi gương thấy nước mắt chao chao buồn!*

*hăm lăm năm lính tôi còn
còn chi em nhĩ áo mơn trên vai!
còn chi em nhĩ trên tay
ngày xưa cầm súng giờ đây cầm gì?*

*hỏi hoài khi bước chân đi
chẳng nghe trống vỗ ầm ỉ bến sông
ngày xưa làm lính băng rừng
giờ đây làm lính đếm từng xót xa!*

*tôi năm mươi tuổi đang già
hoa mai vẫn sáng như là tuổi xuân
sáng nay giụi mắt băng khuâng
thấy sông núi lạ tưởng chừng quê hương!*

trần trung tá



Phong hỏi thêm:

— Anh nói cụ thể hơn một chút, được không? Cộng sản sẽ sụp đổ, nhưng đổ như thế nào và anh bảo chuẩn bị là chuẩn bị cái gì? Chuẩn bị về nắm chính quyền hay về ứng cử?

Nhiều cái đầu chung quanh cùng gật gù, hướng mắt nhìn về Kinh Luân chờ đợi. Khách của ông Vũ Tam Phong phần lớn đều là những người ít nhiều tham gia sinh hoạt cộng đồng, hoặc có chân trong các đoàn thể chính trị, cho nên những câu trả lời có tính cách động viên như Kinh Luân vừa phát biểu, đối với họ chỉ là những khẩu hiệu đã quá nhàm chán từ lâu rồi. Họ muốn tìm ở Kinh Luân một cái gì mới, một ý tưởng lạ, chứ nếu chỉ hô hào kiểu đó thì thà đừng nói còn hơn.

Kinh Luân bùng ly rượu, nhẹ lắc cho tan thêm đá. Mấy câu này Mặc Sầu đã dạy rồi, nên ông không cảm thấy bối rối lắm. Tuy nhiên ông cần sắp xếp ý tưởng cho mạch lạc, bởi ông đoán là chủ nhà đang cật vấn để thử tài ông trước khi quyết định hợp tác. Ông nói:

— Thưa thiếu tướng, tôi đưa ra

hai giả thuyết. Một là toàn dân sẽ nổi dậy bằng cách biểu tình lật đổ chế độ giống như các nước Đông Âu. Nếu tình trạng này xảy ra ở Việt Nam thì hậu quả sẽ nặng nề hơn các nước Đông Âu nhiều lắm. Đất nước sẽ hỗn loạn và có trả thù, có đổ máu. Do đó, để tránh tình trạng này, Cộng sản sẽ phải chọn giải pháp chuyển tiếp hợp lý hơn, có lợi cho cả hai bên là chấp nhận đa nguyên, cho bầu cử tự do. Tôi tiên đoán là họ sẽ khôn ngoan chọn giải pháp thứ hai. Nếu nhân dân vẫn còn tín nhiệm họ, thì họ tiếp tục cầm quyền. Nếu nhân dân không bỏ phiếu cho họ, họ rút lui mà không bị hậu quả gì tai hại. Đó là con đường dân chủ mà cả thế giới ngày nay phải chấp nhận và tôi tin rằng Việt cộng không ngu gì mà đi ngược lại!

Phạm Đoàn ngắt lời:

— Nghĩa là ông tin rằng Việt cộng sẽ chấp nhận bầu cử và ông đang chuẩn bị để về ứng cử?

Kinh Luân hướng về Phạm Đoàn, nhũn nhặn đáp:

— Dạ, vâng.

Phạm Đoàn thấy mình cũng cần

tổ kiến thức:

— Cứ cho rằng Việt cộng sẽ tổ chức bầu cử. Nếu ông và một vài người khác từ hải ngoại về ứng cử và cuối cùng Việt cộng vẫn thắng thì, thưa ông, như vậy phải chăng chúng ta hợp thức hoá cho chế độ Cộng sản? Trước mắt thế giới và nhân dân, Cộng sản mặc nhiên có chính nghĩa để cai trị, có phải thế không ạ? Trong trường hợp đó, ông đối phó thế nào?

Phùng Đắc Kinh Luân giật mình bối rối vì câu này không có trong bài học. Ông gượng cười đáp liêu:

— Thì mình đã tham dự trò chơi dân chủ, tất nhiên phải chấp nhận kết quả của trò chơi đó. Nếu mình thua thì mình trở thành lực lượng đối lập và tiếp tục đấu tranh ở thế đối lập!

Phạm Đoàn bẻ lại:

— Trong một xã hội Cộng sản, nhất là Cộng sản Á châu, đối lập là một ý niệm chưa hề có. Ngay thời Việt Nam Cộng Hoà, dân chủ hơn Việt cộng rất nhiều mà còn khó có đối lập thực sự, huống chi là trong chế độ Cộng sản. Hoặc sẽ trở thành tay sai, hoặc sẽ bị tiêu diệt mà thôi!

Chủ nhà dường như cũng nhận ra vẻ lúng túng trên nét mặt Kinh Luân nên vội chen vào:

— Dựa vào kinh nghiệm Đông Âu, anh Luân cho rằng Việt cộng sẽ sụp đổ. Điều này có thể đúng. Nhưng cũng có thể không đúng. Nếu Trung cộng sụp đổ thì chúng ta có thể đoán chắc chín mươi phần trăm là Việt cộng sẽ đổ theo và ngược lại. Bởi Đông Âu chỉ ảnh hưởng tâm lý. Còn Trung cộng mới ảnh hưởng quyết định. Có thể Việt cộng sẽ còn tồn tại, nhưng biến thể, nói rộng một số chính sách mà họ gọi là đổi mới. Theo báo chí trong nước, Việt cộng ngày nay thường tự gọi mình là “chủ nghĩa xã hội tiến bộ”, nghĩa là bớt giáo điều hơn ngày trước. Và điều này làm nhiều người quốc gia bỏ hàng ngũ, tiến lại gần với họ hơn. Nhưng cứ cho rằng, Việt cộng sẽ chấp nhận đa nguyên và tổ chức bầu cử, thì có hai điều sẽ xảy ra. Thứ nhất: họ sẽ dựng

lên những khuôn mặt đối lập giả. Thứ hai: họ sẽ khai thác những mâu thuẫn địa phương để người miền Bắc không bỏ phiếu cho ứng cử viên miền Nam, để ít ra họ còn có thủ được cái địa bàn lâu năm của họ. Cho nên nói chuyện bầu cử thật ra phức tạp lắm, không đơn giản như nhiều người nghĩ. Cứ thông thường thì luật bầu cử ở bất cứ quốc gia nào cũng buộc ứng cử viên phải có ba điều kiện căn bản: Là công dân nước đó, không can án và cư trú liên tục trên nước đó ít nhất vài năm. Giả như nay mai, luật bầu cử của Việt cộng sẽ như thế, anh không về tranh cử được, thì anh có “con gà” nào trong nước để đưa ra ứng cử không? Nhưng mà tôi nghĩ, không cho người Việt hải ngoại về ứng cử có khi lại là điều may. Bởi nếu cho về, tôi dám chắc sẽ có đến hàng trăm ứng cử viên. Ai cũng có thể bỏ ra vài ngàn, hoặc vài chục ngàn để ứng cử chơi cho vui! Cuối cùng phe ta chia phiếu hết! Năm 67, chỉ có một liên danh quân nhân và mười liên danh dân sự. Do đó, ông Thiệu và ông Kỳ thắng cử dễ dàng.

Nghe Vũ Tam Phong phát biểu, Phạm Đoàn giật mình vì từ trước đến nay chưa hề nghĩ ra ý tưởng lạ đó. Vốn là dân làm báo, ông bèn nhay hình dung ngay một viễn ảnh rất u tối và lên tiếng góp ý:

— Vâng. Thưa thiếu tướng, đúng như vậy. Tôi sợ rằng, nếu ngay bây giờ Việt cộng cho hải ngoại về ứng cử thì người chưa kịp về, hàng loạt truyền đơn, thư rơi sẽ được tung về trước để đánh phá, chụp mũ lẫn nhau. Các ứng cử viên quốc gia sẽ không còn thì giờ để đối phó với địch nữa, mà chỉ còn dùng hết nỗ lực để triệt hạ lẫn nhau, làm dân trong nước hoang mang, mất tin tưởng. Giả sử người trong nước, một nửa ủng hộ phe quốc gia, một nửa ủng hộ phe cộng sản, thì chắc chắn cộng sản vẫn thắng, bởi họ không bị chia phiếu! Cho nên tôi nghĩ, các đoàn thể hải ngoại, ngay từ bây giờ phải họp lại với nhau, chuẩn bị những biện pháp chung để khi hữu sự thì kịp thời đối

phó.

Cả phòng cùng im lặng sau câu nói của Phạm Đoàn. Trong đầu mỗi người vừa nảy sinh một vấn đề mới. Đòi dân chủ đa nguyên, đòi được về ứng cử, nhưng nếu không giải quyết trước những dị biệt ở hải ngoại thì cuối cùng chỉ ngậm đắng nuốt cay, vô tình làm công cụ lót đường cho Việt cộng hợp pháp hoá chế độ của họ mà thôi!

Từ góc phòng, một cụ già có lẽ cao niên nhất, ngồi thăm lặng từ nãy đến giờ trong chiếc ghế bành bọc nỉ đen xám, rút cái tẩu ra khỏi miệng và bàn góp bằng một giọng tuy nhũn nhặn nhưng không giấu được vẻ tự hào:

— Làm chính trị ở hải ngoại quả thật quá dễ dàng, ai làm cũng được, bởi không phải trải qua một thử thách nào cả! Cái thời chúng tôi còn hoạt động, vừa chống Pháp vừa chống Việt Minh, một cổ đôi tròng, không biết sống chết lúc nào. Sau hiệp định Geneve vào Nam, cụ Diệm lại cũng không dung. Chúng tôi vừa chống Cộng, vừa lo bị quốc gia bắt! Vào tù ra khám như cơm bữa. Thôi thì đủ thứ khổ sở! Nhưng mà có gian khổ như thế mới biết được ai cứng ai mềm. Cứ ngồi mà nói mồm thì ai nói chả được! Thiếu gì anh nói hăng lắm, mà lọt vào tay giặc, nó tát cho có một cái là khai hết cả tổ chức! Chán lắm! Chính vì thế mà ngày trước chúng tôi kết nạp người khó khăn lắm, chứ không như bây giờ, đoàn thể nào cũng cứ đem số đoàn viên để đánh giá là tổ chức của mình mạnh!

Cả phòng lại im lặng suy nghĩ. Riêng Kinh Luân hết sức bàng hoàng. Hoá ra còn quá nhiều khía cạnh tế nhị mà cố vấn Mặc Sầu chưa bàn đến, chưa trang bị cho lãnh tụ. Ông tự nhủ sẽ còn phải học thêm rất nhiều. May quá, bà Vũ Tam Phong từ trong bếp bước ra, xoa tay mời mọi người vào bàn tiệc. Kinh Luân đứng bật dậy. Ông tự hẹn với mình, lát nữa ngồi ăn, ông sẽ đổi đề tài, bỏ hẳn phần chính trị mà ông chưa đủ khả năng.

(còn tiếp)

xếp al capone III



Trương Sơn Lê Xuân Nhị

(tiếp theo)

Giọng nói địa phương đặc sệt của ngài thị trưởng Chicago phát ra oang oang từ mấy cái loa khuếch đại tại phòng tiếp tân của đại khách sạn Lexington như bao trùm lấy gần bốn trăm quan khách và ký giả: “Kính thưa quý vị, sau đây tôi xin long trọng giới thiệu một con người

lạ lùng, một con người đặc biệt, một con người vĩ đại, một con người hào sảng, một con người ái quốc chân chính, một con người giàu có cả tài chánh lẫn... tâm hồn, có một trái tim thật độ lượng với những kẻ nghèo khó, một con người tuy bị nhiều người ghét, lắm kẻ khiếp sợ, nhưng ai nghe đến tên

cũng phải phục là một nhà tổ chức đại tài, có đầu óc tiến thủ, một con người mà cả thế giới này không ai nghe nói đến tên mà không biết...”

Ngồi phía dưới lẫn trong đám ký giả và quan khách, Ness bắt đầu thấy xốn hai lỗ tai vì cái điệp khúc “một con người”... Đúng hơn, phải nói xốn hai lỗ tai và... ngứa nơi cằm cùng môi trên vì bộ râu giả mà chàng đang đeo để đóng vai một ký giả của hãng thông tấn DOT đến đây từ miền Nam quê mùa xa tít.

Hãng thông tấn này mới quá, kiếm mãi không có tên trong danh sách được mời nên anh chàng ký giả và người thợ chụp hình to con như võ sĩ đi theo chỉ được toán an ninh của Capone cho vào sau khi giúi vào tay nhân viên gác cửa hai tờ giấy một trăm đô. Chúng nó nhìn bọn ký giả nhà báo miền Nam bằng một cặp mắt thương hại. Thiên hạ thường đồn là dân miền Nam quê mùa bây giờ mới thấy đúng. Ăn nói thì phát âm trọ trẹ cứng ngắc, áo quần luộm thuộm như thời kỳ còn nội chiến, mặt mũi người ngợm coi càng thấy chán hơn. Dơ bẩn quá sức, hàm trên hàm dưới bị râu ria phủ kín và lông mũi thò ra ngoài làm như cả tháng không chịu để ý chăm sóc tới. Chúng nó quê mùa quá, cả con người chúng biểu hiệu một cái gì hủ lậu nghèo nàn nên chẳng ai để ý tới một chi tiết nhỏ: Dưới nách anh chàng ký giả và thằng thợ chụp hình cộm cộm lên một chút y như là có cây súng để dưới đó vậy.

Cái giọng oang oang của ngài thị trưởng vẫn tiếp tục: “Kính thưa ngài thượng nghị sĩ, kính thưa quý vị quan toà cùng tất cả quan khách... Với tất cả vinh hạnh và danh dự của thị trưởng thành phố Chicago, thành phố nổi tiếng nhất thế giới, thành phố số một thế giới, tôi xin long trọng giới thiệu với quý vị... — Cả phòng tiếp tân lớn như vậy mà nghe đến đây bỗng ai nấy im lặng như tờ. Im đến nổi tiếng cánh quạt trần rì rì ở tít mãi trên cao mà ai cũng nghe thấy. Lão mập ngừng một chút cho tăng phần long trọng,

nuốt nước miếng một phát rồi lấy hết hơi, giơ tay lên và phùng mang trợn mắt gào lên thật lớn: "...Mr. Alphone Capone..."

Đến đây, cả phòng tiếp tân vĩ đại như bị át đi bởi những tiếng vỗ tay nổi lên tưởng có thể làm bay tung nóc nhà. Chừng như vỗ như vậy chưa đủ diễn tả sự tán thưởng và khâm phục, nhiều người bắt đầu đứng dậy. Rồi chẳng ai bảo ai, mọi người bắt chước nhau đứng lên theo cho đến khi cả phòng không còn ai ngồi. Đám ký giả nhà báo xưa nay vốn nổi tiếng là những con người vô tư lãnh đạm trước mọi chuyện vậy mà cũng không thể dửng dưng được. Có anh lại còn vỗ tay to hơn thiên hạ nữa. Thế mới biết danh tiếng và uy quyền Capone là to thật.

Đội lối ký giả vào đây, Ness và Malone không có cách nào khác là cũng đành đứng dậy, vỗ tay theo đám đông. Tay thì vỗ, miệng cười cười nhưng lòng chẳng hân hoan chút nào. Thiên hạ thật ít có cảnh hai ông cảnh sát lừng danh chuyên môn đi bắt cướp lại đứng lên hoan hô một thằng tổ sư ăn cướp như thế này.

Từ bàn danh dự, Al Capone khoan thai chậm rãi tiến ra trước mặt mọi người. Điều bộ xếp uy nghiêm trang trọng như một ông vua bước xuống từ ngai vàng để nhận sự tôn kính của đám thần dân. Nhìn xếp, không ai có thể ngờ rằng đây chính là thằng chúa trùm Mafia tay vấy máu không biết bao nhiêu người. Bộ tuxedo trắng tinh giá ngàn đô la còm mẫn đặc biệt tận Ăng-lê chỉ để mặc một lần cho ngày hôm nay làm cho xếp có vẻ vừa sang trọng vừa oai phong lẫm liệt.

Lúc mọi người bắt đầu ngồi xuống, Ness thúc nhẹ vào hông Malone:

— Đã đến giờ điểm danh chúng nó rồi. Chúng mình bắt đầu đi là vừa.

Malone nhích tới gần bên Ness, nói rất khẽ giữa... hai hàm râu giả:

— Ông rán nhớ mặt chúng nó.

Tôi sẽ đi từ nhân vật quan trọng trước. Đầu tiên, ông có thấy thằng ngồi tuốt trong góc gần cánh cửa ra vào bên tay phải không?

— Thấy. Nó làm vương làm tướng gì mà ngồi "xa xôi" vậy?

— Đấy, đấy. Cái hay của thằng này là ở chỗ đó. Tên nó là Jack Guzik, người Do Thái, một thiên tài với bộ óc kinh doanh ngang ngửa hoặc hơn cả những tài phiệt gia Nữ Ước. Nó nắm chìa khoá hòm tiền của đế quốc Capone, nghĩa là cai quản tất cả những dịch vụ kinh tài. Có thể nói nó là cái "ty ngân khố" của tụi này. Capone tin nó hơn cả vợ con mình. Mọi việc chi thu Capone giao cho nó quyết định hết. Như tôi đã nói, cái hay của nó là luôn luôn ép mình đứng thật xa cái hào quang của chủ, luôn luôn là một con người của bóng tối. Tuy không bao giờ thềm xuất hiện nhưng có thể nói nó là một trong những người có nhiều uy quyền nhất sau Capone. Chẳng những điều khiển những dịch vụ kinh tài, nó còn là một *consigliere*, hoặc là quân sư của Capone trong những vấn đề khác. Bình thường nó đã muốn cho ai chết thì người đó khó mà sống nổi, kể cả ông và tôi...

Ness nhìn chăm chú vào con người có hàng ria mép như để đo lường tài năng qua khuôn mặt và vóc dáng hần. Lăn lộn trong nghề đã lâu, Ness luyện cho mình được cái giác quan đặc biệt là có thể nhìn một lần mà đoán được con người. Chàng nhận ra cặp mắt sáng quắc của hần trốn sau đôi kính mỏng:

— Nó có nhược điểm gì?

— Không ai biết nhiều về nó hết, đó mới là cái kẹt. Nó không ăn chơi, không nhậu nhẹt, không hút xách, không mê gái, không la cà... Không hiểu con người như nó... sống để làm gì? Cái gì cũng không hết nên cả bạn lẫn thù khó mà "bắt mạch" được nó. Có một chi tiết này cũng đáng để ý. Trước khi vào đầu quân cho Capone, nó là thủ quỹ của một hãng xuất nhập cảng lớn. Không hiểu tại sao cuộc đời đang lên hương như vậy thì một ngày nó

lại đem hết tiền của hãng ra thủ thời vận để đến nỗi phải vô tù. Capone móc nó từ trong tù ra...

— Con người quả thật là khó hiểu. Mức độ trung thành của nó tới đâu?

— Capone dùng người rất kỹ. Nó làm tới *consigliere* thì sự trung thành dĩ nhiên không bao giờ có thể trở thành vấn đề.

Ness luận:

— Thằng Guzik người Do Thái. Capone người Ý mà xài được dân này lại cho giữ một chức vụ lớn như vậy thì nhất định nó phải nắm được cái tẩy nào đó của thằng này. Nếu mình kiểm ra cái tẩy của nó, tôi nghĩ mình có thể vô hiệu hoá nó được...

Ness liếc nhìn một vòng, nhận ra thằng Frank đứng nơi góc nhà, nói khẽ với Malone:

— Tiên sư, mãi đến bây giờ mới thấy nó bằng xương bằng thịt. Cũng là người với nhau mà sao vừa thấy nó là sau gáy cứ lạnh run lên như thấy tử thần. Có phải cái thằng mặt mày bặm trợn đứng trong góc, cứ lâu lâu quét cặp mắt lộn tròng một vòng khắp nơi là đệ nhất đao phủ thủ lừng danh Frank Nitti không?

— Đúng. Mặt mày hung ác xấu xí như diêm vương quỷ sứ thì chỉ có thằng Frank Nitti này là một. Người ngợm gì mà vừa nhìn thấy đã muốn... động cho một cái dùi cui rồi gồng cổ lại dắt về ty. Nó đó chớ ai! Nếu Capone không có thằng Jack Guzik và thằng Frank Nitti này thì bây giờ sự nghiệp cũng không được như ngày hôm nay. Có thể nói, Guzik là quan văn, Nitti là quan võ của triều đình Capone.

— Còn thằng đứng bên nó là ai?

— Hung thần Racco, đệ tử ruột của Frank Nitti. Hai thầy trò quả thật là giống nhau cả "hình thức lẫn nội dung"...

Dân Chicago quả là một thứ dân... khoái vỗ tay. Capone đã đứng giữa phòng vén miệng cười toe toét và đưa tay chào lên chào xuống có đến cả chục lần mà tiếng vỗ tay vẫn chưa chịu ngưng cho.

Cuối cùng, thị trưởng Thompson đành phải lên tiếng: “Xin cảm tạ quý vị, xin cảm tạ quý vị...”

Tiếng vỗ tay chỉ từ từ dịu lại, nhưng vẫn kéo dài ra.

Vốn là một người cao hơn mức bình thường nên dù đứng hơi xa ở giữa phòng, Ness vẫn có thể thấy rất rõ Capone. Xưa nay chàng chỉ thấy nó trên báo chí hoặc qua những tấm hình chụp của sở cảnh sát, đây là lần đầu tiên Ness nhìn thấy Capone bằng xương bằng thịt.

Alphonse Capone đó sao? Con người khét tiếng của năm châu bốn biển, con người mà tờ *Le Journal de Paris* gọi là “*L’homme au trois cents cadavres*” vì bàn tay đã vấy máu của ít nhất 300 mạng suốt hai mươi năm qua lại là khối thịt... mắc tiền nặng trên hai trăm cân đang đứng trước mặt chàng đó sao? Ness định thần nhìn thật kỹ như muốn phân tích từng thớ thịt, mảnh vải, từng hột nút áo của thằng trùm ăn cướp này.

Đứng giữa phòng, chìm trong những tiếng hoan hô vỗ tay tán thưởng, ánh mắt đầy vẻ sung sướng hãnh diện của Capone đang lướt đi một lượt bỗng tự nhiên... khựng lại khi chạm phải luồng nhãn tuyến cực mạnh của một anh chàng ký giả nhà quê giữa đám quan khách hàng trăm người. Qua lớp áo quần luộm thuộm và râu ria phủ kín mặt, Capone không thể nào biết được người mình vừa thấy là đệ nhất thanh tra Eliot Ness, nhưng một cảm giác lạ lùng chạy khắp thân thể xếp. Quái lạ, thằng nhà báo ăn cái gì mà có cặp mắt ghê gớm lạ thường. Nó sắc như dao và sâu thăm thẳm.

Trong khi đó, dù đứng khá xa, Ness cũng hơi giật mình khi bắt được luồng điện từ cặp mắt cô hồn của Al Capone. Trùm ăn cướp có khác! Đây là cặp mắt của một con cạp chứ không phải mắt người. Nó sắc và hung dữ quá chừng, nhìn đến đâu là như đổ hào quang ra đến đó.

Hai luồng nhãn tuyến đụng nhau cỡ vài giây đồng hồ thì Capone sực nhớ ra rằng mình đứng đây là để

cho thiên hạ tán thưởng chứ không phải để đấu mắt với một thằng ký giả nhà quê. Hơn nữa, xếp còn một bài diễn văn ngắn cần phải đọc. Thôi, chấp gì một thằng nhà quê từ phố quận mới lên. Có lẽ nó... ngưỡng mộ mình quá nên đâm ra như vậy. Xếp đành tăng lời, miệng cười cười xoay hướng tiếp tục nhìn đi khắp nơi...

Malone tiếp tục nói nhỏ:

— Dãy bàn thứ nhì là một băng bốn thằng *caporegime* của Capone. “Hoàng đế” Capone chia lãnh thổ của mình ra làm bốn phần, giao cho mỗi *caporegime* coi một phần. Bọn này theo Capone từ lúc còn hàn vi áo vải nên bây giờ hầu hết đã có tuổi ngoại trừ thằng Frankie Rio. Nếu ông nhìn từ trái qua phải, để ý sẽ thấy là: trẻ nhất và gần mặt trời nhất, được tin tưởng nhất là thằng Frankie Rio. Toán thằng này coi như là toán ngự lâm quân vì chịu trách nhiệm luôn khu Lexington. Nếu có chiến tranh thì thằng này khốn đốn nhất. Kế bên nó, cái thằng đang nốc bia liên hồi đó là thằng Atlis, người của Unione Siciliane được được thụ phong đảng hoàng.

— Rồi, tiếp đi.

— Ông có nhớ cái thằng mập mập ăn mặc rất hợp thời trang ngồi kế bên thằng Altis?

— Nhớ. Thằng đó mới lên quản lý nhà hàng The Red Horse?

— Đúng. Tên nó là Sal, *caporegime* mới nhất nhưng lại đông địa nhất trong các *caporegime* của Capone. Thói thường, hễ khả năng tài chánh dồi dào thì khả năng quân sự thường hơi yếu. Trong bốn toán của Capone, toán thằng này đâm đá tệ nhất. Capone biết rõ điều này hơn ai hết nên có sắp đặt cho thằng *caporegime* thứ tư là McGurn đóng quân sát một bên để yểm trợ. McGurn là thằng già lì lợm nhất của cánh Capone.

Chợt nghĩ ra một điều, Capone nói luôn:

— Cái tôi không hiểu được là sắp đánh lớn mà sao chẳng thấy thằng *caporegime* nào bỏ đi trái nệm.

Thông thường thì giờ này chúng nó đã lặn mất hết rồi. Hay có chuyện gì thay đổi chăng?

Ness cũng cùng một ý nghĩ. Hình như kế hoạch mình dự tính có một cái gì hơi trật đường rầy. Có thể là trật... nhỏ thôi nhưng hai người chưa ai thấy được. Chàng hỏi tiếp:

— Tôi cũng có ý nghĩ như ông nhưng bây giờ dẹp chuyện đó đi, mình lo tiếp tục phân điểm danh. Dãy bàn kế bên tôi thấy hình như toàn là những “công hầu khanh tướng” của Chicago?

— Đúng, toàn là tai to mặt lớn. Để tôi điểm mặt coi nào... Ngoài ông thị trưởng ra, còn có ít nhất là ba ông quan toà, ông cảnh sát trưởng Chicago và vô số những dân máu mặt khác. Đại úy Casey đã ra khỏi nhà thương rồi và đang ngồi ở dãy bàn thứ ba kia, thấy không? Lão coi già đi nhiều và yếu thấy rõ nhưng vẫn nốc rượu lia lịa... Cả ông phụ tá biện lý cũng có mặt.

Ness nhớ đến lời ông trưởng phòng đã dặn dò chàng ngày nào trước khi xuống Chicago: “Cả Chicago chỉ có ông biện lý Morgan là tin được”, xếp mình nói đúng quá. Ness hỏi:

— Kinh thật, vậy là nó mua đứt hết Chicago rồi còn gì nữa...

— Đó là lý do tại sao ông có mặt ở đây ngày hôm nay. Nếu họ gửi ông xuống đây trễ hơn chừng một năm thì tình hình chắc hết thuốc chữa.

— Còn thằng Frank Nitti, nhiệm vụ và quyền hạn của nó ra sao?

— Nó là đệ nhất đao phủ thủ kiêm *caporegime* của toán đặc biệt. Toán này dữ dội nhất, lưu động và được tổ chức theo kiểu “tổng trừ bị” như thủy quân lục chiến Mỹ. Nhiệm vụ chúng nó bao quát chứ không phải chỉ lo phòng thủ không như bốn toán kia. Chính chúng nó đã âm mưu và tổ chức thành công cuộc thảm sát ngày lễ thánh Valentine. Khi có chiến tranh, tụi này sẽ mở những cuộc đột kích vào lãnh thổ quân thù. Capone cũng dùng chúng nó để kiềm chế bốn

thằng *caporegime* kia nếu có sự bất đồng ý kiến xảy ra. Trong xã hội Mafia, không ai có thể tin ai mãi mãi được. Thời thế thay đổi luôn luôn, ngày hôm nay là bạn, ngày mai vì quyền lợi có thể biến thành kẻ thù hoặc ngược lại...

Phải mất đến cả gần năm phút sau, chờ tiếng vỗ tay ngớt, Capone mới thông thả tiến tới bục nói chuyện. Xếp vừa cất tiếng thì cả phòng tiếp tân trở nên im lặng như tờ.

— Kính thưa quý vị, tên tôi là Alphonse Capone...

Tiếng vỗ tay lại nổi lên rầm rầm. Rất sành điệu, Capone đứng yên để “thưởng thức” những tiếng vỗ tay này một lúc như một chính khách chuyên nghiệp rồi đưa tay ra dấu cho mọi người im lặng, chậm rãi tiếp:

— Capone này rất hân hạnh đón tiếp quý vị đến đây. Đáng lý ra, buổi tiếp tân này phải bắt đầu vào lúc 7 giờ tối như thường lệ, nhưng xin quý vị thông cảm, Capone hôm nay kẹt một ít công chuyện. Tôi xin hẹn quý vị vào lần sau. Tuy thời giờ eo hẹp, nhưng không phải là Lexington này không có những của ngon vật lạ, những “của cấm đặc thù” của Lexington dành riêng cho quý khách. Xin quý vị cứ việc tự nhiên thưởng thức tất cả những gì nhà bếp cống hiến sáng nay. Xin đừng phụ lòng Capone này...

Tiếng vỗ tay lại nổi lên. Lần này âm thanh nghe... sảng khoái vô cùng. Làm người, dù là người gì, mấy ai nghe đến chữ “đớp hít” mà chẳng thấy khoái trong bụng.

— Thưa quý vị, bình sinh Capone này rất quý bạn bè. Capone đã kết bạn với ai rồi thì dẫu có chết cũng không bao giờ bỏ bạn. Điều này anh em hiểu, báo chí hiểu, Chicago hiểu và cả thế giới này hiểu... Tại Chicago này, Capone có rất nhiều bạn và bạn gồm đủ mọi thành phần, từ những người lao công hèn kém, những người bán báo cùng đình nghèo khó cho đến nhà đại tư bản hay thị trưởng... Không cần biết người đó xuất xứ ra

sao, đang làm chức vụ gì, nhưng hễ là bạn của Capone là sẽ được đối xử đẹp, đối xử tận tình. Đặc biệt hôm nay, Capone mời quý vị đến đây để giới thiệu một người bạn tốt, rất tốt của Capone đang cần được giúp đỡ...

Cả phòng trở lại im lặng như tờ.

— Kính thưa quý vị, người bạn thân thiết của Capone đó là Phillip Brown, thượng nghị sĩ tiểu bang Illinois của thượng viện Hoa kỳ. Kính mời ngài thượng nghị sĩ bước ra đây, Capone có món quà mọn muốn tặng...

Tiếng vỗ tay vang lên. Từ đây

bàn danh dự, thượng nghị sĩ Phil đầy ghế đứng dậy giơ tay chào mọi người. Lão từ từ bước ra bắt tay Capone.

Xếp đâu có thêm bắt tay, xếp ôm chầm lấy ngài thượng nghị sĩ, hôn đánh chụt hai bên má, mỗi bên một cái. Ngài thượng nghị sĩ cũng đáp lễ, ôm thằng trùm ăn cướp hôn lên má nó hai cái nữa.

Ness nói nhỏ với Malone:

— Bọn này sao khoái hôn nhau quá.

— Phong tục Ý pha lẫn... thời thượng. Cái màn hôn hít này nhập cảng từ Nga xô qua. Bọn cộng sản



Lenine và Trotsky ngày nào cũng hôn nhau rồi rít như vậy.

Ness cười:

— Nhìn mà khiếp. Đàn ông mà hôn nhau thế kia coi tởm quá.

Malone nhắc máy ảnh lên, xoay xoay ống kính, cười cười:

— Sắp sửa đến giờ trao quà tặng rồi, tôi phải dọt lên kiểm vài tấm hình. Ông chờ tôi đây. Máy khi được chúng nó tập hợp lại thế này để cho mình chụp hình.

Capone rút một tấm ngân phiếu, nghiêng người nói vào máy vi âm:

— Thượng nghị sĩ Phil, trước mặt quan khách ngày hôm nay, tôi có một món quà tặng cho bạn và một lời yêu cầu nơi bạn...

— Bạn cứ nói.

— Trước hết hãy nói về quà cáp. Đây là một chi phiếu trị giá 200 ngàn đô-la, Capone xin tặng bạn để tùy nghi sử dụng.

Chừng như mọi người đến đây để chờ nghe câu nói đó nên tiếng vỗ tay lại nổi lên ào ào. Thượng nghị sĩ nhận tấm ngân phiếu, đưa lên đưa xuống mấy lần cho mọi người thấy. Mấy chục bóng đèn flash của đám ký giả cùng nháy lên lia lịa một lần, biến bức diễn đàn thành một vùng ánh sáng nhân tạo chói chan.

Ai cũng muốn lấy hình cho rõ nên một sự chen lấn đã xảy ra giữa đám ký giả. Nhưng ai mà tranh lại cho nổi anh "thợ chụp hình" Malone. Dù đến sau cùng nhưng chỉ vài cái lắc vai là Malone đã tiến tới gần sát bên Capone. Cái máy ảnh trên tay thầy đội bấm lia lịa. Chẳng những bấm Capone, hán còn bất ngờ quay qua dãy bàn danh dự bấm luôn mấy cái nữa.

Xưa nay dân Mafia tối kỵ máy ảnh nên chúng khó chịu thấy rõ. Lẹ như chớp, chẳng ai bảo ai, đưa thì rút khăn ăn lên làm bộ chùi miệng để dấu mặt, thằng khác lẹ lẹ quay lui nhưng trễ quá rồi, ánh đèn flash đã loé lên mấy cái. Chụp hình xong, lão phó nháy nhà quê còn cười cười, giơ tay chào và nói mấy câu cảm ơn làm ra vẻ ngưỡng phục đám khách danh dự lắm.

Chụp xong, thấy thằng phó

nhóm quay lui, mọi người tưởng nó đã rút, vừa bỏ khăn ăn xuống thì ai ngờ thằng khốn bất thành linh quay lại chia cái máy hình... nháy thêm một phát nữa. Lần này thì ánh đèn flash loé lên sáng loè mà chẳng có ông *caporegime* nào kịp phản ứng gì cả. Như vậy là nguyên con, Malone nghĩ thầm trong bụng.

Có cái gì "khó ngủ" trong phòng này. Mấy chục năm lăn lộn trong nghề, lỗ mũi của lão *caporegime* sôi đời McGurn hình như đánh hơi được thằng thợ chụp hình này thoang thoang có mùi... cớm. Ông *caporegime* nhăn mặt chửi thề: "Thằng thợ chụp hình chó đẻ này sao mà giống cớm quá, phải tìm cho ra thử coi nó là ai, làm cái gì ở đây. Nếu nó là ký giả thì phải dạy cho nó một bài học về cách chụp hình ở những chỗ quan trọng như thế này".

Hán quay ra sau, nhìn thằng cặn vệ ruột của mình đang đứng phía trong gập đầu một cái. Chỉ một thoáng, thằng đàn em xuất hiện, cúi đầu ghé tai sát miệng chủ chờ chỉ thị.

McGurn nói qua hai hàm răng nghiêng chệch:

— Lou, này giờ đứng trong đó mày có để ý thấy cái thằng phóng viên nhà quê to con đang ôm máy hình kia không?

Thằng cô hồn tên Lou gập đầu:

— Thấy. Đàn em cũng để ý thấy thằng chó đẻ chụp hình kiểu gì mà kỳ quá... Không biết nó có phải ký giả thiệt không!

— Thiệt hay giả thì bốn phen của mày là phải kiểm cho ra. Tao muốn biết nó chụp hình cho hãng nào, báo nào mà tò mò quá cỡ như vậy. Nếu nó sạch, tao muốn mày chụp cổ nó mở cái máy hình lấy hết phim ra cho tao. Nếu cần thì liệng cha cái máy xuống đường và giộng cho nó vài cái đấm, bảo nó lần sau không được vô lễ như vậy nữa...

— Nếu nó là cớm giả dạng thì sao?

— Chuẩn bị lực lượng, kê súng vào đầu nó đem lên sân thượng của Lexington thả xuống mặt đường

cho tao. Nhớ hỏi qua phụ tá Frank Nitti trước khi làm. Và cũng đừng quên đổ nửa chai rượu vô người nó trước khi thả xuống. Mình sắp đánh lớn rồi, không thể để bị chi phối bởi những cái vụ lăm cãm như vậy được...

— Còn gì nữa không, xếp?

— Không, đủ rồi. Mày nhắm làm được không?

— Yes sir, Mr. McGurn.

Lou mò tới đứng bên cạnh Frank Nitti, nói nhỏ:

— Ông phụ tá, ông vào phòng trong tôi có chút chuyện muốn trình bày.

Hai người nối đuôi nhau bước vào trong. Lou chưa kịp mở miệng, Frank đã hỏi:

— Tao biết rồi, chuyện thằng thợ chụp hình phải không?

— Ông hay quá. Xếp tôi biểu đi một vòng điều tra cái thằng nhà quê này. Xếp bảo nếu nó là cớm giả dạng thì đem nó lên sân thượng mà thả xuống nên tôi muốn *check* với ông trước...

— Được, Lexington sáng nay toàn người của mình dưới đường không. Mày cứ tự nhiên. Nhưng tao thấy tướng thằng đó có vẻ to con, mày có cần thêm người không?

— Thì ý tôi là muốn mượn ông phụ tá vài người. Tụi tôi đi phó hội đâu có đem lính theo. Nếu ông phụ tá cho tôi mượn cỡ bốn thằng nữa thì tốt quá.

Frank quay đầu ngoác tay một phát:

— Racco, mày lấy trong toán an ninh nhà hàng ra cho tao bốn thằng đi theo Lou có chuyện gấp...

Từ bức nói chuyện, Al Capone tiếp tục:

— Và sau đây là lời yêu cầu của tôi cho bạn, bạn Phil, bạn sẵn sàng nghe chưa?

— Với Capone thì tôi lúc nào cũng sẵn sàng.

— Tôi yêu cầu bạn ngồi lại ở thượng viện 6 năm nữa cho chúng tôi nhờ...

Tiếng vỗ tay lại nổi lên rào rào. Tưởng gì chứ yêu cầu như vậy thì

để ẹt, ông thượng nghị sĩ cười khoái chí. Khởi cần có ai yêu cầu, lão từ lâu đã quyết định sẽ ngồi tại đó cho đến mãn đời.

Cất tấm ngân phiếu vào túi áo vét, chờ cho tiếng vỗ tay ngớt, thượng nghị sĩ Phil tiến tới gần máy vi âm:

— Kính thưa tất cả quý vị quan khách, bạn Capone quý mến... Hôm nay thật là một ngày trọng đại của tôi. Tôi xin cảm ơn bạn vô cùng. Tôi không cần biết báo chí gọi bạn là gì, cảnh sát đã nói gì về bạn, nhưng với tôi, bạn là bạn tôi. Bạn là một công dân tốt. Chẳng những là một người tốt, bạn còn là một người rất nghĩa hiệp hào sảng. Một người mà chúng ta có thể nương tựa trong cơn nguy biến, tin tưởng trong những điều kiện ngặt nghèo. Một người mà chúng ta có thể hãnh diện ngẩng mặt lên mà nói: “Bạn tôi là Capone”...

Nói đến đó, thượng nghị sĩ ngưng lại một chút để đón chờ những tiếng vỗ tay. Nó từ từ cũng nổi lên như ý lão muốn nhưng rời rạc, yếu thấy rõ. Ai lại chẳng đoán được những lời cảm ơn rất nồng nàn của ông thượng nghị sĩ? Giữa thời đại khủng hoảng kinh tế này mà bỏ được cái chi phiếu 200 ngàn đô-la khơi khơi vào túi thì thằng cầm cũng mở miệng ra nói được. Ai cũng muốn cho ngài thượng nghị sĩ chấm dứt bài diễn văn sớm để còn lo đớp hít. Đớp hít xong rồi còn tới cái màn hào hứng nhất của ngày hôm nay: Phỏng vấn Al Capone.

— Bạn biết, đất Hoa kỳ là đất của cơ hội, của những con người như bạn. Tuy xuất thân từ hai bàn tay trắng trong một khu xóm nghèo hèn tối tăm ở Nữ Ước, nhưng bạn đã không đầu hàng số mạng. Bạn đã đứng lên để đối đầu với nghịch cảnh. Bạn đã xông xáo trọn một đời người, chịu trăm ngàn cay đắng để rồi cuối cùng gây được cho mình một cơ đồ nhờ hai bàn tay và khối óc...

Có vài tiếng nói chuyện xầm xì nho nhỏ ở phía dưới. Tuy miệng nói huyền thuyên nhưng lỗ mũi của

nhà đại chánh khách đã bắt đầu người được cái không khí khó chịu của khán giả từ dưới bốc lên. Mấy chục năm lăn lộn trên chính trường, thượng nghị sĩ Phil hơn người ở chỗ là biết nói khi cần nói và biết dừng khi thấy đủ. Lão biết ngay là đã đến lúc mình nên kết thúc bài diễn văn nhạt nhẽo này:

—... Vì vậy... để tóm tắt, đại diện dân chúng tiểu bang Illinois, tôi xin thành thật cảm ơn bạn đã tặng tôi số tiền này và hứa sẽ... ngồi lại ở thượng viện không phải chỉ sáu năm, mà sẽ còn ngồi dài dài cho đến khi nào không còn ngồi nổi nữa để thoả lòng mong đợi của tất cả quý bạn...

Lần này thì tiếng vỗ tay vang lên thật lớn để mừng ông thượng nghị sĩ chấm dứt bài nói chuyện sớm hơn dự định. Thượng nghị sĩ Phil nhìn sang bên cạnh và giật mình khi thấy Capone đang rút khăn mu-soa lau nước mắt. Thượng nghị sĩ Phil thường nghe người ta đồn là thằng ăn cướp này rất mau nước mắt, nhưng không ngờ nó lại mau đến như vậy. Al Capone đứng khốc ngon lành, thật tận tình, thút thít như một đứa con nít. Hai hàng nước mắt chảy dài trên má tên trùm ăn cướp lưng danh nhất thế giới.

Thượng nghị sĩ Phil ôm vai dịu “người bạn quý” bước xuống, an ủi vỗ về. Capone nghe những lời an ủi, càng mũi lòng khốc to hơn. Những tiếng vỗ tay cũng không vì thế mà bớt đi. Chiếc khăn mu-soa lớn vậy mà chẳng bao lâu đã đầm đìa nước mắt nước mũi Capone:

— Thượng nghị sĩ nói làm tôi cảm động quá. Cả dĩ vãng ngày xưa bỗng trở về trong trí tôi như mới ngày hôm qua. Tôi xuất thân nghèo hèn, bắt đầu khởi nghiệp ở Nữ Ước bằng cách cầm dao đi gác động đi, mỗi ngày được ba bữa ăn và 5 cents thù lao. Gần ba chục năm qua, đời tôi đã trải qua bao khó khăn cực nhọc, bị đời đá lên hành xuống thoát chết không biết bao nhiêu lần cho đến hôm nay mới tạo nên được cơ nghiệp này... hu... hu...

Xếp xoay xoay cái khăn, kiểm

một khoảng trống sạch sẽ đưa lên mũi hỉ một cái. Xong xếp bóp nó lại, thấy luôn cái khăn đó cho một thằng cận vệ đang đứng gần. Thằng này lẹ làng giơ một tay chụp lấy, tay kia rút ra liền một cái khác kính cẩn dâng lên cho xếp. Nó đâu có lạ gì cái cảnh này. Đi coi hát, xếp vẫn thường khóc như vậy luôn.

— Híc... híc... vậy mà, ông nghĩ thử coi, chỉ cách đây mấy tháng, tôi đã tưởng cả cơ đồ to lớn của bao nhiều năm xương máu sẽ tan thành mây khói nếu không có ông cứu tôi. Tôi cảm ơn bạn lắm. Kể đến những chuyện xưa, không ai nhắc đến thì thôi, còn hể nghe nhắc đến thì tôi thấy trong lòng thổn thức, cảm nước mắt không được. Lần nữa, tôi xin cảm ơn thượng nghị sĩ vô cùng...

Thượng nghị sĩ Phil hơi nhú mày khi nghĩ đến Eliot Ness và toán đặc vụ hung dữ của hắn. Trong phút chốc, lão cảm thấy hơi hối hận và lo sợ. Hối hận vì đã cho nó leo cây, còn lo sợ vì lão biết thằng ăn cướp này đã tin mình như thế này, mai một nó mà khám phá ra bị cho đi tàu bay giấy thì cơn thịnh nộ chắc không phải nhỏ. Người ta đồn Capone giết người vì những chuyện còn nhỏ hơn như vậy nữa.

Nhưng về tới dãy bàn danh dự thì sự lo sợ của lão biến mất ngay. Muốn trả thù ai, người ta phải... còn sống. Gặp hai thằng hung dữ cỡ Ness và Malone thì chưa chắc chúng nó để cho thằng này sống được.

Cái hay của Al Capone là khóc thật mau mà nín cũng lẹ. Tới dãy bàn danh dự, thằng cận vệ vừa lễ mễ kéo cái ghế ra cho xếp thì bà con thấy xếp đã nín khe. Cặp mắt mới ướt sũng bây giờ khô rang với những tia lửa giết người chiếu ra như thường lệ. Cặp môi thít vén lên, cười rất tươi.

Ban nhạc nổi lên, hoà lẫn với một thứ âm thanh khác cũng ồn ào không kém: tiếng muổng nĩa ly chén chạm nhau của mấy trăm thực khách. Giờ... đớp hít thả giàn mà mọi người mong đợi đã tới. Tuy là

bữa ăn trưa nhưng đồ ăn thức uống không thua thực đơn của những buổi dạ tiệc linh đình. Năm chục anh bồi lẳng xăng chạy tới chạy lui mà vẫn không hết việc.

Malone nháy Ness:

— Chúng mình cầm nĩa lên để thưởng thức đi thôi. Đời người mấy khi mới có được một bữa huy hoàng như thế này...

Hai anh chàng ký giả nhà quê đớp bạo hơn ai hết, nhất là người thợ chụp hình to con. Rõ là dân quê mùa cả đời mới mò về được thành phố một lần. Hai người ăn nói ào ào, giọng miền Nam đặc sệt nghe rất chướng tai.

Đang đớp hít vung vít thì bỗng có một thằng cô hồn tới sát phía sau anh thợ chụp hình, cất giọng lạnh lùng:

— Chú em, ra ngoài cầu tiêu qua muốn nói chuyện này một chút...

Malone đã chờ đợi giây phút này từ lâu, ngay sau khi chụp xong tấm hình cuối cùng. Tinh quái như Malone thì phải biết là chúng nó đã bắt đầu để ý đến mình. Lúc thấy đội trở về chỗ ngồi, dáng điệu tự nhiên khệnh khạng như một anh phó nhòm nhà quê chính hiệu nhưng cặp mắt vẫn để ý theo dõi từng cử động của những thằng *caporegime* trên dãy bàn danh dự. Khi thấy thằng Lou kề tai lão McGurn thì thầm thì Malone biết là thế nào chúng nó cũng có chuyện. Đến chừng nhìn thấy thằng Lou với thằng Frank Nitti bỏ đi vào nhà trong, Malone nháy Ness. Ness biết những gì xảy ra nên nói nhỏ:

— Mấy tấm hình của mình sắp hại mình rồi!

— Cái điệu này thì nhất định là có chuyện lớn. Không lý lại bắn nhau với chúng nó trong này. Hơn nữa, hiệp ước ngưng bắn vừa ký chưa ráo mực, làm vậy coi đâu được! Chúng nó mà biết mình giả dạng ký giả để vào đây do thám thì mọi chương trình dự tính của mình sẽ tan thành mây khói hết.

Giọng Ness có vẻ hơi căng thẳng:

— Nếu phải bắn nhau với chúng nó, chưa chắc mình đã bắn lại.

một giờ trưa

*Bây giờ em ạ một giờ trưa
anh gặm không tan miếng bánh thừa
anh muốn gặm em... không phải bánh
để rồi câu đó hoá ra thơ!*

*Bây giờ em ạ thêm vài phút
em ở đâu rồi, nắng rất thơm
anh ngó ra vườn con bướm nhỏ
nó đang bay kiếm một mùi hương...*

*Bây giờ em ạ nhớ làm sao
ước nhĩ khi không nổi tiếng giàu
anh sẽ bay đi như cánh bướm
để tìm người mộng tận ngàn sau*

*Bây giờ em ạ ước mơ thôi,
được thấy em trong nắng của trời
cúi xuống anh nhìn ôi nước mắt
lẽ nào nhớ quá bỗng mưa rơi?*

*Bây giờ em ạ một giờ hơn
thêm phút thêm giây trái đất tròn
trái đất cứ quay đời cứ chuyển
mà anh đứng sống một đầu non!*

*Bây giờ em ạ nơi đầu thác
em hát cùng chim với nắng rừng
nắng chảy về đâu con suối ngọc
thơ anh nằm đó... nắng rung rung!*

vị khanh



Mình đang ở trong rọ của chúng. Cũng không thể bỏ chỗ này mà chạy ra được. Ông có để ý lúc mình vào đây, an ninh nó làm ba bốn lớp trong ngoài...

Ness suy nghĩ một lúc rồi nói nhỏ với Malone:

— Mình chỉ còn một cách duy nhất là đóng trọn vở kịch. Ông cứ tự nhiên thủ vai một thằng thợ chụp hình nhà quê đi, tôi sẽ tìm cách lừa chúng nó.

Bây giờ nghe thằng cô hồn đứng sau lưng nói vậy, Malone y lời Ness, đưa cặp mắt ra vẻ ngây thơ lên ngược nhìn và cười cười:

— Thưa ông, ông muốn nói chuyện với tôi?

— Ra ngoài kia, có chuyện riêng muốn nói một chút.

Malone tỉnh queo đẩy cái ghế trống bên cạnh ra:

— Tôi rất hân hạnh được biết ông, mời ông ngồi xuống đây, chúng ta cùng nhau vừa ăn vừa nói chuyện.

Lou nhăn mặt, hất nhẹ cái ghế rồi vạch áo vét ra đủ cho người thợ chụp hình nhà quê nhìn thấy cây Colt.45 mình đeo dưới nách. Giọng nó lạnh lùng, chắc nịch:

— Không, qua muốn nói chuyện ở ngoài kia. Chú mày có chịu đứng lên đi ra không hay qua phải cho người vô đây nắm đầu kéo ra...

Mặt mày nó hung dữ như vậy thì đành nghe lời nó cho rồi. Tên thợ chụp hình đứng lên, nói nhỏ với người bạn:

— Tôi không biết ông này muốn

gì nhưng mà ông dữ quá, cứ đòi tôi đi ra cho được. Vậy ông cứ chờ đây, tí nữa tôi trở lại.

Lou ra lệnh tiếp:

— Xách cái máy hình của mày đi theo luôn.

— Dạ, dạ. Biểu xách thì xách...

Tên thợ chụp hình quay lui, tính thò tay lấy cái máy thì bị người bạn ký giả giằng lấy máy, đẩy mạnh hẳn một phát cho ngời trở lại xuống ghế:

— Ông cứ ngồi xuống đây, không đi đâu hết.

Rồi hắn nghiêm mặt nhìn thẳng cô hồn, nói luôn chẳng có vẻ sợ hãi gì cả:

— Vừa rồi ông đòi nắm đầu ai? Ông bạn là ai mà dám đối xử với báo chí như vậy?

A, hoá ra cái thằng nhà quê này tưởng là nó ngon lành lắm. Tên cận vệ của McGurn một tay vạch áo vết ra, tay kia chỉ vào khẩu Colt lủng lẳng dưới nách, cất giọng tuy nhỏ nhẹ nhưng sắc mùi tử khí:

— Ai cho mày xía vô chuyện của tao, thằng ký giả chết bầm kia? Báo chí mẹ gì thì cũng không cự nổi cái này. Chỉ một phát thôi là... báo tới đâu cũng nằm thẳng cẳng hết. Dù mẹ giờ có đứng lên đi hay là không?

Anh chàng thợ chụp hình đang nhăn nhó khổ sở không biết tính

sao thì người bạn ký giả đã đứng dậy, chẳng kiêng nể gì cả, hét to lên giữa phòng ăn:

— A cái thằng du đãng này, mày gọi ai chết bầm? Mày tưởng hễ có súng là ăn hiếp được báo chí chúng tao à? Đấy, mày có giỏi thì bắn đi, tao thách đấy... Dù mẹ bắn đi coi thử tao có sợ không nào?

Giọng ông cóm đội lốt ký giả Eliot Ness to quá, vang lên lạnh lạnh giữa phòng làm những người ngồi chung quanh đang ăn uống cũng phải quay đầu nhìn lại. Thằng đàn em của McGurn hoảng hốt gài nút áo vét lại. Dù mẹ ba chục năm cầm súng đi ăn cướp, giết người như ngoé, nó chưa bao giờ gặp một thằng ký giả gàn bướng như thế này. Giữa hàng trăm cặp mắt đang đổ dồn về phía mình, chẳng lẽ lại rút súng ra nổ khơi khơi vào đầu nó. Lou không ngờ trên đời lại có những thằng ký giả gàn bướng như thế này. Chưa biết phản ứng cách nào thì cái giọng nhà quê miền Nam của thằng ký giả lại vang lên:

— Dù mẹ, nếu tao biết chúng nó đối xử với báo chí bạc bẽo và du côn như thế này thì tao đã không bỏ mấy ngày lên tới tận đây để nghe Capone họp báo. Dù mẹ thiên hạ đồn Capone là người hào sảng rất quý mến báo chí, đến bây giờ mới

biết là lão khoét...

Nói tới đây, liếc mắt một vòng, thấy nhiều cặp mắt đang nhìn về phía mình tỏ ý đồng tình, Ness như hăng máu, càng la lớn hơn nữa:

— Nó đã đối xử với báo chí như vậy thì đi về. Đi về Tom! Lấy hết đồ nghề đi về. Mè gì ba cái đồ ăn của những người khinh rẻ báo chí như vậy! Chuyến này về tới Texas tao nhất định viết báo nói cho thiên hạ biết cái chuyện khinh rẻ báo chí như thế này...

Miệng nói, tay Ness thu gọn mớ đồ nghề cùng giấy bút như sắp sửa đi về thật.

Đám ký giả ngồi chung quanh nghe nói động lòng, có nhiều người đã bỏ nĩa xuống. Nhiều tiếng xầm xì đồng tình với anh chàng ký giả nhà quê bắt đầu vang lên. "Al Capone làm vậy đâu có được...", "Chúng nó tuy nhà quê nhưng cũng là ký giả chớ bộ, đâu thể phân biệt giàu nghèo hay tỉnh quận như thế được...". Có câu còn quyết liệt hơn: "Nếu chúng nó về thì anh em mình cũng bỏ về luôn, không thể để đồng nghiệp bị đối xử như thế được!"...

Đến lúc này thì Lou hốt hoảng thật tình. Từ lúc nhận lệnh của McGurn, nó không bao giờ ngờ sẽ lâm vào trường hợp thế này. Cái thằng to mồm này ăn nói như vậy, khí phách như vậy thì nhất định phải là ký giả một trăm phần trăm rồi. Chỉ có ký giả chính cống mới có cái khẩu khí đó. Cóm giả dạng đâu có "tự ái nghề nghiệp" đến như vậy!

Nghĩ như vậy là bao nhiêu ác cảm Lou giành cho hai người bỗng bay theo mây khói hết. Rồi hắn sực nhớ đến cái bệnh "yêu ký giả" của xếp. Thế này thì bỏ mẹ rồi! Chỉ cần vài đứa chúng nó xúi nhau bỏ đi rồi về nhà viết báo kể lại chuyện "áp bức" này thì tội của mình không nhỏ. Hơn nữa, làm mất mặt xếp giữa một đám người mà xếp luôn luôn kính mến như vậy thì chắc khó mà toàn mạng. Nóng tách như xếp thì chắc hai thầy trò mình thân bại danh liệt như chơi.

Lou hoảng hốt chụp lấy vai Ness, giọng nói bây giờ không còn vẻ cha

huế vàng phai

Dòng sông cũ đã mang theo vĩnh viễn
Tình yêu xưa kỷ niệm cũng hoang đường
Khi trở lại không còn chi hiển hiện
Dung nhan người phai sắc nhạt mùi hương

Và tất cả bỗng dựng thành xa lạ
Cố đô cam âm vọng nổi mơ hồ
Em thuở nớ vùn vè vành nón lá
Chừ anh buồn ngồi với bóng bơ vơ

Bến Thừa Phủ ngày xưa em ngang đó
Con đò quen ăn náu tận phương mô
Tà áo trắng không về qua cổ độ
Nghe vàng phai lá rụng giạt ven bờ.

duyên hoài ninh



chú nữa mà rất là hiền lành, thân thiện:

— Thôi, thôi ông ký giả, tôi xin lỗi, tôi chỉ đùa với ông một chút thôi mà...

Nói tới đó là Lou tự động nhe răng ra cười hì hì, chẳng cần mắc cỡ. Thấy Malone trợn mắt nhìn mình, hắn đưa tay đấm nhẹ vào lưng thầy đội một cái để tỏ vẻ thân thiện:

— Hì hì... giống với nhau tí mà phải không ông bạn. Tôi thấy ông bạn đến từ miền Nam xa xôi nên giống tí mà, phải không... Quê hương tôi ở miền Nam mà, tôi rất khoái người miền Nam hì hì...

Nhìn thấy sắc mặt thẳng Lou, Ness biết là mình vừa thắng một trận đánh. Hú hồn. Chẳng ngồi xuống, những vẫn còn làm mặt giận hăm hăm:

— Nói thật với ông, miền Nam tôi cũng có không biết bao nhiêu của ngon vật lạ, tôi đến đây chỉ vì muốn nghe xếp Capone của mấy ông nói chuyện. Tôi đến chỉ vì Capone...

— Thôi thôi, tôi đã nói là tôi xin lỗi ông rồi mà, xin ông cứ tự nhiên đớp hít đi cho... Bồi đâu, chúng mày đem tới đây cho tao mấy chai rượu quý coi, thứ thượng hảo hạng mới nhập cảng từ bên Pháp qua đó...

La hét một lúc, thấy anh chàng ký giả nhà quê có vẻ nguôi nguôi, Lou lẹ làng rút lui. Vào tới phòng trong, nhìn thấy một dãy bốn thẳng cận vệ của Frank biệt phái súng ống đầy đủ đang đứng ngoan ngoãn chờ lệnh, nó giơ hai tay lên trời phân bua:

— Cút cha tụi mày hết đi. Chúng nó đều là ký giả. Ký giả thứ thiệt đang hoang, chỉ mỗi một tội... khùng chớ chẳng phải cóm kiếc gì ráo. Giải tán hết đi, lẹ lẹ, dù mẹ một chút xiu nữa thì tao cũng kẹt với chúng nó rồi...

Khoảng 12 giờ trưa, ăn uống no nê xong, khi các quan khách tai to mặt lớn và *caporegime* kiểu từ ra về hết, bỏ lại mình Capone với gần 100 ký giả đến từ khắp nơi trên thế giới.

Bàn ghế đã được thu gọn lại để đám ký giả ngồi quây quần chung quanh Capone. Giây phút quan trọng và khoái tử nhất cuộc đời đã tới, Capone ngồi chờ câu hỏi đầu tiên. Khói xì-gà bay um, phủ mờ cả một góc phòng.

Một ký giả từ Pháp đến, nói tiếng Mỹ trọ trẹ khai mạc màn phỏng vấn:

— Monsieur Capone, ông nghĩ gì về câu "*I come here to get Capone*" của Eliot Ness?

Capone mỗi một điều xì-gà:

— Ông từ đâu đến?

— Pháp!

— A! La France, nước Pháp, nước sản xuất rượu ngon nhất thế giới. Nói cho ông biết, nếu một đạo luật như đạo luật Volstead được quốc hội nước ông thông qua thì nước Pháp sẽ có một cuộc cách mạng vĩ đại hơn cuộc cách mạng 1789 chỉ trong vòng một tuần lễ. Người Pháp có thể nhìn ăn chứ không thể nhìn uống rượu...

Nhiều tiếng cười nổi lên. Capone xoay điều xì gà trong tay, chờ cho những tiếng cười lắng xuống rồi tiếp tục:

— Để trở lại câu hỏi của ông, ông thấy là "monsieur Capone" vẫn còn ngồi đây tiếp chuyện ông thì ông biết là "monsieur Capone" vẫn chưa bị ai "get" hết. Thời xưa, lúc còn người còn ăn lông ở lỗ, người ta mới tính tới chuyện diệt nhau. Bây giờ nhân loại văn minh, hơn nữa tôi lại sống ở Hoa kỳ là một quốc gia tự do dân chủ, tôi nghĩ câu nói đó là một câu nói trái luật, ngu xuẩn và xâm phạm tự do cá nhân của một công dân Hoa kỳ. Một công dân Hoa kỳ, dù có tội đi nữa, chỉ có thể chịu sự phán quyết của toà án, không thể bị ai hăm dọa. Trong khi đó, tôi là một công dân gương mẫu, làm ăn lương thiện. Tôi cũng muốn lên tiếng phản đối chánh phủ liên bang Hoa kỳ, đúng hơn là tổng thống Hoover, dung túng cho một tên cảnh sát ăn nói vô trách nhiệm như vậy. Cái tên cảnh sát lừng danh... cao bồi đó, hắn nghĩ là hắn đang ở đâu kia? Ở Nga

sô sau cuộc cách mạng Bôn-sơ-vích chẳng? Người Pháp các ông có biết sự khác biệt giữa chúng tôi và bọn cộng sản là gì không?

— *S'il vous plait, monsieur Capone!*

— Ở nước chúng tôi, hiến pháp qui định rằng "mọi công dân đều được coi là vô tội cho đến khi bị chứng minh là có tội"; còn ở xứ cộng sản, "mọi người đều bị coi là có tội cho đến khi được chứng minh là vô tội". Đó là sự khác nhau giữa tư bản và cộng sản, tự do và áp bức.

— Ông có vẻ không ưa những người Bôn-sê-vích.

Capone rút điều xì-gà ra khỏi miệng, xắn tay áo lên:

— Ngày xưa, lúc tổng thống Andrew Jackson đánh nhau với tụi da đỏ, ông ta đã nói một câu đi vào lịch sử Hoa kỳ là: "Một thằng da đỏ tốt là một thằng da đỏ... chết ngắc" (*A good Indian is a dead Indian*), tôi cũng có thể lặp lại câu đó để nói với bọn Bôn-sê-vích vừa cướp chính quyền bên Nga rằng: "Một thằng cộng sản tốt là một thằng cộng sản... chết ngắc". Mấy ông thấy những tháng gần đây vừa có những cuộc biểu tình dữ dội của nông dân tại Hoa Thịnh Đốn để phản đối tổng thống Hoover. Tôi biết những cuộc biểu tình bạo động có quy mô này không ít thì nhiều cũng có bọn đồ giết dây. Nói thật với các ông, tôi tuy không đồng ý với chánh sách kinh tế của tổng thống Hoover mà theo tôi nghĩ đã gây nên cuộc đại khủng hoảng kinh tế này, nhưng với tư cách là một công dân Hoa kỳ, tôi dám tuyên bố là nếu bọn cộng sản âm mưu xuất cảng cách mạng của chúng nó sang để nhuộm đỏ đất nước này, tôi sẽ gởi người qua tận Moscou để kiếm thằng Lenine làm thịt trước...

— Lenine?

— Thằng Lenine trước rồi tới thằng Trotsky.

Capone ngừng một chút rồi lặp lại câu nói một cách chững chạc, chậm rãi:

— Một thằng cộng sản tốt là một

thằng cộng sản chết ngắc.

Báo chí ghi chép ào ào lời tuyên bố nẩy lửa của tên trùm ăn cướp. Malone nói nhỏ với Ness:

— Nếu Nga hoàng có quen biết với Capone hồi xưa thì biết đâu chừng thế giới không sống trong cơn ác mộng như bây giờ...

— Chưa biết được. Trước mặt báo chí, người ta thường nổi hứng bắt tở như vậy, khi đặng chuyện mới biết được.

Một phóng viên khác của tờ *Nữ Ước thời báo* hỏi:

— Chúng tôi ghi nhận lòng yêu nước và căm thù cộng sản của ông. Xin cho phép tôi trở lại vấn đề. Eliot Ness vừa họp báo cách đây mấy tuần, tuyên bố là có hơi nặng tay với ông, xin ông cho biết lý do nào hấn lại đối phương pháp làm việc một cách nửa chừng như vậy? Có phải là ông đã mua được người cảnh sát này?

— Mấy ông nên nhớ quy luật này của tạo hoá: Tất cả mọi người, mọi vật trên cõi đời này dù quý và khó đến đâu cũng đều mua được nếu chúng ta chịu trả đúng giá. Cái khó là sự đồng ý về giá cả giữa người bán và người mua.

— Điều này có nghĩa là Ness đã được trả đúng giá?

Ngồi trong đám ký giả, Ness nín thở. Nếu thằng ăn cướp này đương nhiên xác nhận là Ness đã được trả đúng giá, chàng biết mình sẽ phải mất nhiều thì giờ để giải thích với Hoa Thịnh Đốn. Khốn nạn, khi bắt đầu cuộc chơi, chàng đã tính tới nhiều chuyện nhưng chưa bao giờ nghĩ đến cái chuyện này. Những gì Capone tuyên bố ở đây bây giờ, ngày mai sẽ được lên trang nhất của mấy ngàn tờ báo trên khắp nước Mỹ và cả thế giới. Nhất định tổng thống Hoover sẽ đọc. Nhất định ông bộ trưởng tài chánh sẽ đọc. Nhất định ông trưởng phòng của Ness sẽ đọc. Nhất định... Nhất định... Làm sao mình có đủ thì giờ cắt nghĩa cho ông trưởng phòng hiểu và tất cả mọi người hiểu đây? Ăn tiền của Capone, dù mình đã cẩn thận để chúng nó không thể

trưng bằng chứng ra được nhưng Capone đã nói vậy thì thân bại danh liệt là cái chắc. Ness đâu có lạ gì báo chí Mỹ. Đến tổng thống mà còn phải kiêng nể chúng nó thì một thanh tra cảnh sát như chàng thiên hạ coi ra gì! Thế này thì còn gì là tiếng tăm của Eliot Ness, đệ nhất cóm Hoa kỳ? Trong giây phút kinh hoàng, Ness chỉ nhớ đến Catherine vợ chàng. Ôi, hiền lành và ngây thơ như Catherine thì làm sao nàng hiểu được mình?

Ness thấy mồ hôi mình toát ra. Hay là thằng Capone đã nắm được cái tẩy này nên mới bình thần đưa mình vào bẫy? Minh tưởng đã bẫy được nó ai ngờ lại lọt vào một cái bẫy khủng khiếp như thế này! Ôi, kế hoạch đẹp như vậy mà rồi cuối cùng bị tan nát chỉ vì một chi tiết nhỏ.

Ness liếc nhìn sang bên cạnh. Sừng sỏ như thầy đội Malone mà giờ này mặt cũng tái không còn hột máu. Hay là cứ một hai ba xông đại lên làm náo loạn cả phòng không cho nó nói? Không được. Ngay trong đại bản doanh của nó mà làm vậy thì chết chắc. Hơn nữa, đâu có giải quyết được gì. Bọn nhà báo có cái mũi rất nhạy, sẽ đánh hơi ra cái lý do này ngay.

Cả hai nhìn Capone, hơi thở đứt từng đoạn theo câu trả lời của hắn:

— Chuyện này, các ông nên đi tìm Ness hay là tìm bọn Mafia mà hỏi. Tôi là người làm ăn lương thiện, tại sao tôi lại phải bỏ tiền ra mua một ông thanh tra liên bang kia? Nếu tôi có nhiều tiền, tôi sẽ mướn hắn về làm cận vệ cho tôi trong những giờ hấn rảnh. Tôi biết lương thanh tra cảnh sát đâu có bao nhiêu. Được người có tài... ăn nói như hắn đứng cạnh cửa thì còn sợ ai nữa!

Nhiều tiếng cười vang lên. Ness và Malone thở phào nhẹ nhõm tuy thấy máu bốc bùng bùng hai bên thái dương. Lần đầu tiên Ness nhận thấy vẻ hốt hoảng trên khuôn mặt thầy đội Malone. Nhưng sóng gió qua rồi. Phải công nhận thằng Capone này đúng tít dân chơi. Thứ

nhất, nó không tiết lộ liên hệ mật thiết cần phải giấu kín với "bạn hàng"; thứ hai, tuy vậy nó cũng tìm chữ để "chơi" mình một phát cho bớt cay cú.

Một ký giả khác của tờ *Chicago*



Tribune:

— Thưa ông Capone, xin ông cho biết ý kiến về đạo luật cấm rượu?

— Prohibition Law! Đạo luật ngu xuẩn này được bảo trợ bởi anh thượng nghị sĩ ngu dốt nhất thế giới tên là Volstead. Dĩ nhiên thánh kinh có nói rằng cây xấu không thể sinh ra quả tốt, con người ngu dốt thì phải đẻ ra những cái gì ngu dốt như kiểu đạo luật này. Nó cũng biểu lộ sự hèn nhát của mấy tay dân cử Hoa kỳ...

Anh ký giả người Pháp lại chen vào:

— Monsieur Capone, theo chỗ tôi biết thì chính sự ngu dốt này đã đem lại cho ông hàng trăm triệu đô la một năm. Như vậy, ông phải biết ơn ông Volstead mới phải, có đâu lại cay cú ông ta quá đáng như vậy?

Có vài tiếng cười. Capone nhả khói xì-gà:

— Cá nhân tôi, tôi rất chịu cha Volstead. Tôi chỉ muốn nước Mỹ lâu lâu mọc ra chừng vài ông Volstead như vậy thì cảnh sát có chuyện làm suốt năm. Để tôi đi sâu vào vấn đề tài chính trị phức tạp của nước tôi cho ông hiểu. Andrew Volstead là một cái hình nộm biết nói được nhào nặn bởi mấy ông cố đạo nhà thờ. Nếu quý vị đọc kỹ tiểu sử anh thượng nghị sĩ này, quý vị sẽ thấy ông ta đặc cử thượng nghị sĩ nhờ mấy ông mục sư tiểu bang Minnesota. Chính mấy ông mục sư này và hội đồng giáo phẩm đã bốc thăng chả từ một thành phố nhà quê ra đặt vào thượng viện để thao túng Hoa kỳ...

— Thao túng chính trường Hoa kỳ?

— Đúng. Thao túng chỉ là âm mưu nhỏ, âm mưu đầu tiên thôi. Các ông đâu có biết bọn này đã đỡ đầu bao nhiêu đạo luật khác để giúp họ trốn thuế hoặc nhận hàng trăm triệu đô-la tiền trợ cấp hàng năm của chính phủ mà ta đâu có hay. Một thằng dân đen ăn cắp một đồng bạc thì bị còng đầu, còn một bọn thổ phỉ mặc áo chùng đen, có tổ chức ăn cắp một lần cả chục triệu

đô la cho đoàn thể và nhà thờ của chúng nó thì chẳng ai dám động đến. Và chúng nó ăn cắp từ năm này sang năm kia, đời này sang đời nọ...

— Ông nghĩ gì khi người Pháp gọi ông là “ông mãnh 300 xác chết”?

— Tôi nghĩ, người Pháp, nhất là dân nhà báo, có một trí tưởng tượng thật dồi dào.

— Hay chúng tôi có thể rút xuống để gọi ông là *l'homme au deux cents cadavres* được không?

Capone cười:

— Chẳng những giàu trí tưởng tượng, mấy ông còn có óc khôi hài nữa. Suốt đời tôi, tôi chưa bao giờ giết ai cả. Tôi như thế này mà lại đi giết người à? Chưa bao giờ và không bao giờ. Chấm hết.

Một nữ ký giả của tờ *Hoa Thịnh Đốn thời báo* hỏi:

— Thưa ông Capone, hôm qua chúng tôi có đi quan sát các nhà thổ, hay nói một cách bình dân hơn, là nhà chứa đi của ông. Xin ông cho biết những phụ nữ này làm việc bán trôn vì miếng ăn hay là bị ép buộc bỏ vào đó như những nô lệ ngày xưa? Hình như báo chí đã nhiều lần nhắc đến những việc này.

— Kỹ nghệ đi điểm là một kỹ nghệ cổ xưa nhất thế giới, có thể nói là kể từ khi có con người xuất hiện trên mặt đất thì đã có kỹ nghệ này. Tôi nghĩ nó tốt vì nó giải quyết một nhu cầu cần thiết và thầm kín của con người. Đi là gì? Là những người trao đổi tình yêu hay thân xác mình để nhận lấy một cái gì đó. Theo đúng định nghĩa trên, xã hội loài người từ ngàn xưa cho đến ngày hôm nay nhan nhản toàn là đi. Trong kinh thánh có rất nhiều... đi, như nàng Dalida là một. Có người làm đi để cứu quốc, có người để thực hiện một âm mưu nào đó hoặc có người vì tiền. Trước khi đi sâu vào vấn đề, tôi xin phép quý vị cho tôi trình bày quan điểm của tôi. Tôi đã từng đứng gác nhà thổ trong nhiều năm nên tôi biết... đi rất nhiều. Trước hết, những người làm đi không đáng khinh. Đáng khinh là những thằng đạo đức giả, trước

mặt mọi người thì lớn tiếng hô hào đủ thứ mà đêm đêm lại lên lút trốn đi chơi đi. Đáng khinh là những thằng lợi dụng mồ hôi cơm áo của đi để làm giàu...

Người nữ ký giả chen vào:

— Hình như ông đang ám chỉ mình?

— Không, tôi coi đó là một kỹ nghệ nên làm ăn có quy luật đảng hoàng. Những người tiếp khách được chia hoa hồng xứng đáng. Nếu họ biết dành dụm, trong tương lai họ cũng có thể lên làm chủ. Hơn nữa, tôi là người duy nhất trên thế giới này có thành lập nhà “duỡng sức” có bác sĩ trông coi đảng hoàng để chăm sóc cho những người bị bệnh tật.

— Ông có dụ dỗ người ta rồi bắt bỏ vào nhà thổ không?

— Không, *never*.

— Tôi là ký giả của tờ *Chicago Tribune*. Hoa kỳ đang sống trong thời đại khủng hoảng kinh tế, người đói người thất nghiệp nhan nhản khắp nơi. Chúng tôi biết ông có mở hai hàng cơm xã hội cho những người nghèo đói tới ăn miễn phí. Xin ông cho biết số tiền này có phải là của nhà thờ nào hay nhóm nào tài trợ không? Và xin cho biết chi phí để mở hai hàng cơm này bao nhiêu một tuần?

Capone xoay người nhìn anh chàng ký giả, mắt sắc như dao:

— Tại làm sao hể Capone làm được một chuyện gì tốt thì người ta cứ hỏi là của ai đài thọ, ai trả tiền? Chẳng có thằng chó nào tài trợ hai hàng cơm của Capone cả. Tôi bỏ ra một tuần hai ngàn đô la để mở hai hàng cơm, nuôi sống mấy ngàn người thất nghiệp vì tôi nghĩ rằng đó là bổn phận của một con người đối với xã hội. Tôi cũng chưa bao giờ lên tiếng khoe khoang những việc làm này.

— Ông dự tính hai hàng cơm xã hội này sẽ được kéo dài đến lúc nào?

— Đến lúc Capone hết tiền hoặc cơn khủng hoảng kinh tế chấm dứt.

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

Bút Chì phụ trách.

NÓI CHUYỆN THƠ

Hỏi: Là một người rất yêu thơ, cho nên khi cầm tờ báo trên tay, tôi đọc ngay cho hết các bài thơ.

Trên *Làng Văn* số 80, có hai bài thơ làm tôi thắc-mắc:

Bài *Đêm nghe Mai Thảo nói chuyện thơ* (NK, trang 28): nếu tôi nhớ không lầm, bài thơ này đăng trên một tờ báo xuất-bản tại Cali. Bài thơ có cách ngắt câu rất lạ nên tôi chú ý.

Bài *Lục-bát cho Đào* (NQ, trang 90), có tới bốn câu giống thơ của người khác. Hai câu:

*Từ em là ngọn trúc đào
Chiều nao gió thổi bay vào sân anh*
rất giống hai câu thơ trong bài *Trúc đào* của Nguyễn Tất Nhiên:

*Chiều xưa có ngọn trúc đào
Mùa thu lá rụng bay vào sân em*
và hai câu:

*Trưa vàng cỏ biếc vườn anh
Nghe sao tím đỏ mấy nhành phượng xưa*

rất giống hai câu thơ của Trần Dạ Từ trong bài *Nụ hôn đầu*:

*Trưa vàng cỏ biếc vườn anh
Môi em chín đỏ đầu cành phượng xưa*
Đây là một sự góp ý nho-nhỏ.

Mong ban tuyển đọc làm việc thật tốt để khỏi phụ lòng độc-giả.

Trần Mỹ Phương
Cựu-kim-sơn

Đáp: Bài *Đêm nghe Mai Thảo nói chuyện thơ*, tòa-soạn không biết tác giả đã gửi đăng trên báo khác, xin tạ lỗi.

Về bài thơ *Lục bát cho Đào*, BC nghi, đó chỉ là sự vô-tình bị ảnh-hưởng, hoặc trùng-hợp ngẫu-nhiên. Trùng-hợp này vẫn thường xảy ra, ngay trong cổ-thi, thơ tiền chiến và thơ hiện-đại. Dù sao, người tuyển-đọc cũng đã không nhận ra, rất tiếc!

HỌC CHỮ HÁN

Hỏi: Cháu muốn học thêm chữ Hán để đọc sách cổ của Việt-nam do ông bà mình sáng-tác bằng chữ Hán mà chưa được dịch ra quốc-ngữ. Xin bác giới-thiệu cho một vài cuốn để học. Nên học sách dạy chữ Hán nhưng do người Việt soạn, hay học sách do người Tàu soạn, và những cuốn nào?

Lê Văn Thanh
Mississauga

Đáp: Về sách dạy chữ Hán do người Việt soạn, có các cuốn *Nhất thiên tự* (thơ lục-bát, để học tiếng một: *Thiên* trời *địa* đất *vân* mây, *Vũ* mưa *phong* gió *trú* ngày *dạ* đêm); *Tam thiên tự* (*Thiên* trời *địa* đất *cử* cất *tồn* còn *tử* con *tôn* cháu *lục* sáu *tam* ba *gia* nhà *quốc* nước *tiền* trước *hậu* sau *nguru* trâu *mã* ngựa, v.v.) hoặc *Sơ học vấn tân* (tóm-tắt lịch-sử Trung-hoa, Việt-nam và về một vài cách xử thế).

Sách do người Trung-hoa soạn, có *Minh tâm bảo giám* (thu thập các câu cách ngôn của thánh hiền); *Minh Đạo gia-huấn* của Trình Hiệu (tức Minh Đạo, gồm những câu thơ bốn chữ, nói về luân thường đạo lý Khổng Mạnh); *Tam tự kinh* của Vương Ứng Lân (mỗi câu có ba chữ, ghi chép kiến-thức linh-tinh). Sau *Tam tự kinh*, học tới *Tứ thư*, *Ngũ kinh*.

Ở hải-ngoại, cháu có thể mua cuốn *Tự học chữ Hán* của Lưu

Khôn, phương-pháp dạy tự học rất khá (xem thư-mục).

RẠCH GẦM

Hỏi: 1.—Trước đây, bác có giải thích rằng Rạch gầm, nơi quân Tây-sơn đại thắng quân Xiêm (Thái-lan) thuộc tỉnh Mỹ-tho ngày nay. Xin bác nói rõ rõ hơn, vì quê cháu ở Xoài Mút, rất gần Rạch gầm nên muốn biết thêm về vùng đất lịch-sử này. Địa-điểm chi-tiết của Rạch Gầm? Nguyễn Huệ thắng quân Xiêm năm nào? Tại sao quân Xiêm tràn sang tới đó?

2.—Nghe nói ngoài đảo Côn-sơn, trong đất liền cũng có núi Côn-sơn. Núi này ở đâu vậy bác, cháu nghe nói hình như ở ngoài Bắc?

3.—Chùa Trấn Võ và chùa Trấn Bắc là một hay hai chùa khác nhau?

Lê Văn Điền
Toronto

Đáp: 1.—Rạch Gầm, Xoài Mút là một đoạn của sông Mỹ-tho, hạ-lưu sông Tiền, dài khoảng 6 cây số, rộng 2 cây số, giữa rạch có cù-lao Thới-sơn.

Nguyễn Huệ thắng quân Xiêm một trận lớn vào tháng 1.1785, năm ông mới 32 tuổi.

Nguyên lúc đó Nguyễn Ánh cầu cứu quân Xiêm chống lại Tây-sơn. Xiêm đem 50.000 quân thủy bộ sang tấn-công, trong 5 tháng đã chiếm được hơn phân nửa vùng đất ở phía tây Gia-định.

Đầu năm 1785, Nguyễn Huệ đem thủy binh vượt biển từ Qui-nhơn vào Mỹ-tho, và bố-trí trận địa tại rạch Gầm, Xoài Mút. Ông cho quân mai-phục hai bên bờ sông, và các con lạch trên cù-lao Thới-sơn, như quân Xiêm vào sâu trong trận rồi xông ra đánh úp. Sử chép rằng quân Xiêm chết mất 40.000 người, toàn bộ chiến thuyền bị đánh đắm.

2.—Côn sơn còn có tên là núi Kỳ-lân, ở phía Đông Bắc huyện Chí-linh, tỉnh Hải Hưng ngày nay. Núi này chỉ cao độ 150 mét, trên có những gốc thông già 500, 600 tuổi, do Trần Nguyên Đán và Nguyễn Trãi trồng. Dưới chân núi có chùa

Côn-sơn, hay Thiên tư phúc tự, còn gọi là chùa Hun. Khi Nguyễn Trãi về hưu, về làm chức Đề cử ở chùa này.

3.—Trần Võ là đền không phải chùa, nằm gần chùa Trấn Quốc, cùng ở hồ Tây, Hà-nội.

Đền Trần Võ còn gọi là đền Quan Thánh, tên chữ là Trần Võ quán, một trong tứ trấn của thành Thăng-long ngày xưa, nằm cạnh hồ Tây. Đền được lập từ năm 1010 đời Lý, thờ Huyền Thiên trấn võ, là vị thần coi-sóc phương Bắc, trấn-áp tà-ma, bảo-vệ dân lành.

Chùa Trấn-quốc nằm trên hòn đảo giữa hồ Tây, đến đời nhà Lê, vua cho đắp con đường dẫn vào đảo. Chùa còn có tên là Khai-quốc, An-quốc, Trấn-bắc. Trịnh Giang, Trịnh Sâm đã biến nơi này thành hành cung, cho lập nhà bè thả nổi chung quanh chùa, mang cung nữ tới đó để hành lạc. Khi Nguyễn Hữu Chỉnh diệt Trịnh, vua Lê cho đốt hết nhà bè, từ đó chùa Trấn-quốc trở lại thanh-tĩnh như xưa.

BÚT CHÌ

Hỏi: 1.—Tại sao bác lấy bút-hiệu là Bút Chì mà không là Bút Bic hay Bút Mực cho nó khó xóa một chút, chứ bút chì thì dễ xóa quá đi, chỉ cần có một cục gồm là xóa sạch liền.

2.—Và từ trước tới nay bác đã gặp cục rôm nào chưa vậy?

3.—Theo truyền-thuyết, khi đức Phật mới ra đời, ngày đã đi được bảy bước, tay chỉ trời, tay chỉ đất mà nói *Thiên thượng địa hạ duy ngã độc tôn*. Câu này hiểu làm sao hả bác? Chẳng lẽ ngài là đấng đức độ siêu-phàm mà lại tuyên-bố rằng chỉ có mình ngài là đấng tối cao?

Lê Hữu Chính
Toronto

Đáp: 1.—BC lấy bút hiệu là “bút chì” với hàm ý rằng trên đời này không có sự gì tuyệt-đối đúng và luôn luôn đúng (thí-dụ: quan-niệm *trời tròn đất vuông* từng được coi là lẽ huyền-diệu của vũ-trụ chẳng hạn). Kiến-thức của loài người là

những điều cần phải được bổ-túc, cập-nhật luôn, không nên khu khu bám cứng vào những điều mình *tưởng* là mình biết.

2.—Bác vẫn bị (được thì đúng hơn) gồm dài dài, càng gồm càng học được thêm nhiều điều!.

3.—Chữ *ngã* ở đây không phải là *ta* hay là *cái ta*, mà là *cái ngã* to lớn, thành thật, chơn chất trong mỗi người, vốn vẫn bị phiền não, tạp niệm che khuất. Tu theo đạo Phật, là đi tới chỗ khám phá thực chất của *ngã*.

TIỀN MÁY BAY

Hỏi: 1.—Lúc trước, bác BC trả lời về tiền vé máy bay mua cho thân-nhân từ VN qua Mỹ theo thành-phần đoàn-tự gia-đình. Không biết tiền vé cho thân-nhân qua Gia-nã-đại là bao nhiêu? Số tiền ấy có bao gồm tiền khám sức khỏe không? Giá vé trẻ em là bao nhiêu?

2.—Nếu người được bảo-lãnh là vợ, con của đương đơn, từ ngày phỏng-vấn tới ngày đi khoảng bao lâu?

3.—Khi đóng tiền vé máy bay thì đóng cho cơ-quan nào?

Đinh Minh Việt
Montréal

Đáp: 1.—Tùy vùng sẽ tới mà tiền vé máy bay có khác nhau đôi chút. Nếu thân-nhân của bạn tới Montréal, giá vé khoảng 1037 gia-kim. Tuy nhiên khi đòi tiền vé, cơ-quan Di-trú sẽ đòi cao hơn một chút, trung-bình 1000 mỹ-kim (US dollar) cho mỗi người lớn và 650 mỹ-kim cho mỗi em bé dưới 2 tuổi (từ 2 tuổi trở lên theo giá người lớn). Sau khi thân-nhân đã tới nơi, cơ-quan Di-trú sẽ chiết-tính mọi thứ phí-tổn rồi bồi-hoàn chỗ bội thu.

2.—Nếu người được bảo-lãnh là trực-hệ của đương đơn, thời-gian trung-bình từ ngày phỏng-vấn tới ngày lên máy bay từ 3 tới 6 tháng.

3.—Sau khi phỏng-vấn chấp-thuận xong, cơ-quan IOM, trụ-sở tại Nữ-ước, Hoa-kỳ sẽ gửi hóa-

đơn đòi tiền vé máy bay. Bạn sẽ phải mua ngân-phiếu (*money-order*) tính bằng mỹ-kim tại ngân-hàng để gửi cho họ.

TRẢ LỜI RIÊNG

Ông PHAN MINH SƠN, BC.—Câu hỏi số 1 của ông không tiện cho BC trả lời lúc này. Bây giờ là lúc đoàn-kết quốc-gia để phấn-đấu cho tương-lai đất nước. Chuyện cũ nếu không thể bỏ qua được, cũng xin tạm để gác lại đó, miễn là những người liên-hệ không còn tiếp-tục làm lợi cho CS.

Câu số 2 thuộc về đời tư, xin miễn đề-cập. BC cũng như ông, mong đó chỉ là chuyện bịa...

3.—BS Bùi Duy Tâm cùng nhóm cựu dân-biểu Trần Văn Ân chủ-trương xóa-bỏ mọi “tàn-tích” có dính-dáng tới VNCH (nhất là quốc-ca, quốc-kỳ) để dễ hòa-hợp hòa-giải với VC. Ông Tâm đang cạy-cục xin mở trường Y-khoa tại VN, nhưng gần đây bị Hà-nội nghi-ngờ, bắt giam 8 tuần rồi thả. Về tới Cựu-kim-sơn, ông ta viết bài tự phỏng-vấn, tự ca-ngợi thành-tích (tù-tội) của mình rồi nhờ hãng tin CBA gửi cho các báo. Sự liên-hệ giữa họ Bùi và Nhật Tiến chưa được công-bố, nhưng lập-trường của họ có vẻ “đồng thuận” lắm.

gồm

LÀM NGƯỜI-LÀM-THƠ

Làng Văn số 82, trang 16, tựa bài “Làm thơ làm người”, xin sửa lại cho đúng là “*Làm người làm thơ*.”

Xin tạ lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

NĂM 1964

Làng Văn số 82, trang 105, cột 1, dòng 4 đếm từ dưới lên (trả lời cháu N.P. ở Strongville về ngày ta: 22 tháng 8 âm-lịch, năm 1964): “Cháu sinh năm 1964 là tuổi *Ất Tỵ*”, xin sửa lại là “tuổi *Giáp Thìn*”.



Đầu Làng Cuối Xóm

Mõ Làng Văn

“DỊCH”

Kể từ mấy năm trước đây, hưởng-ứng phong-trào văn-nghe cổ trối do đồng-chí Mười Cúc đề-xướng, các đơn-vị sản-xuất ngành in của “đảng ta” in thử vài cuốn sách ngoại-văn, thấy bán chạy như tôm tươi, liền thừa thắng xông lên, bỏ tiền ra mượn các ông bà văn-sĩ trong nước dịch ào-ào để kịp in mà hốt bạc kéo mai kia một nọ nhà nước thất lại thì mất ăn.

Điều đáng nói là có nhiều “nhà văn” trong nước vốn-liếng ngoại-ngữ quá yếu, một chữ Anh, Pháp cần đôi cũng không có, vậy mà cũng có năm ba cuốn sách dịch, mang in khơi khơi, đớp tác-quyền dài dài. Xem kỹ “dịch-phẩm” của các ngài, hóa ra là các ngài dịch từ tiếng... Việt ra tiếng Việt.

Chả có gì là khó, các nhà văn cuộc-roanh của chúng ta chỉ chịu cực một chút, chạy nháo ra chợ trời sách vở, vét hết các cuốn sách dịch xuất-bản tại Sài-gòn trước 1975, về gò lưng “dịch” lại chừng một tuần là xong tuốt.

Dịch làm sao? Thí-dụ bản in

trước 1975 viết là: “Hoàng-hôn xuống, ánh chiều sâm-sẫm phủ trùm lên vạn-vật một nỗi buồn man-mác”, các nhà văn cuộc-doanh chỉ cần đổi đi vài chữ, thành: “Chiều dần tối, màn đêm sâm-sẫm xuống dần, cảnh vật buồn nhè nhẹ.”

Chuyện “dịch” văn ngoại-quốc nó giản-dị vậy thôi. Chỉ cần đổi Tom thành Jean, đổi Uy-liêm thành Đa-nhiên, thay bình-minh bằng hừng sáng, sửa yêu nhau đắm-đuối thành yêu nhau nồng-nàn là có ngay một bản dịch mới, bố ai lần cho ra. Cứ thế mà các ông bà văn-sĩ tha-hồ mà dịch, y hệt như cái nhà ông Hoàng Hữu Quýnh “sáng-tác” vậy mà!

Mới đây, có mấy vị độc-giả bên miền Tây gửi thư về tòa-soạn “méc moi” rằng bên đó đang có hiện-tượng “dịch” thơ Vem ra thơ quốc-gia, dịch xong xóa luôn tên tác-giả, ký tên mình vào một cách ngon ơ. Dịch thơ kiểu đó coi bộ chậm tiêu. Hải-ngoại chỉ cần có một ông Hoàng Hữu Quýnh thôi cũng đủ ngượng với người ta lắm rồi, nẩy ra thêm năm ba vị nữa thì khổ lắm,

bên này mo cau khó tìm, biết lấy gì mà che mặt!

LẠI “CHUYỆN XUA CHUA CŨ”

Làng Văn 80, trên mục này, Mõ Làng Văn cho ông Tô Hòa Dương mượn đất nói về chuyện chàng nhạc-sĩ nằm vùng Trịnh Công Sơn. Mới đây, một bạn đọc khác muốn đóng-góp thêm một số chi-tiết giúp soi sáng những góc-cạnh khuất-lấp của vấn-đề này:

“Tôi cũng như ông Tô Hòa Dương, cựu tù-nhân chính-trị của CS trong hơn 10 năm. Tôi vừa chân ướt chân ráo tới Nhật-bản một tháng nay, chưa được đọc các bài báo nói về Trịnh Công Sơn trước đây, ngoại trừ “Chuyện xưa chưa cũ” trên Làng Văn số 80 (4.91) của ông Tô Hòa Dương. Nay xin góp thêm một số dữ-kiện ghi-nhận được, do chính kinh-nghiệm bản thân.

Vào thời 1965-1966, khi phong-trào tranh-đấu miền Trung ở Huế lên cao, nhất là vụ bàn Phật xuống đường, Trịnh Công Sơn còn là một sinh-viên Phật-tử trong hàng ngũ đấu-tranh. Lúc tôi đã là sĩ-quan trong quân-lực VNCH, nhưng cũng hưởng-ứng phong-trào tranh-đấu cùng một số quân-nhân, công-chức khác.

Trong số sinh-viên còn có Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng-phủ Ngọc Tường, Hoàng-phủ Ngọc Phan, Trịnh Công Sơn,... Họ đã ló mòi hoạt-động theo đường lối cộng-sản, như đốt phòng quân-sự học-đường, đốt phòng thông-tin Mỹ, sứ-quán Mỹ ở Huế. Tôi đã tìm gặp Thượng-tọa Trí Quang, nhân-danh một Phật-tử trong hàng ngũ tranh-đấu, phân-giải thiệt hơn và yêu-cầu ngăn-chặn. Thượng-tọa đã cho gọi các tên nói trên, và cả Bửu Tôn, Tôn-thất Kỳ, Phan Đình Bính đến khuyên bảo. Tôn, Kỳ, Bính vâng lời Thượng-tọa, riêng Xuân, Tường, Phan và Trịnh Công Sơn trước mặt thì vâng dạ, nhưng sau đó càng khuấy-phá mạnh hơn.

Thấy cuộc tranh-đấu đã vượt

khởi tâm kiểm-soát của Phật-giáo, tôi và các chiến-hữu khác tự-động rút-lui. Cuộc tranh-đấu về sau bị các ông Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Ngọc Loan đem quân từ Sài-gòn ra dẹp yên. Các tên Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng-phủ Ngọc Tường, Hoàng-phủ Ngọc Phan trốn theo CS vào khu, riêng Trịnh Công Sơn trà-trộn vào Sài-gòn.

Cũng từ đó, nhạc TCS chuyển sang phản-chiến một chiều, lên án quân-đội miền Nam, đã tác-dụng tai-hại lên một số quân-nhân không có căn-bản và lập-trường chính-trị vững-chắc. Sau này, TCS tuyên-bố "đã về với nhân-dân từ năm 1968", cũng không ngoa chút nào.

Tôi là người Huế, ở gần nhà TCS, trước rất thân nhau, nhưng sau đó tôi không giao-du nữa, vì thấy Sơn thiên-tả rõ-rệt. Đến ngày 30.4.1975, tôi mới biết rằng Sơn không những chỉ "thiên-tả", mà còn là cán-bộ VC.

Hôm ấy, sau khi tướng Dương Văn Minh tuyên-bố "hạ lệnh cho quân-lực Việt-nam Cộng-hòa hạ vũ-khí chờ bàn-giao chính-quyền Cách-mạng", chương-trình phát-thanh đã gián-đoạn vài giờ, rồi đồng-bào nghe đài trên cả nước ai cũng nghe rõ tiếng thối máy lọc-cọc trên làn sóng điện: "Một... hai...

ba... bốn... năm, A-lô! A-lô! Một... hai... ba... bốn... năm" rồi có tiếng nói vang lên: "Tôi là Trịnh Công Sơn, nhạc-sĩ và Nguyễn Văn Thái, sinh-viên, yêu-cầu các chuyên-viên kỹ-thuật điều-khiển máy-móc ở đài phát-thanh Sài-gòn đến trình-diện ngay để làm việc." Sau khi ra lệnh đồng-viên, Trịnh Công Sơn đánh đàn và hát bài "Nối vòng tay lớn", giọng hát đầy sôi-nổi, phấn-khởi trong khi toàn dân miền Nam, và rất nhiều đồng-bào miền Bắc (như Nguyễn Chí Thiện) gục đầu uất-nghẹn...

Từ đó trở đi, đài phát-thanh Sài-gòn hoạt-động liên-tục. Lời tuyên-bố "đầu hàng vô điều-kiện" của Dương Văn Minh được phát đi phát lại trong mấy ngày liên-tiếp.

Sự thể như thế tự nó đã quá rõ-ràng về TCS. Nếu không có quyền-lực của một cán-bộ CS, TCS và Nguyễn Văn Thái lấy tư-cách gì để tiếp-thu đài phát-thanh Sài-gòn, lấy tư-cách gì để ra lệnh cho nhân-viên kỹ-thuật của đài này đến trình-diện?

... "Nguyễn Tam Anh
Nhật-bản"

Đoạn thư sau, ông Nguyễn Tam Anh đề-cập trường-hợp một nhà văn miền Nam bị tố-cáo làm ăng-ten cho quân-giáo VC trong các trại lao-cải. MLV xin phép tạm-thời giữ lại đoạn này. Nhà văn ấy đã phải trả một giá quá đắt ở hải-ngoại, nay tuy đã âm-thầm viết lại nhưng phải dùng bút hiệu mới, và không còn xuất-hiện trước công-chúng nữa..

THƠ CHUA

Trong thời-gian qua, tòa-soạn nhận được nhiều bài biếm thi thời-sự rất có nét và tỏ rõ lập-trường. Vì Làng Văn không có một mục "thơ chua", nên kỳ này Mỗ xin công-bố luôn cho bạn đọc cùng chia-sẻ:

HỎI ÔNG LÊ VĂN HẢO

Đã giết bao người Huế hờ ông?
Lúc lên voi phát ngọn cờ hồng
Mậu Thân sử đã ghi vào đá
Canh Ngọ bia vừa quảng xuống sông

Pháp quốc ông ngồi xem báo X.
Trị Thiên ai đứng khóc mồ chung?
Vị như Bác Đảng còn mưa móc
Ông có bao giờ "phản kháng" không?
Nam Chi Thượng Nhân

ĐỪA CẬU TRẦN MẠNH HẢO

Vì sao cậu viết quyển "Ly Thân"
Mới đọc qua anh hiểu mấy phần
Đất Bắc bốn mươi niên cổ đăm
Trời Nam mười mấy lịch hoài xuân
Cổ bản Mộng Ruộng tay hà bá
Khuê các Ngọc Hương mắt nữ thần
Cậu "phản kháng" thì ra của ấy
Đen như mồm chó lăm anh cần.
Nam Chi Thượng Nhân

GIẾU EM DƯƠNG THU HƯƠNG

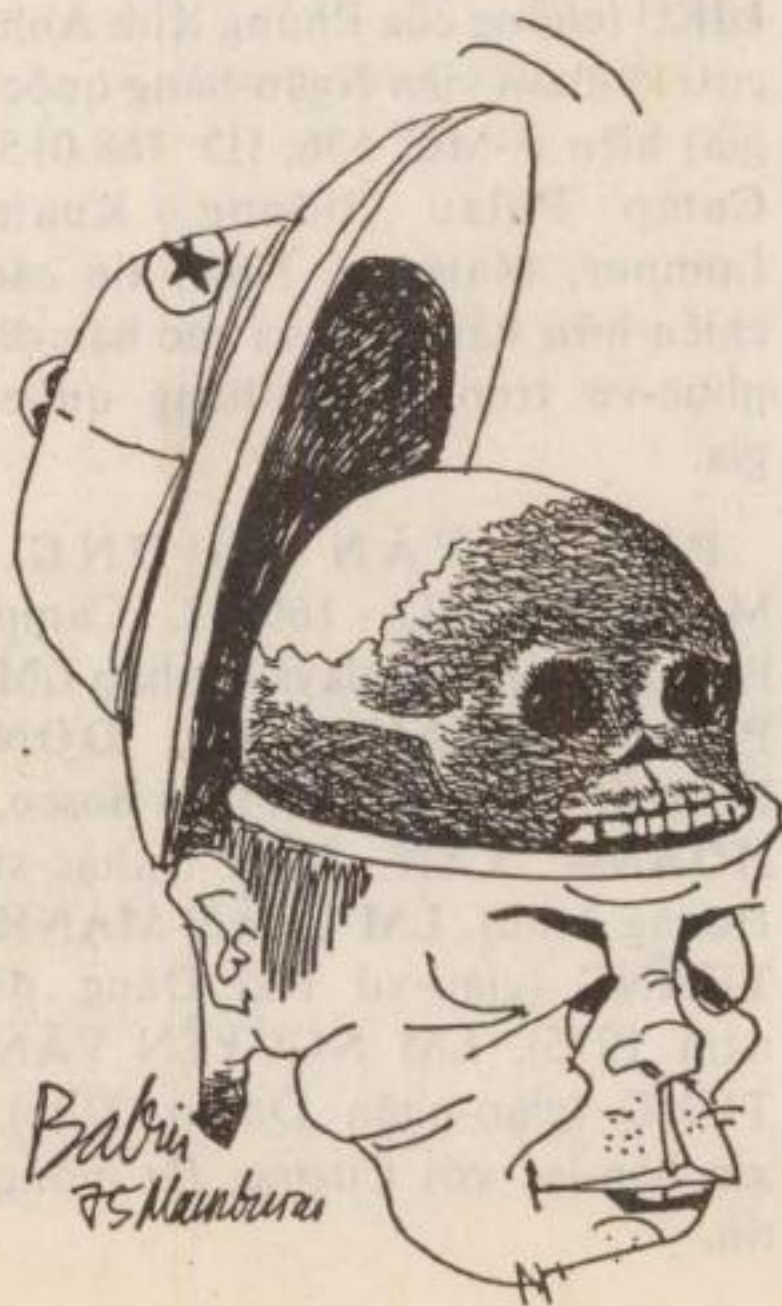
Em nhí nhưng lồng phổi khá to
Ấy văn chương phát nhẹ hai bờ
Giáo điều lý luận phô mơn mớn
Phản kháng đa nguyên hé ỡm ở
Phê phán miền Nam toàn xách mé
Phô trương xứ Bắc lăm hay ho
Này này anh bảo cho mà biết
Cán Nguyễn Đình Thi chưa chắc to.
Nam Chi Thượng Nhân

BỐN CHÚ NHẬT TIẾN

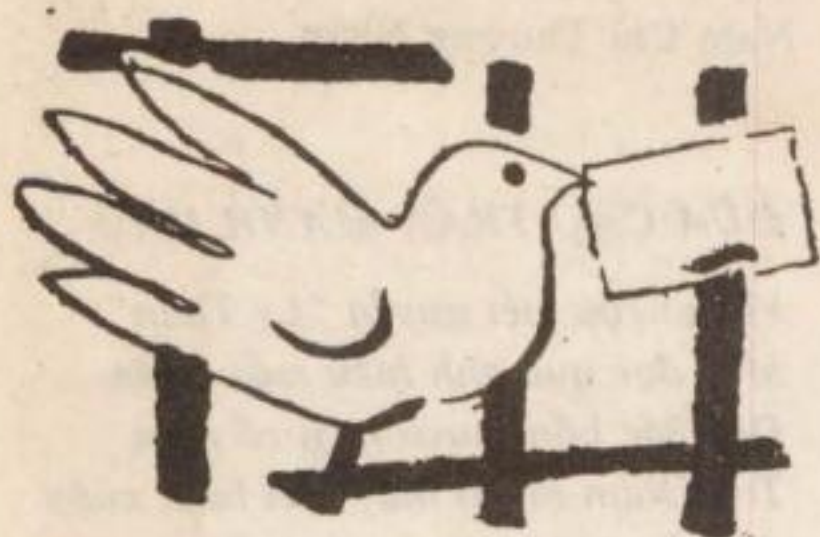
Chú họ Bùi anh cũng họ Bùi
Xem ra Bùi Kiệm chủ riêng thôi
Mới nghe nhà nước chơi "du lịch"
Đã khoác tay vai bị gậy rồi
Chắc thuở xưa quên làm lính tráng
Nên bây giờ vội tếch theo hôi
Mười lăm năm ồm nhóm cả nước
"Chất liệu" ra sao hẳn biết rồi.
Nam Chi Thượng Nhân

BÁC DUY TÂM CÔNG THẮNG DUY VẬT

Duy vật bây giờ được Duy Tâm
công kênh lên đến tận mây xanh
lẽ nào bỗng chốc mà phản kháng
không phải vô tình hoá lưu manh
Chánh đạo đừng quên, ngài tiến sĩ
gian thần chớ tưởng, bậc hiền nhân
phải chăng bác vẫn mơ kiếm chác
nếu vậy thằng Xia quá ma lanh.
Đình Huyền Đình



NHẬN ĐƯỢC, GIỚI-THIỆU



VIỆT-NAM MẾN YÊU (ĐỊA-LÝ ĐẠI-CƯƠNG)

Tác-giả Phạm Thăng, Cửu-long xuất-bản, sách địa-lý ba miền Việt-nam, phong-thổ, thắng-cảnh, khí-hậu, tỉnh cũ, tỉnh mới (diện-tích, dân-số), nhiều bản-đồ và hướng-dẫn cách vẽ bản-đồ VN, ba phần Bắc Trung Nam, hình-ảnh, ký-sự, v.v. Một cuốn sách quý cho mọi người, mọi nhà, nhất là quý vị phụ-huynh có con em lớn lên tại hải-ngoại.

Sách dày 92 trang khổ lớn, giá 6 mỹ-kim (6 gia-kim). Làng Văn phát-hành.

SÔNG CÔN MÙA LŨ III, IV (TRỌN BỘ)

Trường thiên tiểu-thuyết xã-hội, dã-sử của Nguyễn Mộng Giác, 550 và 550 trang, giá 20 mỹ-kim (26 gia-kim) mỗi cuốn.

Liên-lạc: Làng Văn.

BẢO QUA CỐNG CHÙA

Tài-liệu về vụ CS đàn-áp Phật-giáo Việt-Nam, Thích Mãn Giác đúc-kết và trình-bày, Trung-tâm Phật-giáo Việt-nam tại Hoa-kỳ xuất-bản.

Sách dày 240 trang, giá 9 mỹ-kim, liên-lạc: TTVH Phật-giáo VN, 863 S. Berendo St., Los Angeles, CA 90005, USA.

VIỆT-NAM HIỂN THƠ MẪU-NHIỆM

Diễn thiêng-liêng, do Diệu như

tăng Tố và Diệu như Tăng Dũng chấp bút, Nguồn Sống xuất-bản.

Sách dày 352 trang, không đề giá bán. Liên-lạc: Nguồn Sống, 3720 Klein Rd., San Jose, CA 95148, USA.

NGÀY QUANH QUẪN

Ấn-phẩm đầu-tiên của nhà Minh Văn (Hoa-kỳ), và là tác-phẩm đầu tay của Trần Long Hồ, tức BS Trần Trúc Quang, kiêm giám-đốc nhà xuất-bản.

Ngày quanh quần gồm 9 truyện ngắn của Trần Long Hồ, 208 trang in đẹp, giá 10 mỹ-kim (12 gia-kim).

Đón xem thư-mục Làng Văn phát-hành.



nhắn tin tị-nạn

(lệ-phí: 10 mỹ kim; miễn-phí cho đồng-bào tại các trại)

Tìm bạn **LÊ HỮU NGUYỄN** ở ấp Long-thạnh B, xã Long-khánh, quận Hồng-ngự, Kiến-phong, Việt-nam, con chú Mười Khê; và **NGUYỄN VĂN MẠNH**, con bác Tám Cẩm, anh của chị em Nhị và Vân, trước ở sau tiệm hình Thuận-thiên, Cao-lãnh. Xin liên-lạc và giúp-đỡ **TRẦN VĂN CHUÔNG** (Năm Thừa), bạn học cũ đã đến Thái. Địa-chỉ: L101, S2, P.O.Box 18 Phanat Nikhom, Chonburi 20140, Thailand.

Bạn cùng lớp, được sĩ **BÙI TUÔNG NGUYỄN** (Thủy quân lục chiến, MTQGTNGPVN), hiện ở Mississauga, xin liên-lạc bạn cũ là được-sĩ Lê Xuân Anh, QDVC 06-237, C/o Indonesian Red Cross/GI, SWCI, P.O. Box 19 Tanjung Pinang Riau, Indonesia.

Thư bảo-đảm xin đề: Lê Xuân Anh, 06-237, C/o Puskopal Armabal, P.O. Box 7 Tanjung Pinang Riau, Indonesia.

Ông NGUYỄN NGỌC VÂN, vợ là Đào Thị Kim Oanh, tàu DN 0855, đến Pulau Bidong tháng 2.1980, định-cư tại Gia-nã-đại, hiện ở đâu, liên-lạc với **VÕ THỊ MINH TIÊN**, 313A Barkly St., Footscray, Vic.3011, Australia. Quý đồng-bào biết Vân & Oanh, xin vui lòng nhắn giúp, chân-thành cảm-tạ.

LƯƠNG KHẢI VINH, vượt biên năm 1979, sang Gia-nã-đại cùng chị là Lương Tú Anh và em là Lương Khải Hồng, xin liên-lạc với bạn là **LÊ VĂN VINH**: Christian, Fopp Str 10, 7988 Wangen im Allgäu.

NGUYỄN QUẢNG MỸ, cha là Nguyễn Bá Chung (sĩ-quan Truyền-tin, mất-tích năm 1971 tại Quảng-tín), mẹ là Lê Thị Dung (hiện ở 13/14 Nguyễn Bình Khiêm, Nha-trang), vượt biên tại Nha-trang khoảng 1985, định-cư tại Hoa-kỳ, nay ở đâu, hãy liên-lạc với chú là **NGUYỄN VĂN TÍN**, 94 Indian Rd., Kitchener, Ontario N2B-2S5, Canada, ĐT: 519-893-7517

Hạ-sĩ Hải-quân **MẠC VĂN LIỄU** (chồng của Phùng Kim Anh, cựu kế-toán viên Ngân-hàng quốc-gia) hiện ở MC: 536; ID: 168.015, Camp Pulau Bidong, Kuala Lumpur, Malaysia. Nhắn tin các chiến-hữu hải-quân và các bạn đã phục-vụ trong Ngân-hàng quốc-gia.

PHẠM VĂN CƯƠNG, MC:514078, ID: 166632, Camp Pulau Bidong, Malaysia, nhắn **LM PHẠM HOÀNG BÁ**, **DON BOSCO** và các anh em Don Bosco, **HOÀNG VĂN BỐN** (nhạc-sĩ Hoàng Linh), **LM TRẦN MẠNH THẮNG** (giáo-xứ Hải Đăng, đi năm 1975), **LM NGUYỄN VĂN TUNG** (giáo-phận Doren, Đức), xin liên-lạc với Cương, rất mong tin.

HỒ BÈN, cựu sĩ-quan Người Nhái VNCH, trước ở địa-chỉ của bà Phan Thị Đạm, 4109 W. 15th, St. #K2, Santa Ana, CA 92703, USA. **TRẦN VĂN HUYỀN**, trước ở 7046 S. State St., Midvale, UT 84047. Hai bạn nay ở đâu, xin liên-lạc: **NGÔ VĂN THU** (cựu thiếu-tá SD2/BB) ID: 166182; MC: 504049, Camp Pulau Bidong, Malaysia.

PHẠM TRẦN CHINH, GIANG, HẢI, HUƠNG, NAM (con ông Phạm Văn Phúc) hiện ở Gia-nã-đại, xin liên-lạc chú **TÂM CHUNG**, P.O. Box 2132 Westminster, CA 92683, USA, ĐT: (714) 775-6265.

Anh chị **NGUYỄN ĐỨC TRUNG & VŨ HIÊN**, rời VN sang Mỹ năm 1975, trước ở số 1700 W. Cerritos, #351 Anaheim, CA 92804, USA nay ở đâu xin liên-lạc về em gái là **VŨ THỊ KIỀU NGÂN** và em trai là **VŨ TRỌNG DŨNG**, số 600 Côte Vertu, #304, Ville St. Laurent, PQ, H4L 5E3, Canada, ĐT: 514-747-7793. Hơn hai năm, bố mẹ và các em không liên-lạc được với anh chị, rất mong tin, Quý vị nào biết tin-tức về anh Trung và chị Hiên xin vui lòng liên-lạc về địa-chỉ trên. Đa tạ.

Bạn **LÊ THỊ THU VÂN**, sinh ngày 28.9.57 tại Sài-gòn, vượt biên ngày 3.3.89, số tàu SG 0023U, khởi-hành tại Minh-hải; cháu **TRẦN NGỌC BẢO LONG**, sinh ngày 6.8.71 tại Sài-gòn, con ông Trần Văn Xê (Đề Thám, Sài-gòn), vượt biên ngày 3.9.89, số tàu CL 0513, khởi-hành tại Minh-hải, bà con cô bác biết tin của Thu Vân, Bảo Long, xin vui lòng liên-lạc **HÀ TRẦN**, 7 Auburn Ave., Toronto, Ont, M6H 2L6, ĐT: 416-653-5296 hay **TÂM TRẦN**, 613-966-3502. Xin đa tạ.

Tìm bạn **LÊ THỊ LAN**, trước ở Phước-hòa, Bà Rịa, tới Gia-na-đại khoảng 1985, 1986 theo thành-phần đoàn-tự gia-định, nay ở đâu

xin liên-lạc **NGUYỄN TRỌNG TÍN**, MC: 370, Camp Sungei Besei, M.R.C.S./T.M.S, Kuala Lumpur, Malaysia để biết tin người nhà.

Em **PHẠM THỊ PHƯỚC** cùng hai con **VIỆT, NAM**, hiện ở đâu, liên-lạc với anh chị **CẢNH, MAI**, rất mong tin em. Quý vị ân-nhân nào biết tin em Phước, xin vui lòng nhắn giúp, chúng tôi vô cùng cảm tạ: **PHẠM THỊ MAI**, 24 Bunting Dr., Brampton, Ontario L6Y 2H5, ĐT: 416-451-6535.

HUỲNH THỊ CÚC, trước 1975 dạy tại Trung-học Tổng-hợp Phan Thanh Giản, Cần-thơ, muốn liên-lạc với các bạn đồng-nghiep: **NGÔ THỊ CẨM THẠCH, ĐẶNG XIỂU, NGUYỄN THỊ HUƠNG, NGUYỄN THỊ KIM-CÚC, PHẠM THÚY PHƯỢNG** (dạy Đồng Tiến, Sài-gòn) và **TRƯƠNG THỊ NHƯ HUYỀN** (học Luật, Sài-gòn). Thư về: P.O. Box 610903, San Jose, CA 95161, USA, ĐT: (408) 238-9706.

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Anh LÊ QUAN BÔ-Ô

Chủ-tịch CĐ Người Việt Tự-do Wollongong, Úc-đại-lợi
Đại-diện Phong-trào Hưng-Ca Việt-nam tại Wollongong

đã đột-ngột từ-trần tại tiểu-bang New South Wales, Úc-đại-lợi ngày 3 tháng 6 năm 1991,

Xin thành-kính phân-ưu cùng chị Bô-Ô và quý tang-quyển, chúc linh-hồn anh sớm về nước Chúa.

*Ban Chấp-hành Trung-ương PT Hưng Ca Việt-Nam
Văn-phòng Đại-diện PT Hưng Ca tại Úc-châu
Đoàn Hưng Ca Sydney và các thân-hữu
Ô Nguyễn Hữu Nghĩa, Gia-nã-đại
ÔB Huỳnh Công Ánh, Hoa-kỳ
Nguyệt Ánh & Đào Trường Phúc, Hoa-kỳ
Ngọc Hân và gia-đình, New South Wales
ÔB Phạm Quang Ngọc, N.S.W.
Việt-Dzũng & Hoàng Anh, Hoa-kỳ*

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn,

Luật-sư NGUYỄN VĂN LỘC
nguyên thủ-tướng Việt-Nam Cộng-Hòa

đã qua đời ngày 31.5.1991 tại St Germain en Laye (Pháp), hưởng thọ 69 tuổi,

Chúng tôi thành-tâm thương-tiếc và chia buồn cùng quả-phụ, quý tang-quyển, kính chúc anh-linh người quá-cổ sớm về nơi an-lạc.

*Hương-giang Thái Văn Kiêm (Pháp)
Văn-lang Trần Văn Ấn (Pháp)
Trương Vĩnh Lễ (Pháp)
Hoàng Cơ Thụy (Pháp)
Nguyễn Hữu Nghĩa (Gia-nã-đại)*

GIẢI VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT LÀNG VĂN 1991

Nhằm mục-đích đẩy mạnh phong-trào sáng-tác bằng Việt-văn, tạo cơ-hội cho những cây bút mới có dịp đóng-góp cho nền văn-học Việt-nam hiện-đại, hàng năm, tạp-chí *Làng Văn* tổ-chức giải Văn-Học Nghệ-Thuật. Giải này mở rộng cho các cây bút sáng-tác bằng Việt-văn, không phân-biệt quốc-tịch, tuổi-tác, đã viết từ lâu hay mới bắt đầu viết, có hay chưa có tác-phẩm xuất-bản.

Giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1991 gồm hai bộ môn: truyện ngắn và thơ. Mỗi môn đều có các giải nhất, nhì, ba và nhiều giải khuyến-khích.

Thành-phần ban giám-khảo gồm:

* Văn:

- Võ Phiến
- Nguyễn Ngọc Ngạn
- Hồ Trường An
- Mai Kim Ngọc
- Tòa-soạn *Làng Văn*

* Thơ:

- Cao Tiêu
- Đỗ Quý Toàn
- Vi Khuê
- Nguyễn Hưng Quốc
- Tòa-soạn *Làng Văn*.

THỂ-LỆ DỰ THI:

- Bài đánh máy trên một mặt giấy, *photocopy* ra 5 bản. Trong trường-hợp bất-khả-kháng, có thể viết tay thật rõ ràng trên hai mặt giấy, không cần *photocopy*.

- Bài dự thi không đề tên tác-giả. Tên, bút hiệu (nếu có), địa-chỉ cùng danh-sách các bài dự thi xin ghi trong một phong-bì dán kín gửi kèm theo bài.

- Một người có thể dự thi cả hai môn.

- Mỗi tác-giả được quyền gửi tối-đa 3 truyện ngắn, 3 bài thơ.

- Truyện ngắn không nên quá 40 trang đánh máy (80 trang viết tay). Thơ: không hạn-định số câu.

- Tất cả mọi người đều có quyền dự thi, trừ quý vị giám-khảo và nhân-viên tòa-soạn *Làng Văn*.

- Đề-tài nội-dung: tự-do chọn-lựa (nhưng không lợi-dụng cuộc thi để tuyên-truyền cho chủ-nghĩa và chế-độ cộng-sản).

- Bài dự thi chưa từng đăng báo hoặc in sách.

- Tòa-soạn *Làng Văn* có toàn quyền sử-dụng các bài dự thi trong vòng ba năm, kể từ ngày 30.4.1991 này.

Các bài qua vòng loại sẽ được lần-lượt đăng báo. Các bài trúng giải, hoặc được tuyển-chọn đặc-biệt, có thể sẽ in thành sách. *Làng Văn* trả nhuận-bút và tặng sách cho tác-giả có bài in sách theo lệ làng.

- Bắt đầu nhận bài: 30.3.1991

- Ngày hết hạn nhận bài:
30.10.1991

- Ngày công-bố giải thưởng:
Tết Nguyên-đán Nhâm-thân
1992

- Địa-chỉ gửi bài dự thi:
Làng Văn (Giải VHNT 1991)
P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont. M6M 5B9
Canada

Về các giải thưởng, giá-trị vật-chất căn-bản do tạp-chí *Làng Văn* ứng tặng như sau:

* Truyện ngắn:

- Giải nhất: 300 gia-kim và các loại tặng-phẩm

- Giải nhì: 200 gia-kim và các loại tặng-phẩm

- Giải ba: 100 gia-kim và các loại tặng-phẩm

- Các giải khuyến-khích: tặng-phẩm

* Thơ:

- Giải nhất: 150 gia-kim và tặng-phẩm

- Giải nhì: 100 gia-kim và tặng-phẩm

- Giải ba: 50 gia-kim và tặng-phẩm

- Các giải khuyến-khích: tặng-phẩm.

Tặng-phẩm gồm một năm báo dài hạn của *Làng Văn*, một số sách-vở do *Làng Văn*, thân-hữu và các nhà xuất-bản bạn ấn-hành cùng các loại quà tặng khác của các cơ-sở thương-mãi Việt-nam (nếu có).

Ban tổ-chức đang vận-động các cơ-sở truyền-thông, xuất-bản, thương-mại Việt-nam góp thêm hiện kim và quà tặng cho các giải. Danh-sách các nhà mạnh thường quân yêu sinh-hoạt văn-học nghệ-thuật sẽ được công-bố đều-đặn trên *Làng Văn* cho tới ngày trao giải, và in vào tập truyện của Giải VHNT Làng Văn 1991. Giá-trị thực-sự của các giải sẽ cao hơn các con số ghi trên, và sẽ được cập nhật cho tới ngày chót.

Thư Đi Tin Lại

Nguyễn Hương phụ-trách



Ông LÊ ĐỨC VIÊM, Đan-mạch.—Cảm ơn ông đã nghĩ rằng tòa soạn toàn là dân thông thái, đọc thông viết thạo đủ mọi thứ tiếng, nên phát cho bản tin chỉ gồm độc một cái bích chương in rất đẹp và bằng mỗi thứ chữ Đan Mạch.

Giờ chót mới làm tin, ngay cả ngày tháng triển lãm của ông, người làng cũng phải đổ nhau: tháng “Maj” là tháng mấy, kẻ bảo “tháng ba” vì nó giống chữ *March* hay *Mars*, người nhất định bảo là tháng năm, vì nó giống chữ *May* hay *Mai*. Cuối cùng phải cầu cứu cụ Bút Chì, ông cụ cầm đọc một hơi: “*Này nhé, ông này sinh năm 1946, tốt nghiệp năm 1970, sang Đan-mạch năm 1977; cuộc triển lãm bắt đầu từ 7.5 tới 17.5 tại thành-phố cảng Fredericksberg mà NH từng đi ngang, mở cửa từ 16 giờ tới 19 giờ mỗi ngày...*”

Cả làng phục quá xá, hỏi sao ông cụ tài thế. Cụ BC trở mấy hàng số, bảo: không đọc chữ được thì đọc... số, mấy con số nó có làm khó chúng ta bao giờ đâu! Nói xong cụ vỗ bụng cười khà khà.

Lần sau, muốn có cái tin chi tiết hơn, xin ông gửi kèm bản dịch, hoặc phát cho NH một cuốn tự điển Đan mạch/Anh. Đa tạ.

Nhà văn TRÚC SƠN, Nhật-bản.—Cảm ơn ông đã xác-nhận, *Làng Văn* quả thật giống y hệt như tiếng đồn ở trong nước. Và cũng cảm ơn ông, vừa mới đặt chân tới vùng đất mới, đã liên-lạc với tòa-soạn ngay. Ông cứ viết, cứ gửi những gì muốn viết, muốn gửi. Kính.

Anh NGÔ VĂN-NGHỆ (TRẺ), Đức.—Quả tình bưu-diện Gia-nã-đại lúc này bẽ-bối quá sức. Ai đời, báo nạp bản cho thư-viện quốc-gia mà bị trả về, đóng cái dấu đen thui: “*dọn nhà không lưu lại địa-chỉ.*” Thư độc-giả gửi về tòa-soạn đôi khi cũng bị trả lại; cũng cái thư đó, gửi lại lần thứ hai thì tới!

NH đồng ý với anh, “phe ta” còn có nhiều người tuy chống Cộng đấy, nhưng vẫn sợ bóng sợ vía con cháu bác ghê lắm. Nhiều nhà chống Cộng ra rít, sang Tiệp một chuyến, nghe con cháu bác phán vài câu là lo về cuốn cờ vàng ngay, bảo rằng để dễ “hòa-hợp dân-tộc.” Thân.

Ông ĐỖ MÂY GIÓ, Los Angeles.—Ông mây gió sắp bay theo gió về đâu vậy? Sao không thấy nói? Bài thơ gửi NNN, trích từ thơ tặng QD, ông đồ chép sai rồi. Hai câu đó hình như là “*Ghê chưa, môi mỏng vương đầy máu, nữ sĩ mèò xiêm móng rõ dài!*” Vậy mà trước đây ông đồ dám làm thơ, tán “*Tôi, anh kết bạn đến muôn đời!*” Bá Nha, Tử Kỳ nằm dưới mộ cũng phải bò dậy cú đầu ông đồ một cái, vì tội đã dùng chữ “bạn” một cách khinh suất.

Ông PHAN HOÀN SINH, Texas.—Đã nhận được ba bài thơ Xóm Cũ, tạ ơn ông.

NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN, WA.—Mừng em đã tìm được người bạn thân, qua mục nhắn tin tị nạn. Mỗi lần nhận được thư bạn đọc cảm ơn và báo cho biết “đã tìm lại được người thân”, cũng thấy vui vui.

Anh ĐỖ THÔNG MINH, Nhật bản.—Giá báo tại Nhật tạm thời xin vẫn giữ ở mức 500 yen, chờ hết năm 1991 đã, nếu có lên, sẽ lên đồng loạt. Đã nhận được cuốn sách VS. Tiền sách báo xin thanh toán riêng. Số tự-diễn trong kho chưa dùng tới, ít nhất trong vòng 2, hay 3 năm nữa. Khi anh cần gửi cho nhà phát hành, hay đại lý nào, cứ cho biết, NH sẽ gửi hộ và tính tiền sau. Thân.

TRƯỜNG VIỆT NGỮ ÂU CƠ, Cali.—Đã gửi phần thưởng tặng các em học sinh xuất sắc, mong sớm nhận được. Kính.

Thi-sĩ XUÂN TUỐC, Colorado. Hòa trùng đúng là con rươi, theo *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn, gọi theo người Trung-hoa. *Cây nàng hai* hơi xa “Xóm Cũ”, và chưa “gần” truyện ngắn. Xin thi-sĩ “búng” nó về hân một bên.

Mong có dịp gặp ông trong mùa thu này, như đã nói trong thư. Kính.

Anh NGUYỄN MẠNH DẠN, Mã-lai.—Đã nhận được *Tuyển tập văn nghệ Bi-đông*. Sách trình bày đẹp, in đẹp, bài vở “tới” lắm. Xin chúc mừng và cảm ơn quý anh. Đã gửi cho anh và THS chung một ngân-phiếu, mong sớm nhận được. Kính.

Ông LÊ NGỌC THU, Gatineau. Cảm ơn ông về thư và bài viết của cháu Lục. Có một vài điểm cháu chưa hiểu đúng, và hết ý. NH mạn phép chuyển cho tác giả để xin tùy nghi. Cũng có thể sẽ giải thích thêm trong mục Độc-giả thắc-mắc. Kính.

Ông LÊ PHỤNG, Brossard.—NH đoán là khi tác giả nói về thơ dịch, đã chú trọng thơ Tây. Xin cảm ơn phần đóng góp của ông về đối tượng thơ Trung hoa. Xin xem tiếp phần kế của bài “đối thoại”, và cho ý kiến sau. Kính.

Trưởng TRẦN VĂN KHẮC, Ottawa.—Đã gửi sách và tự-diễn cho trưởng. Kính.

Bà VUONG THỊ TÍN, St. Laurent.—Bà đang nhận báo đều

đạn, đột nhiên sót một kỳ, không phải là lỗi của tòa soạn, mà là lỗi buu điện. Dù sao, NH cũng xin gửi bù và tạ lỗi mong đợi. Kính.

Anh ĐÔNG NGHI, Montreal.—Đã gửi thêm 4 cuốn nữa. Tháng 9 đã thi rồi thì rán học đi, tạm thời đừng viết lách gì nữa. Nằm ngủ mà còn mơ thấy bài học là tốt rồi. Chúc anh *kim bảng quả danh* thì cho cả làng được nhờ. Thân.

Họa-sĩ PHẠM THĂNG, Calgary.—Xin ông gửi *Việt-nam mến yêu* về làng, đợt đầu 50 cuốn. Kính.

Nữ-sĩ HOÀNG THỊ ĐÁO TIỆP, CA.—Đã giới thiệu *Dặm khuya* trên số trước. Chị đã bắt được liên lạc với Nguyễn Hùng ở San Jose chưa? Chúc thành công. Kính.

Anh TRẦN DUY ĐỢI, Galang.—Xin anh gửi danh sách chi hội về, ghi riêng những người bị tù cải tạo từ 3 trở lên, và đã bị bác đơn tái xét thanh lọc, anh em bên này sẽ tìm cách vận động khẩn cấp. Kính.

Anh PHAN THỊNH, CA.—Chờ đọc thơ dịch hải cú của anh. Chúc mừng anh đã nổi được dây đàn. Thân kính.

Anh VẠN GIẢ, Montréal.—Cảm ơn anh đã tiếp sức. NH sẽ dò lại địa chỉ, sửa tên đường cho đúng, kéo báo đến chậm. Thân.

Anh PHẠM ĐÌNH HÒA, Whitehead.—Cảm ơn lá thư dài 6 trang và sự tin tưởng nhiệt thành của anh. Chúc anh nhiều may mắn. Kính.

DIỄM HỒNG, Knoxville.—NH sẽ dự trại sinh viên 5 tiểu bang miền trung Hoa kỳ với Diễm Hồng, tất cả 4 người. Sẽ có hai bài tham luận, đã gửi bằng thư. Hẹn gặp nhau sẽ nói chuyện nhiều. Vẫn nhớ bát phở chiều hè năm ngoái! Thân.

HỒ CÔNG TỬ, MA.—Hai đoạn đầu bài *Cờ đỏ thành Hồ* ý mạnh, nhưng lời thơ trần trụi quá, NH để

anh tùy nghi. Công tử “bình phục” là hay rồi. Càng thất tình thảm thiết càng ...nên người, có sao đâu!

Ông HOÀI CHÂU, Luân-đôn.—Nếu thuận-tiện, trên đường đi Cali, xin mời ông bà ghé qua làng. Kính.

Ông NGUYỄN HUY PHƯỚC, Mã-lai.—Bài thơ ông tặng NHN, đúng là NH xếp chữ sai hai chữ: “*hồn có lúc đi quên* về lối cũ” thành ra “*hồn có lúc quen chân* về lối cũ.” Vô tình mà sai, coi như lỗi đánh máy, không phải NH tự ý bắt hồn ông... mọc chân đâu, và cũng không có ý níu kéo (*quen chân* về lối cũ) trong khi tác giả muốn... đi luôn (*đi, không về lối cũ*).

Mừng ông mới “thi đậu” thanh lọc (cái này còn hơn là được khắc tên vào bảng vàng bia đá!) Kính.

LINH BẢO KIM CHI, Thái-lan.—NH đã nhận được ca khúc *Về (giải phóng) Việt nam* (hai chữ trong ngoặc đơn NH tự ý thêm vào, để tránh bị hiểu lầm là mời gọi về du lịch VN!). Ông bếp sẽ xem lại phần nhạc. Kính.

Anh TRẦN ĐỨC DŨNG, Mã-lai.—Lệ mới của tòa soạn và nhà in ở hải ngoại không đòi “bài viết trên một mặt giấy nữa.” Trước kia ở VN in theo lối *lithography*, nhà in xếp chữ bằng tay, cùng một bài có khi cắt ra đôi ba mảnh, giao cho nhiều người cùng sắp rồi ráp lại, nếu viết cả hai mặt giấy sẽ không cắt được. Bây giờ hải ngoại in *offset*, xếp chữ bằng máy điện toán hay vi tính, y hệt như đánh máy chữ, rất nhanh, nên một người có thể xếp chữ trọn bài, không cần phải cắt ra nữa. Anh tha hồ viết cả hai mặt, không hề gì.

Thư viện tòa soạn dư một tập thơ Nguyễn Hữu Nhật (một do tác giả tặng, một do nhà in gửi), sẽ tặng lại anh bản của nhà in. Anh để tiền mua giấy làm thơ, mai một khi anh sang tới đất thực sự tự do, ăn nên làm ra, NH sẽ đòi cả vốn lẫn lời. Kính.

Anh NGỌC KHÔI, Paris.—Đã

nhận được bài thơ tham gia “trò chơi Võ Phiến, nổi lòng Thâm Tâm” của anh. Vui chứ sao! Vụ anh cho “vàng sao” mọc lộn-xộn nhiều chỗ, NH bị bạn đọc “quở” rồi đó!

Ông KIM TƯỚC TU, Reston.—Thi sĩ Thâm Tâm mà còn sống chắc phải mời anh Nguyễn Hữu Nhật và quý vị đi ăn phở. Cứ theo đà này, chắc chừng vài tháng nữa dám có tới mấy mươi bài chuyển thể *Tống biệt hành*. Kính.

Anh TRẦN HUNG NGUYỄN, San Jose.—Đã nhận được 50 tập *Thơ Nguyễn Hữu Nhật*, sẽ thanh-toán tiền nong với tác giả. Kính.

HDT.—Cảm ơn về cái áo. Ông bếp mặc rất vừa và tịch thu rồi. Thân.

Ni cô DIỆU HƯƠNG, Maryland.—Đã nhận được bản sao cái báo cáo của ông Mỹ con óc đất. Thật là tệ! Đang theo dõi vụ ông thuyền-nhân hùm xám trưởng trại Galang. Sư cô tay dài, thò dùi mõ qua gỗ thử một dùi cho bà con tị nạn nhờ.

Quả thật, Maryland—Toronto không xa nhau mấy (trên bản đồ), có dịp mời sư cô về làng thuyết pháp. Nghe nói TV sang Cali một tuần, không nhớ là bao giờ. Đã tặng phái cho TV một người, nhưng đoán thấy không “đồng thuận” lắm, nên để hoạt động độc lập. Sẽ tặng phái người thứ hai, trong mùa thu này. Chúc sư cô thân tâm an lạc. Thân quý.

BS TRẦN VĂN TÍCH, Đức.—Nhiều phần NH sẽ về làng trước một ngày để chuẩn bị đón khách phương xa, chuyển đi Montréal có khi không thực hiện được, đảng nào cũng sẽ gặp nhau. Kính.

PHÙ LƯU LÃO THÁI, Pháp.—Lão thái thái tâm bồ tát nên cứ tưởng ngạ quỷ cũng là Phật. Gửi cho NH xin bản sao của hai cái thư ấy. Rất cần, để còn trông rõ ai là ai. Lúc này là lúc trắng phải trắng, đen ra đen, không thể nhập

nhặng được. Ngây ngô chính trị cũng là một trọng tội.

Lão thái thái đoán... non lắm. Đoàn Tam không phải là con trai của ông Đoàn Thêm đâu! Về vụ tiền sách cho cuốn thứ ba, xin thư thư, quỹ làng tại Âu châu đã bị ông bấp vệt tới đồng quan cuối cùng rồi! Thân.

Ông NGUYỄN TAM ANH, Nhật-bản.—Cảm ơn ông đã góp thêm một tiếng mõ cho *đầu làng cuối xóm* cùng nghe. Kính chúc ông sớm ổn-định đời sống trên vùng đất tạm dung.

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Hồ Thị Bạch Mai, Mississauga; Chapuis Thọ, Paris; Trần Lê Tư, Toronto;

Xin liên-lạc tòa-soạn để cập-nhật-hóa địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù những số báo bị trả về.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

VĂN: Trúc Sơn, Võ Phiến, Xuân Tước, Trần La Bình, Minh Đạo, Dũng Văn, Hứa Hoành, Nguyễn Mạnh An Dân, An Khê, Nguyễn Thanh, Lê Phụng.

THƠ: Trần Mộng Tú, Cao Hoàng Nhân (6), Nam Chi Thượng Nhân, Ngọc Hà (3), Trần thị Bạch Vân (2), Phan Thịnh (3), Long Thái Hoà, Hồ Trường An, Kha Huyền, Lưu Nguyễn, Trần Nguyên Hân (7), Trương Hồng Sơn, Đông Nghi, Minh Đạo, Như Chi, Phạm văn Cương, Đan Hà, Ngũ An (5), Trúc Sơn, Lê Ngọc Tần, Tương Huyền, Nguyễn Thanh Giản (8), Trần văn Xốp (6), Đinh thị Nguyệt, Thương Hoài Nhân (2), Bắc Phong, Vạn Giã, T.T.Q. Châu, Phan Hoàn Sinh (3), Kinh Tân (3), Trần Văn Lệ.

TRANH: Ba Bui, Vệt.

BÀI SẼ ĐĂNG

VĂN: Khám lớn Sài gòn (AK), Từ nữ công học hội... (HH), Lại đối thoại... (VP), Huế, cổ đô cổ kính (TS), Điều vĩnh cửu... (DV), Miếng ăn quê hương (NT).

THƠ: Nguyệt hạ độc chước, Ngẫu cảm, Hạ niệm hải trình (KT), Một chút tình cho Đà nẵng (LN), Mười sáu năm rồi đó (KH), Chùm thơ dưới mái mưa đêm (HTA), Vô thanh (TMT), Tiếng tơ, Âm vọng, Từ một thuở (PT), Khắc thơ lên đá, Còn lại, Một mình, Thạch tượng, Chứng nhân, Tâm sự một người di tản (CHN), Một vài ngữ vựng tôi (BP), Nhớ Huế (TS), Con rắn... (ĐN), ...Đâu mà cát bay (MĐ), Tiễn em về nơi giam giữ (THS), Bờ ngõ phương trời, Băn khoăn (TTBV).

TRANH: Ba Bui, Vệt.



TẬP SÁCH ẢNH
QUÊ-HƯƠNG
XỨNG-ĐÁNG
TRONG MỌI
TỦ SÁCH
GIA-ĐÌNH:

VIỆTNAM
quê hương
muôn thuở

của Nhiếp-ảnh-gia
TRẦN CAO-LĨNH

Dải giang-sơn gấm-vóc của quê-hương Việt-nam yêu-dấu,

đã được tôn-vinh qua nghệ-thuật nhiếp-ảnh của một con tim và khoé nhìn đặc-thù Việt-nam,

đã gửi gắm sâu-đậm trong 9 chương ngợi ca đất tổ ba miền, với phong-cảnh, di-tích, đời sống và con người VN.

212 trang khổ lớn, 3 thứ tiếng Việt, Anh, Pháp và 118 tác-phẩm nhiếp-ảnh nghệ-thuật, màu và đen trắng, in trên giấy thượng hạng, đóng chĩ, bìa dày.

Giá: 40 mỹ-kim (50 gia-kim)

Liên-lạc: Làng Văn

(Độc-giả dài hạn có mã-số được bớt 10% như lệ làng).

MUA BÁO DÀI HẠN

nhANH. rẻ . nhiều quyền-lợi khác

1.— Mua báo dài hạn:

Độc-giả mua báo dài hạn nhận được báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, bưu, chi-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại trả bằng gia-kim.

Độc-giả tại Hoa-kỳ trả bằng mỹ-kim.

Độc-giả ở các nước khác xin gửi bằng bưu-phiếu (mandat; postal money order mua tại bưu-điện, trả bằng gia-kim) hoặc ngân-phiếu quốc-tế (international money-order, trả bằng mỹ-kim). Muốn trả bằng chi-phiếu tiền địa-phương, xin để tên người đại-diện Làng Văn tại địa-phương và gửi về địa-chỉ liên-hệ. Trong trường-hợp này, xin theo giá báo đã tính ra tiền địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại.... 40 gia-kim, thêm \$2.8 GST

Hoa-kỳ:đường bộ 45 mỹ-kim/ máy bay 50 mỹ-kim

Các nước khác:đường thủy 45 mỹ-kim (hoặc 54 gia-kim)

máy bay: 75 mỹ-kim (hoặc 90 gia-kim)

Nếu trả bằng tiền địa-phương, gửi về các văn-phòng Làng Văn tại địa-phương, xin theo giá sau (số đầu là giá báo đường thủy, số sau là giá báo máy bay): Đức 80/130 đức mã; Hòa-lan 90/150 gulden; Nhật 7 000/12 000 yen; Pháp 270/450 quan; Úc 65/110 úc kim.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên khoảng từ 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) tới 8 tuần (đường thủy, bộ) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu không nhận được báo, xin cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả dài hạn sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu nhãn địa-chỉ ngoài phong bì gửi báo, xin quý vị cắt nhãn này để dành, khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, gia-hạn báo, mua sách, đổi địa-chỉ, v.v.) xin gửi kèm để tránh nhầm-lẫn. Mã-số này gồm hai nhóm số: nhóm số thứ nhất là mã-số độc-giả, không bao giờ thay-đổi; nhóm số thứ hai là hạn báo của quý vị. Thí-dụ: 4536-100. Quý Độc-giả mới, hoặc độc-giả cũ vừa tái hạn, xin vui lòng kiểm-soát nhóm số này và thông-báo ngay cho tòa-soạn mọi sự sai sót, nếu có.

2.— Đổi địa-chỉ:

Mỗi khi đổi địa-chỉ, xin báo ngay cho tòa-soạn để tránh mất báo. Tòa-soạn không gửi bù các số bị trả về. Khi báo địa-chỉ mới, xin cho biết mã-số độc-giả, hoặc ít nhất, phải có địa-chỉ cũ.

3.— Mua báo cũ:

Giá báo cũ bằng giá báo hiện hành.

Bạn đọc muốn mua từ số 1, xin gửi tiền cho 8 năm báo. Tòa-soạn sẽ gửi một lúc từ số 1 cho tới số mới nhất, sau đó sẽ gửi hàng tháng cho đến khi hết hạn.

4.— Bài đăng báo:

Bài gửi cho Làng Văn xin đừng gửi cho báo khác và ngược lại. Ngoại trừ tin-tức và một số vấn-đề có tính-cách khẩn-cấp hay đấu-tranh, tòa-soạn không đăng bài trùng. Bài gửi đăng xin đánh máy, hoặc chép tay thật rõ-ràng. Bài không đăng không trả lại dù có kèm tem. Quý vị có bài đăng báo sẽ nhận được báo biểu, nhuận bút hay quà văn-ngệ, tùy mức độ đóng-góp.

5.— Quảng-cáo:

Có hai loại quảng-cáo trên Làng Văn: quảng-cáo quốc-tế (đi khắp nơi, kể cả Toronto) và quảng-cáo địa-phương (Toronto). Giá biểu áp-dụng chung cho quảng-cáo và chúc tụng cá nhân (chúc mừng, chia buồn, cáo-phó,...) trên ấn-bản quốc-tế như sau: 1 trang 200\$; 1/2 trang 110\$; 1/4 trang (tối-thiểu): 60\$. Các cơ-sở ngoài Toronto, xin gửi chi-phiếu kèm theo mẫu quảng-cáo. Tòa-soạn sẽ gửi tặng tờ báo có đăng mẫu quảng-cáo hay chúc tụng.

6.— Bản quyền:

Tất cả bài vở, tranh ảnh, quảng-cáo đăng trên Làng Văn thuộc quyền sở-hữu của Làngvan of Canada Inc. Quyền này đã được đăng bạ đương-nhiên tại Thư-Viện Quốc-Gia Gia-nã-đại, Hội Bảo-Vệ Tác-Quyền Hoa-Kỳ và Tổ-Chức Đăng-Bộ Tác-Quyền Quốc-Tế (ICPA). Muốn trích đăng, xin liên-lạc: trước với tòa-soạn Làng Văn và phải được-thỏa-thuận bằng thư.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên:

Địa-chỉ:

Mua.....năm, từ số.....kèm chi-phiếu.....

Chi-phiếu xin đề: "Làng Văn", địa-chỉ ở trang 1

(Dùng chi-phiếu: gửi thư thường. Tiền mặt: xin gửi bảo-đảm).

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:

để tặng cho:

Địa-chỉ:

Xin ghi: "Do.....tặng"

Kèm theo đây là chi-phiếu:.....\$, đề và gửi: "Làng Văn"

VĂN-PHÒNG "LÀNG VĂN" ĐỊA-PHƯƠNG:

VP "LÀNG VĂN" ÂU CHÂU:

Association Culturelle Loi 1901 - Đại-diện tại Anh-quốc:

Làng Văn (Village Littéraire):

Bạch Thái Hà

7 B-1 rue de Rethondes

95100 Argenteuil, France

ĐT: 34-10-26-46

Đại-diện tại Đức-quốc:

Ngô Việt Dũng

Postfach 104122

4600 Dortmund 1

Germany

ĐT: 656-949

Đại-diện tại Hòa-lan:

Hồ Thị Chiến

Lijster 77

1628 Am-Hoorn-NH

Holland

ĐT: 02290-31666

Hoài Châu

19 Abdale Rd.

London W12 7ER

England

VP "LÀNG VĂN" ÚC-CHÂU:

Ngọc Hân

P.O. Box 231

Villawood, NSW 2163

Australia

ĐT: (02) 726-8269

VP LÀNG VĂN Á CHÂU:

Đỗ Thông Minh

T 140 Tokyo-To

Shinagawa-Ku

Yashio 5-12-69-115

Japan

ĐT: (03) 799-1763

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

TRÊN ẤN-BẢN CANADA:

Bìa sau (hai màu):..... 300.00 gia-kim

Bìa trong (trước, hoặc sau):..... 200.00 gia-kim

Trang-trong:..... 120.00 gia-kim

Nửa trang:..... 80.00 gia-kim

1/3 trang:..... 60.00 gia-kim

1/4 trang:..... 40.00 gia-kim

1/8 trang:..... 25.00 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN CÓ GIÁ ĐẶC-BIỆT

TRÊN ẤN BẢN QUỐC-TẾ (GỒM CẢ CANADA)

Nguyên trang trong:..... 200 mỹ-kim

Nửa trang:..... 110 mỹ-kim

1/4 trang (tối-thiểu):..... 60 mỹ-kim

**TRUNG TÂM TRỊ BỆNH THEO Y HỌC
ĐÔNG PHƯƠNG - THIÊN VĂN - ĐỊA LÝ -
TỬ VI - TƯỚNG HỌC HUYỀN BÍ**

Y SĨ NGŨ THIÊN HỮU & CƯ SĨ THIÊN LƯƠNG
(Doctor of Chinese Medicine Acupuncture)

Hội viên: C.M.A.A.C. of Canada

TRUNG QUỐC Y DƯỢC & CHÂM CỬU

- * Nhức Mỏi Phong Thấp - Mất Ngủ Hồi hộp
- * Kinh Niềm Đau Thống - Điều Kinh Chỉ Thống
- * Phong Ngứa, Mụn trên Mặt, Da Khô, Rụng Tóc
- * Yếu Kém Sinh Lý, Xuất Tinh Sớm, Mâm + Nữ.



Khoá Hướng Dẫn: Dịch Cân Kinh
Thiên Dưỡng Sinh (để tự phòng
Bệnh và tự trị Bệnh)

- Dù đã chữa nhiều nơi mà không kết quả, Bà Con hãy liên lạc với Chúng tôi, vì lòng Thiện Tâm, dùng KIM diệt trùng, CHÂM xong bỏ.

- Có THUỐC ngâm rượu, Thuốc Tể viên Trị Bệnh và bổ dưỡng Tâm, Gan, Tỳ, Phế, Thận (kết quả tốt)
- Chẩn Bệnh Bằng Thư hay Điện Thoại THUỐC sẽ gửi đến tận nhà.

TỬ VI Đẩu Số - BÓI QUÊ DỊCH - ĐỊA LÝ



- Muốn biết trước ĐỜI MÌNH và những NGƯỜI THÂN
 - Giàu/Nghèo, Sướng/Khổ, Thọ/Yếu, Tình Duyên.
 - Làm ăn hùn hợp, tuổi cưới gả, chọn ngày tốt.
 - Năm nào có con tốt? Muốn sinh trai hay gái như ý?
 - Xem SỐ MỆNH cho trẻ con chọn nghề tương lai.
- Chấm giải cảm nang TỬ VI trọn đời: 35\$
(giá đặc biệt cho 2 lá số: 50\$ + Xem vận hạn trọn năm tốt xấu, gọi đến tận nhà).
- Bói QUÊ DỊCH, xem TƯỚNG, bói bài, chỉ tay, xem chữ ký (Xin gửi 1 tấm hình + 3 chữ ký + 20\$)
- Soạn LỊCH và sách TỬ VI Đông Phương mỗi năm.
- Cúng giải tai nạn, cầu siêu, cầu an.v.v...
- Cho thỉnh Linh Phù Hộ Mạng + Làm ăn.v.v...

PHONG THỦY ĐỊA LÝ

- Xem hướng nhà, cửa hiệu, văn phòng, restaurant, Âm phần lăng mộ chôn táng tốt xấu để tránh hung thần, gia đình lộn xộn tai nạn.

Bày cách sửa đổi giúp cho quý vị
CHUYỂN XẤU THÀNH TỐT CỨU KHỔ PHÙ NGUY
LINH THIÊNG ỨNG NGHIỆM NHƯ THẦN

V.P MONTRÉAL
5469 Ave Victoria
Tél.: (514) 344-0592 & 591-7923

P.O.Box 838, Stn.B.
OTTAWA, Ont, K1P 5S2
Tél.: (613) 225-3257

Money-order và check, đề tên:

TIEU H. NGHIA

gửi về:

576-578 Dundas St. West #137
Toronto, Ont. M5T 1H5 Canada

ĐT: (416) 543-5993 / 348-9164

(xin điện-thoại hẹn trước)

NHẬN ĐI XA PHỤC-VỤ

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui, BS TRẦN VĂN TÍCH và phu-nhân (Đức-quốc) sẽ làm lễ thành-hôn cho trưởng nam

TRẦN NGUYỄN TIẾN ANH

se duyên cùng cô

TRẦN THỊ KIỀU NGHI

thứ nữ của Ông Bà TRẦN TUÔNG CHÂU (Hoa-kỳ),

Hôn-lễ cử-hành tại Denver, Colorado ngày 20.7.1991,

Kính mừng hai họ, thân chúc hai cháu ANH & NGHI hạnh-phúc bên nhau trọn đời.

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa
Ngô Nguyên Dũng

**ĐÃ
PHÁT HÀNH**

**NGUYỄN MỘNG GIÁC
SÔNG CÔN
MÙA LŨ**

**TRƯỜNG THIÊN
TIỂU THUYẾT**

Tập 1 (414 trang)	18MK
Tập 2 (500 trang)	20MK
Tập 3 (500 trang)	20MK
Tập 4 (550 trang)	20MK

AN TIÊM XUẤT BẢN

**XEM THU-MỤC
LÀNG VĂN
PHÁT-HÀNH**

367-3333

367-3333

367-3333

367-3333

367-3333

367-3333

367-3333

367-3333

EXELCAR

CANADA INC.



No Fault Insurance - No Problem

Hãy gọi : EXELCAR 367-3333 & Fax.: 367-5977

Downtown Location
133 Tecumseth Street
 Toronto, Ontario, M6J 2H2

Mississauga Location
26 Melanie Drive Unit 5 & 6
 Brampton, Ontario, L6T 4K2

CHUYÊN LÀM ĐỒNG, SƠN, SỬA LẠI NHƯ MỚI ĐỦ LOẠI XE ÂU, MỸ, NHẬT

Đến với Excelcar Canada Inc. các Bạn sẽ được:

- Làm toàn bộ thủ tục với bất kỳ hãng bảo hiểm nào.
- Kéo xe 24 hrs miễn-phí; định giá sửa chữa miễn-phí

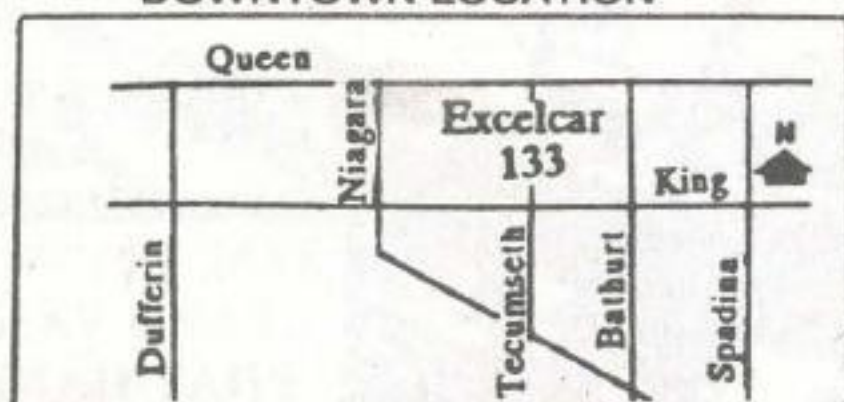
**FREE PICK-UP
 DELIVERY 24 HRS
 TẬN NHÀ**

**ĐẾN VỚI EXELCAR CANADA Inc., QUÝ BẠN SẼ HOÀN TOÀN HÀI LÒNG HƠN BAO GIỜ HẾT
 TẬN TÂM PHỤC VỤ ĐỂ VUI LÒNG KHÁCH ĐẾN VUA LÒNG KHÁCH ĐI**

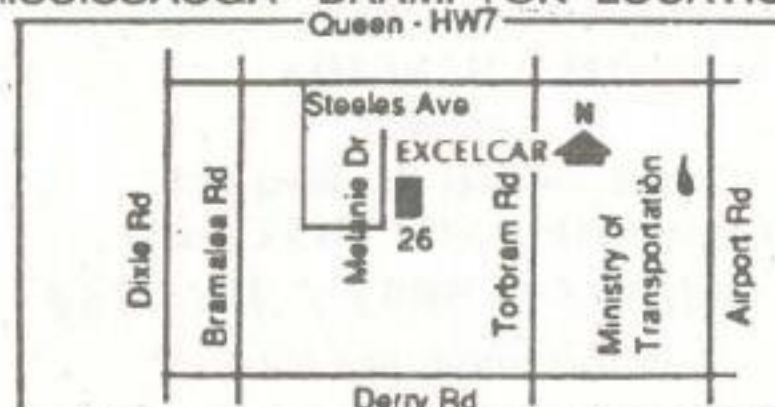
- Chuyên-nghiệp sửa-chữa Frame và Unit Body với dàn kéo tối-tân và chính-xác nhất.
- Cho mượn xe miễn-phí trong lúc sửa-chữa, toàn xe **Brand new 1991: Toyota Corolla, Chevrolet Cavalier.**
- Hệ-thống pha sơn bằng computer, sơn Sikkens (được dùng cho BMW, Mercedes) cộng với tất cả kinh-nghiệm sẵn có trên các loại xe đắt tiền Âu-châu. Phòng sơn downdraft tối-tân nhất hiện nay. **Excelcar** cùng chủ-nhân sẽ làm cho xe bạn trở lại hoàn-hảo như original.

- **Free deductible** cho bạn UP TO \$500 (tùy trường-hợp), đặc-biệt dành cho xe không có bảo-hiêm.
- Muốn có một nước sơn thật mùa HÈ 91, mời các bạn đến với Excelcar, tặng **FREE** sơn chống sét, bớt 25% cho việc tu-bổ, sơn sửa.
- Thật là vinh-dự cho Excelcar, kể từ tháng 2.1991, có sự hợp-tác của anh **Andy-Le Anh**, nguyên là Office Manager của các Body Shop lớn nhất Toronto.

DOWNTOWN LOCATION



MISSISSAUGA - BRAMPTON LOCATION



EMERGENCY, gọi LEE-TRAN

367-3333 or Mobile 518-1512

EMERGENCY, gọi ANDY - LE ANH

458-4201 or Mobile 931-0828

NHỮNG BÍ-ẨN TRÊN KHUÔN MẶT VÀ BÀN TAY

Biên-khảo, Đoàn Văn Thông
14MK—18.50GK

NHỮNG KHUÔN MẶT VĂN-NGHỆ ĐI QUA ĐỜI TÔI

Hồi-ký, Tạ Ty
16MK—21GK

NHỮNG PHẢN-ẢNH THỜI-SỰ CHÍNH-TRỊ MIỀN BẮC

Tài-liệu
7MK—10GK

NƯỚC MẮT TRONG TIM

Bút ký, Lê Đại Lãng
11MK—14GK

NUÔI-DƯỠNG TRẺ CON

Kiến-thức phổ-thông, Phạm Côn-Sơn
10MK—13GK

PHẢN THÔNG VÀNG

Tạp-bút, Xuân Diệu
6MK—8GK

QUỶ-CỐC TOÁN MỆNH

Tài-liệu, Dương Đình Lê Thứ Chi
18MK—23.50GK

NGHỆ-THUẬT LÀM MẸ

Kiến-thức phổ-thông, Trịnh Lê Hoàng
5MK—7GK

RÈN LUYỆN TÂM-THUẬT HUYỀN LINH

Triết-học, Phạm Công Thiện
10MK—12GK

SÁCH LỄ GIÁO DÂN

Sách Công-giáo
27MK—35GK

SÀI-GÒN CƯỜI MỘT MÌNH

Tạp-bút, Nhã Ca
12MK—15.50GK

SÁO TRÚC CHÍ-LINH

Truyện dài dã-sử, Vũ Xương
(trọn bộ 2 cuốn) 16MK—21GK

SƠN-LÂM ÊM-ĐẸM

(Les cosaques) Truyện dài, Leon Tolstoi, Nguyễn Trọng Đạt dịch
10MK—13GK

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Truyện dài, Nguyễn Mộng Giác
- Cuốn I: 18MK—24GK
- Cuốn II: 20MK—26GK
- Cuốn III: 20MK—26GK
- Cuốn IV: 20MK—26GK

SỬA BƯỚC SANG NGANG

Kiến-thức phổ-thông, Harold Shryock
8MK—11GK

TẠP-CHUNG

Truyện ngắn, Hồ Trường An
10MK—12GK

THEO ÁNH TINH-CẦU

Tạp-bút, Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh
15MK—19.50GK

THƠ TAGORE

Thơ, Đỗ Khánh Hoan dịch
8MK—11GK

TIỂU-ĐOÀN TRÙNG-GIỚI

Truyện dài, Heinz-Gunther Konsalik, Tâm Vũ dịch
12MK—16GK

TIỂU THƯƠNG TẠI HOA-KỲ

Kiến-thức phổ-thông, Kiêm Thêm
13MK—17GK

TÌNH-YÊU VÀ HÔN-NHÂN

Kiến-thức phổ-thông, Muriel James, Lê Quốc Hưng dịch
7MK—10GK

TRỜI XANH TRÊN MÁI NON CAO

Truyện dài, Nguyễn Thị Hoàng
5MK—7GK

TRUYỆN DÂN-GIAN TRUNG-QUỐC

Truyện cổ, Lâm Ngữ Đường, Nguyễn Quốc Đuan dịch
8MK—11GK

TRUYỆN LOÀI VẬT

Truyện ngắn tiên-chiến, Tô Hoài
6MK—8.50GK

TRUYỆN MỘT CẬU BÉ “CHÚ NHỎ”

Truyện dài, Alphonse Daudet, Nguyễn Thị Hạnh dịch
9MK—12GK

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

Truyện ngắn, Hoàng Minh Thủy
7MK—10GK

TƯ-BẢN KARL MARX

Tài-liệu, Nguyễn Văn Tuyển dịch
(trọn bộ 2 cuốn).....35MK—45GK

TỪ-NGŨ ĐẶC-BIỆT TRONG ĐỘNG-TỪ ANH-VĂN

Kiến-thức phổ-thông, Hoàng Năng Oanh
8.50—11.50GK

TỰ-ĐIỂN -VI-

ANH

Tự-điển, Kc
12MK—15.50GK

TỰ-ĐIỂN CHUYỂN-MÔN VIỆT-ANH ĐỐI-CHIẾU

Tự-điển, Quỳnh Lâm
9MK—12GK

TỰ-ĐIỂN DANH-TỪ Y-KHOA/ ANH-VIỆT

Tự-điển
14—18GK

TỰ-ĐIỂN Y-HỌC

Tự-điển
30MK—39GK

VIỆT SỬ TIÊU ÁN

Tài-liệu, Ngô Thời Sĩ
14MK—18GK

VĨNH-BIỆT SÀI-GÒN

Bút-ký, Jean Lartéguy, Phạm Kim Vinh
12MK—16GK

VÕ-THUẬT TỔNG-HỢP VÀ THỰC-HÀNH

Kiến-thức phổ-thông, Lạc Hà và Phạm Xuân Thảo
6MK—8.50GK

VŨ-MÔN

Truyện ngắn, Nguyễn Trung Tâm
10MK—12GK

XẾP AL CAPONE

Truyện dài, Trường Sơn Lê Xuân Nhị

- Cuốn I: 15MK—19.50GK

- Cuốn II: 15MK—19.50GK

15 TRUYỆN NGẮN

GIẢI VẤN HỌC NGHỆ THUẬT LÀNG VĂN 1990

Truyện ngắn, Ngọc Duy, Trường-sơn Lê Xuân Nhị, Đông Nghi, Trâm Lương, Tam Thanh, Phùng Nhân, Đình Hiếu, Võ Hoài Nam và Nguyễn Quốc Ngân.
14MK—17GK

● *Độc-giả dài hạn Làng Văn (có mã-số độc-giả), được bớt 10%*

Thư-từ, chi-phiếu xin đề:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W"

Toronto, Ontario, M6M 5B9
Canada

*em hát em vui,
em hát, người lớn cũng vui*

NẾU CHƯA CÓ, QUÝ VỊ HÃY MUA VỀ
LÀM QUÀ CHO CON EM TẬP HÁT

EM HÁT EM VUI



nguyễn
hữu
nghĩa
&
phan
ni tấn

LÀNG VÂN

1991

tái-bản lần thứ nhất, giá 6 mỹ-kim (8 gia-kim)

HỎI TẠI NHÀ SÁCH GẦN NHẤT, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VÂN

P.O. Box 310, Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada